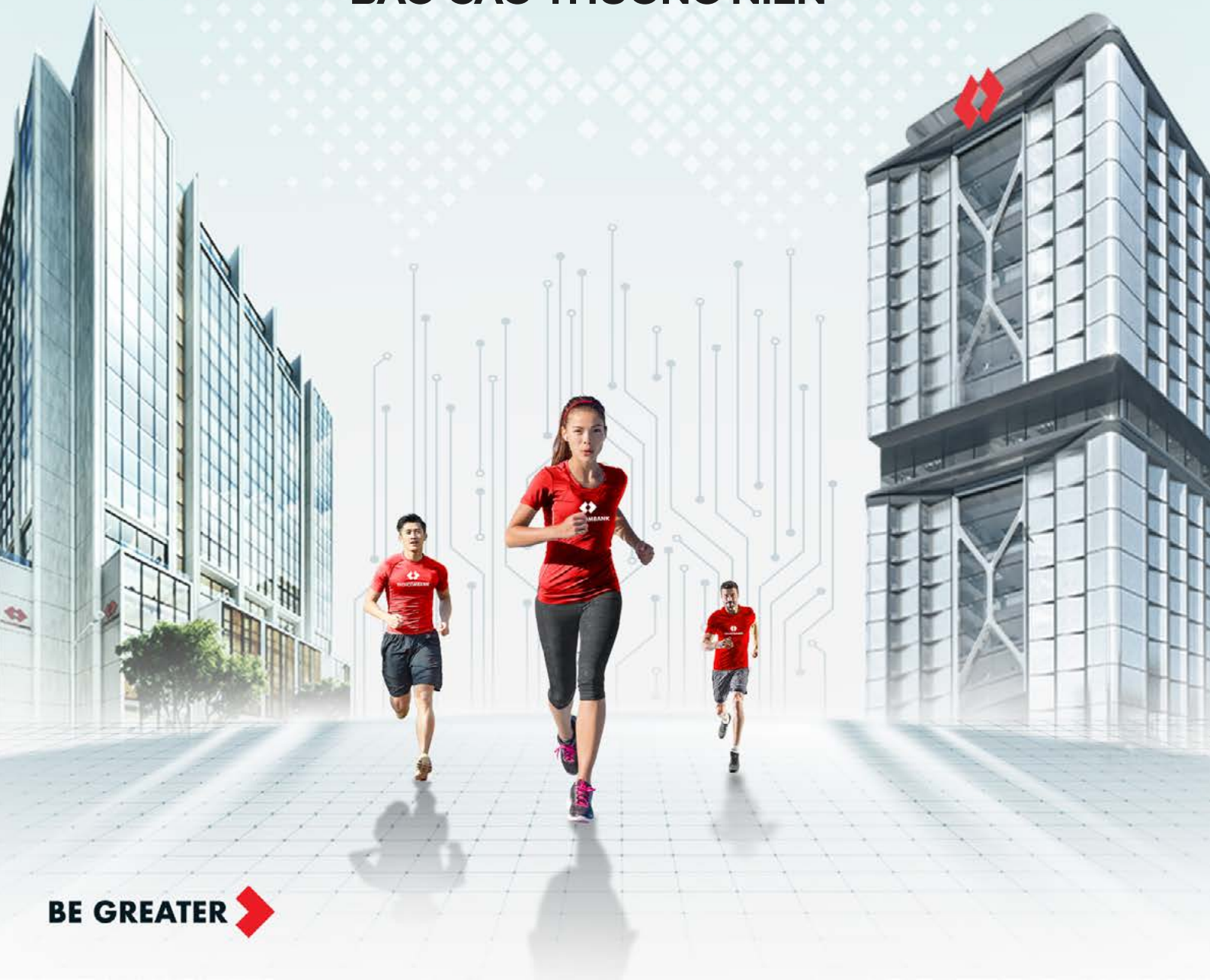


STRONGER • FURTHER • TOGETHER

HARNESSING THE POWER OF DATA, DIGITAL, AND TALENT

2022

**TECHCOMBANK
BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN**



MỤC LỤC



Các biểu tượng có tính tương tác:
chạm để mở các thông tin giá trị.

01 TẦM NHÌN CỦA TECH

- ◆ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- ◆ Báo cáo của Tổng Giám đốc



02 CÂU CHUYỆN CỦA TECH

- ◆ Về chúng tôi
- ◆ Tầm nhìn và Sứ mệnh
- ◆ Chặng đường lịch sử
- ◆ Cơ cấu cổ đông



03 THÀNH TỰU CỦA TECH

- ◆ Báo cáo toàn cảnh Ngân hàng
- ◆ Khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG)
- ◆ Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)
- ◆ Khối Ngân hàng Bán buôn (WB)
- ◆ Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu (GTS)
- ◆ Các công ty con



04 CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TECH

- ◆ Khối Dữ liệu và Phân tích (DnA)
- ◆ Văn phòng chuyển đổi số (DO)
- ◆ Khối Công nghệ (IT)
- ◆ Khối Quản trị Nguồn nhân lực (HR)



05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÙNG TECH

- ◆ Quản trị rủi ro
- ◆ Văn hoá doanh nghiệp
- ◆ Báo cáo bền vững Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG)



06 THÀNH CÔNG NỐI TIẾP CỦA TECH

- ◆ Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



CHÚNG TÔI LÀ AI?

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) là một trong những ngân hàng cổ phần lớn nhất Việt Nam, hướng tới trở thành ngân hàng top 10 khu vực ASEAN vào năm 2025 dựa trên hành trình chuyển đổi số mạnh mẽ với ba trụ cột Dữ liệu – Số hóa – Nhân tài. Sự thành công của Techcombank trong gần 30 năm qua được dựa trên chiến lược khách hàng là trọng tâm, cam kết cung cấp cho khách hàng các giải pháp và dịch vụ ngân hàng hàng đầu. Tính đến cuối năm 2022 Techcombank phục vụ hơn 10,8 triệu khách hàng, bao gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, thông qua mạng lưới điểm giao dịch trên toàn quốc, cũng như dịch vụ ngân hàng số dẫn đầu thị trường. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, hợp tác đối tác của Ngân hàng trong nhiều lĩnh vực kinh tế chủ chốt giúp tạo nên sự khác biệt cho Techcombank tại một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới. Ngân hàng được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) với mã chứng khoán TCB.

CÁC ĐIỂM NHẤN

10,8
triệu khách hàng

tại 31/12/2022

40.902
tỷ đồng

Thu nhập hoạt động
năm tài chính 2022

2016-22 Thu nhập hoạt động
tăng trưởng kép 23,5%

25.568
tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

2016-22 lợi nhuận trước thuế
tăng trưởng kép 43,6%

699.033
tỷ đồng

Tổng tài sản tại 31/12/2022,
tăng 22,9% so với năm trước

Huy động thành công

3,2%

Tỷ suất sinh lời trên tài sản,
cao nhất ngành

90%

Giao dịch cá nhân được
thực hiện trên kênh số

#1

Về giá trị thanh toán
các loại thẻ

1,0
tỷ đô la Mỹ

với lãi suất cạnh tranh

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ GHI NHẬN CHÍNH TRONG NĂM

AsiaMoney
EuroMoney

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam

Asian Banking & Finance

**Ngân hàng Bán lẻ Việt Nam
tốt nhất**

GOOD DESIGN® 2022 -
The Chicago Athenaeum

**Giao diện thiết kế
xuất sắc**

The Asian Banker

**Ngân hàng cung cấp giải
pháp tài trợ chuỗi cung ứng
(SCF) tốt nhất Việt Nam**

Global Finance

**Ngân hàng số tốt nhất
Việt Nam**

HR Asia

**Nơi làm việc tốt nhất
châu Á**

Global Business Outlook

**Ứng dụng ngân hàng di động
mới sáng tạo nhất**

Great Place to Work

**Ngân hàng đầu tiên tại
Việt Nam được chứng nhận
“Nơi làm việc xuất sắc”**

01

TÂM NHÌN CỦA TECH

- ◆ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- ◆ Báo cáo của Tổng Giám đốc



“

Đội ngũ hơn 12,3 nghìn nhân viên tài năng của Techcombank tiếp tục thực hiện chiến lược khách hàng là trọng tâm, tập trung thực thi các hoạt động của Ngân hàng xoay quanh lợi ích cao nhất của khách hàng.”

Hồ Hùng Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Techcombank tiếp tục khẳng định đầy tự hào hành trình “Nâng tầm giá trị sống” cho người dân thông qua các giải marathon tổ chức tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, với gần 20 nghìn người tham dự.

Chúng tôi đã tích cực tham gia và dẫn dắt các hoạt động cộng đồng và phát triển xã hội, với các khoản hỗ trợ trị giá gần 80 tỷ đồng.

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác, và các Techcomer thân quý,

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi từ giai đoạn khó khăn nhất của đại dịch COVID-19, cho thấy sự kiên cường của dân tộc Việt Nam cũng như thành công từ những nỗ lực của chính phủ, các doanh nghiệp và cộng đồng trong việc kích thích phục hồi kinh tế.

Nhờ nền tảng kinh tế vững chắc cùng xu hướng vĩ mô thuận lợi, Việt Nam đã ghi nhận mức tăng trưởng GDP 8,0% vào năm 2022, tăng từ mức 2,6% của năm 2021 khi đại dịch lên đến đỉnh điểm. Ngành ngân hàng đóng vai trò quan trọng trên tiến trình đồng hành cùng chính phủ phục hồi kinh tế, và Techcombank tự hào đã luôn tiên phong trong những nỗ lực chung này.

Là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam với cam kết tạo điều kiện cho mỗi người dân “Vượt trội hơn mỗi ngày”, năm 2022 đánh dấu thành công của chúng tôi trong việc thúc đẩy tương tác cùng khách hàng trên từng điểm chạm, đi đầu trong việc cung cấp các giải pháp cá nhân hóa sâu rộng hơn để hỗ trợ khách hàng quản lý và tăng trưởng gia sản, đạt được những khát vọng tài chính của mình. Năm 2022 cũng đánh dấu kết quả vượt trội, gia tăng sự khác biệt trong hành trình tiên phong “Chuyển đổi ngành tài chính” của Ngân hàng với bước tiến dài trong các sáng kiến chiến lược xây dựng năng lực dữ liệu, ngân hàng giao dịch v.v. trên nền tảng đầu tư và nâng cấp các hệ thống công nghệ trọng yếu, với các đối tác hàng đầu trên thế giới. Đội ngũ hơn 12,3 nghìn nhân viên tài năng của Techcombank tiếp tục thực hiện chiến lược khách hàng là trọng tâm, tập trung thực thi các hoạt động của Ngân hàng xoay quanh lợi ích cao nhất của khách hàng.

Cam kết của chúng tôi với khách hàng, thể hiện qua sự thấu hiểu cũng như cung cấp các giải pháp được thiết kế riêng biệt nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của họ, đã giúp Techcombank tiếp tục thành công, bất chấp những khó khăn trong một số thị trường quan trọng mà chúng tôi tham gia. Ảnh hưởng kết hợp từ lãi suất tăng, tỷ giá căng thẳng, thanh khoản thắt chặt và các biến động trên thị trường bất động sản và trái phiếu trong năm qua là một phép thử đối với mô hình kinh doanh của Ngân hàng.

Khép lại năm 2022, Techcombank tiếp tục thực thi đúng hướng chiến lược đề ra để hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch 5 năm 2021-25. Ngân hàng đã công bố lợi nhuận trước thuế 25.568 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 10,0% so với năm trước. Tỷ lệ sinh lời trên tổng tài sản, tỷ lệ an toàn vốn được duy trì ở mức cao nhất trong các ngân hàng niêm yết.



Những sản phẩm và giải pháp tài chính vượt trội cung cấp đến khách hàng đã giúp Techcombank thu hút thêm 1,2 triệu khách hàng mới, qua đó nâng tổng số khách hàng lên hơn 10,8 triệu vào cuối năm 2022. Số dư tiền gửi khách hàng, bao gồm chứng chỉ tiền gửi, tại Techcombank tăng trưởng 12,8% so với 2021, cao hơn nhiều mức tăng chung của thị trường. Tổng khối lượng giao dịch của khách hàng cá nhân trong năm qua trên các kênh ngân hàng điện tử của Ngân hàng đạt 844,8 triệu giao dịch, tương đương mức tăng khoảng 30% so với năm trước.

Kết quả kinh doanh vững mạnh của Ngân hàng trong năm 2022, bất chấp các thách thức trên thị trường, đã một lần nữa khẳng định chiến lược chuyển đổi mà Techcombank thực thi đang phát huy thể mạnh, mang lại hiệu quả và giá trị cho các khách hàng, cũng như cổ đông.

Ngân hàng Techcombank, với sự kiên định của hơn 12,3 nghìn nhân viên, cùng 10,8 triệu khách hàng và các đối tác thân quý, đã cùng nhau vượt qua những thử thách nói trên để tiếp tục tăng trưởng, đồng thời, hưởng đến kỷ niệm cột mốc 30 năm thành lập Ngân hàng [1993-2023].

Cùng với đó, Techcombank tiếp tục khẳng định đầy tự hào hành trình “Nâng tầm giá trị sống” cho người dân thông qua các giải marathon tổ chức tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, với gần 20 nghìn người tham dự. Chúng tôi đã tích cực tham gia và dẫn dắt các hoạt động cộng đồng và phát triển xã hội, với các khoản hỗ trợ trị giá gần 80 tỷ đồng.

Những thành tựu mà Techcombank đạt được trong năm vừa qua, cũng như nhiều năm trước đó, sẽ là nền tảng để Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo Techcombank tiếp tục kiến tạo nên những khởi đầu mới thành công hơn.

Niềm tin vững chắc và sự đồng hành của các Quý cổ đông, khách hàng và đối tác, chính là nguồn sức mạnh lớn lao nhất giúp Techcombank duy trì đà tăng trưởng bền vững trong bối cảnh kinh tế thế giới và thị trường còn nhiều bất định, và cùng hướng đến khát vọng phồn thịnh cho người dân và đất nước Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn,



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hồ Hùng Anh**



Sức mạnh từ mô hình kinh doanh của Ngân hàng cho phép chúng tôi tích lũy và đẩy mạnh đầu tư vào chiến lược chuyển đổi số trên ba trụ cột chính - Nhân tài, Số hóa và Dữ liệu.”

Jens Lottner
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2022, chúng tôi đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng nền móng trên cả ba trụ cột nền tảng: Nhân tài, Số hóa và Dữ liệu.

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác, và các Techcomer thân quý,

Trong năm 2022, chúng tôi tiếp tục vững bước với chiến lược 5 năm đã đề ra, nhằm hiện thực hóa tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống”.

Bất chấp những điều kiện thị trường bất lợi tại một số mảng kinh doanh chính của Ngân hàng, chúng tôi vẫn ghi nhận kết quả tài chính tích cực. Nhờ phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, chúng tôi đã duy trì đà tăng trưởng và một lần nữa đạt được chỉ số lợi nhuận dẫn đầu thị trường.

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) và lợi nhuận trước thuế (PBT) của chúng tôi trong năm 2022 đều tăng khoảng 10% so với năm trước, sau khi đã tăng trưởng rất mạnh trong thời gian dài trước đó với mức tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt 25,8% đối với doanh thu và 50,0% đối với lợi nhuận trong giai đoạn 2016-2021.

Các chỉ tiêu lợi nhuận của chúng tôi – tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) – tiếp tục ổn định. Song song với đó, khung quản trị rủi ro chặt chẽ cho phép chúng tôi duy trì chất lượng tài sản và thanh khoản ở mức cao, bao gồm tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ an toàn vốn và tỷ lệ bao phủ nợ xấu lành mạnh. Các chỉ số này đều thuộc nhóm tốt nhất trong toàn ngành ngân hàng.

Sức mạnh từ mô hình kinh doanh của Ngân hàng cho phép chúng tôi tích lũy và đẩy mạnh đầu tư vào chiến lược chuyển đổi số trên ba trụ cột chính - Nhân tài, Số hóa và Dữ liệu. Những trụ cột này đã giúp chúng tôi gây dựng nền tảng cho tăng trưởng, cũng như củng cố nền móng phát triển bền vững cho tương lai.

- ♦ Các gói sản phẩm dịch vụ mới và hệ sinh thái từ đối tác giúp giao dịch ngân hàng đơn giản, dễ dàng và thuận tiện hơn, qua đó cho phép chúng tôi tăng tốc thu hút khách hàng.
- ♦ Chúng tôi luôn nỗ lực cải thiện cách thức sử dụng dữ liệu để thấu hiểu nhu cầu đặc thù của khách hàng, qua đó cung cấp cho họ những sản phẩm dịch vụ được cá nhân hóa, trên các kênh trực tiếp và trực tuyến. Chúng tôi đã hợp tác với những công ty hàng đầu trong hệ sinh thái công nghệ tài chính (Fintech) và công nghệ marketing (Martech), nhằm xây dựng một hệ thống martech toàn diện, hướng tới là Ngân hàng đầu tiên có năng lực triển khai siêu cá nhân hóa trên quy mô lớn.
- ♦ Chúng tôi tiếp tục tuyển dụng và giữ chân những nhân tài hàng đầu, đồng thời nuôi dưỡng văn hóa doanh nghiệp hướng tới trao quyền cho nhân viên để “Vượt trội hơn mỗi ngày”, như phương châm thương hiệu của chúng tôi.

Ngân hàng đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2022 trong bối cảnh phải đối mặt với tác động từ một vài sự kiện bất lợi trong nước như:

- ♦ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cấp hạn mức tín dụng cho Techcombank thấp hơn và điều chỉnh hạn mức cấp cho Ngân hàng muộn hơn các năm trước. Tăng trưởng tín dụng của chúng tôi đạt 14,5% năm vừa qua, so với 22,1% năm 2021
- ♦ Lãi suất toàn cầu tăng cao, đồng đô la Mỹ mạnh lên và thanh khoản căng thẳng hơn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam khiến số dư tiền gửi có kỳ hạn tăng lên, đặc biệt trong quý 4, và sụt giảm số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA). Điều này dẫn tới chi phí vốn của Ngân hàng tăng lên đáng kể, ảnh hưởng biên lãi thuần và tăng trưởng thu nhập lãi thuần
- ♦ Với vị thế của Ngân hàng trong thị trường bất động sản và trái phiếu, diễn biến bất lợi của hai thị trường này trong năm ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Techcombank, doanh thu từ hoạt động dịch vụ, đặc biệt dịch vụ ngân hàng đầu tư.

Bất chấp những thách thức kể trên cộng thêm sức ép sau đại dịch COVID-19, lạm phát tăng cao và bất ổn địa chính trị quốc tế, chiến lược khách hàng là trọng tâm giúp chúng tôi:

- ♦ Gia tăng huy động tiền gửi và giấy tờ có giá nhanh hơn gần hai lần tăng trưởng của thị trường, đạt mức +12,8% so với năm trước
- ♦ Thu hút thêm 1,2 triệu khách hàng mới
- ♦ Giữ tỷ lệ nợ xấu (NPL) cuối năm ở mức an toàn 0,7%, bằng với cùng kỳ năm 2021.

Trong năm, chúng tôi cũng đã tiếp tục dịch chuyển danh mục tín dụng từ nhóm doanh nghiệp lớn sang nhóm khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), qua đó góp phần cải thiện hồ sơ rủi ro tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng. So với năm trước, danh mục tín dụng bán lẻ của chúng tôi đã tăng trưởng ấn tượng 40,1%, đặc biệt khi một số dự án bất động sản bước vào giai đoạn mở bán và hoạt động thẻ được đẩy mạnh. Dự nợ cho vay khách hàng SME cũng tăng khoảng 7,3%, nhờ Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB) đẩy mạnh cung cấp các gói sản phẩm dịch vụ số hóa, dựa trên đặc thù của một số nhóm ngành lựa chọn.

Khách hàng là ưu tiên hàng đầu

Trong năm 2022, Techcombank tiếp tục phát huy triết lý “Khách hàng là trọng tâm” và đưa lên một tầm cao mới. Techcombank là ngân hàng đầu tiên tăng cường hơn nữa thấu hiểu khách hàng và cung cấp cho họ các giải pháp được cá nhân hóa, đáp ứng nhu cầu cụ thể tại từng giai đoạn của vòng đời tài chính (chi tiêu, tiết kiệm, vay vốn, bảo hiểm, và đầu tư).

Để thực hiện chiến lược này, khối Ngân hàng Bán lẻ đã triển khai các phân cấp thương hiệu mới, đi sâu hơn vào từng phân khúc khách hàng cụ thể, ví dụ như *Inspire*, giải pháp ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho thế hệ “Why not?” trẻ tuổi và đầy khao khát trong tập khách hàng thu nhập trung và cao (mass affluent).

Thêm vào đó, chúng tôi đã phối hợp với Masan, tập đoàn tiêu dùng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam đồng thời là cổ đông tổ chức lớn nhất của Ngân hàng, cho ra mắt hệ sinh thái “tất cả trong một” WINLife. Sáng kiến này nhằm cung cấp các dịch vụ tài chính thuận tiện của Ngân hàng tại hàng ngàn cửa hàng bán lẻ của Masan tại Việt Nam.

Chúng tôi đứng đầu về khối lượng thanh toán thẻ tín dụng năm thứ hai liên tiếp, và lần đầu tiên mở rộng vị thế dẫn đầu này sang mọi loại hình thẻ bao gồm cả thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ. Thành công này đến từ các gói dịch vụ thẻ hấp dẫn được thiết kế riêng biệt của chúng tôi, cũng như dựa trên hành trình mở thẻ an toàn, thuận tiện hoàn toàn trên nền tảng số với quy trình mở thẻ đơn giản và phê duyệt tức thì.

Ngoài ra, chúng tôi đã tổ chức các chương trình tri ân kết hợp gia tăng tương tác khách hàng với nhiều ưu đãi mới. Chương trình rút thăm may mắn “Mèo Đại Cát” là hoạt động tặng thưởng khách hàng đầu tiên xuất hiện trên một ứng dụng ngân hàng di động tại Việt Nam, dẫn tới tăng trưởng đáng kể tần suất sử dụng ứng dụng Techcombank Mobile.

Việc các thị trường tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, quỹ v.v.) ngày càng biến động và phát triển phức tạp khiến nhu cầu cho những sản phẩm dịch vụ quản lý gia sản chuyên sâu trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Hiểu được điều đó, chúng tôi đã tăng tốc hoàn thiện định vị quản lý gia sản toàn diện hoàn toàn mới dựa trên mô hình tư vấn, bao gồm:



- ♦ Đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng (RM) chuyên biệt được trang bị kiến thức và công cụ số hóa chuyên sâu hơn, giúp tư vấn hiệu quả về hoạch định quản lý gia sản
- ♦ Các giải pháp và sản phẩm tài chính đa dạng, được cá nhân hóa phù hợp với từng giai đoạn trong hành trình khách hàng từ bảo toàn vốn, đầu tư cho đến thừa kế hay nghỉ hưu...
- ♦ Các gói ưu đãi và phần thưởng được thiết kế riêng biệt.

Sự chú trọng và tập trung tối đa vào khách hàng giúp chúng tôi ngày càng tạo được sự tin tưởng, phản ánh qua vị thế số 1 của chúng tôi trong điểm số quảng cáo ròng (NPS, theo YouGov) và điểm số đo lường sự hài lòng của khách hàng.

Cập nhật triển khai các sáng kiến chiến lược

Bước sang năm thứ hai của chiến lược “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống”, chúng tôi đã có những bước tiến đáng kể trong xây dựng nền móng trên cả ba trụ

cột nền tảng: Nhân tài, Số hóa và Dữ liệu. Chúng tôi cũng nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tuân thủ, nâng chuẩn về quản trị rủi ro trong ngành ngân hàng.

Nhân tài

Đội ngũ nhân viên tài năng là tài sản lớn nhất và là nền tảng cho thành công của Ngân hàng. Do đó, chúng tôi luôn nỗ lực kiến tạo một văn hóa làm việc giúp thu hút và phát triển những cá nhân xuất sắc nhất, trao quyền để họ phát huy tiềm năng. Trong năm 2022, chúng tôi đã tập trung cải thiện hơn nữa trải nghiệm nhân viên ở mọi cấp độ – từ tuyển dụng, gia nhập, đào tạo và phát triển, đến ghi nhận và chế độ đãi ngộ.

Chúng tôi đã tuyển dụng thêm hơn 2.700 nhân viên mới trong năm, giúp họ gia nhập nhanh chóng đại gia đình Techcombank thông qua quy trình định hướng được nâng cấp mới. Với văn hóa hỗ trợ lẫn nhau ngay từ ngày đầu, nhân viên mới có thể nhanh chóng hiểu và kết nối với các giá trị của Ngân hàng. Trong năm nay, Ngân hàng đã thực hiện những cải tiến đối với hệ thống nhân sự để đo lường hiệu suất, cải tiến các công cụ

hỗ trợ làm việc, phát triển sự nghiệp và chế độ đãi ngộ, đảm bảo tất cả Techcomer đều có động lực để thành công, đồng thời được khen thưởng và công nhận xứng đáng.

Chúng tôi đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức hàng đầu để phát triển các chương trình đào tạo nhằm thúc đẩy văn hóa phát triển chuyên nghiệp. Nhân viên Techcombank đã tham gia khoảng 900.000 giờ đào tạo trong năm – tương đương với khoảng 70 giờ/nhân viên – thông qua các lớp học ảo, lớp học trực tuyến và các buổi học tại chỗ. Một ví dụ điển hình là chương trình đào tạo bao gồm nâng cao khả năng chuyển đổi số và dữ liệu của nhân viên, theo thỏa thuận hợp tác chiến lược với Dịch vụ mạng Amazon (Amazon Web Services – AWS). Chúng tôi cũng đã phát triển các lộ trình học tập được cá nhân hóa và các chương trình đào tạo lãnh đạo cho hơn 1.000 vị trí. Hơn một nghìn lãnh đạo trung và cao cấp đã tham gia vào các chương trình này.

Đặc biệt, chúng tôi là ngân hàng Việt Nam đầu tiên thực hiện các chương trình roadshow tìm kiếm nhân tài ở nước ngoài. Chúng tôi đã

đến những trung tâm tài chính toàn cầu như Singapore, London và San Francisco, gặp gỡ và tuyển dụng những tài năng người Việt với kinh nghiệm độc đáo và quý giá tại đây.

Những nỗ lực trong xây dựng môi trường làm việc xuất sắc giúp Techcombank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên đạt chứng nhận “Great Place to Work” danh giá.

Số hóa

Năm 2022, chúng tôi tiếp tục tập trung vào số hóa ngân hàng. Nhờ đầu tư vào các công nghệ kỹ thuật số, Techcombank đã có bước đệm vững chắc cho tăng trưởng, thúc đẩy thu hút và gia tăng tương tác khách hàng.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với dịch vụ ngân hàng số, chúng tôi đã nhanh chóng triển khai nhiều gói sản phẩm dịch vụ số hóa trên quy mô lớn. Các nền tảng và hạ tầng công nghệ mới của chúng tôi giúp cải thiện trải nghiệm ngân hàng, đáp ứng nhu cầu ngày một thay đổi của khách hàng, cả trực tuyến lẫn tại chi nhánh. Quý 4/2022 ghi nhận số lượng khách hàng mới gần mức cao kỷ lục trong 1 quý Ngân hàng đạt được bất chấp một số sự kiện ảnh hưởng đến thanh khoản và niềm tin trong hệ thống ngân hàng. Đặc biệt gần 72% số lượng khách hàng mới này đã được mở mới qua kênh kỹ thuật số.

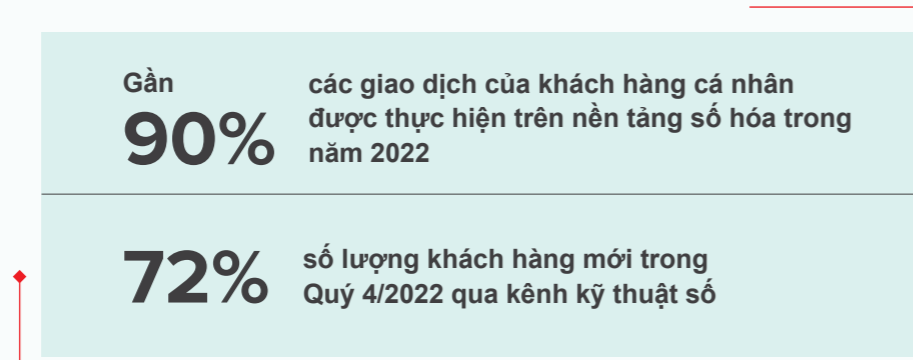
Tính đến cuối năm 2022, toàn bộ khách hàng cá nhân có tài khoản đang hoạt động của chúng tôi đã chuyển sang sử dụng ứng dụng Techcombank Mobile mới, với hơn 200 tính năng được bổ sung trong năm nhằm nâng cao hơn nữa trải nghiệm liền mạch và các tương tác thú vị như chia sẻ của khách hàng “càng dùng càng thích”. Tổng số lượng giao dịch qua ứng dụng tăng khoảng 28%. Ngoài ra số dư trung bình tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến cũng tăng gần 33%.

Nền tảng ngân hàng số mới dành cho doanh nghiệp của chúng tôi, Techcombank Business, cũng giúp mang các dịch vụ ngân hàng đến với khách hàng nhanh chóng hơn. Giờ đây khách hàng doanh nghiệp có thể dễ dàng thực hiện gần như mọi nhu cầu trên nền tảng số.

Chúng tôi cũng triển khai nền tảng chi nhánh số iDO, cho phép đội ngũ nhân viên chi nhánh cung cấp hàng loạt dịch vụ ngân hàng trên máy tính bảng, dựa trên các quy trình hoàn toàn không sử dụng giấy tờ. Nền tảng này giúp nâng cao sự thuận tiện và tiết kiệm thời gian để đội ngũ nhân viên chi nhánh có thể tập trung cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng.

Chúng tôi tiếp tục thúc đẩy chiến lược “Ưu tiên đám mây” (“Cloud First”) về hạ tầng công nghệ, và vận hành thêm nhiều ứng dụng cùng quy trình tiếp xúc với khách hàng trên đám mây. Tại thời điểm báo cáo thường niên được lập hơn 6.000 chuyên viên quan hệ khách hàng (RM) và nhân viên các phòng ban khác của Techcombank đã sử dụng nền tảng dịch vụ tài chính Salesforce trên đám mây (“Salesforce Financial Services Cloud”), qua đó cung cấp các trải nghiệm liền mạch và được cá nhân hóa tới khách hàng. Đây cũng là lần đầu tiên một hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) được triển khai trên đám mây trong ngành ngân hàng Việt Nam.

Techcombank trở thành ngân hàng đầu tiên triển khai nền tảng công nghệ trải nghiệm khách hàng đầu cuối tại Việt Nam, thông qua việc triển khai Experience Cloud của Adobe, bao gồm Nền tảng dữ liệu khách hàng theo thời gian thực (Real-Time Customer Data Platform - CDP). Việc triển khai nền tảng này cho phép chúng tôi nhanh chóng cung cấp trải nghiệm ngân hàng siêu cá nhân hóa tại mọi điểm chạm, trực tiếp hay trực tuyến. Bên cạnh đó, với Personetics,



Nền tảng ngân hàng số mới dành cho doanh nghiệp của chúng tôi, Techcombank Business, cũng giúp mang các dịch vụ ngân hàng đến với khách hàng nhanh chóng hơn. Giờ đây khách hàng doanh nghiệp có thể dễ dàng thực hiện gần như mọi nhu cầu trên nền tảng số.

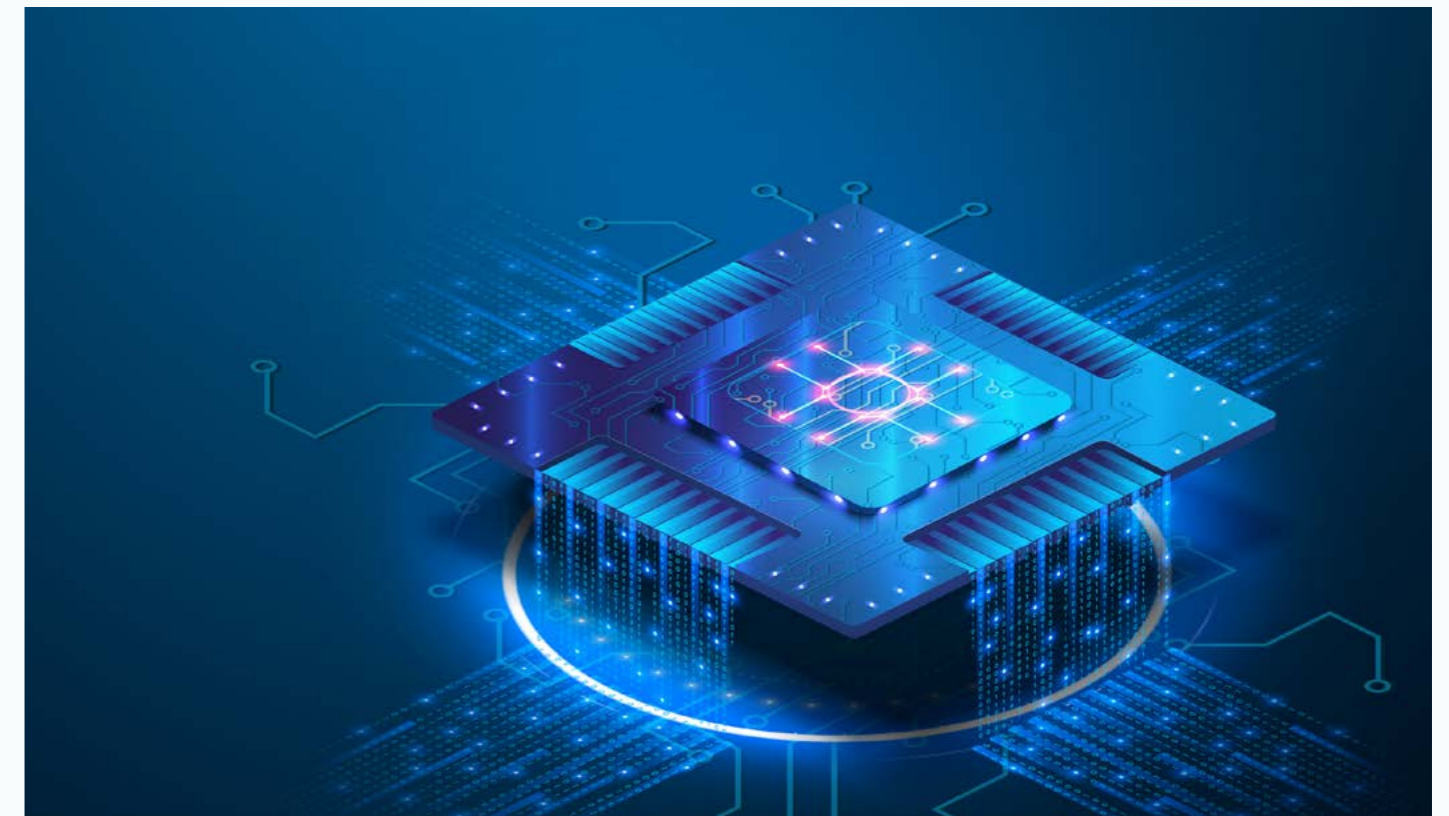
Techcombank có thể cung cấp hàng trăm hiểu biết chuyên sâu về thói quen chi tiêu, dòng tiền vào/ra, các loại giao dịch, v.v. của khách hàng, để từ đó đưa ra các khuyến nghị tốt nhất cho khách hàng, giúp họ xây dựng thịnh vượng tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nội bộ và an ninh mạng, là ngân hàng có hiệu quả và an toàn hoạt động cao nhất tại Việt Nam.

Dữ liệu

Năng lực thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu hiệu quả từ tất cả các bộ phận trong Ngân hàng mang ý nghĩa sống còn trong sự tồn tại và phát triển, cho phép đưa ra các quyết định sáng suốt, kịp thời và cung cấp trải nghiệm cá nhân hóa cho khách hàng. Vì vậy, chúng tôi đã tiếp tục mở rộng kho dữ liệu tích hợp điện toán đám mây dựa trên nền tảng AWS, với mục đích xây dựng một “bộ não dữ liệu” vững mạnh cho toàn Ngân hàng.

- ♦ Chúng tôi tập trung tận dụng năng lực của kho dữ liệu để cải tiến các mô hình xu hướng giúp hiểu rõ hơn khách hàng và cung cấp cho họ các sản phẩm phù hợp. Hoạt động này đã giúp cải thiện tỷ lệ chuyển đổi, tăng tốc thu hút khách hàng và giảm tỷ lệ khách hàng rời bỏ.
- ♦ Chúng tôi tạo ra Nền tảng dữ liệu khách hàng theo thời gian thực (CDP) dựa trên lớp dữ liệu mới, cung cấp một trường dữ liệu khách hàng toàn diện, chuẩn xác và thống nhất, từ đó thiết kế và cung cấp dịch vụ và trải nghiệm khách hàng mong muốn trong thời gian ngắn nhất.
- ♦ Chúng tôi cũng củng cố khung quản trị dữ liệu thông qua các chính sách, tiêu chuẩn và năng lực công nghệ vững mạnh, nhằm đảm bảo an toàn thông tin và duy trì niềm tin của khách hàng.



Các trọng tâm trong năm 2023

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng 5-6%, bất chấp khó khăn ảnh hưởng từ trong nước và toàn cầu. Khối lượng giao dịch bất động sản sụt giảm mạnh trong nửa sau năm 2022 đã tiếp diễn quý 1/2023, kéo theo đó là rủi ro nợ xấu của các nhà phát triển bất động sản và người mua sử dụng đòn bẩy tài chính. Tuy vậy, thanh khoản thị trường đã cải thiện đáng kể nhờ động thái mua vào khoảng 3,5 tỷ đô la Mỹ của NHNN, tương đương với 82.000 tỷ đồng được bơm vào nền kinh tế.

Áp lực lạm phát từ quốc tế, bị khuếch đại bởi cuộc xung đột Nga-Ukraina bước sang năm thứ hai và chính sách thắt chặt định lượng tại một số nền kinh tế lớn, đã khiến lãi suất toàn cầu tiếp tục tăng trong đầu năm 2023. Trong bối cảnh đó, khách hàng có xu hướng ưu tiên gửi tiền có kỳ hạn thay vì đầu tư vào các loại tài sản khác như trái phiếu và

cổ phiếu, ảnh hưởng tới thu nhập phí của Ngân hàng trong ngắn hạn. Tuy vậy, chúng tôi vẫn tin tưởng vào tiềm năng và sự phát triển của các loại sản phẩm tài chính này, đặc biệt trong việc đa dạng hóa đầu tư của người dân cũng như doanh nghiệp, hỗ trợ bởi các xu hướng phát triển, định hình tăng trưởng của đất nước trong trung và dài hạn.

Chúng tôi kỳ vọng các hoạt động trên thị trường tài chính dần cải thiện trong năm 2023 nhờ các giải pháp quyết liệt của chính phủ, sự tích lũy gia sản của tầng lớp trung và thượng lưu, công cuộc chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, và tiềm năng thâm nhập thị trường còn rất lớn đối với các sản phẩm như cho vay mua nhà, trái phiếu, cổ phiếu và bảo hiểm v.v.

Từ đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì chiến lược trong năm thứ ba của hành trình chuyển đổi 5 năm

(2021-25), với các mục tiêu trung hạn không thay đổi. Năm 2023 sẽ là năm bước ngoặt của Ngân hàng trong hành trình này sau hai năm tập trung toàn diện vào việc xây dựng năng lực nền tảng, bao gồm thiết lập các nền tảng công nghệ kỹ thuật số thế hệ mới và các quy trình chuyển tiếp sang điện toán đám mây, xây dựng năng lực dữ liệu tiên tiến nhất. Những khoản đầu tư này đã giúp chúng tôi sẵn sàng tăng tốc và tận dụng những nền tảng số kể trên để cung cấp các gói sản phẩm dịch vụ và giải pháp hàng đầu trong ngành Ngân hàng trên quy mô lớn.

Năm 2023, chúng tôi sẽ gia tăng triển khai các định vị giá trị khách hàng độc đáo và khác biệt, được hỗ trợ bởi tiến độ thực thi ba trụ cột chuyển đổi Số hóa, Dữ liệu và Nhân tài. Năng lực mới tạo lập sẽ giúp chúng tôi đạt được những trọng tâm đã đề ra, bao gồm gia tăng số dư CASA, cải thiện thu nhập phí dựa trên các

mô hình kinh doanh mới, và đa dạng hóa danh mục tín dụng thông qua dịch chuyển sang phân khúc khách hàng bán lẻ và SME.

Ngân hàng sẽ ngày càng trở nên linh hoạt hơn, tập trung hơn vào khách hàng và dữ liệu. Chúng tôi sẽ tăng cường nỗ lực nhằm:

- ♦ Thay đổi phương thức làm việc
- ♦ Thay đổi cách thức tư duy về khách hàng
- ♦ Cải thiện phương pháp thiết kế sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Tất cả những hoạt động trên sẽ được thực hiện minh bạch, chuyên nghiệp và đáng tin cậy, qua đó khẳng định vị thế đi đầu của Techcombank trong định hình ngành ngân hàng số hiện đại.

Chúng tôi sẽ tập trung duy trì danh mục tín dụng lành mạnh, cũng như nâng cao hơn nữa khung quản trị rủi

ro và phòng chống gian lận của Ngân hàng nhằm thiết lập chuẩn mực mới trong ngành. Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục giúp đỡ và duy trì mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng trong khuôn khổ cho phép của pháp luật và quy định liên quan khi họ cần – đặc biệt với những khách hàng bị ảnh hưởng bởi khó khăn hiện vẫn đang tiếp diễn trên thị trường bất động sản.

Ngân hàng cũng sẽ tiếp tục áp dụng cách tiếp cận theo phân khúc cho cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Chúng tôi đang triển khai các sản phẩm mới thiết kế đặc thù cho một số tiểu phân khúc khách hàng cá nhân, giúp tăng tương tác và nâng cao mối quan hệ với khách hàng. Cụ thể, chúng tôi đang phát triển sản phẩm quản lý gia sản toàn diện dành cho nhóm khách hàng có tài sản ròng và thu nhập cao. Đây là một phần trong định vị phân cấp thương hiệu mới của chúng tôi dành cho nhóm khách hàng cao cấp (Techcombank Private) và khách

hàng ưu tiên (Techcombank Priority). Sản phẩm này tiếp nối chương trình Inspire mà Ngân hàng triển khai cho thể hệ khách hàng “Why not?” trong quý 4/2022.

Với khoảng hơn 6 triệu khách hàng cá nhân trên ứng dụng Techcombank Mobile, chúng tôi đã đạt quy mô cho phép gia tăng tương tác khách hàng theo hướng cá nhân hóa. Chúng tôi sẽ tận dụng năng lực dữ liệu này cùng với năng lực marketing số để tạo ra những sản phẩm dịch vụ chuyên biệt giúp nâng cao sự gắn kết với khách hàng, cũng như tối đa hóa lợi ích thu được từ chi phí marketing. Đồng thời, chúng tôi sẽ triển khai các chương trình tặng thưởng và khách hàng thân thiết khác biệt, với mục đích khuyến khích khách hàng tăng cường tương tác và gắn bó hơn với Ngân hàng trong tất cả các dịch vụ.

Ngân hàng sẽ tận dụng hệ sinh thái của đối tác để tăng tốc thu hút khách hàng, thông qua ứng dụng những

Techcombank trở thành ngân hàng đầu tiên triển khai nền tảng công nghệ trải nghiệm khách hàng đầu cuối tại Việt Nam, thông qua việc triển khai Experience Cloud của Adobe, bao gồm Nền tảng dữ liệu khách hàng theo thời gian thực (Real-Time Customer Data Platform - CDP).

năng lực công nghệ tiên tiến nhất (giao diện lập trình ứng dụng – API) được tích hợp trong các kênh số hóa. Những công nghệ này cho phép chúng tôi tiếp cận khách hàng tức thì tại các điểm chạm, qua đó đáp ứng hiệu quả nhất nhu cầu thanh toán, tiết kiệm và các nhu cầu khác của họ. Cách tiếp cận này cho phép Techcombank nhanh chóng chạm tới nhiều khách hàng hơn ở quy mô lớn với mức chi phí tối ưu hơn nhiều so với phương pháp truyền thống.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đa dạng hóa nhờ tăng cường tập trung phát triển sản phẩm, mở rộng phục vụ các doanh nghiệp nhỏ và vi mô. Chúng tôi sẽ tiếp tục tăng cường số hóa và cung cấp các gói sản phẩm dịch vụ mới thiết kế riêng biệt, qua đó gia tăng cơ hội trở thành ngân hàng giao dịch chính (MOA) của khách hàng doanh nghiệp. Ngân hàng cũng đang triển khai công cụ tối ưu tiên mặt và thanh toán dành cho khách hàng doanh nghiệp, lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Công cụ này sẽ giúp xây dựng và cung cấp các giải pháp thanh toán và thu hộ tân tiến, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Để mở rộng thu nhập từ phí ngoài hoạt động ngân hàng đầu tư, Ngân hàng sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh các sản phẩm thẻ tín dụng, bảo hiểm, ngoại hối, quản lý tiền mặt và tài chính doanh nghiệp v.v.

Hiện nay, thị trường tài chính cung cấp rất nhiều lựa chọn về dịch vụ ngân hàng cho khách hàng. Vấn đề nằm ở Ngân hàng nào sẽ được họ tin tưởng lựa chọn. Hành trình trải nghiệm và các giải pháp cá nhân hóa tức thì, vượt trội đóng vai trò lớn

trong quyết định của họ. Giờ đây, tương tác giữa ngân hàng với khách hàng không chỉ dựa trên các giải pháp hữu ích, mà còn cần phải đơn giản, trực quan, thuận tiện và mang tính cá nhân hóa. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi sẽ thu thập nhiều hơn thông tin chuyên sâu dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, nhằm đảm bảo Ngân hàng không chỉ phản ứng khi nhu cầu phát sinh, mà luôn chủ động tiến tới dự báo, đón đầu nhu cầu khách hàng.

Thêm vào đó, Ngân hàng sẽ tiến hành thử nghiệm và tinh chỉnh các sản phẩm và giải pháp mới trên nhóm khách hàng đại diện trước khi tung ra thị trường. Chúng tôi sẽ đẩy mạnh ứng dụng phương thức làm việc linh hoạt (agile) trên toàn hàng trong tất cả quy trình từ thiết kế cho đến cung cấp các giải pháp ngân hàng hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm tới khách hàng.

Techcombank chắc chắn sẽ tiếp tục tập trung thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài hàng đầu ở mọi cấp độ. Chúng tôi sẽ củng cố năng lực ban lãnh đạo, thông qua các chương trình đào tạo đặc biệt cùng các cơ hội phát triển sự nghiệp mới. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiếp tục đầu tư vào các chương trình đào tạo và học tập cùng học phần trực tuyến thiết kế chuyên biệt, dựa trên nhiệm vụ và vai trò của mỗi nhân viên, giúp họ phát triển năng lực và năng suất làm việc, qua đó nâng cao hơn nữa trải nghiệm khách hàng.

Thay cho lời kết...

Tôi mong muốn bày tỏ lòng biết ơn của mình tới đội ngũ nhân viên tận tâm và tài năng, những người đã

tiếp tục đặt khách hàng lên hàng đầu và một lần nữa mang lại cho Ngân hàng kết quả tài chính vững mạnh. Tôi cũng rất biết ơn sự đồng hành của các cổ đông – những người đã tiếp tục sát cánh với chúng tôi trong giai đoạn khó khăn, cũng như rất cảm kích trước những động thái hỗ trợ quan trọng từ các cơ quan quản lý. Năm vừa qua là một năm nhiều sự kiện, nhưng những nỗ lực chung của chúng ta đã mang lại những kết quả tốt đẹp. Mọi cố gắng của Ngân hàng đều tập trung vào tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống”, và tôi thực sự tin tưởng chúng ta đang đi đúng hướng. Phục vụ tập khách hàng ngày một gia tăng của mình, đồng thời dẫn đầu xu hướng chuyển đổi số cho ngành tài chính Việt Nam, Techcombank hi vọng sẽ tiếp tục mang lại tác động tích cực lâu dài cho thành công tài chính, thay đổi cuộc sống của người dân Việt Nam.

Cuối cùng, xin được cảm ơn các khách hàng đã lựa chọn tin tưởng Ngân hàng chúng tôi.

Trân trọng,



Jens Lottner
Tổng Giám đốc



02

CÂU CHUYỆN CỦA TECH

- ◆ Về chúng tôi
- ◆ Tầm nhìn và Sứ mệnh
- ◆ Chặng đường lịch sử
- ◆ Cơ cấu cổ đông

VỀ CHÚNG TÔI



Tên Giao Dịch

Tên tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

Tên tiếng Anh: Vietnam Technological and Commercial Joint-stock Bank

Tên giao dịch: TECHCOMBANK

Tên viết tắt: TECHCOMBANK

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993.)

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100230800

Đăng ký lần đầu: 07 tháng 09 năm 1993

Sửa đổi lần thứ 56: 31 tháng 01 năm 2023

Vốn điều lệ

35.172.385.140.000 VNĐ

Bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Giới thiệu chung

Địa chỉ: Tòa nhà Techcombank – 06 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

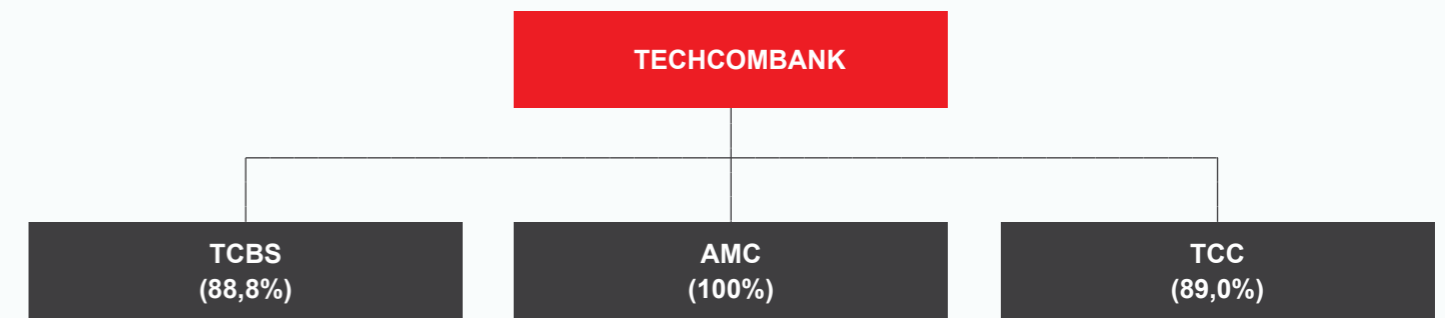
Số điện thoại: (+84) (243) 944 6368

Fax: (+84) (243) 944 6395

Website: <http://www.techcombank.com>

Mã cổ phiếu: TCB

Cơ cấu và tỷ lệ sở hữu của Techcombank tại các công ty con (31/12/2022)



Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Techcombank được thành lập năm 1993 khi Việt Nam bắt đầu chuyển dịch từ nền kinh tế tập trung sang định hướng thị trường. Lớn mạnh từng ngày trong 29 năm qua với số vốn điều lệ khởi điểm chỉ 20 tỷ đồng, Techcombank hôm nay đã trở thành ngân hàng lớn thứ hai về lợi nhuận - một thành công được chúng tôi ươm mầm từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng.

Tới thời điểm hiện tại, Techcombank đã cung cấp nhiều loại sản phẩm và dịch vụ đa dạng cho hơn 10,8 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam, thông qua mạng lưới rộng khắp gồm một trụ sở chính, hai văn phòng đại diện và 300 điểm giao dịch tại 46 tỉnh thành trên cả nước, không chỉ đáp ứng nhu cầu giao dịch ngân hàng thông thường, mà còn đảm bảo nhu cầu bảo mật và quản lý tài sản cho khách hàng.

Xác định tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống” phát huy trọn vẹn tiềm năng của mỗi cá nhân, Techcombank cam kết không ngừng mang tới những giá trị lớn hơn cho khách hàng và cổ đông, đáp ứng nhu cầu thay đổi mỗi ngày bằng cách tập trung vào các giải pháp tiên phong, trở thành đối tác tài chính tin cậy của mọi khách hàng. Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Dịch vụ ngân hàng

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

- ◆ Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép
- ◆ Huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân
- ◆ Thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật
- ◆ Cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng
- ◆ Kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

1
TRỤ SỞ CHÍNH

2
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

300
ĐIỂM GIAO DỊCH
tại 46 tỉnh thành trên
cả nước

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

**“Chuyển đổi ngành tài chính,
Nâng tầm giá trị sống”**

Thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và
bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội.

SỨ MỆNH

Dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính,
tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức
phát triển bền vững và bứt phá thành công.

CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Năm 1993 khi Techcombank được thành lập, Việt Nam vừa mới trải qua công cuộc Đổi Mới. Cũng như nền kinh tế Việt Nam, Techcombank đã trải qua 29 năm với nhiều giai đoạn phát triển thần tốc. Nhìn chung nền kinh tế trong nước cũng như ngành tài chính ngân hàng vẫn còn non trẻ, thị trường tài chính Việt Nam vì vậy được dự báo sẽ còn rất nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai, đặc biệt là thông qua ngân hàng số.

Với Techcombank, khi chúng tôi đặt ra tầm nhìn của mình, thành công không chỉ là đích đến cuối cùng mà còn là dấu ấn của cả một quá trình chuyển đổi. Tiếp nối những thành công trong năm 2021 và vượt qua khó khăn của năm 2022, Techcombank đã tiếp tục khẳng định vị trí ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, khi lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục 25,6 nghìn tỷ đồng, hiệu quả hoạt động dẫn đầu ngành và đón thêm 1,2 triệu khách hàng mới. Với những kết quả vượt trội này, Techcombank tự tin hướng đến hoàn thành các mục tiêu được đề ra trong chiến lược 5 năm 2021-25 và vững bước trên hành trình chuyển đổi để trở thành ngân hàng số tốt nhất Việt Nam và top 10 trong khu vực ASEAN.

<p>1993</p> <p>Thành lập với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.</p>	<p>2001</p> <p>Triển khai hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Globus theo tiêu chuẩn quốc tế.</p>	<p>2003</p> <p>Tham gia hệ thống thanh toán thẻ toàn cầu thông qua thẻ F@stAccess - Connect 24.</p>	<p>2006</p> <p>Tham gia "câu lạc bộ" các ngân hàng có tài sản trên 1 tỷ đô la Mỹ.</p>	<p>2008</p> <p>Thành viên sáng lập liên minh thẻ lớn nhất Việt Nam Smartlink</p> <p>Ra mắt thẻ tín dụng Techcombank VISA.</p>	<p>2009</p> <p>Khẳng định vị trí ngân hàng TMCP hàng đầu với vốn điều lệ lên 5.400 tỷ đồng; tổng tài sản đạt mức 95.000 tỷ đồng và là ngân hàng đầu tiên hợp tác với công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới McKinsey.</p>	<p>2010</p> <p>Techcombank là "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010" do tạp chí EuroMoney trao tặng, và được đánh giá cao với nhiều giải thưởng quốc tế.</p>	<p>2011</p> <p>Ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam với quy mô tổng tài sản 180.000 tỷ cùng 307 chi nhánh trên toàn quốc.</p>	<p>2012</p> <p>Ngân hàng đi đầu trong việc mang đến trải nghiệm công nghệ số thông qua dịch vụ giao dịch ATM không cần thẻ đến hơn 2,8 triệu khách hàng.</p>
<p>2018</p> <p>Chính thức niêm yết trên sàn Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu TCB, giá trị vốn hóa tại thời điểm niêm yết 6,5 tỷ đô la Mỹ</p> <p>Top 3 thương vụ IPO lớn nhất thị trường Đông Nam Á 2018</p> <p>Tăng vốn điều lệ gấp 3 lần lên mức gần 34.966 tỷ đồng</p> <p>Là ngân hàng cổ phần tư nhân đầu tiên vượt mức lợi nhuận 10.000 tỷ đồng</p>	<p>Ngân hàng đứng đầu về doanh số giao dịch thẻ VISA (debit và credit) tại Việt Nam do tổ chức Thẻ Quốc tế VISA trao tặng</p> <p>Giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Euromoney bình chọn</p> <p>Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng.</p>	<p>2017</p> <p>Ngân hàng đứng đầu về chỉ số tín nhiệm tương đương mức "trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia" do S&P công bố</p> <p>Tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận gấp đôi so với năm trước, đứng thứ hai về khả năng sinh lời do Asian Banker xếp hạng, với số lượng khách hàng đạt mốc hơn 5 triệu</p> <p>Ngân hàng đứng đầu về doanh số thanh toán thẻ quốc tế VISA của Việt Nam</p>	<p>Ngân hàng dẫn đầu về sản phẩm Bancassurance, tới từ hợp tác chiến lược với nhà cung cấp bảo hiểm hàng đầu Manulife</p> <p>Đứng đầu về chỉ số gắn kết (EES) do cán bộ nhân viên bình chọn và đứng Top 2 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành tài chính ngân hàng</p> <p>Ghi dấu ấn biểu tượng Kết nối cộng đồng với Giải Marathon Quốc tế TP.HCM Techcombank.</p>	<p>2016</p> <p>Bước vào giai đoạn bứt phá với sự ra mắt và triển khai chiến lược 2016-2020 để trở thành ngân hàng dẫn dắt đời sống tài chính của người dân Việt Nam và là ngân hàng số 1 Việt Nam</p> <p>Lợi nhuận 2016 tăng trưởng gấp đôi so với năm trước, với giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" được trao tặng bởi Finance Asia, "Ngân hàng Việt Nam xuất sắc của năm" từ Asia Risk và "Doanh nghiệp có chính sách nhân sự xuất sắc" từ Vietnam HR Awards.</p>	<p>2015</p> <p>Top 2 ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ VISA lớn nhất thị trường với 4,2 triệu khách hàng.</p>	<p>2014</p> <p>Khẳng định vị thế ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ với 23 giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong và ngoài nước như Global Finance, IFC, Finance Asia</p> <p>Là sự lựa chọn tin cậy của 3,7 triệu khách hàng cá nhân và 48 nghìn khách hàng doanh nghiệp.</p>		
<p>2019</p> <p>Khai trương VP Hội sở mới 119 Trần Duy Hưng Techcombank Agile Center</p> <p>Lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục trên 12 nghìn tỷ đồng và đón thêm 1 triệu khách hàng mới</p> <p>Đứng đầu ngành ngân hàng về hiệu quả hoạt động, vượt mục tiêu trước 2 năm. Có nền tảng Nhân sự xuất sắc với chỉ số OHI và EE Sở mức kỷ lục</p> <p>Đứng đầu toàn thị trường về doanh số thanh toán qua thẻ, nhận 7 giải thưởng từ tổ chức VISA - số lượng giải nhiều nhất từng được trao cho một ngân hàng</p>	<p>Chính thức áp dụng chuẩn Basel II từ 1/7/2019, tỷ lệ CAR luôn ở mức cao gấp đôi so với chuẩn yêu cầu của NHNN</p> <p>Giải thưởng "Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam" do Asia Risk bình chọn, khẳng định năng lực thiết kế và cung cấp các sản phẩm phái sinh với quy mô lớn, các giải pháp tài chính cho khách hàng và hệ thống quản trị nội bộ bài bản</p> <p>Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam 2019" do The Asian Banker trao tặng.</p>	<p>2020</p> <p>Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát, ưu tiên nguồn lực để xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ - nhân viên, khách hàng</p> <p>Đẩy mạnh năng lực về số hóa và dữ liệu: Triển khai phương thức làm việc Agile; thành lập Khối Dữ liệu & Phân tích</p> <p>Tạo ra hệ sinh thái các tiện ích toàn diện với trải nghiệm đa kênh đầu- cuối trên nền tảng số lần đầu tiên tại Việt Nam</p> <p>"Giao dịch vay hợp vốn thành công nhất" tại Việt Nam năm 2020, với khoản vay hợp vốn 500 triệu đô la Mỹ</p>	<p>Hợp tác cùng đối tác One Mount Group, thiết lập trải nghiệm số hóa xuyên suốt trên hành trình khách hàng: Giải pháp tài chính "Thẻ ứng vốn" cho chủ tiệm tạp hoá VinShop; trải nghiệm vay mua nhà toàn diện xuyên suốt với OneHousing</p> <p>Tỷ lệ CASA 46,1% đứng số 1 thị trường - tổng huy động CASA lần đầu tiên vượt 100.000 tỷ đồng</p> <p>ROA cao nhất toàn ngành ngân hàng, ở mức 3,1%</p> <p>Thương hiệu số 1 về hoạt động hiệu quả từ Forbes</p> <p>"Thương hiệu ngân hàng ấn tượng nhất 2020" và "Ngân hàng có sức khỏe thương hiệu tốt nhất" từ MiBrand - đối tác trong nước của Brand Finance.</p>	<p>2021</p> <p>Ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam gia nhập "câu lạc bộ" tỷ đô với LNTT đạt hơn 23,2 ngàn tỷ đồng</p> <p>Tiếp tục huy động thành công 800 triệu đô la Mỹ vay hợp vốn trên thị trường quốc tế cho kỳ hạn 3 năm và 5 năm</p> <p>Đạt 2 giải thưởng danh giá "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" do Euromoney và Finance Asia trao tặng</p> <p>Đạt giải thưởng "Nhà quản lý nguồn vốn xuất sắc nhất (Best Treasurer)", khu vực Châu Á Thái Bình Dương do Corporate Treasurer trao tặng.</p>	<p>2022</p> <p>Hoàn thành huy động khoản vay hợp vốn trị giá 1 tỉ đô la Mỹ "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam - Best Bank in Vietnam" – Euromoney, 2 năm liên tiếp</p> <p>"Ngân hàng số tốt nhất cho khách hàng tại Việt Nam – Best Digital Consumer Bank – Global Finance</p> <p>"Giao diện thiết kế xuất sắc - Best User Experience (UX) Design" – Good Design</p> <p>#1 về khối lượng thanh toán ở tất cả các loại thẻ; #1 về số lượng thẻ phát hành mới</p> <p>Ngân hàng duy nhất ở Việt Nam được vinh danh bởi SAP tại The Best Run Awards cho khu vực Đông Nam Á, "The Most Transformation – The Game Changer" – nhờ hành trình chuyển đổi số ấn tượng</p> <p>Tại Mỹ, Techcombank đã trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất giành được giải thưởng "Công nghệ tốt nhất 2022 - Best in Tech 2022" trong lĩnh vực "Integrated Learning" - Pluralsight.</p>			

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2022)

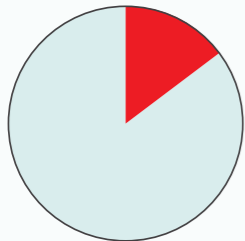
Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.517.238.514 cổ phần (tương đương với vốn điều lệ 35.172.385.140.000 đồng), trong đó:

Tổng số cổ phần đang lưu hành	3.517.238.514
Số cổ phiếu quỹ	0
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	628.359.926
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	2.888.878.588

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

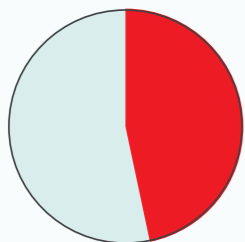


- Cổ đông lớn
- Các cổ đông còn lại

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn	524.315.499	14,9
Các cổ đông còn lại	2.992.923.015	85,1
Tổng	3.517.238.514	100,0

Theo điều 4.26 Luật các Tổ chức Tín dụng ban hành năm 2010, "cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là những cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó".

Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

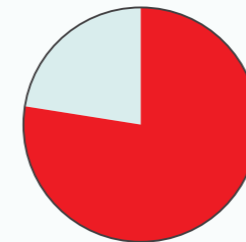


- Cổ đông tổ chức
- Cổ đông cá nhân

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông tổ chức	1.653.563.406	47,0
Cổ đông cá nhân	1.863.675.108	53,0
Tổng	3.517.238.514	100,0



Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài



- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông trong nước	2.727.284.445	77,5
Cổ đông nước ngoài	789.954.069	22,5
Tổng	3.517.238.514	100,0

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2022, Techcombank tăng vốn điều lệ từ 35.109.147.980.000 đồng lên 35.172.385.140.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2022, Techcombank không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Techcombank không có cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có.

03

THÀNH TỰU CỦA TECH

- ◆ Báo cáo toàn cảnh Ngân hàng
- ◆ Khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG)
- ◆ Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)
- ◆ Khối Ngân hàng Bán buôn (WB)
- ◆ Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu (GTS)
- ◆ Các công ty con



Sức mạnh của mô hình kinh doanh giúp chúng tôi đạt tăng trưởng lợi nhuận tích cực, chất lượng tài sản và an toàn vốn dẫn đầu ngành, bất chấp khó khăn tại một số mảng kinh doanh chính.”

Alexandre Macaire
Giám đốc Tài chính tập đoàn



BÁO CÁO TOÀN CẢNH NGÂN HÀNG

Tăng trưởng lợi nhuận tích cực bất chấp khó khăn tại một số mảng kinh doanh chính

Năm 2022, bất chấp những khó khăn diễn ra trên toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chứng tỏ khả năng phục hồi ấn tượng. GDP tăng trưởng 8,0% nhờ đóng góp tích cực từ bán lẻ, xuất khẩu và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy vậy, Techcombank vẫn phải đối mặt với những thách thức về chính sách tiền tệ như môi trường lãi suất cao hơn và thanh khoản bị thắt chặt, góp phần làm chi phí vốn tăng cao. Cùng với đó, những biến động trên thị trường trái phiếu và thị trường bất động sản, những mảng kinh doanh chính của Ngân hàng, đã tạo ra những thách thức nhất định cho chúng tôi.

Lợi nhuận trước thuế đạt 25.568 tỷ đồng (+10,0% so với năm trước) , thể hiện tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bền vững
Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 40.902 tỷ đồng (+10,3% so với năm trước) , nhờ nguồn thu nhập từ phí ngày càng đa dạng
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 37,0% , duy trì trong nhóm cao nhất ngành bất chấp môi trường hoạt động khó khăn
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 19,6% và Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) đạt 3,2% , là những tỷ lệ lợi nhuận hàng đầu trong ngành ngân hàng
Tỷ lệ nợ xấu (NPL) duy trì ở mức 0,7% và Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo Basel II đạt 15,2% , các tỷ lệ phản ánh chất lượng tài sản và tuân thủ này được duy trì ở mức lành mạnh và đầu ngành.

Tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng tích cực, nhờ đa dạng hóa thu nhập từ phí

Thu nhập lãi thuần (NII) đạt 30,3 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 13,5% so với năm 2021 nhờ đóng góp từ tăng trưởng danh mục tín dụng, trong khi biên lợi nhuận ròng (NIM) trong năm 2022 giảm từ 5,6% về 5,1%. NIM thu hẹp chủ yếu do chi phí vốn đã tăng 64 điểm phần trăm lên mức 2,9%. Xu hướng này là hệ quả của các đợt tăng lãi suất toàn cầu và thanh khoản thắt chặt hơn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, dẫn tới lãi suất tiền gửi có kỳ hạn cao hơn, chi phí vốn gia tăng trên thị trường 2, và giảm tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Ngân hàng.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 24,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 9,7 nghìn tỷ đồng, đóng góp bởi sự tăng trưởng mạnh mẽ của các dịch vụ cốt lõi như thẻ, bảo hiểm và tài trợ thương mại, giúp bù đắp sự sụt giảm phí dịch vụ ngân hàng đầu tư do sự điều chỉnh của thị trường trái phiếu và cổ phiếu.



- ♦ **Thu phí dịch vụ thẻ (đạt 1.980,6 tỷ đồng, tăng 83,5% N/N):** Techcombank đã khẳng định vị thế dẫn đầu về thanh toán khi kết thúc năm với vị trí số 1 về giá trị thanh toán trên tất cả các loại thẻ chính. Ngân hàng đạt được thành tựu này nhờ làm mới các sản phẩm và tăng cường hợp tác với các đối tác.
- ♦ **Thu phí từ dịch vụ bảo hiểm (đạt 1.750,6 tỷ đồng, tăng 12,3% N/N):** Trong năm 2022, Techcombank đã ghi nhận mức phí bảo hiểm quy năm (APE) đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, tăng 23,0% N/N. Chiến lược tập trung tăng cường sự thâm nhập vào phân khúc khách hàng thu nhập cao (AFF) đã giúp APE của phân khúc này tăng trưởng 57% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản phẩm “MLV Legacy”, ra mắt vào giữa năm 2022 với đề xuất giá trị dành riêng cho khách hàng như kế hoạch chuyển giao tài sản cho thế hệ tiếp theo, đã được đón nhận tích cực và nhanh chóng chiếm khoảng 39% tổng mức APE của khối bán lẻ trong năm.
- ♦ **Thu từ tài trợ thương mại bao gồm thư tín dụng (LC) (đạt 2.016,0 tỷ đồng, tăng 154,0% N/N), quản lý tiền mặt và các khoản thanh toán (đạt 467,7 tỷ đồng, tăng 76,2% N/N):** Kết quả tích cực này đến từ việc tăng cường số hóa và cá nhân hóa sản phẩm, bao gồm những giải pháp tối ưu cho ngoại hối và giao dịch, và ứng dụng hàng đầu mới cho khách hàng doanh nghiệp SME. Sau 7 tháng từ ngày ra mắt, tổng khối lượng giao dịch trên nền tảng số của tập khách hàng SME tăng 33,5% so với cùng kỳ, chiếm 78% tổng giá trị thanh toán của phân khúc này trong năm 2022. Song song với đó, Ngân hàng tiến tới việc cung cấp các khoản vay được phê duyệt trước thông qua kênh số hóa với tổng giá trị lên tới 1 nghìn tỷ đồng, cải thiện đáng kể trải nghiệm của khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, và dần dần trở thành ngân hàng giao dịch chính của khách hàng.
- ♦ **Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối (đạt 912,2 tỷ đồng, tăng 74,8% so với năm trước):** Trong điều kiện vĩ mô và tỷ giá nhiều biến động, các sản phẩm dịch vụ giúp đáp ứng nhu cầu ngoại hối, hay bảo vệ khách hàng khỏi các biến động tỷ giá đã được phát huy mạnh mẽ.
- ♦ **Phí dịch vụ ngân hàng đầu tư (đạt 2.591,2 tỷ đồng, giảm 28,1% so với năm trước):** Chủ yếu do các biến động không thuận lợi trên thị trường chứng khoán (bao gồm cả thị trường cổ phiếu và trái phiếu).

Các nguồn thu nhập khác (ngoài thu nhập từ lãi và thu nhập từ dịch vụ) ghi nhận mức lỗ 373 tỷ đồng, chủ yếu do ảnh hưởng của chi phí hoán đổi tỷ giá cao hơn, cũng như việc mất đi nguồn thu từ hoạt động giao dịch các công cụ chứng khoán do lãi suất tăng mạnh trong năm.

Quản lý thận trọng chi phí hoạt động, tập trung đầu tư tăng trưởng

Chi phí hoạt động tăng 19,9% so với năm 2021, lên mức 13,4 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) trong năm 2022 được kiểm soát ở mức 32,8%. Nhân sự của chúng tôi giảm nhẹ từ 12.506 xuống 12.339, và chi phí nhân sự tăng nhẹ 3,0%. Chi phí hoạt động tăng chủ yếu từ chi phí marketing, dữ liệu và công nghệ, những trụ cột đầu tư trong chiến lược của Ngân hàng.

Chi phí hoạt động trên Tổng thu nhập hoạt động (CIR)

32,8%

Chi phí nhân sự

↑ 3,0%

Chi phí nhân sự

Bên cạnh dữ liệu và số hóa, nhân tài là một trong ba trụ cột chính trong chiến lược chuyển đổi của Ngân hàng. Chúng tôi luôn nỗ lực cũng cấp cho nhân viên những chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm khuyến khích họ thu nhập kiến thức và kỹ năng mới, từ đó có thể phát huy tiềm năng của mình.

Năm 2022, các nhân viên trên toàn Ngân hàng đã tham gia 900.000 giờ đào tạo, tương đương với khoảng 70 giờ cho mỗi nhân viên. Chi phí đào tạo do đó tăng 88% so với 2021. Nhờ đầu tư vào con người và công nghệ, mặc dù số lượng nhân viên của chúng tôi giảm nhẹ 1,3% trong năm Ngân hàng vẫn đảm bảo cung cấp dịch vụ chất lượng cao tới nhiều khách hàng hơn.

Chi phí tiếp thị và quảng cáo

Năm 2022, chi phí tiếp thị và quảng cáo tăng 63% N/N do chúng tôi tiếp tục đầu tư vào các chiến dịch marketing và các sáng kiến mới nhằm tăng cường tương tác khách hàng và tăng giá trị thương hiệu.

Những sáng kiến quan trọng của năm 2022 bao gồm video “Why not?” dành cho sản phẩm *Inspire* đã thu hút tương tác lớn trên mạng xã hội, và đại chiến dịch “Mèo Đại Cát” đã nhận được sự quan tâm của hơn 2 triệu khách hàng. Ngoài ra, chúng tôi cũng hợp tác tổ chức các giải marathon tại

TP.HCM và Hà Nội, ghi dấu ấn trong lòng mọi người nhờ thúc đẩy lối sống lành mạnh. Những chiến dịch truyền thông đã góp phần giúp chúng tôi đạt được điểm số quảng cáo rờng NPS hàng đầu trong ngành, theo YouGov.

Chi phí công nghệ và hạ tầng

Đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ là một phần của chiến lược chuyển đổi 5 năm trong bối cảnh toàn ngành đang tăng tốc chuyển đổi hướng ngân hàng số. Việc cho ra mắt các ứng dụng ngân hàng số mới dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp đã giúp tăng tốc độ thu hút khách hàng, tăng cường tương tác, và nhanh chóng đưa các dịch vụ và trải nghiệm mới tới tay người dùng. Chúng tôi tiếp tục đầu tư triển khai dịch vụ điện toán đám mây và nâng cao hạ tầng công nghệ, cho phép gia tăng ứng dụng phân tích dữ liệu lớn mang lại hiệu suất làm việc cao hơn cho nhân viên, tăng tốc độ ra quyết định và mang lại các trải nghiệm cá nhân hóa cao hơn cho khách hàng. Trong năm 2022, chi phí công nghệ và hạ tầng của chúng tôi đạt 1.516 tỷ đồng, tăng 57%.

Quản trị bằng cân đối lành mạnh

Tổng tài sản của Ngân hàng tăng trưởng 22,9% đạt 699.033 nghìn tỷ đồng tại ngày 31/12/2022. Trong đó, cho vay khách hàng và trái phiếu

doanh nghiệp đạt 461.539 tỷ đồng (tăng 12,5% so với cuối năm 2021). Phải thu từ khách hàng liên quan đến hoạt động thư tín dụng tăng 77,0% lên 42.342 tỷ đồng do Ngân hàng đẩy mạnh các hoạt động tài trợ thương mại. Những hoạt động này đã đóng góp đáng kể vào tăng trưởng phí, như đã đề cập phía trên.

Danh mục tín dụng Ngân hàng tiếp tục dịch chuyển từ khách hàng doanh nghiệp lớn sang khách hàng cá nhân và SME, theo đúng mục tiêu chiến lược đề ra của Ngân hàng. Nhờ vậy, chúng tôi đã tăng cường đa dạng hóa danh mục tín dụng, cải thiện hồ sơ rủi ro và hiệu quả sử dụng vốn. Trung bình cho vay các khách hàng cá nhân yêu cầu vốn ít hơn khoảng 40% so với các khoản tín dụng cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp lớn.

Trên cơ sở báo cáo hợp nhất, tăng trưởng tín dụng bán lẻ đạt 226,5 nghìn tỷ, tăng 40,1%. Tín dụng bán lẻ chiếm 49,1% tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng, tăng từ 39,4% tại 31/12/2021. Cho vay doanh nghiệp SME đạt 69,4 nghìn tỷ, tăng 7,3% so với năm trước. Ngược lại, dư nợ tín dụng (bao gồm cho vay và trái phiếu) của khách hàng doanh nghiệp lớn giảm 9,9% so với năm trước, đạt 165,6 nghìn tỷ và chiếm 35,9% danh mục tín dụng (so với mức 44,8% tại 31/12/2021).

Xét theo ngành nghề kinh doanh, dư nợ với nhóm ngành ReCoM chiếm 36,8% tổng dư nợ, giảm từ mức 42,4% của năm ngoái.

Lợi suất tài sản tăng lên mức 7,5%, so với mức 7,3% năm 2021. Tốc độ điều chỉnh lãi suất cho vay chậm hơn so với mức tăng lãi suất huy động, chủ yếu do sự chuyển dịch danh mục tín dụng trong giai đoạn 2021-2022. Cho vay khách hàng cá nhân (cho vay mua nhà) thường có lãi suất cho vay trung bình thấp hơn nhưng cũng có trọng số rủi ro thấp hơn.

Khoản mục (tỷ đồng)	2022	2021	Biến động	
			+/-	%
Trái phiếu chính phủ	38.830	17.279	21.551	124,7%
Cho vay khách hàng	420.524	347.341	73.182	21,1%
Trái phiếu doanh nghiệp	41.015	62.809	(21.794)	-34,7%
Tài sản Có khác	118.412	98.046	20.366	20,8%
Tổng tài sản sinh lời	618.780	525.475	93.305	17,8%
Tiền gửi và vay từ Kho bạc Nhà nước	8	1	7	829,5%
Vốn trung dài hạn từ các tổ chức tài chính nước ngoài	42.543	27.420	15.123	55,2%
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	125.020	85.039	39.981	47,0%
Tiền gửi của khách hàng	358.404	314.753	43.651	13,9%
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>225.942</i>	<i>155.894</i>	<i>70.048</i>	<i>44,9%</i>
<i>Tiền gửi không kỳ hạn & tiền gửi ký quỹ</i>	<i>132.462</i>	<i>158.858</i>	<i>(26.396)</i>	<i>-16,6%</i>
Phát hành giấy tờ có giá	34.007	33.680	327	1,0%
Tổng nguồn vốn	559.981	460.892	99.089	21,5%
Vốn	36.205	35.586	619	1,7%
Các quỹ	11.609	9.156	2.453	26,8%
Lợi nhuận chưa phân phối	64.483	47.453	17.030	35,9%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.129	847	282	33,3%
Tổng vốn chủ sở hữu	113.425	93.041	20.383	21,9%

Nền tảng vốn vững chắc nhờ tăng trưởng mạnh mẽ từ tiền gửi khách hàng trong nước và nguồn vốn quốc tế

Bất chấp những thách thức liên quan đến chính sách và thị trường tiền tệ trong năm 2022 như lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tăng cao và số dư CASA sụt giảm, Techcombank đã thành công nâng tổng các nguồn huy động vốn thêm 21,5% lên mức 559.981 tỷ đồng, trong khi vẫn duy trì chi phí vốn (CoF) thấp thứ ba trong toàn ngành ngân hàng Việt Nam.

Tiền gửi khách hàng, bao gồm chứng chỉ tiền gửi tăng trưởng 12,8% với một lượng lớn được huy động trong quý 4, qua đó phản ánh sức mạnh vượt trội của hệ thống và sự tin tưởng vào thương hiệu Techcombank.

Không nằm ngoài xu hướng chung, số dư CASA của Ngân hàng bị ảnh hưởng do nhiều khách hàng chuyển tiền sang tiền gửi có kỳ hạn nhằm hưởng lợi từ lãi suất chênh lệch cao hơn đáng kể. Chúng tôi chịu ảnh hưởng rõ rệt hơn của xu hướng này do tệp khách hàng chủ yếu có mức

thu nhập cao và thường có nhiều cơ hội đầu tư linh hoạt hơn. Nhìn chung, năm 2022, số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) giảm 16,6% trong khi số dư tiền gửi có kỳ hạn tăng 44,9%, kéo tỷ lệ CASA giảm xuống mức 37,0%.

Dù tiền gửi của khách hàng vẫn luôn là nguồn huy động vốn chính và lớn nhất, chúng tôi cũng đặt mục tiêu duy trì tỷ lệ tài trợ dài hạn ổn định từ các thị trường liên ngân hàng, nhằm tối ưu hóa chi phí vốn và cân đối giữa thời gian đáo hạn của các khoản vay và nguồn vốn của chúng tôi. Đầu năm 2022, Techcombank đã ký kết khoản vay đồng tài trợ mang tính bước ngoặt trị giá 1,0 tỷ đô la Mỹ, qua đó đánh dấu một cột mốc quan trọng nữa của Ngân hàng trong hoạt động huy động vốn nước ngoài.

Với lãi suất tiền gửi và lãi suất liên ngân hàng tăng cao, cộng với tỷ lệ CASA giảm, chi phí vốn (CoF) của Techcombank đã tăng từ 2,2% năm 2021 lên 2,9% trong năm vừa qua. Chi phí vốn tăng chủ yếu tại nửa cuối năm, đặc biệt vào quý 4.

Nền tảng vốn vững chắc

Nhờ lợi nhuận bền vững từ các hoạt động kinh doanh, tổng vốn chủ sở hữu của Ngân hàng đã tăng 21,9%, đạt 113.425 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tỷ lệ an toàn vốn của chúng tôi tiếp tục ở mức cao, tăng từ 15,0% vào cuối năm 2021 lên 15,2% vào cuối năm 2022, cao hơn quy định 8,0% của NHNN. Việc luân chuyển danh mục tín dụng của chúng tôi từ khách hàng doanh nghiệp lớn sang các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Ngân hàng, đa dạng rủi ro.

Sau khi triển khai quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ (ICAAP) năm 2021, Techcombank đã tiếp tục cải thiện và nâng cao quy trình kiểm tra mức độ tổn thất vốn của Ngân hàng. Ưu tiên chính của chúng tôi là thường xuyên thực hiện kiểm tra sức chịu đựng của Ngân hàng và đảm bảo chúng tôi có đủ vốn khi xảy ra những cú sốc nghiêm trọng, nhờ đó liên tục hỗ trợ khách hàng, đặc biệt trong bối cảnh nhiều biến động và bất định.

Quản trị thanh khoản cần trọng

Năm 2022, các tỷ lệ theo quy định của Ngân hàng được cải thiện hoặc giữ vững ở mức cao hơn nhiều so với hạn mức do NHNN đặt ra.

	Hạn mức 2022	Thực tế 31/12/2022	Hạn mức 2021	Thực tế 31/12/2021
Tỷ lệ thanh khoản	%	%	%	%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥ 10%	18,10%	≥ 10%	14,98%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày - Đồng	≥ 50%	78,51%	≥ 50%	60,78%
Tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi	≤ 85%	76,57%	≤ 85%	75,00%
Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	≤ 34%	28,75%	≤ 37%	28,77%

Ngoài các kiểm tra theo quy định, chúng tôi cũng thực hiện nhiều kiểm tra sức căng thanh khoản dựa trên các sự kiện ảnh hưởng thanh khoản ở các quy mô khác nhau trên toàn thị trường cũng như các kịch bản của riêng Techcombank. Mục đích của thử nghiệm là để dự báo dòng tiền trong một giai đoạn nhất định, giả định lượng tiền rút ra tăng lên đột biến hoặc khả năng tiếp cận nguồn vốn liên ngân hàng đột ngột bị hạn chế. Ngoài ra, Ngân hàng cũng chuẩn bị kịch bản dự phòng thanh khoản (Liquidity Contingency Plan - LCP), giúp đưa ra các biện pháp phản hồi và ngăn ngừa kịp thời trong trường hợp xảy ra khủng hoảng thanh khoản.

Chất lượng tài sản vững mạnh

Trong điều kiện thị trường nhiều biến động, Techcombank vẫn giữ vững được tỷ lệ nợ xấu (NPL) tại ngày 31/12/2022 ở mức 0,72%, chỉ tăng nhẹ so với mức 0,66% cuối năm 2021. Theo Thông tư 11, ngân hàng phải xếp loại nợ theo nhóm thấp nhất của tất cả các khoản vay một khách hàng có trong hệ thống, đồng nghĩa với việc Techcombank phải điều chỉnh xuống các khoản vay của một khách hàng nếu họ bị phân loại thấp hơn ở một ngân hàng khác, kể cả khách hàng vẫn đảm bảo thanh toán các khoản vay tại Techcombank. Quy định này là nguyên nhân chính dẫn tới tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ trong năm 2022.

Tỷ lệ NPL trước CIC của Ngân hàng mẹ ổn định ở mức 0,6%. Chi phí tín dụng giảm rõ rệt từ 0,7% năm 2021 xuống 0,3% năm 2022, một phần nhờ hoàn nhập dự phòng cho các khoản vay được tái cấu trúc do ảnh hưởng của COVID-19 giai đoạn 2020-2021.

Triển vọng tương lai: biến động trong ngắn hạn, nhưng tiềm năng dài hạn vẫn tích cực

Khi kết thúc năm 2021 phần lớn các chỉ số về sinh lời và hiệu quả của Techcombank đều vượt tiến độ 1-2 năm trong kế hoạch 5 năm của Ngân hàng. Kết quả này đạt được ngoài nỗ lực chuyển đổi số, còn có được nhờ chi phí vốn thấp bất thường, trong điều kiện thanh khoản dồi dào giữa đại dịch COVID.

Trong năm 2022 và đặc biệt là trong quý 4, CASA giảm do tín dụng trong hệ thống ngân hàng thắt chặt và khách hàng chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn, do sự chênh lệch đáng kể trong lãi suất của hai loại tiền gửi này. Đồng thời, Techcombank đối mặt với những khó khăn trong thị trường trái phiếu và bất động sản, những mảng kinh doanh thế mạnh của ngân hàng. Điều này khiến biên lãi thuần (NIM) bị thu hẹp và ảnh hưởng đến thu nhập từ phí của chúng tôi, đặc biệt là phí

từ hoạt động ngân hàng đầu tư và trái phiếu. Chúng tôi cho rằng xu hướng này sẽ tiếp tục trong năm 2023, ít nhất là nửa đầu năm, với áp lực đáng kể lên biên lãi ròng và thu nhập từ phí giảm sút, do xu hướng thận trọng của khách hàng đối với trái phiếu, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu và các sản phẩm đầu tư nói chung. Khi cần thiết, và phù hợp quy định hiện hành, chúng tôi sẽ hỗ trợ, chia sẻ với khách hàng, nhằm giúp họ tiếp tục đáp ứng các nghĩa vụ nợ của mình trong giai đoạn khó khăn. Mặc dù thu nhập lãi thuần của Ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng, được phản ánh trong kế hoạch kinh doanh bên dưới, nhưng nợ xấu hữu cơ (nợ xấu của các khách hàng trong sổ sách của Ngân hàng không tính tới ảnh hưởng CIC) được dự báo sẽ chỉ tăng nhẹ và vẫn nằm trong tầm kiểm soát. Ngoài ra, các trường hợp thu nhập từ lãi giảm do quyết định hỗ trợ khách hàng chỉ mang tính ngắn hạn, và sẽ được bù đắp đầy đủ khi dòng tiền của khách hàng trở lại bình thường.

Nhìn chung, 2023 sẽ là năm Techcombank củng cố quỹ đạo tăng trưởng và chiến lược 5 năm của chúng tôi. Chúng tôi sẽ đặc biệt chú trọng duy trì chất lượng vững mạnh của bảng cân đối kế toán, sức khỏe của các khách hàng trong hệ sinh thái, tăng tốc đầu tư vào các định vị giá trị, sản phẩm ngân hàng số và thu hút khách hàng mới trên quy mô lớn.

Một số yếu tố tác động tích cực đã bắt đầu xuất hiện, đưa tới tín hiệu khả quan hơn cho hai thị trường trái phiếu và bất động sản như thay đổi dự kiến trong Luật đất đai, Luật kinh doanh bất động sản, Luật nhà ở sửa đổi, các giải pháp nhằm giải quyết vướng mắc trong phát triển dự án bất động sản, đặc biệt tại các thành phố lớn, và nỗ lực của cả Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính trong việc hạ lãi suất và đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường trái phiếu. Nếu những yếu tố này tiếp tục tăng tốc trong thời gian tới đây sẽ là cơ sở giúp Techcombank đạt kết quả cao hơn so với kế hoạch đề xuất. Trong cả hai kịch bản, chúng tôi đều có sự chuẩn bị sẵn sàng và tiếp tục tin tưởng vào câu chuyện tăng trưởng của Việt Nam trong trung và dài hạn, bao gồm thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu và các thị trường khác.



Kế hoạch kinh doanh 2023

Ban Lãnh đạo Techcombank đã thông qua và dự kiến trình lên cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh 2023 trong Đại hội đồng cổ đông (diễn ra ngày 22 tháng 4 năm 2023) như sau:

(i) Dư nợ tín dụng ⁽¹⁾	511.297 tỷ đồng (tăng trưởng 15% hoặc cao hơn theo chỉ tiêu được NHNN cấp).
(ii) Huy động vốn	Phù hợp với tăng trưởng tín dụng thực tế nhằm tối ưu hóa nguồn huy động.
(iii) Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	22.000 tỷ đồng (giảm 14% so với năm trước).
(iv) Nợ nhóm 3-5 ⁽²⁾	Thấp hơn 1,5%.

(1) Số dư tín dụng riêng Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước
 (2) Nợ nhóm 3-5 của Ngân hàng mẹ, không tính đến ảnh hưởng từ CIC

Các trọng tâm và sáng kiến chiến lược sẽ triển khai trong năm 2023 được trình bày trong Báo cáo của Tổng Giám đốc, từ trang 11 đến trang 16.



Triết lý “khách hàng là trọng tâm” đã tạo cảm hứng cho chúng tôi cá nhân hóa trải nghiệm tại mọi phân cấp khách hàng, và đẩy mạnh chiến lược quản lý tài sản.”

Darren Buckley
Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ



KHOÍ NGÂN HÀNG BÁN LẺ (RBG)

Dư nợ tín dụng khách hàng

↑ **40,1%**

so với năm 2021

Thu hút thêm gần

1,2 TRIỆU
khách hàng mới

Ứng dụng
Techcombank Mobile

4,7/5

điểm số trên
kho ứng dụng

Tổng quan

Năm 2022 chứng kiến sự tăng tốc toàn diện hoạt động của khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG), cung cấp những trải nghiệm ngân hàng được cá nhân hóa đơn giản hơn, thuận tiện hơn từ các kênh số hóa đến các giao dịch trực tiếp (Offline-to-Online – O2O).

Dư nợ tín dụng bán lẻ của toàn Ngân hàng tăng trưởng ấn tượng ở mức 40,1% so với cuối năm 2021. Nếu không tính danh mục cho vay ký quỹ của Công ty Chứng khoán Kỹ thương, danh mục cho vay khách hàng của khối RBG thậm chí tăng trưởng tới mức 48% trong chiến lược dịch chuyển mạnh mẽ hơn sang cho vay khách hàng cá nhân, song song với việc nhiều dự án trong chuỗi ReCoM Ngân hàng tài

trợ triển khai đúng kế hoạch bước sang giai đoạn mở bán. Đồng thời, chúng tôi đẩy mạnh hơn nữa công tác thiết lập các quan hệ ngân hàng chính (primary banking relationship) để gia tăng huy động tiền gửi và đa dạng thu nhập từ phí.

Dựa vào sự hiểu biết sâu sắc được xây dựng trên nền tảng dữ liệu khách hàng chúng tôi đã triển khai nhiều gói sản phẩm dịch vụ mang tính cá nhân hóa dựa trên các định vị giá trị của họ, qua đó đáp ứng những nhu cầu đặc thù của từng tiểu phân khúc khách hàng.

Các nền tảng số hóa mới ra mắt – bao gồm ứng dụng trên điện thoại được đánh giá cao Techcombank

Mobile – cùng sự hợp tác với các đối tác trong hệ sinh thái đã giúp chúng tôi thu hút được nhiều khách hàng mới, gia tăng quy mô nhờ việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trong tầm tay, đơn giản, thuận tiện và an toàn.

Cùng với đó, chúng tôi đã đẩy mạnh chiến lược quản lý gia sản, với mục tiêu xây dựng định vị là đơn vị quản lý gia sản hàng đầu tại Việt Nam cho nhóm khách hàng có tài sản lớn và có thu nhập cao, cũng như cung cấp giải pháp cho các nhóm khách hàng trên hành trình trở thành khách hàng thượng lưu.

Tính đến cuối năm, Ngân hàng đã thu hút thêm được gần 1,2 triệu khách hàng và dẫn đầu ngành về điểm số quảng cáo rờng NPS và điểm hài lòng của khách hàng, qua đó khẳng định niềm tin của khách hàng vào thương hiệu ngày càng lớn mạnh của Techcombank.

Các dấu ấn năm 2022

Tinh chỉnh định vị giá trị khách hàng dựa trên năng lực dữ liệu với các phân khúc và tiểu phân khúc rõ ràng hơn, tái định vị thương hiệu theo nhóm và cung cấp trải nghiệm cá nhân hóa

Khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Triết lý này đã tạo cảm hứng cho chúng tôi nỗ lực thấu hiểu khách hàng cũng như nhu cầu tài chính và khát vọng của họ, từ đó trở thành đối tác đáng tin cậy trên hành trình tài chính của khách hàng.

Nhờ thấu hiểu khách hàng, chúng tôi có khả năng cung cấp những sản phẩm độc đáo được thiết kế riêng biệt cho từng tiểu phân khúc khách hàng đặc thù, trong mọi giai đoạn của vòng đời tài chính, bao gồm:

- (1) Chi tiêu
- (2) Tiết kiệm
- (3) Vay vốn
- (4) Bảo vệ
- (5) Đầu tư.

Năm 2022, khối RBG đã áp dụng cơ chế định giá thông minh toàn diện, tối ưu bán chéo sản phẩm qua đó đem lại giá trị cao nhất cho khách hàng. Ví dụ khách hàng có thể nhận được chiết khấu ưu đãi khi đăng ký và sử dụng từ hai sản phẩm trở lên trong các sản phẩm của ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn bảo hiểm, vay nợ, tiền gửi có kỳ hạn, thẻ v.v. cùng lúc tại một thời điểm hay trong một giai đoạn nhất định. Cơ chế này tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá bên cạnh các dịch vụ vượt trội mà khách hàng của Techcombank được hưởng, qua đó gia tăng cơ hội trong cuộc đua trở thành hoặc giữ vững vị thế ngân hàng chính (primary banking relationship) của khách hàng.

Nhóm khách hàng thu nhập cao

Đối với nhóm các khách hàng có thu nhập cao nhất (affluent customers), khối RBG tiếp tục cải tiến và cho ra mắt các sản phẩm đầu tư, cho vay và bảo hiểm mới, cũng như cung cấp nhiều hơn các trải nghiệm và các dịch vụ tư vấn độc quyền mang tính cá nhân hóa.

Đồng hành với Techcom Capital, Manulife và Manulife Investment, chúng tôi đã ra mắt sản phẩm “Legacy”, một sản phẩm bảo hiểm đột phá giúp chuyển giao tài sản với tính năng bảo vệ trong dài hạn. “Legacy” đồng thời cung cấp lợi ích bảo vệ và lợi ích đầu tư, đáp ứng nhu cầu cũng như khẩu vị rủi ro của khách hàng tại các giai đoạn khác nhau trong vòng đời tài chính. “Legacy” là sản phẩm đầu tiên với các tính năng trên tại Việt Nam và đã được đón nhận rất tích cực, nhanh chóng đóng góp khoảng 39% trong tổng doanh số phí bảo hiểm quy năm (APE) trong năm 2022.



Chúng tôi tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm thuộc các loại tài sản khác nhau, đặc biệt tiên phong trong những sản phẩm có tính thanh khoản cao. Một số sản phẩm mà Ngân hàng cung cấp có thể kể tới như:

- ◆ Danh mục trái phiếu bán lẻ chất lượng cao, có thể kết hợp với chứng chỉ tiền gửi (CD) “Bảo Lộc” để gia tăng độ linh hoạt trong việc quản lý thanh khoản ngắn hạn, giúp khách hàng tối ưu hóa phân bổ tài sản theo ý muốn
- ◆ Dịch vụ giao dịch trái phiếu thứ cấp, thông qua nền tảng iConnect và TCB iCap trên ứng dụng di động của công ty con, TCBS, liên kết trực tiếp với ứng dụng Techcombank Mobile của Ngân hàng
- ◆ Sản phẩm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cao cấp (hợp tác với Manulife), phù hợp hơn với nhu cầu bảo vệ của khách hàng
- ◆ Các gói thẻ tín dụng “Infinite và Signature” được thiết kế lại với hạn mức tín dụng và nhiều ưu đãi phù hợp hơn

- ◆ Các giải pháp bất động sản độc đáo: cùng với các đối tác phát triển bất động sản chúng tôi cung cấp cho khách hàng các nghiên cứu thị trường chuyên sâu được may đo theo nhu cầu và mục tiêu của khách hàng cùng với các gói ưu đãi sớm và ưu đãi độc quyền – củng cố vị thế dẫn đầu của Techcombank trong lĩnh vực này, thể hiện qua dư nợ tín dụng bất động sản nêu trên trong một năm đặc biệt khó khăn của ngành bất động sản.

Techcombank Inspire

Một sản phẩm khác cũng lần đầu tiên được giới thiệu trong ngành là *Inspire*, một định vị thương hiệu mới nhắm đến thế hệ khách hàng “Why not?” trẻ trung, có thu nhập khá và đầy khát vọng. Khách hàng *Inspire* của Techcombank được cung cấp những trải nghiệm, khuyến mãi và ưu đãi thiết kế độc quyền, qua đó giúp họ bày tỏ tính cách, tối đa các giá trị sống, tối ưu các nguồn lực và đạt được mục tiêu tài chính. Khi cần, họ cũng có thể được tư vấn

bởi đội ngũ RM chuyên biệt, hướng tới cuộc sống trọn vẹn hơn và phong phú hơn ngay từ khi họ còn trẻ (*Live Life Richly*).

Giao dịch ngân hàng thường nhật

Trong năm 2022, chúng tôi đã tiếp tục bứt phá trong hoạt động ngân hàng số, và nâng tầm các mối quan hệ đối tác trong hệ sinh thái, qua đó:

- ◆ Mở rộng thị phần ngân hàng chính của khách hàng
- ◆ Gia tăng quy mô khách hàng, mở rộng thêm tập khách hàng đại chúng
- ◆ Cung cấp các dịch vụ ngân hàng thường nhật đơn giản, dễ dàng và thuận tiện hơn nữa, mọi lúc mọi nơi.

Ứng dụng Techcombank Mobile mới

Chúng tôi đã hoàn thiện nâng cấp ứng dụng Techcombank Mobile trong năm 2022, với mục tiêu biến ứng dụng trở thành người trợ lý đồng hành cùng khách hàng trong mọi giao dịch thường nhật. Giờ đây, khách hàng có thể:

- ◆ Thực hiện các giao dịch tài chính nhanh chóng và an toàn, ngay cả khi đang di chuyển
- ◆ Yêu cầu mở, phê duyệt và sử dụng thẻ tín dụng tức thì
- ◆ Dễ dàng mở tài khoản tiền gửi trực tuyến, cũng như tiếp cận các sản phẩm tài chính đa dạng khi cần
- ◆ Cải thiện việc hoạch định tài chính, theo dõi thông minh các khoản chi tiêu và tiết kiệm
- ◆ Thanh toán hóa đơn tự động
- ◆ Đăng ký vay thế chấp mua nhà
- ◆ Nhận kết quả chấm điểm tín dụng.

Tính đến cuối năm, tất cả khách hàng cá nhân có tài khoản đang hoạt động đã chuyển sang ứng dụng mới. Techcombank Mobile hiện đang là một trong những ứng dụng được đánh giá cao nhất tại Việt Nam với điểm số 4,7 trên kho ứng dụng. Tổng số giao dịch của khách hàng cá nhân qua ứng dụng đã đạt đến con số 844,8 triệu giao dịch trong năm 2022, tăng 29,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm gần 90% tổng số giao dịch cá nhân. Tổng giá trị giao dịch đạt 10,5 triệu tỷ đồng, tăng 15,7% so với năm 2021.

Nền tảng chi nhánh số iDO mới

Để cải thiện trải nghiệm khách hàng tại chi nhánh, chúng tôi đã cho ra mắt nền tảng chi nhánh số “iDO”, được thử nghiệm tại 68 chi nhánh trước khi được triển khai rộng rãi trên toàn quốc. Giờ đây, các dịch vụ tại chi nhánh có thể được nhân viên của chúng tôi thực hiện qua máy tính bảng thay thế tài liệu giấy hay cố định tại một địa điểm. Nền tảng



này đã giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng tại chi nhánh, và giúp đội ngũ RM có thêm thời gian tư vấn, cung cấp các giá trị gia tăng cho khách hàng.

Nền tảng “tất cả trong một” WINLife - lần đầu ra mắt tại Việt Nam

Chúng tôi đã tiếp tục nâng tầm các mối quan hệ đối tác trong hệ sinh thái nhằm tăng tốc mở rộng quy mô và hiện thực hóa tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống”.

Vào tháng 10, chúng tôi đã cùng tập đoàn Masan cho ra mắt hệ sinh thái WINLife, giải pháp “tất cả trong một” giúp đáp ứng các nhu cầu tài chính và phi tài chính của người tiêu dùng tại một điểm. Giải pháp này được thử nghiệm ban đầu tại 27 cửa hàng WINLife tại Hà Nội và TP.HCM và mở rộng ra 120 cửa hàng tính đến cuối năm. Hệ sinh thái WINLife mang tới cơ hội cho Techcombank nhân rộng dịch vụ tài chính tới hơn 3.000 cửa hàng WIN trên toàn quốc trong tương lai gần, qua đó tăng tốc thu hút khách hàng với quy mô lớn. Lần đầu tiên tại Việt Nam khách hàng có nhiều lựa chọn thanh toán siêu tiện ích (“T-Pay”) như quét mã QR và thông báo trên ứng dụng di động.

Các cột mốc mới trong mảng kinh doanh thẻ

Một lần nữa, Techcombank khẳng định vị thế đứng đầu với việc cán đích ở vị trí số 1 về giá trị giao dịch của tất cả các loại thẻ trong năm 2022.

Thành công của chúng tôi được ghi nhận qua nhiều hạng mục giải thưởng của ngành, đáng kể bao gồm:

- ◆ Tổng giá trị thanh toán qua thẻ
- ◆ Giá trị thanh toán qua thẻ tín dụng
- ◆ Giá trị thanh toán qua thẻ ghi nợ
- ◆ Giá trị thanh toán không tiếp xúc.

Các phương thức thanh toán đột phá – số hóa, không cần thẻ, không cần tiền mặt

Chúng tôi đã đi đầu cung cấp phương thức thanh toán mới khác biệt với những cách thức truyền thống. Khách hàng có thể thực hiện thanh toán số không cần thẻ hay tiền mặt, qua đó mang lại sự thuận tiện cao nhất. Các phương thức này bao gồm:

- ◆ Thanh toán với mã QR
- ◆ Hợp tác với đối tác thanh toán (Google Pay và Apple)
- ◆ Thẻ thanh toán ảo.



Các chiến dịch marketing độc đáo gia tăng tương tác với khách hàng

Trong tháng 11, chúng tôi triển khai chiến dịch rút thăm may mắn quy mô lớn kéo dài nhiều tháng trên ứng dụng Techcombank Mobile nhằm gia tăng tương tác khách hàng. Khách hàng có thể dễ dàng nhận được nhiều giải thưởng hấp dẫn thông qua các tương tác đơn giản, thú vị, với tổng giá trị lên tới 100 tỷ đồng, cùng linh vật “Mèo Đại Cát” tượng trưng cho năm Mão may mắn (chi tiết xin xem phần Văn phòng Chuyển đổi số tại trang 66).

Quản lý gia sản

Những biến động của thị trường vốn, thị trường bất động sản trong năm 2022 đã khiến các giải pháp giúp bảo vệ, tối ưu hóa và tăng trưởng gia sản trở nên cần thiết hơn bao giờ.

Trong các năm trước đây, Techcombank đã phối hợp với TCBS tiên phong cung cấp các giải pháp đầu tư như trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ, cổ phiếu, và các gói bảo hiểm v.v. Năm 2022, chúng tôi thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa chiến lược quản lý gia sản và tăng cường phối hợp trong toàn hàng để phát triển những sản phẩm chuyên biệt dành cho nhóm khách hàng có giá trị tài sản lớn và nhóm khách hàng thu nhập cao. Ngoài ra chúng tôi cũng đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng tư vấn của đội ngũ RM cũng như thông tin sản phẩm cho tất cả các khách hàng.

Đặc biệt, chúng tôi cũng đã phát triển định vị quản lý gia sản bên cạnh các sản phẩm và dịch vụ khác cho nhóm khách hàng thượng lưu, có thu nhập cao nhất thông qua *Techcombank Private*. Gói dịch vụ cao cấp này được thiết kế nhằm mang tới trải nghiệm cá nhân độc quyền và ưu đãi, thông qua đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng chuyên biệt, các khu vực ưu tiên *Priority+* tại chi nhánh, các tính năng

ưu việt nhất trên ứng dụng ngân hàng trên di động, cùng các phần thưởng và ưu đãi độc quyền khác.

Các dịch vụ quản lý gia sản cũng được triển khai với thiết kế, tính năng và cách tiếp cận thay đổi phù hợp cho nhóm khách hàng *Inspire*, những người trẻ đầy khát khao đang khởi tạo hành trình an toàn tài chính, gia tăng cơ hội tích lũy gia sản từ sớm.

Sự hài lòng cao của khách hàng đối với các dịch vụ với hàm lượng tư vấn chuyên sâu cao của đội ngũ RM khẳng định sự đúng hướng trong nỗ lực tái định vị sản phẩm quản lý gia sản của Techcombank với từng nhóm khách hàng. Chúng tôi sẽ tiếp tục nâng cao kỹ năng và nguồn lực cho đội ngũ nhân viên quan trọng này, góp phần mang lại thịnh vượng tài chính cho khách hàng.

Kế hoạch của khối RBG trong năm 2023

Năm 2023, khối RBG sẽ chú trọng thu hút khách hàng mới, với mục tiêu tăng trưởng nguồn vốn và thu nhập từ phí, đồng thời phát triển các phân cấp nhãn hiệu giúp đáp ứng nhu cầu của các tiểu phân khúc khách hàng riêng biệt. Chúng tôi sẽ:

- Củng cố và mở rộng tập khách hàng thu nhập cao sử dụng Techcombank là ngân hàng chính của họ, thông qua phát triển định vị quản lý gia sản xuất sắc nhất, bao gồm tái định vị và tái triển khai chương trình khách hàng ưu tiên (*Techcombank Priority*)
- Mở rộng tập khách hàng, cả về quy mô và tốc độ, thông qua đẩy mạnh trải nghiệm số mạnh mẽ hơn nữa trong hệ sinh thái “tất cả trong một” WINLife
- Cập nhật đánh giá chiến lược đối với tập khách hàng đại chúng, xác định và triển khai định vị giá trị khách hàng cho các tiểu phân khúc ưu tiên, tận dụng hệ sinh thái của đối tác để triển khai tiếp cận hiệu quả các nhóm khách hàng này
- Tập trung phát triển ngân hàng thanh toán, hoàn thiện chiến lược thanh toán tổng thể, tăng tốc đầu tư hạ tầng và đa dạng hóa các giải pháp thanh toán cho các đối tượng khách hàng khác nhau
- Đẩy mạnh mảng kinh doanh bảo hiểm và giải pháp bảo vệ thông qua các sản phẩm mới thiết kế riêng cho từng phân khúc khách hàng. Chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào năng lực dữ liệu và số hóa để cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm và dịch vụ hậu mãi xuất sắc nhất. Thông qua hợp tác với các công ty bảo hiểm hàng đầu, cùng dịch vụ tư vấn của một công ty hàng đầu trên thế giới, chúng tôi tự tin nâng cao năng suất và năng lực tư vấn của đội ngũ nhân viên, cung cấp cho khách hàng sản phẩm bảo hiểm đúng như họ cần
- Đầu tư vào nhân tài để tiếp tục nâng cao dịch vụ khách hàng cũng như năng lực tư vấn quản lý gia sản.



Thấu hiểu những khó khăn của khách hàng, chúng tôi đã đơn giản hóa đáng kể trải nghiệm của họ bằng ứng dụng Techcombank Business, cùng những gói cho vay thuận tiện và dịch vụ “may đo” cho từng phân khúc.”

Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp



KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (BB)

Tổng quan

Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB) đã đạt được kết quả tích cực trong năm 2022, giúp ngân hàng đẩy mạnh đa dạng hóa tập khách hàng.



Khách hàng của chúng tôi được hưởng lợi nhờ vào các định vị số hóa sâu sắc hơn, ngay từ khi khởi tạo hành trình khách hàng trên nền tảng kỹ thuật số cho tới hàng loạt các sản phẩm dịch vụ được “may đo” cho từng tiểu phân khúc khách hàng theo các nhóm ngành nghề cụ thể trên mọi nền tảng trực tiếp và trực tuyến.

Trong năm chúng tôi cũng đã cải tiến các mô hình và giải pháp tin dụng, đặc biệt cho các ngành nghề liên quan tới xuất nhập khẩu. Ngoài ra, hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) mới của chúng tôi đã giúp các nhân viên kinh doanh cung cấp dịch vụ nhanh và liền mạch hơn tới khách hàng.

Những con số biết nói...

Với việc tập trung chiến lược vào nhóm ngành cụ thể, cung cấp giải pháp đột phá cho khách hàng khối BB đã đạt được những kết quả ấn tượng trong năm:

↑ 30,5%	Thu nhập hoạt động
↑ 17,3%	Số dư tiền gửi khách hàng
↑ 7,3%	Dư nợ cho vay
↑ 33,5%	Thu nhập phí và ngoại tệ thuần
↑ 34,9%	Số lượng giao dịch nội địa
↑ 34,9%	Số lượng giao dịch quốc tế
↑ 47,4%	Giá trị giao dịch quốc tế
↑ 33,5%	Doanh số giao dịch trên các kênh số hóa

Các dấu ấn năm 2022

Dịch vụ tài chính ngân hàng trở nên đơn giản hơn

Nhằm giải quyết những thách thức phức tạp mà khách hàng doanh nghiệp phải đối mặt, chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh lợi thế năng lực của nhóm các đối tác đa dạng của Techcombank, cung cấp một loạt các định vị giá trị mới trên các nền tảng khác nhau, tập trung vào sự **thuận tiện** và **đơn giản**:

- ◆ Ứng dụng ngân hàng trên điện thoại mới, Techcombank Business, sử dụng hồ dữ liệu và những phân tích hiện đại nhất của Techcombank, giúp khách hàng tiếp cận tín dụng dễ dàng hơn cũng như thuận tiện sử dụng các dịch vụ ngân hàng mọi lúc, mọi nơi

- ◆ Các gói sản phẩm thiết kế riêng cho các khách hàng SME thuộc một số tiểu phân khúc cụ thể (ví dụ doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp giao nhận, doanh nghiệp tư vấn v.v.)
- ◆ Quy trình cho vay được đơn giản hóa, bao gồm phê duyệt trước lên đến 20 tỷ đồng cho các khách hàng hiện hữu
- ◆ Cải tiến đa dạng gói sản phẩm BusinessOne, đáp ứng toàn diện các nhu cầu ngân hàng thường nhật của các nhóm khách hàng doanh nghiệp với các nhu cầu khác nhau cho dịch vụ ngân hàng tại thị trường nội địa và thị trường quốc tế.

Ứng dụng Techcombank Business trên điện thoại

Ứng dụng mới của chúng tôi đã được các khách hàng SME đón nhận nồng nhiệt. Cùng với các kênh số khác như F@st EBank, và kết nối trực tiếp (Direct Integration), 78% tổng

số lượng giao dịch của khách hàng BB được thực hiện trên nền tảng số. Các khoản vay số hóa được phê duyệt trước trên ứng dụng cũng góp phần hoàn thiện trải nghiệm của các khách hàng SME, từ đó tăng lượng khách hàng tin tưởng lựa chọn Techcombank là ngân hàng giao dịch chính (MOA).

Dịch vụ thiết kế “may đo” riêng cho các tiểu phân khúc

Bằng cách thiết kế riêng các dịch vụ trực tuyến và tại chi nhánh cho khách hàng thuộc các nhóm ngành nghề khác nhau dựa trên các nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, chúng tôi cũng đã thành công trong việc cung cấp trải nghiệm ngân hàng đa kênh liền mạch cho các khách hàng SME:

- ◆ Các gói tài trợ được thiết kế riêng theo ngành dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh (FMCG), tiện ích, công nghệ thông tin và



- ◆ viễn thông
- ◆ “QR code” – dịch vụ thanh toán quét mã
- ◆ “Virtual account” – tài khoản ảo cho các khách hàng trong ngành giao nhận, vận tải
- ◆ “Chúng chi tiền gửi (CD) Bảo Lộc” giúp khách hàng tối ưu hóa lợi suất từ dòng tiền nhàn rỗi, ví dụ như các doanh nghiệp giáo dục, y tế, dịch vụ tư vấn
- ◆ “B1C online” cho các khách hàng có nhu cầu vay vốn với quy mô nhỏ, cần giải ngân nhanh
- ◆ Giải pháp ngoại hối online qua đó khách hàng có thể có tỷ giá dựa trên cơ chế thương lượng hoặc tự động xác định trước cho các nhà xuất khẩu, nhập khẩu có doanh số giao dịch tương đối ổn định.

Cho vay dễ dàng hơn

Năm 2022 đánh dấu một cột mốc quan trọng, khi mà chúng tôi thành công trong việc giảm đáng kể thời gian phê duyệt cho các khoản tín dụng nhỏ (tối đa 20 tỷ đồng), thông qua tính năng phê duyệt trước cho cả các khách hàng hiện hữu của Ngân hàng cũng như khách hàng trong hệ sinh thái của các đối tác. Nhờ vào nền tảng dữ liệu và phân tích dữ liệu, chúng tôi đã triển khai 2 gói sản phẩm mới bao gồm:

- (1) Gói vay lên đến 5 tỷ đồng không cần tài sản đảm bảo cho cả khách hàng hiện hữu lẫn khách hàng mới
- (2) Gói vay lên đến 20 tỷ đồng cho các khách hàng hiện hữu, chỉ cần đảm bảo một phần bằng tài sản giá trị tương đương 10 tỷ đồng.

Việc phê duyệt mới và gia hạn cho các khoản vay này được thực hiện dựa trên các nguyên tắc chặt chẽ, đảm bảo rủi ro trong phạm vi cho phép, sử dụng nhiều tham số đầu vào khác nhau như:

- ◆ Hành vi dòng tiền giao dịch
- ◆ Khả năng thanh toán nợ
- ◆ Các chỉ báo tài chính
- ◆ Các hệ thống tích hợp, bao gồm cảnh báo sớm và quét giao dịch trước và sau khi phát sinh hành vi gian lận.

Những sáng kiến nói trên giúp các doanh nghiệp nhỏ tiếp cận nhanh nguồn vốn một cách đơn giản và thuận tiện hơn nhiều so với trước đây. Ví dụ, thời gian xử lý từ khi khách hàng đề nghị cấp tín dụng cho tới khi giải ngân được giảm xuống chỉ còn 3 ngày. Khách hàng giờ có thể dễ dàng thực hiện mọi thao tác trên ứng dụng di động Techcombank Business mới của chúng tôi.



Gói sản phẩm BusinessOne

Chúng tôi đã cải tiến gói sản phẩm chủ đạo BusinessOne để đáp ứng các nhu cầu của từng khách hàng riêng biệt, bao gồm:

- ♦ **BusinessOne Plus:** Phục vụ các doanh nghiệp có doanh số thanh toán quốc tế lớn. Khách hàng sẽ được hưởng mức phí chuyển tiền quốc tế cũng như tỷ giá hối đoái ưu đãi cạnh tranh nhất, thông qua ứng dụng ngân hàng số hóa của chúng tôi.
- ♦ **BusinessOne Connect:** Phục vụ các khách hàng có doanh số thanh toán nội địa lớn.
- ♦ **BusinessOne Premium:** Dành riêng cho các doanh nghiệp SME có quy mô lớn với nhiều ưu đãi hơn, phê duyệt tài khoản phi tập trung và bảo mật hai lớp.

Hợp tác với MISA

Chúng tôi đã tăng trưởng nhờ tận dụng hệ sinh thái sâu rộng từ các đối tác. Chúng tôi hợp tác chiến lược cùng MISA – nhà cung cấp phần mềm kế toán hàng đầu Việt Nam với 27 năm kinh nghiệm và hơn 120.000 khách hàng SME trên 20 quốc gia – cung cấp gói sản phẩm tài chính ngân hàng số linh hoạt bao gồm tín dụng, quản lý dòng tiền v.v. cho các khách hàng của MISA.

Nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên kinh doanh thông qua hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM) mới

Hệ thống CRM mới của Techcombank, được triển khai trong Quý 4/2022, đã giúp thay đổi cách làm việc của đội ngũ nhân viên kinh doanh. Ngoài việc giúp cải thiện năng suất cũng như trải nghiệm khách hàng, hệ thống này còn hỗ trợ:



- ♦ Tập trung hóa danh mục khách hàng, các mối kinh doanh tiềm năng, các đầu mối liên lạc và các hoạt động hoặc nhiệm vụ liên quan
- ♦ Đơn giản hóa quy trình định danh khách hàng (KYC) thông qua sử dụng đầu mối thông tin từ nhiều nguồn khác nhau
- ♦ Cung cấp nhiều góc nhìn nhằm quản lý và giám sát khách hàng
- ♦ Chuẩn hóa quy trình bán hàng cho các khách hàng đặc thù
- ♦ Cho phép quản lý bán hàng theo dạng phiếu tương tác, đa góc độ
- ♦ Cải thiện công tác xử lý các thắc mắc và khiếu nại của khách hàng.



Kế hoạch của khối BB trong năm 2023

Trong năm 2023, chúng tôi sẽ tiếp tục đồng hành, phát triển cùng khách hàng thông qua cung cấp giao dịch kinh doanh đơn giản hơn, tốc độ tài trợ nhanh hơn và tiếp cận sâu hơn hệ sinh thái của mạng lưới các đối tác.

Trong đó, chúng tôi sẽ đặc biệt ưu tiên:

- ♦ Cải tiến hơn nữa các gói tài trợ đặc thù và thúc đẩy tăng trưởng khách hàng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong lĩnh vực dệt may, gỗ và nội thất, cao su, hạt điều v.v.
- ♦ Cung cấp vốn lưu động và các công cụ quản trị rủi ro nhằm hỗ trợ khách hàng tham gia hiệu quả hơn vào môi trường kinh doanh toàn cầu
- ♦ Gia tăng giá trị cho khách hàng bằng cách giúp họ tối ưu hóa dòng tiền, đơn giản hóa hoạt động và cung cấp tài chính thông qua các giải pháp chuỗi cung ứng đa dạng
- ♦ Cung cấp cho khách hàng SME các công cụ quản lý thanh khoản và tiền mặt tiên tiến được sử dụng bởi các doanh nghiệp lớn
- ♦ Hỗ trợ giao dịch dễ dàng, đặc biệt là cho các nhà bán lẻ (merchants) với khối lượng giao dịch thanh toán lớn, thường xuyên dễ dàng trong gói thanh toán “tất cả trong một” hay trên ứng dụng di động
- ♦ Sử dụng nền tảng iDO giúp đội ngũ kinh doanh nâng cao năng suất nhờ tập trung vào cung cấp các dịch vụ tư vấn.



Nhờ đa dạng hóa sang nhiều ngành nghề mới, nâng cao nghiệp vụ quản trị rủi ro và những năng lực khác, chúng tôi đã vượt qua những khó khăn đáng kể tại những thị trường kinh doanh chính.”

Phan Thị Thanh Bình
Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn



KHOÍ NGÂN HÀNG BÁN BUÔN (WB)

35,9%

tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng được cung cấp cho khách hàng WB

Tổng quan

Khối Ngân hàng Bán buôn (WB) tiếp tục là đơn vị có những đóng góp trọng yếu vào kết quả kinh doanh toàn hàng năm 2022 cũng như trong chiến lược 2021-25, thông qua vai trò dẫn dắt của khối trong chiến lược tài trợ theo chuỗi giá trị. Chúng tôi hợp tác chặt chẽ với khách hàng và các khối khác trong việc xây dựng sản phẩm dịch vụ, tối đa hóa năng lực phục vụ khách hàng, qua đó gia tăng thị phần khách hàng bán buôn cho Ngân hàng.

Đáng chú ý, thông qua sự thu xếp của phòng Định chế Tài chính thuộc WB, chúng tôi đã huy động thành công khoản vay hợp vốn trị giá 1 tỷ đô la Mỹ với kỳ hạn từ 3-5 năm trên thị trường quốc tế. Nguồn vốn huy động này có giá trị cực kỳ quan trọng đối với Techcombank trong điều kiện thị trường nhiều biến động và thanh khoản thắt chặt hơn của năm 2022. Trước đó, ngân hàng cũng đã huy động các khoản vay trị giá 500 triệu đô la Mỹ năm 2020 và 800 triệu đô la Mỹ năm 2021, qua đó là ngân hàng duy nhất của Việt Nam thành công trong việc tiếp cận nguồn vốn dài hạn với chi phí cạnh tranh trong những năm gần đây.

Các dấu ấn năm 2022

Nhu cầu tín dụng và phi tín dụng từ các khách hàng WB tiếp tục cao

Trong năm vừa qua, chúng tôi một lần nữa tập trung vào tăng trưởng tập khách hàng thuộc 3 lĩnh vực kinh tế chính, ngoài bất động sản, xây dựng và vật liệu xây dựng (ReCoM):

- ◆ Hàng tiêu dùng nhanh, bán lẻ và logistics (FMCG, Retails, Logistics)
- ◆ Dịch vụ tiện ích (điện, nước v.v.) và viễn thông
- ◆ Dịch vụ tài chính.

Nhờ các gói sản phẩm dịch vụ được mở rộng, khối WB đã có thể đáp ứng nhu cầu tín dụng lẫn phi tín dụng ngày càng phức tạp của nhóm khách hàng doanh nghiệp lớn, bất chấp những tác động bất lợi từ thị trường trái phiếu và bất động sản.

Theo công ty nghiên cứu thị trường CBRE, nguồn cung căn hộ tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong 6 tháng cuối năm 2022 giảm 53% so với nửa đầu năm. Cũng trong khoảng thời gian này, số lượng căn hộ giao dịch thành công giảm 41% so với 6 tháng đầu năm khi thị trường rục rịch hồi phục sau ảnh hưởng của đại dịch COVID năm 2021. Tuy vậy, phân khúc cao cấp chiếm tới 90% tổng nguồn cung căn hộ mới tại thành phố Hồ Chí Minh, và 55% tại Hà Nội, và đây đồng thời cũng là phân khúc ưu tiên của Techcombank trong nhóm ngành ReCoM.

Trong bối cảnh này, dư nợ tín dụng cung cấp cho các khách hàng WB đạt 165.619 tỷ đồng, giảm 9,9% so với 2021. Sự suy giảm chủ yếu do hạn mức tăng trưởng tín dụng thu hẹp so với năm trước. Dư nợ tín dụng của WB vào cuối năm 2022 chiếm 35,9% tổng danh mục tín dụng của Ngân hàng.

Nhìn chung, chúng tôi vẫn tin tưởng vào tiềm năng dài hạn của thị trường bất động sản, cũng như thị trường trái phiếu, một kênh huy động vốn quan trọng cho doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có nhu cầu vốn lớn như bất động sản, điện, năng lượng v.v. Với kinh nghiệm, lợi thế đi đầu và vị thế hiện tại Techcombank sẽ tiếp tục nâng cao nghiệp vụ trong mô hình khởi tạo – tư vấn – phân phối sản phẩm trái phiếu phù hợp với quy định và nhu cầu tài chính, nhu cầu đầu tư của khách hàng.

Khối WB đã thu xếp vốn cho các dự án quy mô lớn, bằng việc triển khai một chuỗi các sản phẩm tài trợ cả trong và ngoài bảng cân đối kế toán, bao gồm các khoản vay song phương và đồng tài trợ, bảo lãnh vay vốn, trái phiếu, tài trợ dự án và các công cụ thị trường khác. Thu nhập phí thuần (NFI) trong năm đạt tới 3.313 tỷ đồng, nhờ vào tăng trưởng mạnh mẽ từ các sản phẩm như:

- ◆ Dịch vụ quản lý tiền mặt và thanh toán
- ◆ Bảo lãnh vay vốn – giao dịch bảo lãnh khoản vay nước ngoài lớn nhất trên thị trường Việt Nam năm 2022
- ◆ Thư tín dụng trả ngay (UPAS LC)
- ◆ Các sản phẩm phái sinh.

Tiếp tục đa dạng hóa sang các lĩnh vực ngoài chuỗi ReCoM nhờ vào quy mô năng lực mở rộng

Mặc dù hạn mức tín dụng bị thu hẹp, dư nợ trung bình trong năm 2022 dành cho lĩnh vực FMCG và tiện ích đã tăng lần lượt 56,5% và 46,4% so với năm trước đó. Tổng thu nhập hoạt động (TOI) tương ứng tăng 55,8% và 72,8%.

Vào tháng 11/2022, Techcombank đã hoàn tất giao dịch bảo lãnh khoản vay dành cho một khách hàng lớn ngoài lĩnh vực ReCoM. Giao dịch bảo lãnh này cho phép khách hàng tiếp cận khoản vay quốc tế với tổng trị giá 300 triệu đô la Mỹ. Đây là lần đầu tiên Techcombank bảo lãnh cho giao dịch của một doanh nghiệp ở nước ngoài, đồng thời là giao dịch bảo lãnh lớn nhất trên thị trường Việt Nam năm 2022.

Dư nợ trung bình

↑ **56,5%** FMCG

↑ **46,4%** Tiện ích

Tổng thu nhập hoạt động

↑ **55,8%** FMCG

↑ **72,8%** Tiện ích

Trong năm số dư tiền gửi của khách hàng WB đạt 59.828 tỷ đồng, tăng 25,8% so với trung bình năm trước. Trong đó, số dư trung bình tiền gửi không kỳ hạn (CASA) duy trì ổn định và khối lượng tiền gửi có kỳ hạn trung bình tăng 59,7% so với 2021.



Nâng cao quản trị rủi ro đóng vai trò then chốt, đặc biệt trong môi trường hoạt động nhiều biến động

Khi Ngân hàng lựa chọn chuỗi giá trị ReCoM là trọng tâm, chúng tôi đã đồng triển khai và liên tục cải tiến mô hình định giá, xét duyệt tín dụng, thực tế vận hành và kiểm soát sau giải ngân.

Khối WB đã phối hợp với Khối Quản trị Rủi ro (RMD) triển khai một nền

tảng cho vay doanh nghiệp mới, gọi tắt là BCDE (nền tảng ra quyết định tín dụng doanh nghiệp). Bằng cách chuẩn hóa cấu trúc hạn mức và điều khoản tín dụng, cũng như tinh chỉnh kết nối giữa hệ thống phê duyệt tín dụng và hệ thống vận hành, chúng tôi hướng tới cung cấp cho khách hàng WB một quy trình tín dụng đầu cuối được tự động hóa và tối ưu hóa nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Nhiệm vụ quản trị rủi ro thận trọng đã cho phép chúng tôi duy trì tỷ lệ nợ xấu (NPL) của khối ở mức gần 0%.

Chi phí dự phòng của khối WB năm 2022 là một khoản thu ròng nhờ một số khoản hoàn nhập dự phòng đã trích lập năm trước. Đây là một thành tích đáng được ghi nhận, trong bối cảnh đặc biệt khó khăn của thị trường bất động sản năm qua.

Cải thiện hơn nữa năng lực và công cụ cho đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng (RM)

Chúng tôi đã triển khai giai đoạn 1 của hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM), hợp tác cùng Salesforce, nhằm hỗ trợ chuyên viên quan hệ khách hàng tương tác hiệu quả hơn. Chúng tôi cũng đầu tư cho đội ngũ cán bộ của WB tham gia vào các khóa đào tạo đặc thù về tín dụng, sản phẩm tài chính và kỹ năng lãnh đạo do các tổ chức quốc tế như Moody's và Simitri cung cấp.

Các khách hàng đã nhận thấy những cải thiện nói trên và đưa ra phản hồi tích cực, đóng góp chung vào thành tựu của toàn hàng khi kết thúc năm 2022 với điểm NPS (Net Promoter Score) số 1 tại Việt Nam.

Kế hoạch của khối WB trong năm 2023

Chúng tôi đặt mục tiêu mở rộng tập khách hàng ngoài 4 lĩnh vực kinh tế mục tiêu hiện tại (như đề cập ở trên), hướng vào các lĩnh vực du lịch và nghỉ dưỡng, công nghiệp ô tô, và vào các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có quy mô lớn.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nâng cao năng lực thu xếp vốn thông qua các sản phẩm ngoại bảng (cân đối kế toán), dựa vào nhiều nguồn vốn tài trợ trong và ngoài nước. Các nguồn tài trợ này bao gồm cả nguồn tài chính xanh, được các định chế tài chính phát triển hàng đầu cung cấp đối với các khách hàng đã thực hiện tuân thủ các chuẩn mực bền vững ESG.

Năm 2023, chúng tôi sẽ đặt trọng tâm trở thành ngân hàng giao dịch chính (MOA) của khách hàng thông qua:

- ◆ Chuẩn hóa và số hóa hành trình tín dụng khách hàng để cung cấp trải nghiệm tốt nhất mà chúng tôi có thể mang lại
- ◆ Tiếp tục cung cấp các giải pháp và dịch vụ xuất sắc nhất, từ quản lý tiền mặt đến tiếp cận thị trường vốn
- ◆ Hợp tác với các nền tảng và các chuyên gia tư vấn quốc tế hàng đầu để thử nghiệm các giải pháp nguồn vốn, giúp nâng cao năng lực quản lý thanh khoản và vốn lưu động của khách hàng.



Tốc độ tăng trưởng của chúng tôi được thúc đẩy bởi năng lực số hóa hàng đầu, những sản phẩm và giải pháp đột phá, gói dịch vụ dành riêng cho khách hàng SME-MSME và thúc đẩy chiến lược Ngân hàng Giao dịch chính.”

Phan Thanh Sơn
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu



KHỐI NGÂN HÀNG GIAO DỊCH TOÀN CẦU (GTS)

Nhờ những hành động thúc thời mang tính chiến lược như tăng cường khả năng đáp ứng của nền tảng số, tối ưu các giải pháp kết nối trực tiếp, mở rộng các gói dịch vụ, khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu (GTS) đã biến những thách thức của năm 2022 thành cơ hội cho Techcombank.

Tổng quan

Thu nhập từ phí tăng trưởng 54% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ tài trợ thương mại và hoạt động ngoại hối. Những số liệu thống kê tăng trưởng thu nhập theo năm dưới đây là minh chứng rõ rệt nhất:

THU NHẬP TỪ PHÍ
 TĂNG TRƯỞNG

54%

so với cùng kỳ năm trước

↑ 89%
Sản phẩm quản lý tiền mặt

Dịch vụ chuyển tiền – tăng 29%
 Dịch vụ tài khoản – tăng 191%
 Dịch vụ đại lý – tăng 199%
 Dịch vụ thu hộ – tăng 33%

↑ 44%
Dịch vụ tài trợ thương mại

Thư tín dụng L/C – tăng 34%
 Bảo lãnh – tăng 65%

↑ 75%
Hoạt động ngoại hối

Cùng với đó, hàng loạt chương trình đã được khởi GTS thực thi góp phần giúp Techcombank hiện thực hoá mục tiêu trở thành ngân hàng giao dịch chính (MOA) của khách hàng, có thể kể đến như: triển khai các mô hình sản phẩm đột phá, nâng cấp mô hình dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Các dấu ấn năm 2022

Tăng tốc và cải thiện năng lực số hóa

Nhờ tập trung cải tiến và tối ưu hóa nền tảng giao dịch trực tuyến như Techcombank Mobile và Techcombank Business, chúng tôi đã gia tăng đáng kể lượng giao dịch số, bao gồm:

- ♦ Số lượng giao dịch chuyển tiền nội địa tăng 58%, nâng tỷ trọng giao dịch trên nền tảng số lên 86%, từ mức 81% trong năm 2021
- ♦ Giá trị giao dịch chuyển tiền quốc tế tăng 69%, nâng tỷ trọng giao dịch trên nền tảng số lên 76%, từ mức 68% trong năm 2021
- ♦ Giá trị giao dịch ngoại hối (FX) tăng 38%, với số lượng giao dịch tăng 27%. Tỷ trọng giao dịch trên nền tảng số tăng nhẹ lên 66%.

Tinh gọn hệ thống kết nối trực tiếp giữa khách hàng và ngân hàng

Chúng tôi tiếp tục mở rộng số lượng các kết nối trực tiếp mới giữa doanh nghiệp và khách hàng. Những cải tiến lớn đã giúp kết nối hệ thống tốt hơn, qua đó hỗ trợ xử lý nhanh chóng các giao dịch tự động hóa với khối lượng và tần suất lớn.

- ♦ Khối lượng giao dịch thanh toán tăng gấp 2,9 lần. Giá trị giao dịch tăng 82%
- ♦ Khối lượng giao dịch thu hộ tăng 57%. Giá trị giao dịch tăng 25%.

Mở rộng các gói sản phẩm dịch vụ dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và doanh nghiệp vi mô (MSME)

Dựa trên phân tích các nhu cầu chuyên biệt của nhóm doanh nghiệp SME, MSME, khởi GTS và BB đã thiết kế các đề xuất dịch vụ phù hợp để mang đến trải nghiệm tốt hơn cho nhóm doanh nghiệp này. Những hiệu quả đem lại rất tích cực:



Doanh nghiệp SME

- ♦ Giá trị chuyển tiền quốc tế tăng 31%
- ♦ Giá trị giao dịch ngoại hối tăng 22%, với khối lượng tăng 21%.

Doanh nghiệp MSME

- ♦ Giá trị chuyển tiền quốc tế tăng 118%
- ♦ Giá trị giao dịch ngoại hối tăng 64%, với khối lượng tăng 41%.

Tăng tốc thực thi chiến lược Ngân hàng Giao dịch chính (MOA)

Chúng tôi đẩy mạnh việc theo đuổi chiến lược Ngân hàng Giao dịch chính (MOA) bằng cách cung cấp thêm những dịch vụ gia tăng giá trị như giải pháp ngân hàng giao dịch và mô hình quản lý nguồn vốn và thanh khoản. Với Techcombank khách hàng có thể tiếp cận và sử dụng các công nghệ tiên tiến nhất, giúp họ vượt qua các biến động ngày càng nhiều trong môi trường kinh doanh hiện đại, từng bước đặt nền móng cho các bước phát triển đột phá trong tương lai. Đặc biệt có thể kể đến:

Phát triển các giải pháp quản lý vốn cho doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường nội địa và quốc tế ngày một biến động

Chúng tôi đã thành lập một tổ dự án tập trung phát triển giải pháp giúp khách hàng có thể quản lý nguồn vốn và thanh khoản một cách hiệu quả hơn trên nền tảng số.

Chúng tôi cũng tiên phong tổ chức các buổi hội thảo chuyên sâu nhằm lắng nghe, phân tích và thấu hiểu những khó khăn doanh nghiệp gặp phải trong quá trình quản lý dòng tiền và thanh khoản cho khách hàng. Điều này sẽ giúp Techcombank điều chỉnh, tối ưu những đề xuất của mình khi đưa ra các dịch vụ cho khách hàng.

Tiếp tục triển khai những sản phẩm và giải pháp mới mang tính đột phá

Trong năm 2022, chúng tôi đã cho ra mắt nhiều sản phẩm và giải pháp đột phá, vượt trội, bao gồm:

- (1) Giải pháp đầu tư
- (2) Giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng
- (3) Thu hộ qua tài khoản định danh
- (4) Thanh toán bằng mã QR thông qua các ví điện tử
- (5) Nền tảng chữ ký số tập trung và nhiều sản phẩm khác.

Tiên phong trong các giải pháp đầu tư:

Chúng tôi tập trung chuyển đổi và tinh chỉnh các mô hình quản lý dòng tiền của doanh nghiệp, đồng thời phát triển giải pháp đầu tư trên nền tảng số nhằm tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi và mang lại lợi ích tối đa cho doanh nghiệp. Trong năm 2022, chúng tôi đã phát hành hơn 4.200 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi cho 117 khách hàng doanh nghiệp.

Tinh chỉnh và cải tiến các giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng:

Chúng tôi đã chuẩn hóa và số hóa các quy trình đầu cuối với mục đích hỗ trợ các khách hàng doanh nghiệp SME và MSME quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả hơn, qua đó giúp họ tiết kiệm thời gian, tối ưu hóa chi phí cũng như nâng cao năng suất. Nền tảng trực tuyến của chúng tôi giờ đây cung cấp một bộ giải pháp tài chính toàn diện và linh hoạt với khả năng truy cập tài khoản theo thời gian thực và các tính năng có thể tùy chỉnh. Theo đó, các khách hàng của chúng tôi có thể theo dõi tất cả các khoản thanh toán, phải thu, thanh khoản và thay đổi giá trị tài sản trên nền tảng này. Có thể nói, quản lý dòng tiền chưa bao giờ dễ dàng hơn với sự hỗ trợ của Techcombank.

Giải pháp thu hộ qua tài khoản định danh: Giải pháp thu hộ mới được triển khai này giúp các khách hàng doanh nghiệp kịp thời kiểm soát và đối chiếu các nguồn ngân quỹ một cách hiệu quả. Kể từ khi ra mắt vào tháng 10, giải pháp này đã nhận được phản ứng tích cực từ khách hàng. Tính đến cuối năm 2022, đã có 20 tổ chức, doanh nghiệp sử dụng giải pháp này của chúng tôi.

Mở rộng ứng dụng mã QR: Bằng cách hợp tác với những nhà cung cấp dịch vụ ví điện tử lớn trên thị trường như VNPAY, VIMO và Ngân Lượng, chúng tôi đã có thể cung cấp dịch vụ thanh toán và chuyển khoản sử dụng mã QR, giúp việc giao dịch nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Triển khai nền tảng chữ ký số tập trung: Nền tảng chữ ký số tập trung là một sản phẩm khác của chúng tôi lần đầu xuất hiện trong ngành ngân hàng tại Việt Nam. Đây là một bước tiến lớn hướng đến việc số hóa toàn diện các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp mà Techcombank cung cấp.

“Thông tin hàng đầu, tư vấn chuyên sâu”

GTS đã phối hợp với khối Ngân hàng Bán buôn (WB) và khối Ngân hàng Doanh nghiệp (BB) tổ chức chuỗi hội thảo “Dự báo thị trường 2023: Quản trị thanh khoản cho doanh nghiệp Việt Nam”. Khoảng 400 Tổng

Giám đốc và Giám đốc tài chính từ các doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam đã tham dự các diễn đàn tại TP.HCM và Hà Nội. Với sự am hiểu thị trường sâu sắc, năng lực và công cụ dự báo, Techcombank đã chứng tỏ vai trò đối tác quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp tìm hướng đi giữa những biến động chính trị và kinh tế toàn cầu.

Khảo sát của chúng tôi cho thấy hơn 80% những người tham gia thấy nội dung hữu ích và đặc biệt hứng thú với mục chia sẻ kiến thức và mở rộng mạng lưới quan hệ. Họ cũng bày tỏ sự quan tâm về việc tham gia các hội thảo tương tự ít nhất hai lần mỗi năm.

Thiết lập mô hình chất lượng dịch vụ “RATER”, nâng cao năng lực và vị thế của Techcombank

Chúng tôi đã thiết lập một bộ chỉ tiêu toàn diện giúp đo lường chất lượng dịch vụ trên cả 3 hệ thống giao dịch điện tử chính của Techcombank là F@st EBank, Techcombank Business và hệ thống kết nối trực tiếp.

Thông qua áp dụng mô hình đo lường RATER, chúng tôi đã tiến hành phân tích để xác định những khâu có thể nâng cao chất lượng dịch vụ. Từ đó chúng tôi thiết lập thước đo cơ sở cho 13 chỉ tiêu và đặt ra các mục tiêu ngắn hạn đi kèm với kế hoạch hành

động giúp cải thiện chất lượng dịch vụ. Tới cuối năm 2022, chúng tôi đã đạt được tiến bộ trên hầu hết các chỉ tiêu này, trong đó 60% chỉ tiêu đã tốt hơn so với thước đo cơ sở. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận được phản hồi hết sức tích cực từ phía khách hàng.

Một số cột mốc và giải thưởng trong năm

Nỗ lực của chúng tôi tiếp tục được ghi nhận bằng các giải thưởng danh giá cho các hạng mục ngoại hối, thanh toán và tài trợ chuỗi cung ứng:

- ◆ **Ngoại hối:** giải thưởng **Most Active Bank** (Ngân hàng năng động nhất Việt Nam), **Best Market Maker** (Nhà tạo lập thị trường tốt nhất Việt Nam) và **Top 5 volume trader** (Một trong 5 ngân hàng có khối lượng giao dịch FX lớn nhất) của *Refinitiv*
- ◆ **Thanh toán:** **Vietnam’s Best Corporate Payment Implementation** (Ngân hàng thanh toán xuất sắc nhất Việt Nam) của *The Asian Banker*
- ◆ **Tài trợ chuỗi cung ứng:** **Best Supply Chain Finance in Vietnam** (Ngân hàng cung cấp giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng tốt nhất Việt Nam) của *The Asian Banker*.

Nỗ lực chung giữa GTS và WB đã giúp Techcombank tham gia vào giao dịch bảo lãnh khoản vay lớn nhất năm 2022 cho khách hàng ngân hàng bán buôn trên thị trường quốc tế, với tổng giá trị lên tới 300 triệu đô la Mỹ. Chi tiết xin xem thêm phần Khối Ngân hàng Bán buôn (WB) tại trang 46.



Kế hoạch của khối GTS năm 2023

Khối GTS sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ấn tượng của năm 2022 thông qua chiến lược Techcombank là ngân hàng giao dịch chính (MOA) của khách hàng, từ đó góp phần đẩy mạnh số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) trên toàn hàng.

Chúng tôi sẽ hoàn thành các sáng kiến chiến lược và đạt mục tiêu đã đề ra cho các giải pháp quản trị thanh khoản, nhằm giúp khách hàng quản lý hiệu quả nguồn vốn lưu động của mình.

Chúng tôi cũng sẽ tiếp tục phát triển và tối ưu hóa các gói sản phẩm dịch vụ liên quan đến:

- ◆ Các giải pháp thanh toán và thu hộ mới trên nền tảng số hóa
- ◆ Quản lý tài khoản phải thu
- ◆ Quản trị thanh khoản
- ◆ Các sản phẩm đầu tư của Techcombank
- ◆ Hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực số hóa.

Hội thảo “Dự báo thị trường 2023: Quản trị thanh khoản cho doanh nghiệp Việt Nam”

400

Tổng Giám đốc và Giám đốc tài chính từ các doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam

80%

Những người tham gia thấy nội dung hữu ích và đặc biệt hứng thú với mục chia sẻ kiến thức và mở rộng mạng lưới quan hệ



TCBS, TCC và AMC đóng vai trò quan trọng trong thành công chung của chúng tôi, nhờ ứng dụng công nghệ hàng đầu nhằm phát triển giải pháp quản lý gia sản sáng tạo và quản lý hiệu quả tài sản của Ngân hàng.”

Nguyễn Xuân Minh

Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư



Các dấu ấn năm 2022

- Chúng tôi đã tiên phong trong việc sử dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) và hợp đồng thông minh (smart contract) trong hoạt động phát hành trái phiếu cũng như quản lý các giao dịch và quyền sở hữu của trái chủ. Việc sử dụng công nghệ blockchain sẽ giúp các khách hàng tại Việt Nam cảm thấy an tâm hơn khi thực hiện đầu tư và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp. TCBS cũng trở thành định chế tài chính đầu tiên gia nhập Hiệp hội Blockchain Việt Nam.
- Chúng tôi đã ra mắt các sản phẩm đầu tư tài chính và hệ thống công nghệ mới, nhờ đón nhận các xu hướng tiên tiến giúp đáp ứng linh hoạt nhu cầu đầu tư của khách hàng.



- Chúng tôi luôn bảo đảm hệ thống bảo mật thông tin mạng của mình được duy trì xếp hạng A – cấp độ cao nhất dựa trên kết quả đánh giá chặt chẽ của UpGuard.
- Chúng tôi đã ký kết khoản vay tín chấp đồng tài trợ trị giá hơn 300 triệu đô la Mỹ – là khoản vay lớn nhất trong ngành chứng khoán – với các tổ chức tài chính lớn trong khu vực.

- Theo lộ trình chiến lược 2021-25 của mình, chúng tôi đã công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2023 với trị giá hơn 10.000 tỷ đồng. Sau khi phát hành thành công, tổng vốn chủ sở hữu của TCBS dự kiến sẽ vượt 21.000 tỷ đồng, qua đó củng cố vị thế của chúng tôi là một trong những công ty công nghệ quản lý tài sản (Wealthtech) lớn nhất tại Việt Nam.

- Chúng tôi dự định sử dụng khoản vốn huy động nói trên để duy trì vị thế dẫn đầu trong các mảng kinh doanh cốt lõi cũng như phát triển các chương trình kinh doanh vượt trội, chẳng hạn như các gói sản phẩm dịch vụ mới miễn phí giao dịch cùng với lãi suất thấp và linh hoạt. Những chương trình này sẽ giúp chúng tôi gia tăng thị phần, củng cố vị thế dẫn đầu trong phân khúc quản lý gia sản, và thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận.

- TCBS đang có tỷ lệ an toàn vốn (CAR) dẫn đầu ở mức trên 300%, cao hơn so với mức quy định là 220%.

CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (Techcom Securities – TCBS)

Năm 2022, chúng tôi tiếp bước trên chặng đường chiến lược 5 năm của Techcom Securities, với mục tiêu trở thành “nhạc trưởng” của dòng chảy vốn tại Việt Nam và hiện thực hóa khát vọng 5@5@5@5=2025 của mình:

Chúng tôi đã thu được những kết quả dưới đây trong năm 2022:



5 TRIỆU người dùng



5.000 tỷ đồng lợi nhuận

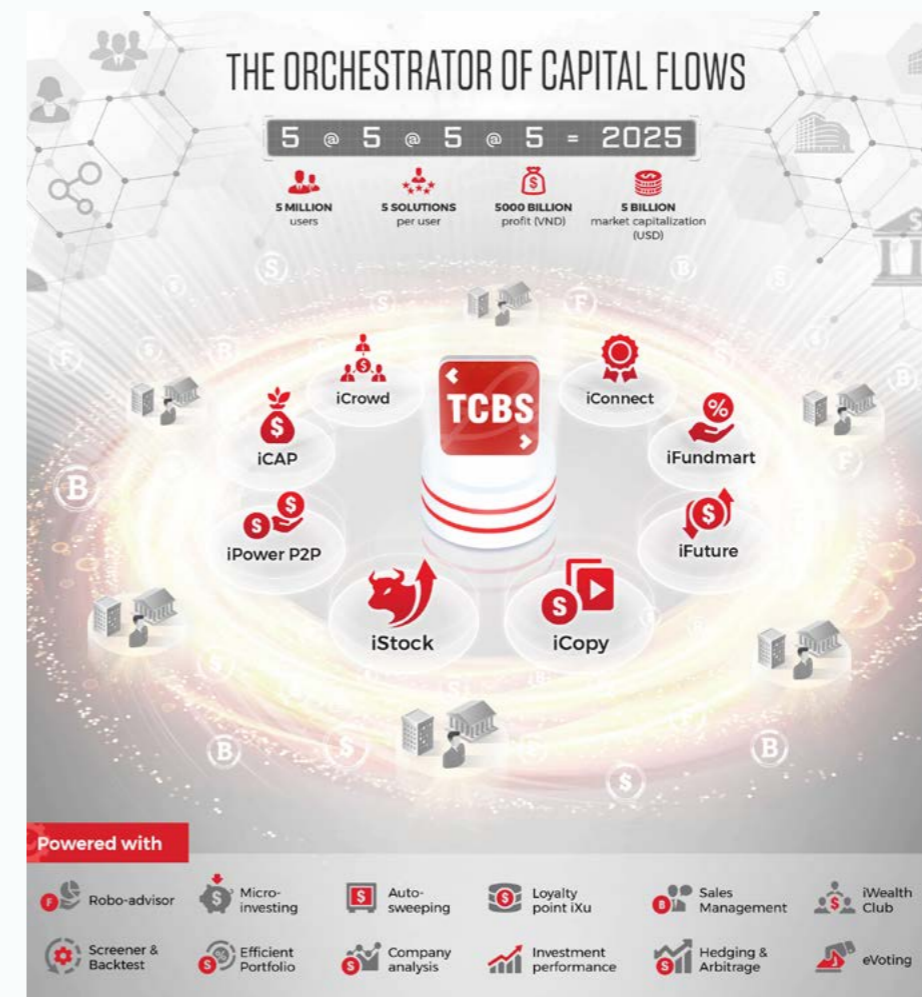


5 GIẢI PHÁP mỗi người dùng








5 TỶ ĐÔ LA MỸ vốn hoá

Tổng doanh thu	5.218 TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận trước thuế	3.058 TỶ ĐỒNG
Tổng tài sản	26.091 TỶ ĐỒNG



Các giải thưởng TCBS nhận được năm 2022

Giải thưởng	Hạng mục
<p>IBS Intelligence Global Fintech Innovation Awards 2022</p> 	<p>Best Wealth Management and Private Banking Implementation:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Best Program Governance (Ngân hàng đầu tư sở hữu nền tảng quản lý tài sản tốt nhất) ◆ Best Adoption of Tools and Practices (Ngân hàng đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại nhất vào quản lý tài sản) <p>Most Innovative use of Blockchain in Banking:</p> <ul style="list-style-type: none"> ◆ Most Agile Deployment (Ứng dụng Blockchain sáng tạo nhất trong ngân hàng đầu tư theo mô hình Agile) ◆ Most Impactful Project (Ứng dụng Blockchain sáng tạo trong ngân hàng đầu tư với dự án có tầm ảnh hưởng nhất)
<p>Asian Technology Excellence Awards 2022</p> 	<ul style="list-style-type: none"> ◆ Big Data – Banking (Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn Big Data trong Ngân hàng)
<p>FinanceAsia Country Awards 2022</p> 	<ul style="list-style-type: none"> ◆ Most Innovative Technology (Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất)
<p>Forbes Vietnam</p> 	<ul style="list-style-type: none"> ◆ #1 Brand Value Among Securities Companies in Vietnam (Top 1 công ty chứng khoán có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam)
<p>The Asset Triple A Country Awards</p> 	<ul style="list-style-type: none"> ◆ Best Bond Advisor (Nhà tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam) ◆ Best Brokerage (Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2022)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital – TCC)

<p>Doanh thu</p> <p>377,5 TỶ ĐỒNG</p>
<p>Tổng tài sản</p> <p>836,2 TỶ ĐỒNG</p>
<p>Lợi nhuận trước thuế</p> <p>177,4 TỶ ĐỒNG</p>
<p>Tổng giá trị tài sản quản lý (AUM) các quỹ tại ngày 31/12/2022</p> <p>9.916 TỶ ĐỒNG</p>



Các quỹ đầu tư TCC đang quản lý

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (TCBF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 9.200 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.



Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt (TCFF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 40,6 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chiến lược đầu tư: Tối ưu hóa lợi nhuận dòng tiền ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Thay vì để tiền ngắn hạn chưa sử dụng tại ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn 0,5%/năm, nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận kỳ vọng lên đến 6%/năm cho thời hạn đầu tư ngắn hạn chỉ từ một đến vài tuần.

Quỹ Cổ phiếu Techcom 30 (TCEF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 376 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào (i) chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu (ii) chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Quỹ Đầu Tư Bất Động Sản (TCREIT)

Loại quỹ: Quỹ đóng niêm yết, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 43,8 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chiến lược đầu tư: Mang lợi ích dài hạn cho nhà đầu tư nhờ nguồn thu nhập đều đặn và ổn định từ bất động sản và tăng trưởng dài hạn của giá trị bất động sản, dựa trên chiến lược quản lý bất động sản năng động, hiệu quả. Ngoài ra, quỹ có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính quyền địa phương, các cổ phiếu niêm yết hàng đầu trên Sở HoSE và HNX.

Năm 2022, TCC đã thành lập 3 quỹ đầu tư cổ phiếu mới như sau:

Quỹ đầu tư	Hoạt động quỹ đầu tư
Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom – TCFIN	Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn: 12%/năm Đầu tư năng động vào các Công ty hàng đầu, hoạt động trong lĩnh vực Ngân hàng và Dịch vụ tài chính trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam , phù hợp với các khoản đầu tư có thời hạn trên 1 năm.
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Bất động sản Techcom – TCRES	Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn: 12%/năm Đầu tư năng động vào các Công ty hàng đầu, hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và vật liệu xây dựng trên thị trường chứng khoán Việt Nam , phù hợp với các khoản đầu tư có thời hạn trên 1 năm.
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Doanh nghiệp vừa và nhỏ Techcom – TCSME	Lợi nhuận kỳ vọng dài hạn: 12%/năm Đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa thị trường thuộc nhóm vốn hóa vừa (midcap) và nhỏ (smallcap) trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các khoản đầu tư có thời hạn trên 1 năm.

Quỹ đầu tư Giá trị Techcom (TCVF)

Loại quỹ: Quỹ đóng, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 53,5 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank AMC)

Techcombank AMC hoạt động trong giai đoạn cuối của chu kỳ tín dụng với nhiệm vụ xử lý các khoản nợ xấu, nợ quá hạn nhận ủy thác từ Techcombank. Với đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật, Techcombank AMC tự hào là một trong những công ty xử lý nợ và khai thác tài sản dẫn đầu trên thị trường xử lý nợ Việt Nam.

Năm 2022, Techcombank AMC đã có những đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Techcombank, với tổng số tiền thu hồi nợ trong năm đạt 2.715 tỷ đồng, trong đó đóng góp trực tiếp vào lợi nhuận của Techcombank thông qua thu nợ nhóm khách hàng đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro là 1.307 tỷ đồng.

Bộ quy tắc thu hồi nợ công bằng được ban hành và áp dụng tại Techcombank AMC đã trở thành kim chỉ nam cho toàn thể các cán bộ của Công ty. Theo đó, Techcombank AMC luôn định hướng thực hiện hoạt động xử lý nợ trên tinh thần thượng tôn pháp luật, công bằng và minh bạch. Công ty luôn lựa chọn ưu tiên xử lý nợ và hỗ trợ cho khách hàng để tối ưu hóa lợi ích của khách hàng sau quá trình xử lý nợ. Các cán bộ của Techcombank AMC luôn thực hiện tác nghiệp với tinh thần đảm bảo sự tôn trọng, trung thực và hướng tới khách hàng, đảm bảo công tác xử lý nợ được triển khai chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Đồng hành với cam kết của Ngân hàng trong việc ứng dụng công nghệ số tiên tiến trên thế giới và tại Việt Nam, Techcombank AMC luôn hướng tới việc quản trị và hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu để Techcombank AMC trở thành một mắt xích thiết yếu trong toàn bộ quy trình cho vay – thu hồi nợ khép kín, chuyên nghiệp.



Trần Nhật Quang
Tổng Giám đốc
Techcombank AMC

2.715 TỶ ĐỒNG

Tổng số tiền thu hồi nợ trong năm, đóng góp trực tiếp vào lợi nhuận của Techcombank thông qua thu nợ nhóm khách hàng đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro là 1.307 tỷ đồng.

Năm 2022, Techcombank AMC đã thực hiện:

- ♦ Áp dụng nhiều giải pháp linh hoạt, đồng bộ, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả thu nợ
- ♦ Chú trọng củng cố bộ máy thông qua:
 - Nâng cao chất lượng nhân sự, tăng cường công tác đào tạo
 - Chuẩn hóa chức danh nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ tác nghiệp cũng như có ý thức phấn đấu.

Năm 2023, Techcombank AMC sẽ tiếp tục hoàn thiện các công cụ đo lường thông qua nền tảng số hóa và dữ liệu để:

- ♦ Tăng tốc độ đưa ra các quyết định chiến lược
- ♦ Đảm bảo hiệu quả kinh doanh
- ♦ Tăng cường công tác quản trị rủi ro
- ♦ Tối ưu hóa chi phí.

04

CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TECH

- ◆ Khối Dữ liệu và Phân tích (DnA)
- ◆ Văn phòng chuyển đổi số (DO)
- ◆ Khối Công nghệ (IT)
- ◆ Khối Quản trị Nguồn nhân lực (HR)



Ứng dụng những công nghệ đẳng cấp thế giới, chúng tôi đã xây dựng một “bộ não dữ liệu” toàn hàng, hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh, theo dõi hiệu suất và quản trị.”

Santhosh Mahendiran
Giám đốc Khối Dữ liệu và Phân tích



KHỐI DỮ LIỆU VÀ PHÂN TÍCH (DnA)

“Bộ não dữ liệu” toàn hàng cho phép Techcombank “tư duy” như khách hàng, thay đổi hoàn toàn cách tiếp cận từ bị động sang chủ động và tiến tới “dự báo” nhu cầu của họ, góp phần gia tăng TOI hơn 520 tỷ đồng.

Tổng quan

Xây dựng “bộ não dữ liệu” toàn hàng

Khối Dữ liệu và Phân tích (DnA) đã nỗ lực hết mình để đảm bảo Techcombank thực sự thấu hiểu, thậm chí “tư duy” như khách hàng của mình – chúng tôi muốn biết chính xác sản phẩm nào được ưa chuộng và vì sao, tính năng nào hữu ích với khách hàng hoặc ngược lại, vấn đề tài chính nào khiến họ trăn

trở, dịch vụ nào có thể mang lại ích lợi cho họ, và vô vàn điều khác. Khi chúng tôi có thể dự đoán chính xác và cá nhân hóa dịch vụ trực tuyến cho từng khách hàng, cũng như đảm bảo các chuyên viên quan hệ khách hàng kịp thời cung cấp những hiểu biết chuyên sâu, chúng tôi sẽ trở thành lựa chọn hàng đầu của mọi khách hàng.

Để đạt được mục tiêu trên, Techcombank đã xây dựng một “bộ não dữ liệu”, bắt đầu từ việc thu thập thông tin về khách hàng từ các hệ

thống của Ngân hàng và trên tất cả các kênh thuộc hệ sinh thái của đối tác, sau đó lưu trữ những dữ liệu này trên một Nền tảng dữ liệu khách hàng (CDP) toàn diện. Năng lực phân tích của chúng tôi được nâng cao, tỷ lệ thuận với tăng trưởng của tập dữ liệu. Chúng tôi sẽ tận dụng sức mạnh của “bộ não dữ liệu” nhằm liên tục cập nhật, giúp khách hàng ngày càng cải thiện hoạt động quản lý tài chính hàng ngày, phát triển kinh doanh, lập kế hoạch tài chính, và hơn thế nữa.

Các dấu ấn năm 2022

Chủ động và dự đoán

Dựa trên hồ dữ liệu triển khai từ năm 2021, Techcombank bắt đầu xây dựng “bộ não dữ liệu” thông qua phát triển và ứng dụng các phân tích dựa trên khách hàng là trọng tâm. Mục tiêu của chúng tôi là hiểu rõ nhất, và nhanh nhất có thể toàn bộ hành trình trải nghiệm của khách hàng – từ khi chào đón một khách hàng, khi họ lựa chọn hoặc từ chối một sản phẩm hay dịch vụ, tới kết thúc. Những kết quả ấn tượng đạt được trong năm:

- ◆ Các mô hình xu hướng dựa trên khách hàng là trọng tâm được triển khai cho nhiều sản phẩm, giúp chúng tôi đưa ra khuyến nghị tốt hơn về loại sản phẩm phù hợp với từng khách hàng riêng biệt. Qua đó, góp phần gia tăng tổng thu nhập hoạt động (TOI) thêm 317 tỷ đồng
- ◆ Mô hình phân nhóm khách hàng mới giúp phân loại khách hàng vào đúng phân khúc phù hợp, đóng góp thêm 202 tỷ đồng doanh thu
- ◆ Mô hình phân tích khả năng rời bỏ cho khách hàng doanh nghiệp đã hỗ trợ chủ động giữ chân khách hàng, giúp gia tăng TOI thêm 5,8 tỷ đồng
- ◆ Hiểu biết chuyên sâu giúp thu hút thêm 41.500 khách hàng trong chương trình WINLife.

Chúng tôi có thể đưa ra những quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, từ đó là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có thể chuyển đổi cách tiếp cận khách hàng và triển khai sản phẩm dịch vụ từ thụ động trước đây sang chủ động và đặc biệt tăng cường khả năng dự báo, duy trì vị thế tiên phong trong ngành tài chính.

Theo dõi, quản trị hiệu suất kinh doanh minh bạch và hiệu quả hơn

Trong bối cảnh kinh doanh nhiều biến động, chúng tôi đã ứng dụng dữ liệu để theo dõi hiệu suất kinh doanh một cách minh bạch, kịp thời và hiệu quả hơn. Chúng tôi có thể đào sâu vào nhiều lớp dữ liệu khách hàng, nhờ những báo cáo tương tác trực quan theo dõi các hoạt động hàng ngày, tiền gửi, và lưu lượng tiền ra vào của từng phân khúc và tiểu phân khúc khách hàng.

Những hiểu biết này giúp Techcombank hiểu được nguyên nhân đằng sau quyết định của khách hàng, nhờ đó giúp dự đoán hành vi sắp tới và đề xuất kế hoạch hành động phù hợp cho từng kịch bản. Qua đó chúng tôi có sự chuẩn bị tốt hơn với các phương án chủ động, hạn chế ảnh hưởng bất lợi, đặc biệt liên quan đến các biến động về thanh khoản trong hoạt động của Ngân hàng.



Củng cố và mở rộng quy mô khung quản trị dữ liệu, tập trung vào năng lực công nghệ

Trong năm 2022, Techcombank đẩy mạnh hoạt động quản trị dữ liệu, tài liệu hóa, chuẩn hóa các quy trình, thiết lập các chính sách và chuẩn mực chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ chính sách bảo mật và quyền riêng tư toàn hàng. Công tác này bao gồm:

- ◆ Tự động phát hiện thông tin định danh cá nhân (PII) cần được bảo vệ
- ◆ Gắn thẻ dữ liệu PII trong hồ dữ liệu
- ◆ Thực hiện mã hóa PII bằng định dạng dành riêng phục vụ cho việc bảo vệ thông tin khách hàng, nhưng vẫn cho phép nhân viên có quyền tiếp cận thông tin (đã mã hóa) với mục đích phục vụ khách hàng tốt hơn.

Những biện pháp trên đảm bảo chúng tôi có đủ khả năng tiếp tục phát triển năng lực công nghệ, duy trì đà tăng trưởng và xứng đáng với lòng tin của khách hàng.

Kho tài sản dữ liệu hoàn thiện của Ngân hàng được quản lý một cách có hệ thống thông qua nền tảng Collibra, với:

- ◆ Trên 1.600 Thuật ngữ kinh doanh
- ◆ Trên 3.400 Bảng dữ liệu
- ◆ Trên 26.400 Cột dữ liệu, so với trên 2.000 Cột năm 2021
- ◆ Các hệ thống nguồn kèm tuyến dữ liệu.

Chất lượng dữ liệu được giám sát định kỳ hàng tháng với trên 75 phần tử dữ liệu trọng yếu (CDEs) – bao gồm cả dữ liệu chưa được chuyển tiếp từ kho lưu trữ cũ lẫn dữ liệu đã được đưa vào hồ dữ liệu mới – cao hơn so với 50 CDE năm 2021. Chất lượng dữ liệu đối với 25 CDE hàng đầu cũng đã được cải thiện thêm 10%.

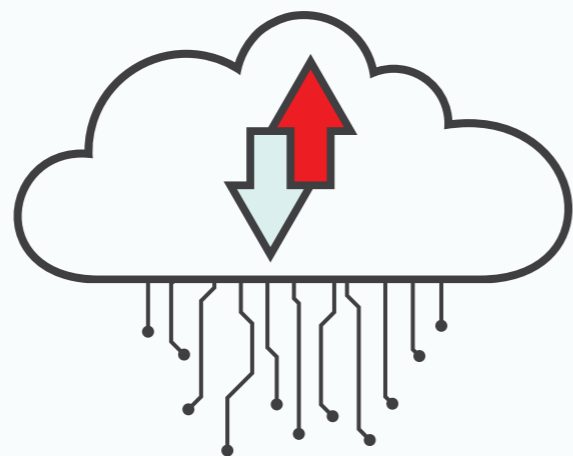
Công nghệ đẳng cấp thế giới

Chúng tôi tự hào về những gì đã làm được với “bộ não dữ liệu”, cũng như cách chúng tôi đã và đang ứng dụng công nghệ nhằm xây dựng năng lực dữ liệu. Các tính năng công nghệ đã triển khai bao gồm:

- Tương tác theo thời gian thực hoặc gần như tức thì dựa trên kiến trúc truyền dữ liệu Kappa
- Truyền tải dữ liệu tự động, giúp cải thiện khả năng truy cập thông tin
- Xác thực dữ liệu và quản lý chất lượng dữ liệu
- Quản trị dữ liệu dựa trên hỗ trợ của nền tảng Collibra - đầu tiên ở Việt Nam
- Quản lý truy cập dữ liệu và bảo vệ dữ liệu bằng công cụ ẩn
- Nền tảng máy học dựa trên SageMaker
- Phân tích và trực quan hóa thông tin kinh doanh sử dụng phần mềm Power BI.

Văn hóa dữ liệu và lộ trình nhân tài phục vụ “bộ não dữ liệu”

“Bộ não dữ liệu” được điều phối và xây dựng bởi các chuyên gia hàng đầu dày dặn kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với đội ngũ nhân tài của chúng tôi. Sự phối hợp của những bộ não hàng đầu đã tạo ra một trải nghiệm khác biệt. Chúng tôi đã chiêu mộ những nhân sự cao cấp với không chỉ kỹ năng và kiến thức phù hợp, mà còn có khả năng thích nghi với văn hóa Techcombank và đóng góp vào việc cải thiện văn hóa dữ liệu tại Techcombank nói riêng và Việt Nam nói chung.



Chúng tôi đang tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào thế hệ nhân tài tương lai:

- Chúng tôi đã lần đầu tuyển dụng 5 quản trị viên tập sự năm 2022, và 7 người nữa được tuyển cho đợt thứ hai năm 2023. Các quản trị viên này sẽ được đào tạo chuyên biệt và luân chuyển công việc nhằm giúp họ tăng tốc thu nhận kiến thức và kinh nghiệm.
- Chúng tôi đã phối hợp cùng Amazon Web Services (AWS) xây dựng các chương trình đào tạo, cho phép các chuyên viên khối DnA tham gia vào 8.750 giờ đào tạo, tương đương với trên 44 giờ mỗi người, bao gồm:

- Trên 4.380 Giờ với AWS
- Trên 390 giờ với Collibra
- Trên 300 giờ cho khóa học *Thay đổi tư duy và phương thức làm việc*
- Các khóa học chuyên biệt khác.

Văn hóa dữ liệu của Techcombank không chỉ áp dụng với đội ngũ nhân viên khối DnA. Các khóa học chuyên biệt về kiến thức dữ liệu (data literacy), trực quan hóa và quản trị dữ liệu đã được cung cấp cho cán bộ toàn hàng. Kết hợp với công tác truyền thông có chiến lược, chúng tôi đã giúp nâng cao kiến thức một cách đều đặn và thiết thực, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi dữ liệu trên toàn hàng.

Kế hoạch của khối DnA trong năm 2023

Chúng tôi sẽ thực hiện:

- Hỗ trợ chuyển đổi thông qua các sáng kiến chiến lược giúp tận dụng tối đa năng lực dữ liệu và phân tích, tập trung vào việc lấy khách hàng làm trọng tâm
- Cùng cố công tác quản trị và tuân thủ dữ liệu nhằm cải thiện độ trưởng thành về dữ liệu trong toàn Ngân hàng
- Mở rộng tiếp cận dữ liệu từ hệ sinh thái và quan hệ đối tác mới, giúp tạo ra những cơ hội mới và gia tăng doanh thu từ khách hàng.



Năng lực số hóa đã giúp chúng tôi tăng trưởng vượt trội, đưa trải nghiệm người dùng lên tầm cao mới, và chuyển đổi mô hình hoạt động nội bộ, từ đó tạo mọi trường linh hoạt và thúc đẩy chiến lược khách hàng là trọng tâm.”

Pranav Seth

Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số



VĂN PHÒNG CHUYỂN ĐỔI SỐ (DO)

Tổng quan

Năm 2022, Văn phòng Chuyển đổi số (DO), cùng các khối kinh doanh chủ chốt khác đã ghi nhận tăng trưởng vượt trội nhờ các mối quan hệ đối tác và chuyển đổi số sâu rộng, thay đổi cách thức vận hành, nâng cao hiệu suất tại chi nhánh.

Mảng ngân hàng bán lẻ tiếp tục phát triển nhờ các phương thức truyền thông mới, đóng góp 55% lượng khách hàng mới của Ngân hàng. Thu hút khách hàng trên nền tảng số cũng làm giảm chi phí dịch vụ và giúp Techcombank tạo ra một mô hình kinh doanh mới dựa trên quan hệ đối tác với WINLife, tăng tốc mở rộng dịch vụ một cách hiệu quả tới nhiều khách hàng.

Nhờ mở rộng hoạt động thu hút khách hàng dựa trên kỹ thuật số tới nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, chúng tôi đã gia tăng đáng kể sự tiện lợi cho những đối tượng này so với cách làm truyền thống trước đây.

Doanh số cung cấp các sản phẩm dịch vụ chính qua kênh kỹ thuật số của chúng tôi đã gia tăng so với năm trước như sau:

- Lượng tài khoản mở mới tăng 37%
- Số lượng khách hàng thuộc nhóm có tài sản ròng cao (HNW) tăng 6 lần
- Tổng số lượng giao dịch của khách hàng cá nhân qua ngân hàng điện tử tăng 29,6%, với giá trị giao dịch tăng 15,7%
- Tổng số lượng giao dịch của khách hàng doanh nghiệp qua ngân hàng điện tử tăng 19,2% với giá trị giao dịch tăng 27,5%.

Khách hàng mới thu hút trên kênh số
55%

Lượng tài khoản mở mới
↑ 37%

Nhóm khách hàng có tài sản ròng cao (HNW)
↑ 6 LẦN

Các dấu ấn năm 2022

Năm 2022 chúng tôi tập trung vào 3 trụ cột chính:

- 1** Đưa tương tác kỹ thuật số và trải nghiệm người dùng lên một tầm cao mới
- 2** Nâng cao hiệu quả và tạo ra lợi thế hoạt động ngân hàng số vượt trội
- 3** Đẩy mạnh hơn nữa phương thức làm việc linh hoạt (agile) trong môi trường văn hóa doanh nghiệp số

Tương tác số và trải nghiệm người dùng

Liên tục cải tiến ứng dụng di động dành cho cá nhân, giúp khách hàng đạt được các mục tiêu tài chính, và tăng cường sự hài lòng khách hàng

Ứng dụng ngân hàng mới đã được hoàn thiện, triển khai tới tất cả khách hàng cá nhân với 200 tính năng mới được bổ sung trong năm. Đánh giá tích cực của khách hàng đã giúp ứng dụng đạt được xếp hạng 4,7/5 trên cửa hàng ứng dụng (app store), góp phần đưa Techcombank lên vị trí số 1 về mức độ sẵn sàng giới thiệu (NPS) trong quý 4.

Là một trong những ngân hàng đầu tiên trên thị trường đưa tính năng đầu tư vào trong ứng dụng ngân hàng trên thiết bị di động, Techcombank hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng bằng cách tích hợp sâu các sản phẩm đầu tư vào ứng dụng Techcombank Mobile. Khách hàng có thể kiểm tra danh mục, cũng như thực hiện các yêu cầu đầu tư ngay trên ứng dụng. Qua đó trong năm 2022 chúng tôi ghi nhận:

- ♦ Số dư trung bình tiền gửi có kỳ hạn online tăng 33%
- ♦ 57% các khách hàng mới của công ty chứng khoán Kỹ thương (TCBS) gia nhập mới thông qua ứng dụng Techcombank Mobile.

Trải nghiệm mới cho khách hàng với chương trình rút thăm may mắn “Mèo Đại Cát” trên ứng dụng

Từ tháng 11/2022 tới tháng 1/2023, Techcombank đã triển khai chiến dịch rút thăm may mắn quy mô lớn, kéo dài nhiều tháng trên ứng dụng Techcombank Mobile. Chiến dịch này mang lại cho khách hàng các giải thưởng hấp dẫn có tổng trị giá lên tới 100 tỷ đồng, dưới sự hỗ trợ của linh vật dễ nhớ “Mèo Đại Cát” tượng trưng cho năm Mão may mắn.

Lần đầu tiên các khách hàng sử dụng Techcombank Mobile có thể tận hưởng trò chơi thú vị và có tính tương tác cao này trên ứng dụng. Bằng cách hoàn tất các nhiệm vụ giao dịch hàng ngày như đăng nhập ứng dụng, thanh toán với mã QR, duy trì số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) nhất định, hoặc mở mới tài

khoản tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến, khách hàng sẽ thu thập được vé tham dự và giành các giải thưởng.

Chương trình rút thăm may mắn “Mèo Đại Cát” đã thành công trong việc gia tăng tương tác kỹ thuật số từ khách hàng, thúc đẩy tăng trưởng lượt sử dụng ứng dụng Techcombank Mobile và tạo ra tiếng vang trực tuyến với số lượng chia sẻ, bình luận tăng vọt. Hơn 2 triệu khách hàng đã tham gia trò chơi, sử dụng hơn 17 triệu vé đổi lấy phần thưởng.

Số lượt đăng nhập ứng dụng hàng ngày tăng 20% trong thời gian triển khai chương trình. Tiếng vang mà chương trình trò chơi này tạo ra trên mạng xã hội giúp Techcombank giành được sự hiện diện trực tuyến cao thứ hai trong tất cả các ngân hàng Việt Nam trong tháng 11.



Quản lý thanh toán tập trung

Techcombank là ngân hàng đầu tiên trên thị trường tạo ra một đầu mối tập trung cho mọi loại hình thanh toán, giúp khách hàng quản lý nhiều loại hóa đơn khác nhau cũng như không còn lo lắng về việc thanh toán muộn, nhờ vào các tính năng tự động nhắc nhở và tự động thanh toán được thiết kế, vận hành thuận tiện.

Một cột mốc quan trọng khác trong hành trình đổi mới của Ngân hàng là T-Pay - Pay-by-Push (thanh toán một chạm qua điện thoại di động). Giải pháp thanh toán đơn giản dựa trên sinh trắc học mới đã được ứng dụng tại 120 cửa hàng WINLife đầu tiên và sẽ được triển khai tới hơn 3.000 cửa hàng WinMart trên toàn quốc. Chỉ trong 3 tháng cuối năm kể từ khi ra mắt, các lượt thanh toán tại 120 cửa hàng đã tăng 17%.

Ngoài ra, khách hàng của Techcombank đã có thể quản lý thẻ tín dụng với quy trình trả góp đơn giản và tức thì, chia nhỏ các khoản mua hàng lớn thành nhiều đợt thanh toán dễ dàng.

Giao dịch ngân hàng thông minh và siêu cá nhân hóa

Techcombank tiếp tục nỗ lực mang đến những dịch vụ ngân hàng được cá nhân hóa tốt nhất cho khách hàng của mình, nhờ hợp tác với những công ty Fintech và Martech hàng đầu thế giới như Adobe và Personetics.

Thỏa thuận hợp tác với Adobe sẽ giúp Techcombank mang đến cho khách hàng trải nghiệm siêu cá nhân hóa theo thời gian thực tại các điểm chạm bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến. Việc ra mắt cũng sẽ đánh dấu một cột mốc quan trọng trong ngành ngân hàng Việt Nam khi Techcombank là ngân hàng đầu tiên xây dựng hệ thống Martech toàn diện và hướng đến mục tiêu siêu cá nhân hóa trên quy mô lớn.

Với Personetics, Techcombank có thể cung cấp hàng trăm hiểu biết chuyên sâu về thói quen chi tiêu, dòng tiền vào/ra, các loại giao dịch, v.v. của khách hàng, để từ đó đưa ra các khuyến nghị tốt hơn cho khách hàng nhằm xây dựng sự thịnh vượng về mặt tài chính.

Những thử nghiệm ban đầu về thông tin chi tiết được cá nhân hóa đã ghi nhận phản hồi tích cực từ khách hàng. 67% khách hàng truy cập ứng dụng nhiều hơn và dành thêm 20 giây cho mỗi lượt truy cập. Những thông báo được cá nhân hóa giúp tỷ lệ truy cập liên kết trên ứng dụng đạt 10-13%, với hàng ngàn khách hàng được khuyến khích bắt đầu tiết kiệm và đầu tư trực tuyến. Nhờ đó, Ngân hàng đã ghi nhận tăng trưởng doanh số đáng kể trên nhiều sản phẩm – một trong số đó ghi nhận mức tăng tới 36,8%.

Các gói sản phẩm dịch vụ số mới dành cho Khách hàng Doanh nghiệp (BB) thông qua ứng dụng giao dịch hiện đại

Chúng tôi đã xây dựng và triển khai nền tảng số trên thiết bị di động như điện thoại – Techcombank Business – cho khách hàng doanh nghiệp của Techcombank, trên nền tảng khách hàng là trọng tâm, dựa trên sự tìm hiểu những nhu cầu và mong muốn của khách hàng, như cách chúng tôi đã thành công với ứng dụng Techcombank Mobile cho khách hàng cá nhân.

Ứng dụng mới này cung cấp đầy đủ tính năng giao dịch, tại mọi thời điểm và vị trí.

Cùng với nền tảng F@st EBank (FEB) trên máy tính, nền tảng mới trên di động đóng góp tổng cộng 78% tổng lượng giao dịch trực tuyến của khách hàng doanh nghiệp trong năm 2022.

Trước đây, phân khúc khách hàng doanh nghiệp vi mô (MSME) cùng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) thường không được phục vụ đầy đủ do khó tiếp cận nguồn vốn. Techcombank đã thay đổi điều này nhờ ứng dụng sức mạnh của dữ liệu lớn và năng lực phân tích để đạt tới quy trình thấu chí số hóa hoàn toàn khép kín, với hạn mức phê duyệt trước và thực hiện tức thì dành cho nhóm khách hàng này.

Trên 1,5 triệu lượt truy cập trang chủ hàng tháng

Trang chủ ngân hàng đã được xây dựng lại với tên miền mới www.techcombank.com, và được giới thiệu trong tháng 9 với trải nghiệm người dùng hoàn toàn mới.

Trang chủ mới được thiết kế hiện đại hơn, với những công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Nâng cao hiệu quả và tạo ra lợi thế hoạt động ngân hàng số vượt trội

Cách tiếp cận “thuần số hóa” trong thiết kế dịch vụ và quy trình bán hàng số khép kín

Chúng tôi tiếp tục nỗ lực hướng tới cột mốc khách hàng Techcombank có thể thực hiện tất cả dịch vụ ngân hàng trực tuyến cùng chúng tôi – với tất cả các sản phẩm dịch vụ có thể tiếp cận và sử dụng đơn giản, thuận tiện.

- ◆ Năm 2022 chúng tôi đã bổ sung hơn 200 tính năng mới trên ứng dụng bán lẻ, đồng nghĩa với gần 90% các giao dịch của khách hàng cá nhân được thực hiện trên nền tảng số, so với khoảng 83% trong năm 2021.
- ◆ Chúng tôi cũng đơn giản hóa và số hóa quy trình cốt lõi về mở tài khoản cho doanh nghiệp, giúp các khách hàng đủ điều kiện bắt đầu sử dụng dịch vụ qua nền tảng số hoàn toàn không cần giấy tờ. Cùng với ứng dụng Techcombank Business mới, khách hàng doanh nghiệp có thể thực hiện phần lớn các dịch vụ ngân hàng trên nền tảng số.

Nhân tài và văn hóa doanh nghiệp số

Xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững với cách làm việc linh hoạt (agile), thực nghiệm và hiện đại

Chúng tôi đẩy mạnh triển khai toàn diện văn hóa số, cách làm số dựa trên mô hình hoạt động linh hoạt (agile) và các thông lệ kỹ thuật tốt nhất. Với hơn 600 thành viên làm việc trên nền tảng số dành cho khách hàng doanh nghiệp và bán lẻ,



trong năm chúng tôi đã cho ra mắt những tính năng mới với tần suất gần như hàng tuần.

Mô hình hoạt động agile mới dành cho tương tác số với khách hàng

Mô hình hoạt động agile mới dành cho tương tác số với khách hàng được triển khai tháng 9/2022, giúp rút ngắn tốc độ triển khai sản phẩm mới, phát triển các ý tưởng sáng tạo, ra mắt nhiều cải tiến và chiến dịch lấy khách hàng làm trọng tâm.

Mô hình hoạt động này kết hợp với hệ thống Martech của Adobe giúp cung cấp và thử nghiệm trên quy mô lớn các trải nghiệm được cá nhân hóa dựa vào dữ liệu trên tất cả các kênh. Nhờ củng cố mối quan hệ với đối tác, mô hình này đã giúp tăng doanh số, nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như cải thiện đáng kể tốc độ tăng trưởng doanh thu. Chỉ trong 3 tháng, mô hình hoạt động mới đã giúp chúng tôi triển khai khoảng 150 chiến dịch và cải tiến tương tác số.

Trung tâm Xuất sắc về Martech đầu tiên tại Việt Nam cùng với Đối tác toàn cầu số 1 về cá nhân hóa và tương tác khách hàng

Trung tâm Xuất sắc (Centre of Excellence – CoE) về Martech tập trung vào phát triển năng lực số hóa của đội ngũ cán bộ nhân viên, cùng năng lực về nhân sự, quy trình, chiến lược và công nghệ, qua đó tăng tốc chuyển đổi số và tận dụng tối đa sức mạnh của nền tảng trải nghiệm đám mây Adobe Experience Cloud. Trung tâm cũng giúp tập trung những tài năng về công nghệ và kỹ thuật số được sẵn đón nhất, qua đó hỗ trợ phát triển nhân tài số hóa nội bộ.

Chỉ trong 2 tháng từ khi ra mắt chương trình kỹ năng số Martech đầu tiên, chúng tôi đã:

- ◆ Hoàn thành 1.072 giờ đào tạo
- ◆ Nộp 161 bài đánh giá trực tuyến
- ◆ Đào tạo một chuỗi các giải pháp Martech Adobe bao gồm:
 - Phân tích
 - Xác lập mục tiêu
 - Nền tảng dữ liệu khách hàng theo thời gian thực
 - Phân tích hành trình khách hàng
 - Chiến dịch
 - Quản lý trải nghiệm dựa trên địa điểm và tài sản.

Trao thưởng và ghi nhận

Techcombank đã được các khách hàng, đối tác và các ủy ban danh giá toàn cầu cũng như tại Việt Nam ghi nhận về những thành tựu xuất sắc trong ngân hàng số, bao gồm cả chiều rộng và chất lượng của các sản phẩm dịch vụ, trải nghiệm liền mạch tạo ra cho khách hàng, và đóng góp của chúng tôi cho ngành ngân hàng. Các giải thưởng mà chúng tôi giành được bao gồm:

- ◆ Giải “Ngân hàng kỹ thuật số tốt nhất cho người tiêu dùng” (Best Digital Consumer Bank) – *Global Finance*
- ◆ Giải thưởng thiết kế “2022 GOOD DESIGN® award” – *The Chicago Athenaeum*
- ◆ Sản phẩm, dịch vụ, giải pháp công nghệ số tiêu biểu - *Vietnam Digital Awards 2022*
- ◆ Giải Doanh nghiệp sáng tạo ASEAN (2022 AIBP ASEAN Enterprise Innovation Award) năm 2022, dành cho chuyển đổi số trong doanh nghiệp thông qua tiếp nhận đổi mới công nghệ
- ◆ Cúp bạc “Lead Generation” tại hạng mục Marketing Impact cho chiến dịch CASA 2021 tại *MMA Smarties Vietnam 2022* của hiệp hội marketing di động MMA Global
- ◆ Giải thưởng “Ứng dụng ngân hàng di động mới sáng tạo nhất năm 2022” của Tạp chí *Global Business Outlook*
- ◆ Giải thưởng “Ngân hàng có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu” của *Diễn đàn ngân hàng bán lẻ Việt Nam* được tổ chức bởi Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và tập đoàn IDG.

Kế hoạch của khối DO trong năm 2023

- ◆ Cải thiện tương tác đa kênh với khách hàng cũng như các trải nghiệm thời gian thực siêu cá nhân hóa, nhờ vào hệ thống Martech của Adobe
- ◆ Cùng đối tác tạo ra những chương trình ưu đãi thú vị hơn, theo hình thức trò chơi và được cá nhân hóa. Khách hàng sẽ thu thập và quy đổi điểm thưởng trên nền tảng động của chúng tôi, theo từng mức độ sử dụng dịch vụ của khách hàng. Chương trình này sẽ giúp Techcombank tạo sự khác biệt với các ngân hàng còn lại, và khẳng định vị thế dẫn đầu của Techcombank trong trải nghiệm và tương tác với khách hàng
- ◆ Mở tài khoản doanh nghiệp qua phương thức số hóa mọi lúc mọi nơi, đối với tất cả các phân khúc khách hàng
- ◆ Trở thành đối tác số đáng tin cậy nhất cho khách hàng cá nhân thông qua cung cấp trải nghiệm ngân hàng số siêu cá nhân hóa, đơn giản nhưng toàn diện. Chúng tôi sẽ hết lòng hỗ trợ khách hàng quản lý tài chính hàng ngày, cũng như tối đa hóa nguồn vốn phục vụ thiết lập mục tiêu dài hạn và tận hưởng cuộc sống.



Nhờ hiện đại hóa hệ thống CNTT, ứng dụng DevSecOps, cải thiện khung quản trị rủi ro, đồng thời thúc đẩy phát triển nhân tài, chúng tôi tạo dựng những giá trị tích cực cho khách hàng và nhân viên Techcombank.”

Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc Khối Công nghệ



KHỐI CÔNG NGHỆ (IT)

Tổng quan

Năm 2022, Khối Công nghệ (IT) tiếp tục hiện đại hóa các hệ thống trong Ngân hàng, nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và trải nghiệm số của khách hàng. Các khách hàng đã đặt niềm tin vào thương hiệu Techcombank, và luôn là ưu tiên hàng đầu cho chiến lược đầu tư công nghệ của chúng tôi. Chúng tôi liên tục tìm kiếm các phương thức sáng tạo, nhằm đảm bảo trải nghiệm ngân hàng đơn giản, tiện lợi và an toàn, với các trọng tâm:

- THỰC THI XUẤT SẮC VÀ CHUYÊN ĐỔI
- TUÂN THỦ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO
- GIA TĂNG GIÁ TRỊ KHÁCH HÀNG
- XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN TÀI CÔNG NGHỆ

Các dấu ấn năm 2022

Thực thi xuất sắc và chuyển đổi

Công nghệ hàng đầu

Chúng tôi tiếp tục đầu tư vào các công nghệ hàng đầu nhằm tăng tốc chiến lược “Ưu tiên đám mây” (“Cloud First”) và chiến lược số hóa toàn diện. Công nghệ điện toán đám mây giúp vận hành tinh gọn, nhanh chóng mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả phục vụ khách hàng và đẩy nhanh tốc độ ra mắt các sản phẩm, dịch vụ đột phá. Chiến lược này giúp thúc đẩy trải nghiệm ngân hàng số an toàn và đáng tin cậy, cho phép chúng tôi chuyển đổi các hoạt động CNTT với kỹ thuật và công cụ tiên tiến nhất.

Năm 2022, các chương trình triển khai dựa trên công nghệ điện toán đám mây bao gồm:

- ◆ Nền tảng phòng chống rửa tiền của Oracle
- ◆ Nền tảng giao dịch ngân hàng số của Backbase
- ◆ Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng CRM của Salesforce
- ◆ Hệ thống hỗ trợ ra quyết định tín dụng doanh nghiệp CreditLens của Moody’s
- ◆ Hệ thống quản lý tài sản Nợ - Có Kondor của Finastra
- ◆ Phần mềm quản trị nguồn nhân lực SAP HR.

Chúng tôi luôn tìm kiếm những phương thức làm việc năng động hơn, và tự hào là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xây dựng một Trung tâm Xuất sắc về Điện toán đám mây (Cloud Centre of Excellence), cùng chương trình tài trợ chứng chỉ hoàn toàn miễn phí.

Nâng cấp hệ thống CNTT

Để thực thi chiến lược chuyển đổi 5 năm của Techcombank cũng như nâng cao tính linh hoạt và phát triển kinh doanh, trong năm 2022, khối

Công nghệ đã hiện đại hóa các hệ thống chính:

Các hệ thống CNTT ngân hàng lõi đã được nâng cấp, thêm tính năng phần cứng và nguồn điện hiện đại, đủ phục vụ khối lượng giao dịch ngày càng cao và đáp ứng những nhu cầu ngày một thay đổi ít nhất đến sau năm 2025. Các nâng cấp này sẽ giúp:

- ◆ Hỗ trợ chuyển đổi thêm nhiều khách hàng sang các kênh ngân hàng số và các ứng dụng số mới
- ◆ Hỗ trợ tốt hơn cho chiến lược bán lẻ đa kênh (ROC), và cho lưu lượng giao dịch trực tuyến gia tăng đột biến trong các dịp lễ
- ◆ Phục vụ nhu cầu ngày càng lớn của hệ sinh thái Techcombank cũng như với các hình thức thanh toán sử dụng công nghệ kết nối từ máy chủ đến máy chủ.

Hệ thống quản lý thẻ (CMS) đã bắt đầu được nâng cấp, theo thỏa thuận hợp tác với Accenture. Trong giai đoạn đầu, các cải tiến mang tính chiến thuật sẽ cải thiện khả năng tự động hóa quá trình triển khai thẻ và nâng cao trải nghiệm khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại ATM (máy rút tiền tự động)/CDM (máy nộp tiền tự động).

Hệ thống quản lý quy trình doanh nghiệp (BPM) được nâng cấp với việc triển khai nền tảng Camunda.

Hệ thống mạng điều khiển bằng phần mềm (SDN)

Hệ thống mạng điều khiển bằng phần mềm giúp tự động hóa hạ tầng CNTT, cho phép chúng tôi đáp ứng nhanh hơn, hiệu quả hơn yêu cầu kinh doanh luôn biến đổi. Giờ đây, giao dịch lập trình ứng dụng (API) tập trung điều hướng lưu lượng truy cập trong hệ thống, giúp việc truy cập cũng như vận hành lưu lượng nhanh, linh hoạt và an toàn hơn. Hệ thống này cũng giúp cắt giảm chi phí, cho phép theo dõi sức khỏe hệ thống theo thời gian thực, và tăng tốc độ ra mắt các ứng dụng mới.

Hệ thống mạng diện rộng điều khiển bằng phần mềm (SDWAN)

Hệ thống mới này giúp chúng tôi hoạt động hiệu quả hơn và tiết kiệm chi phí. Hệ thống SDWAN của Cisco giúp cải thiện trải nghiệm trực tuyến của khách hàng nhờ băng thông mạnh hơn và đảm bảo chất lượng kết nối mạng. Các chi nhánh giao dịch trực tiếp của chúng tôi cũng được kết nối tốt hơn, khi không còn phải sử dụng qua các trung tâm mạng vùng và tỉnh.

Hiện đại hóa hệ thống dịch vụ doanh nghiệp (EBS)

Chúng tôi đã hiện đại hóa kiến trúc tích hợp EBS bằng cách ứng dụng nền tảng API của Mulesoft trên đám mây. Ứng dụng này giúp tạo ra một nền tảng hợp nhất cho tất cả API, giảm chi phí bảo trì và chi phí giấy phép sử dụng, cũng như tăng khả năng mở rộng quy mô.

Office 365

Phần mềm Office 365 tiếp tục hỗ trợ, tạo ra những đột phá trong phương thức làm việc linh hoạt (agile), nâng cao hiệu suất công việc. Đến nay, hơn 12.300 nhân viên Ngân hàng có thể sử dụng Office 365 để làm việc mọi nơi, mọi lúc và trên mọi loại thiết bị. Điều này giúp chúng tôi:

- ◆ Tạo ra một môi trường làm việc hiện đại, linh hoạt và năng động hơn
- ◆ Tiết kiệm cho mỗi nhân viên khoảng 18 phút mỗi tuần
- ◆ Giảm khoảng 290 tỷ đồng chi phí sử dụng các công cụ làm việc của bên thứ ba trong 5 năm.

Hội đồng Chấp thuận Thay đổi (Change Advisory Board)

Hội đồng Chấp thuận Thay đổi (CAB) của chúng tôi thực hiện giám sát, đánh giá, ưu tiên và chấp thuận các thay đổi về hệ thống, đồng thời đảm bảo thực hiện thẩm định phù hợp nhằm duy trì ổn định hệ thống. Theo các yêu cầu quản trị,

CAB tiến hành kiểm tra hoạt động triển khai hệ thống CNTT và đề xuất những cải tiến cần thiết hàng tháng. Năm 2022, công ty đánh giá độc lập Temus đã chứng nhận quy trình thay đổi của chúng tôi.

Bảng kiểm soát chỉ số hoạt động dành cho Ban lãnh đạo Khối Công nghệ

Được xây dựng trên phần mềm Power BI, bảng kiểm soát này theo dõi hơn 30 chỉ tiêu hiệu suất chính, trên 10 khía cạnh vận hành của khối, và liên tục đưa ra cập nhật gần như theo thời gian thực trong các mảng sau:

- ◆ Dịch vụ xuất sắc
- ◆ Quản trị rủi ro
- ◆ Tuân thủ
- ◆ Quản lý nhân sự
- ◆ Thực hiện dự án.

Nhờ vậy, ban lãnh đạo khối có cái nhìn tổng quan mọi lĩnh vực hoạt động, qua đó thực hiện dự đoán, ngăn ngừa và xử lý sự vụ tốt hơn, cũng như đo lường chính xác hiệu suất CNTT để đề xuất các cải tiến phù hợp.

Chất lượng và hiệu suất dịch vụ CNTT

Các nhân viên của Ngân hàng đã được khối Công nghệ cung cấp dịch vụ với chất lượng rất cao. Cụ thể, trong giai đoạn 2020-2022:

- ◆ Tổng số sự cố hệ thống giảm gần một nửa, từ 1.161 xuống 656 trường hợp
- ◆ Mức độ hài lòng với dịch vụ hỗ trợ CNTT tăng lên 98,4% từ 96,4%
- ◆ Mức độ tuân thủ với các thỏa thuận chất lượng dịch vụ tăng lên 97,5% từ 93,3%.



DevSecOps

DevSecOps, viết tắt của Phát triển – Bảo mật – Vận hành, là một cách tiếp cận mang tính tổ chức, giúp nhanh chóng phát triển các ứng dụng mới và dễ dàng bảo trì thường nhật. Mối liên kết mạnh mẽ giữa các hoạt động Phát triển – Bảo mật – Vận hành và các bên liên quan trong Ngân hàng giúp kiểm soát tốt hơn các quy trình lập, nhờ áp dụng những cách làm tốt nhất (best practices), tự động hóa và công cụ mới. Cách tiếp cận này đã thay đổi toàn diện phương thức chúng tôi phát triển và cung cấp sản phẩm dịch vụ, thông qua đẩy mạnh quy trình đầu cuối, từ viết mã phần mềm, đến việc khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ, nhanh chóng đáp ứng phản hồi của thị trường với các cải tiến phù hợp.

DecSecOps trao quyền cho đội ngũ phát triển trong khi vẫn đảm bảo tính bảo mật trong mọi bước của quy trình hoạt động. Chúng tôi sẽ tiếp tục ứng dụng DevSecOps khi sử dụng các công cụ tích hợp và phối liên tục CI/CD, công cụ tích hợp tự động hóa (như Liquidbase, Ansible, ArgoCD, kho lưu trữ Git), và công cụ theo dõi...

- ◆ 66% khối lượng công việc hiện tại đã được chuyển hóa theo DevSecOps
- ◆ 91,2% các hệ thống/ ứng dụng mới đã áp dụng DevSecOps
- ◆ Các cải tiến mới sử dụng DevSecOps đã tăng trưởng 374% trong nửa cuối năm, so với nửa đầu năm 2022.

Tuân thủ và quản trị rủi ro

Quản trị an ninh mạng

Không nằm ngoài xu hướng an ninh mạng đáng báo động tại châu Á, Ngân hàng đã ghi nhận hơn 23.000 cuộc tấn công trong năm 2022, gấp 2,5 lần so với 2021. Tuy vậy, với năng lực vững mạnh và phương pháp tiếp cận xử lý thận trọng của đội ngũ an ninh CNTT những cuộc tấn công này đều được xử lý, giảm thiểu rủi ro cho khách hàng và Ngân hàng.

Áp dụng chiến lược “Cloud First”, đội ngũ an ninh thông tin của chúng tôi đã tư duy lại về cách tổ chức hệ thống của Ngân hàng, nâng cao mức độ tự động hóa và tạo sự linh hoạt nhằm ứng phó với bối cảnh thay đổi liên tục. Năm 2022, chúng

tôi đã tăng cường khả năng bảo vệ khỏi những tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS), nâng cấp các hệ thống phòng chống xâm nhập (IPS), giải pháp quản lý truy cập đặc quyền (PAM), hệ thống bảo mật thông tin và quản lý sự kiện (SIEM), tường lửa ứng dụng Web (WAF), và bảo mật thiết bị đầu cuối (Endpoint security). Nhờ vậy, chúng tôi có thể chủ động phát hiện và ngăn ngừa tấn công mạng, đảm bảo an toàn hệ thống và dịch vụ và phục vụ thông suốt khách hàng 24/7.

Cùng với việc thực thi và duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn mà Ngân hàng Nhà nước (NHNN) yêu cầu, chúng tôi cũng sở hữu:

- ◆ Chứng nhận ISO/IEC 27000:2013 về quản trị an ninh thông tin cho hệ thống ngân hàng lõi và dịch vụ ngân hàng trực tuyến, hiệu lực từ

29/10/2021 đến 28/10/2024

- ◆ Chứng nhận PCI DSS phiên bản 3.2.1 về tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu ngành thẻ thanh toán, cấp độ 1 (cấp độ tuân thủ cao nhất), hiệu lực từ 25/11/2022 đến 24/11/2023

Chúng tôi thường xuyên cập nhật các tài liệu đào tạo trên toàn Ngân hàng, và thực hiện nhiều cuộc thử nghiệm an ninh trong năm để nâng cao ý thức và đảm bảo tuân thủ hoạt động an ninh mạng.

Tháng 10/2022, đội thi an ninh CNTT của chúng tôi đã giành giải ba trong số 50 đội tham gia cuộc thi Diễn tập chủ động phòng thủ không gian mạng (DF Cyber Defense), do Trung tâm An ninh mạng Quốc gia và NHNN tổ chức.

Quản trị rủi ro hoạt động

Ngân hàng đang vận hành mô hình quản trị rủi ro hoạt động ba tầng, tương đương với tuyến phòng thủ thứ nhất và thứ hai* do khối Công nghệ giám sát. Các hoạt động và quản trị của khối đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN, cũng như chương trình đảm bảo an ninh khách hàng của các tổ chức như Swift. Chúng tôi hiểu quản trị rủi ro là một phần trọng yếu trong mọi bộ phận và dự án của Ngân hàng.

Chương trình quản trị rủi ro theo chu trình khép kín của chúng tôi đã được thử nghiệm trong quý 2 và quý 3, và triển khai chính thức vào quý 4. Chương trình này giúp chúng tôi nhận diện, xác định, theo dõi và xử lý rủi ro nhanh và hiệu quả hơn, thông qua **Bảng kiểm soát chỉ số hoạt động dành cho Ban lãnh đạo Khối Công nghệ**. Bên cạnh đó, các biện pháp bảo vệ khác cũng được Ban Lãnh đạo Khối tăng cường để đảm bảo quản trị rủi ro hoạt động.

Năng lực bảo vệ Ngân hàng ngày càng hoàn thiện trong năm 2022, thể hiện qua bảng thống kê các cải thiện lớn trong năng lực tự đánh giá rủi ro dưới đây:

	2022	2021	2020
Tổng số lượng rủi ro	71	75	53
Số lượng rủi ro do IT tự đánh giá	60	55	22
Số lượng rủi ro do các bên khác đánh giá (Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro hoạt động...)	11	20	31

Số lượng vi phạm an ninh thông tin giảm 14%.

Hội đồng Rủi ro Doanh nghiệp (“Enterprise Risk Council”) của Ngân hàng chịu trách nhiệm giám sát mô hình phòng thủ quản trị rủi ro hoạt động, họp định kỳ hàng tháng với sự tham dự của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách quản trị rủi ro, cùng các lãnh đạo khối.

*Trước năm 2022, mọi dự án đều phải trải qua đánh giá rủi ro bắt buộc và phải được Khối Quản trị Rủi ro (RMD) – đóng vai trò tuyến phòng thủ thứ hai – phê duyệt.

Gia tăng giá trị cho khách hàng

Ứng dụng Techcombank Mobile

Các sản phẩm và dịch vụ của khối Công nghệ tiếp tục nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng, cũng như được ngành ngân hàng công nhận.

Chúng tôi đã tái ra mắt ứng dụng Techcombank Mobile, phiên bản nâng cấp với công nghệ tiên tiến, tăng cường bảo mật và giao diện thân thiện hơn. Dựa trên nền tảng Backbase, đây là ứng dụng di động đầu tiên trên thị trường Việt Nam sử dụng dữ liệu lớn để cung cấp công cụ quản lý tài chính thiết kế riêng biệt và mang tính cá nhân tới khách hàng. Người dùng có thể dự báo các khoản chi tiêu tương lai, từ đó hoạch định tài chính và quản lý danh mục tài sản một cách thuận tiện. Ứng dụng đã thúc đẩy tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước:

- ♦ **Giá trị giao dịch qua ngân hàng điện tử tăng 15,7%, tương đương 10,5 nghìn tỷ đồng**
- ♦ **Khối lượng giao dịch qua ngân hàng điện tử tăng 29,6%, tương đương 845 triệu giao dịch.**

Sản phẩm đầy sáng tạo này đã giúp chúng tôi giành 3 giải thưởng. Chi tiết xin xem phần của khối RBG, trang 39.

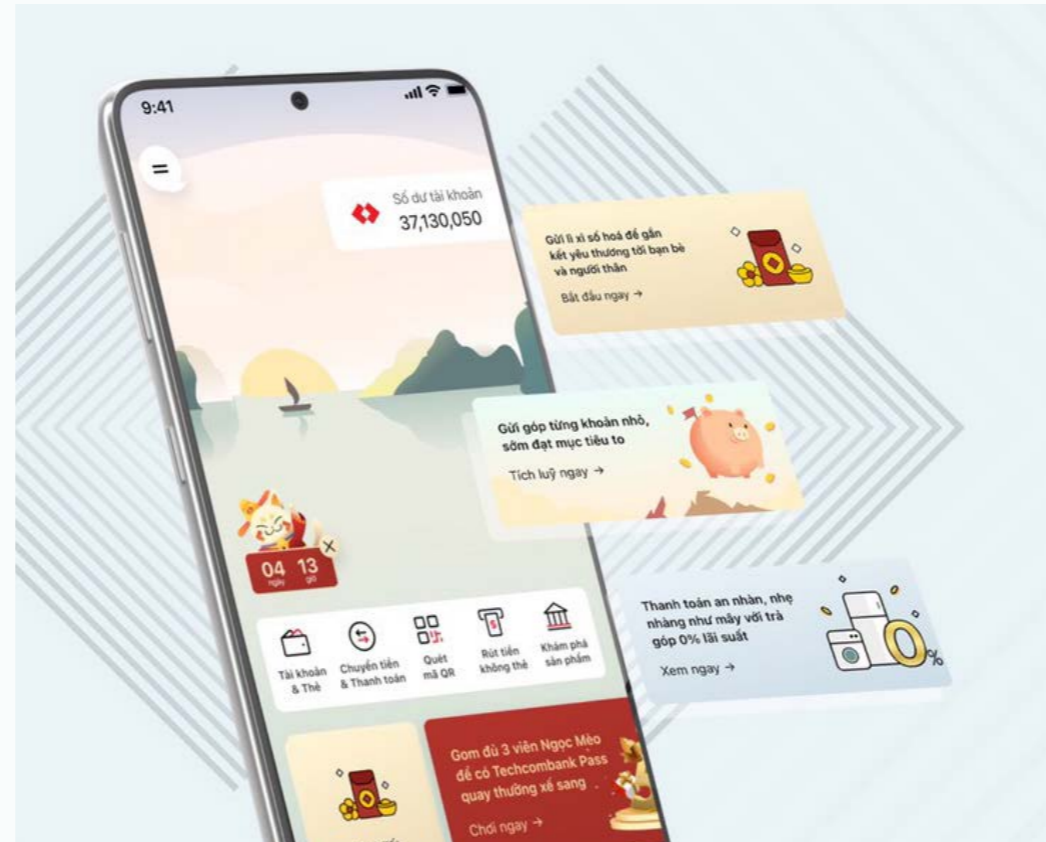
Ứng dụng Techcombank Business

Năm vừa qua, Techcombank đã đạt những thành tựu sau:

- ♦ **Chuyển 61,3% khách hàng SME/ MSME sang ứng dụng mới**
- ♦ **Khối lượng giao dịch trung bình hàng tháng tăng 159,5%**
- ♦ **Giá trị giao dịch trung bình trong tháng tăng 138,8%.**

Chúng tôi sẽ tiếp tục nâng cao giá trị thương hiệu và sự gắn bó của khách hàng. Để hiện thực hóa mục tiêu 5 năm của Ngân hàng đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp, chúng tôi đã thiết kế lại mô hình kinh doanh thân thiện với khách hàng doanh nghiệp trên nền tảng số. Mô hình đã và sẽ giúp tăng trưởng tập khách hàng SME, phục vụ thiết thực nhu cầu của họ.

Chúng tôi hướng tới một nền tảng đa kênh cho khách hàng doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như doanh nghiệp vi mô, giúp tăng tương tác khách hàng và phát triển kinh doanh. Nền tảng này sẽ đem lại trải nghiệm nhất quán và liền mạch của khách hàng, qua đó giúp chúng tôi đẩy mạnh thu hút khách hàng mới, giành thị phần cũng như tăng sự gắn kết của khách hàng. Chi tiết xin xem phần của khối BB, trang 42.



Cảm ơn bạn đã đồng hành để
**Techcombank trở thành
 ngân hàng số tốt nhất tại Việt Nam**

Do Global Finance bình chọn

Nhân tài CNTT

Nhân tài là trụ cột quan trọng trong chiến lược 5 năm của Techcombank. Chúng tôi tin rằng thu hút, đào tạo và giữ chân những chuyên gia CNTT giỏi nhất là chìa khóa cho thành công. Để thực hiện chiến lược này, chúng tôi triển khai các chương trình tuyển dụng và đào tạo nhằm thu hút các thành viên CNTT, đồng thời cung cấp cho họ các tài nguyên cần thiết để họ vượt trội hơn mỗi ngày.

Khối Công nghệ đã nỗ lực mở rộng cách thức tuyển dụng nhân tài CNTT. Cụ thể, Ngân hàng đã:

- ♦ Tổ chức các chuyến đi tuyển mộ nhân tài tại Singapore, London và San Francisco
- ♦ Quảng bá thương hiệu tới các trường đại học công nghệ hàng đầu tại địa phương thông qua các Hội nghị về công nghệ, hội thảo trực tuyến và hội chợ việc làm như tại: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP.HCM và nhiều nơi khác.

Dẫu vậy, một hành trình chuyển đổi số mạnh mẽ đang diễn ra trên khắp Việt Nam, dẫn tới nhu cầu rất lớn đối với nguồn nhân lực trong lĩnh vực này. Khối Công nghệ linh hoạt thích ứng, nghiên cứu những cách thức tiếp cận khác biệt để có thể đáp ứng đủ nhu cầu về nhân tài CNTT của Ngân hàng thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ.

Chương trình đào tạo và chứng nhận của Amazon Web Services (AWS)

Là một phần trong chiến lược đầu tư công nghệ 5 năm vào nền tảng điện toán đám mây, trong năm 2022 chúng tôi đã hợp tác sử dụng khung kỹ năng Skills Guild của AWS để đào tạo và nâng cao kỹ năng về dịch vụ đám mây cho hơn 2.800 nhân viên, với hơn 3.400 tổng lượt tham dự. Chương trình tân tiến của chúng tôi là loại hình đầu tiên trong khu vực, với hơn 531 nhân viên khối Công nghệ được chứng nhận. Các buổi đào tạo trên lớp được củng cố bằng thực hành, cũng như được bổ sung bằng mạng lưới chuyên gia về thuật toán đám mây mà chúng tôi đã thiết lập. Các chuyên gia này, hay còn gọi là các "Cloud Champion", luôn sẵn sàng 24/7 để hướng dẫn các thành viên nhóm và giải đáp bất cứ thắc mắc nào liên quan.

Sử dụng khung kỹ năng Skills Guild của AWS cho

>2.800 NHÂN VIÊN để đào tạo và nâng cao kỹ năng về dịch vụ đám mây, với hơn 3.400 tổng lượt tham dự

Loại hình đầu tiên trong khu vực, với hơn

>531 nhân viên khối Công nghệ được chứng nhận

Trung tâm số hóa tại TP.HCM

Trung tâm số hóa tại TP.HCM của chúng tôi đã tuyển mộ thêm 150 nhân sự, tương đương mức tăng trưởng 400% trong năm 2022. Trọng tâm chính của trung tâm bao gồm bàn giao các dự án phát triển số và tiếp nhận các quy trình nội bộ toàn diện, tinh gọn để tuyển dụng nhân tài CNTT. Trung tâm đã giúp Ngân hàng tuyển mộ các kiến trúc sư hệ thống, chuyên viên phân tích nghiệp vụ và chuyên viên phát triển phần mềm, cũng như các nhân viên kiểm thử, an ninh mạng, DevSecOps và kỹ sư điện toán đám mây.

Hợp tác với FSOFT

Như đã đề cập, chương trình chuyển đổi số đầy tham vọng của chúng tôi diễn ra trong bối cảnh bùng nổ nhu cầu đối với chuyên gia CNTT. Mỗi quan hệ đối tác chiến lược với công ty FSOFT sẽ tận dụng đội ngũ sẵn có của công ty nhằm giúp tăng cường năng lực của Ngân hàng với quy mô lớn. Trong năm qua, nhân viên Techcombank và hơn 100 thành viên FSOFT đã làm việc cùng nhau, dưới khung quản trị hiệu suất chung, tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP.HCM, cùng thực hiện các dự án chiến lược, các sáng kiến cũng như các nỗ lực tăng cường sự ổn định và sức chịu đựng của hệ thống CNTT.

Chương trình Techcombank Future Gen – Tech & Data

Chương trình Quản trị viên tập sự về công nghệ của chúng tôi được khởi động lần đầu năm 2021.

Chương trình đầu tiên, với tên gọi Techcombank Future Gen – Tech & Data, bắt đầu vào tháng 1/2022 và lựa chọn quản trị viên đầu tiên đã hoàn thành 12 trong tổng số 18 tháng của chương trình. Qua ba đợt luân chuyển, các quản trị viên tập sự đã được trao cơ hội học hỏi, làm việc với cường độ cao và vượt qua nhiều thử thách khó khăn.

Một số sinh viên cũng được cơ hội tham gia TechcomLEAP, chương trình đào tạo lãnh đạo cấp cao của chúng tôi, với tư cách “cố vấn” cho các lãnh đạo cấp cao. Hoạt động “cố vấn ngược” này giúp các lãnh đạo cấp cao có thêm góc nhìn mới từ các tài năng trẻ, qua đó thu hẹp khoảng cách thế hệ, cũng như khuyến khích tư duy đổi mới trong đội ngũ thế hệ Z ngày một gia tăng của Ngân hàng.

Số lượng các quản trị viên tập sự đã tăng gấp đôi kể từ khi chương trình ra mắt. Chúng tôi đã nhận được 1.300 hồ sơ ứng tuyển cho đợt hai của chương trình (tăng 50% so với 2021), và 7 quản trị viên đã bắt đầu thực tập vào tháng 1/2023 (tăng 38% so với 2021).

Các quản trị viên này đã bắt đầu đảm nhận một số vai trò CNTT quan trọng trong Ngân hàng, và các khối khác cũng đang lên kế hoạch cho những chương trình tương tự.

Thêm nhiều sáng kiến phát triển nhân viên

Các hoạt động phát triển nguồn nhân lực CNTT đẳng cấp thế giới của Techcombank:

Chương trình tài trợ chứng chỉ quốc tế

Trong chiến lược dài hạn nhằm xây dựng một tổ chức CNTT tầm cỡ thế giới, tính đến cuối năm 2022, 62% nhân viên khối Công nghệ đã sở hữu ít nhất một chứng chỉ quốc tế. Đội ngũ của chúng tôi sở hữu hơn 1.000 chứng chỉ, cấp bởi các tổ chức nổi tiếng thế giới, bao gồm:

- ◆ AWS Developer Associate
- ◆ AWS Developer Professional
- ◆ AWS Security Specialty
- ◆ Control Objectives for Information and Related Technologies (COBIT)
- ◆ ISTQB Advanced
- ◆ PMP

- ◆ AAC
- ◆ CCBA
- ◆ CBAP
- ◆ ITIL Foundation
- ◆ CISSP.

Học tập trên các nền tảng trực tuyến quốc tế

Việc học tập trong thời đại công nghệ số yêu cầu sự nhanh chóng và tối ưu. Các nền tảng lớp học trực tuyến mà chúng tôi sử dụng đã tận dụng bài giảng từ các chuyên gia hàng đầu, giúp nhân viên học mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị. Trong năm 2022, khối Công nghệ ghi nhận 63.438 giờ học, tương đương 54 giờ/người. Đặc biệt, một nhân viên của chúng tôi đã đạt 278 giờ học.

Năm 2022, Techcombank đã giành giải “Best in Tech” của Pluralsight.

Tỷ lệ học tập của chúng tôi trên nền tảng này gia tăng hàng quý, với gần 81% số nhân viên chủ động nâng cao năng lực thông qua việc tham gia các bài đánh giá kỹ năng. Số giờ học tập trung vị và số lượng khóa học được theo dõi cũng cao hơn so với trung bình ngành.

62% NHÂN VIÊN

sở hữu ít nhất 1 chứng chỉ quốc tế

>1.000 CHỨNG CHỈ

sở hữu do các tổ chức nổi tiếng thế giới cấp

81% NHÂN VIÊN

chủ động nâng cao năng lực thông qua việc tham gia các bài đánh giá kỹ năng



KEY TALENT TECHCOMBANK

**TECHCOMBANK FUTURE GEN
TECH & DATA**

SEASON 3 NOW OPEN

18-Month Fast-Track

APPLY NOW

By 18.06.2023
https://bit.ly/TFG_2023

Top-notch Learning Opportunities

Global Mentoring

MANAGEMENT ASSOCIATE PROGRAM

BE GREATER

Kế hoạch của khối Công nghệ trong năm 2023

Khối Công nghệ sẽ tập trung cải tiến các hệ thống CNTT của Ngân hàng nhằm nâng cao năng suất, mức độ hiệu quả và trải nghiệm giao dịch của khách hàng. Chúng tôi đặt mục tiêu:

- ◆ Tăng cường vận hành xuất sắc dựa trên chiến lược 5 năm của Ngân hàng (ưu tiên sử dụng điện toán đám mây để hiện đại hóa công sở, chuyển đổi DevSecOps và làm việc linh hoạt)
- ◆ Vượt trội về quản trị CNTT và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, nhờ áp dụng khung quản trị COBIT 2019
- ◆ Mang lại giá trị cho khách hàng bằng cách tiếp tục áp dụng sản phẩm dịch vụ dựa trên công nghệ tiên tiến nhất, cũng như củng cố an ninh thông tin cho khách hàng
- ◆ Tiếp tục đầu tư vào nhân lực kỹ thuật số tài ba nhất, cũng như nâng cao năng lực nhân viên, cụ thể:

Chúng tôi đã thực hiện các bài kiểm tra kỹ thuật đối với nhân viên CNTT thuộc 6 nhóm công việc

trong 2022. Kết quả kiểm tra này sẽ cung cấp thông tin cho việc triển khai các chiến dịch nâng cao năng lực kỹ thuật, giúp thu hẹp khoảng trống kỹ năng trong 2023. Chúng tôi sẽ tập trung vào những kỹ năng chính như:

- Phân tích nghiệp vụ
- Lập trình
- Nguyên lý và hình mẫu thiết kế API
- Thử nghiệm tự động hóa
- Công cụ DevSecOps
- Quản lý dịch vụ CNTT
- Khách hàng là trọng tâm
- Điện toán đám mây
- Công cụ xây dựng hạ tầng Terraform.

Ngoài ra, chúng tôi sẽ tiếp tục nuôi dưỡng văn hóa học tập. Mục tiêu của chúng tôi là liên tục truyền thông và game hóa quá trình học tập và khen thưởng công khai. Chúng tôi sẽ xây dựng và thúc đẩy văn hóa chia sẻ và học tập trong lĩnh vực CNTT, thông qua các buổi hội thảo và các nhóm/diễn đàn thảo luận.



Chúng tôi đã kiến tạo hệ thống hỗ trợ toàn diện cho nhân tài của Techcombank, từ khâu tuyển dụng và gia nhập, tới phát triển và giữ chân họ, với các hoạt động đào tạo chuyên sâu, thù lao cạnh tranh và hơn thế nữa.”

Nikki Đặng Mỹ Quyên
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực



KHỞI QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC (HR)

ỨNG TUYỂN QUẢN TRỊ VIÊN TẬP SỰ
1.300 HỒ SƠ

Tổng quan

Nhân tài là một trong ba trụ cột chính trong chiến lược 5 năm của Techcombank.

Năm 2022, chúng tôi đã tiếp tục thu hút, phát triển và giữ chân những nhân sự tài năng nhất tại Việt Nam và quốc tế.

Phương pháp tiếp cận hiệu quả và có mục tiêu rõ ràng của chúng tôi đã giúp hàng ngàn nhân tài tham gia đội ngũ Ngân hàng trong năm vừa qua. Tất cả những cá nhân này đều mong muốn được đóng góp và trở thành thành viên trong một môi trường làm việc mơ ước với:

Sự trao quyền và thưởng thường cho nhân viên

Cơ hội phát triển cá nhân

Mức thu nhập cạnh tranh

Không chỉ riêng các Techcomer, thị trường lao động nói chung cũng đánh giá cao sức hấp dẫn của môi trường làm việc tại Ngân hàng. Năm 2022, Techcombank một lần nữa giành được những giải thưởng và chứng nhận danh giá, giúp củng cố hơn nữa danh tiếng của Ngân hàng, bao gồm:

Top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn dành cho doanh nghiệp Việt năm 2022 – *Anphabe*

Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (đứng thứ 9, tính riêng ngành ngân hàng: thứ 2) – *Anphabe*

Nơi làm việc tốt nhất châu Á (Best Companies to Work for in Asia) – *HR Asia*

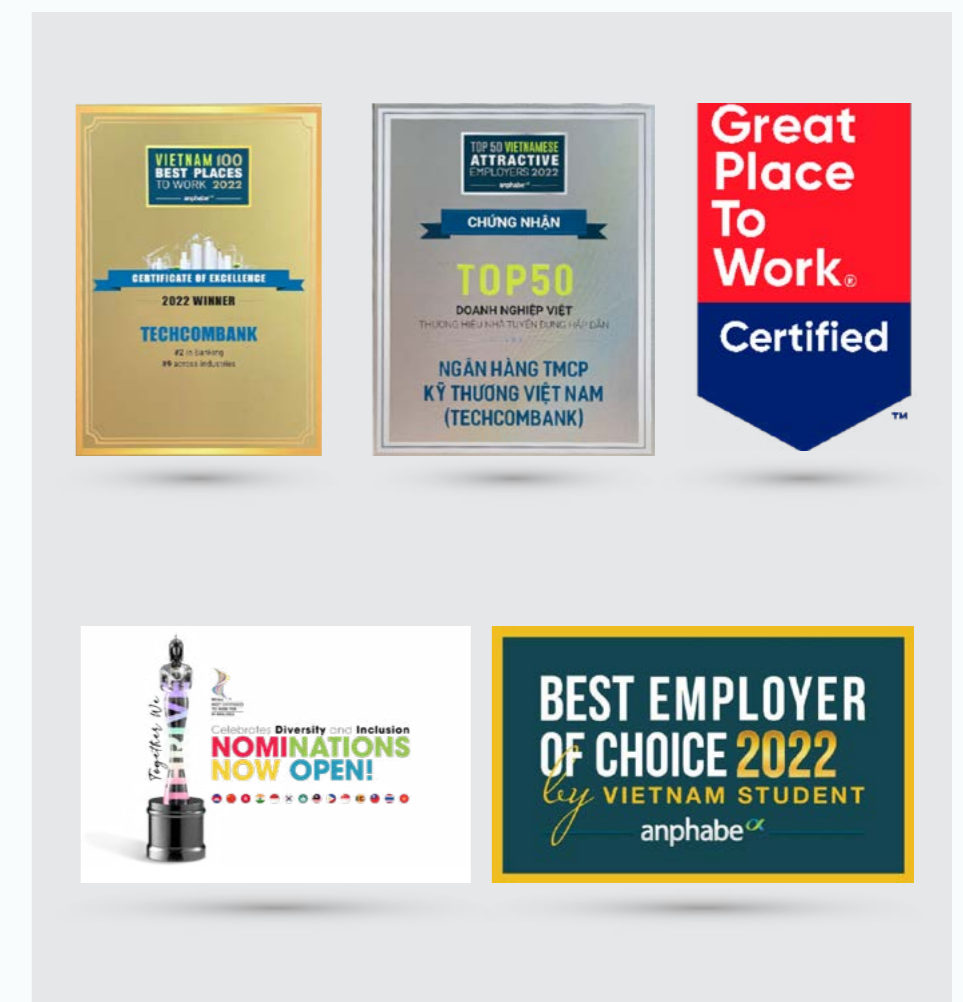
Nơi làm việc xuất sắc (Great Place to Work), là ngân hàng Việt Nam đầu tiên được trao tặng chứng nhận này – *Great Place to Work*

Nhà tuyển dụng yêu thích do sinh viên Việt Nam bình chọn – *Anphabe*

Các dấu ấn năm 2022

Thu hút những nhân tài xuất sắc nhất

Năm 2022, Techcombank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên tổ chức các buổi giới thiệu nghề nghiệp, thu hút nhân tài ở nước ngoài, minh chứng cho nỗ lực, quyết tâm và sự đầu tư của Techcombank trong việc chủ động tìm kiếm nhân sự ưu tú nhất. Chúng tôi đã giới thiệu tầm nhìn và cơ hội nghề nghiệp tại Ngân hàng tới những nhân tài người Việt tại các trung tâm tài chính lớn như Singapore, Vương quốc Anh và Mỹ. Mục tiêu của chúng tôi là thu hút những nhân tài với kinh nghiệm và kỹ năng đặc biệt trong các mảng kỹ thuật số, kỹ năng lãnh đạo và quản trị rủi ro. Với hàng trăm ứng viên tham gia phỏng vấn, chúng tôi đã lựa chọn được hàng chục nhân viên tài năng để chung tay thực hiện hành trình chuyển đổi của Ngân hàng.



Bên cạnh đó, chúng tôi cũng duy trì và đẩy mạnh tuyển dụng và phát triển những tài năng xuất sắc nhất trong nước. Chúng tôi đã tiếp tục triển khai những chiến dịch tuyển dụng nhắm đến các sinh viên tại các trường đại học hàng đầu ở Việt Nam và nước ngoài. Những chiến dịch này đã thu hút hàng ngàn hồ sơ ứng tuyển, mang lại cho Ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Chương trình Quản trị viên tập sự về công nghệ của chúng tôi được khởi động năm 2021. Chương trình đầu tiên rất thành công này, với tên gọi Techcombank Future Gen – Tech & Data, bắt đầu vào tháng 1/2022 và lựa sinh viên đầu tiên đã hoàn thành 12 trong tổng số 18 tháng thực tập. Các quản trị viên tập sự này sẽ đảm

nhận các nhiệm vụ mang tính thách thức cao, thông qua ba đợt luân chuyển.

Số lượng các quản trị viên tập sự đã tăng gấp đôi kể từ khi chương trình ra mắt. Chúng tôi đã nhận được 1.300 hồ sơ ứng tuyển cho đợt hai của chương trình (tăng 50% so với 2021), và 7 quản trị viên đã bắt đầu thực tập vào tháng 1/2023 (tăng 38% so với 2021).

Với sự thành công trong việc đưa quản trị viên tập sự vào các vị trí quan trọng về CNTT, các khối khác giờ đây cũng đang lên kế hoạch cho những chương trình tương tự cho quản trị viên tập sự.



Gia nhập Techcombank

Chúng tôi mong muốn mọi nhân viên mới đều cảm thấy thoải mái và được hỗ trợ để thành công tại Techcombank. Từ ngày đầu tiên gia nhập Ngân hàng, họ sẽ nhận được những hướng dẫn rõ ràng, hiệu quả, cũng như được chỉ định một người đồng hành giúp làm quen với môi trường mới. Sự chào đón và hỗ trợ nhân viên mới hòa nhập cũng là một phần trong văn hóa và môi trường làm việc của Ngân hàng. Xuyên suốt trong quá trình làm việc họ sẽ được tạo điều kiện thiết lập các mục tiêu sự nghiệp, xây dựng tương lai của mình tại Techcombank.

Gần 100% nhân viên mới của chúng tôi cho biết họ hài lòng với trải nghiệm gia nhập Ngân hàng của mình. Dẫu vậy, chúng tôi vẫn luôn tìm cách cải thiện với mong muốn tạo ra hành trình gia nhập hữu ích hơn nữa trong năm 2023.

Phát triển cùng Techcombank

Đào tạo và phát triển

Trong thời đại số hiện nay, đội ngũ nhân viên ngân hàng cần sở hữu nhiều kiến thức chuyên ngành và bổ trợ, ví dụ kiến thức về dữ liệu, hay ngôn ngữ lập trình đơn giản cho chuyên viên quan hệ khách hàng. Việc tập trung đầu tư vào con người đảm bảo rằng nhân viên của chúng tôi sẽ ngày càng được hoàn thiện cùng với sự phát triển của các chương trình đào tạo.

Năm 2022, chúng tôi đã xây dựng lộ trình đào tạo được thiết kế riêng cho hơn 1.000 vị trí. Các nhân viên Techcombank đã dành gần 900.000 giờ cho các khóa đào tạo trên lớp, học trực tuyến hoặc trong các lớp học ảo – tương đương với hơn 70 giờ mỗi người.

Chúng tôi cung cấp các chương trình đào tạo đa dạng cả về năng lực lãnh đạo và chuyên môn. Nhân viên

của chúng tôi đã hoàn thành chứng chỉ Amazon Web Services (AWS), chứng chỉ tín dụng thương mại (CICC) của Moody's, và các chứng chỉ đẳng cấp thế giới khác. Họ cũng được trao các chứng chỉ về công nghệ thông tin (CNTT), hoàn thành nhiều cấp độ khác nhau trên nền tảng học trực tuyến...

Chứng nhận từ Amazon Web Services (AWS) và Chương trình tài trợ chứng chỉ quốc tế

Theo chiến lược đầu tư 5 năm vào công nghệ điện toán đám mây, trong năm 2022 chúng tôi đã hợp tác sử dụng khung kỹ năng Skills Guild của AWS để đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, với hơn 630 Techcomers được AWS cấp chứng chỉ. Ngoài ra, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự CNTT chất lượng cao, chúng tôi đã cho ra mắt Chương trình tài trợ chứng chỉ quốc tế, theo đó tới cuối năm 2022, 62% nhân sự CNTT cần được cấp ít nhất một chứng chỉ.

Thông tin chi tiết xin vui lòng xem trong phần Nhân tài CNTT ở trang 75.

Chứng chỉ tín dụng thương mại (CICC) của Moody's

Moody's đã thực hiện đào tạo chứng chỉ CICC cho rất nhiều nhân viên của chúng tôi, giúp nâng cao năng lực tín dụng của đội ngũ chuyên viên quan hệ khách hàng theo chuẩn mực quốc tế. Trên toàn Ngân hàng, 63 hội thảo chuyên đề cũng đã được tổ chức nhằm mang lại giá trị vượt trội cho các Techcomer.

Nền tảng đào tạo trực tuyến quốc tế Pluralsight

Trong thời đại công nghệ số việc học yêu cầu phải nhanh và tối ưu. Các nền tảng học trực tuyến mà chúng tôi sử dụng lấy nội dung từ các chuyên gia hàng đầu, giúp nhân viên học mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị. Chúng tôi đã cung cấp 600 tài khoản ELSA để họ thực hành và kiểm tra kỹ năng tiếng Anh, một trong những yêu cầu tối thiểu trong thế giới phẳng.

Năm 2022, Techcombank đã giành giải thưởng “Xuất sắc nhất về Công nghệ” (Best in Tech) của Pluralsight. Tỷ lệ học tập của chúng tôi trên nền tảng này gia tăng hàng quý, với gần 81% số nhân viên chủ động nâng cao năng lực thông qua việc tham gia vào các bài đánh giá mức độ thành thạo kỹ năng. Số giờ học tập trung vị và số lượng khóa học được theo dõi cũng cao hơn trung bình ngành. Tổng thời gian học tập qua Pluralsight là 10.445 giờ, tương đương với 16 giờ/nhân viên, với 1.958 khóa học đặc biệt được theo dõi và 444 bài kiểm tra được thực hiện.

Lãnh đạo hôm nay và tương lai

Chúng tôi hướng tới thực thi tầm nhìn trở thành ngân hàng top 10 khu vực vào năm 2025 thông qua xây dựng năng lực lãnh đạo. Năm 2022, chúng tôi đã đầu tư 10 triệu đô la Mỹ vào TechcomLEAP, một chương trình được Techcombank tiên phong phát triển và cung cấp với sự hỗ trợ và dịch vụ cung cấp bởi các doanh nghiệp hàng đầu thế giới như McKinsey, IMD v.v. nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo lên ngang tầm khu vực. Ngân hàng cũng cung cấp nhiều chương trình chất lượng về kỹ năng lãnh đạo và phát triển năng lực điều hành, từ dẫn dắt bản thân (*Leading Self*) đến dẫn dắt doanh nghiệp (*Leading Enterprise*), cho hàng nghìn nhân viên khác ở các cấp độ khác nhau.

Vượt trội hơn mỗi ngày – Hiệu suất và quản lý

Techcombank tự hào về năng suất lao động rất cao, được đo lường bằng tổng thu nhập hoạt động (hay lợi nhuận) trên mỗi nhân viên. Năm 2022, chúng tôi giúp nhân viên đặt ra những mục tiêu hợp lý, nhưng vẫn đủ thách thức, cũng như cung cấp các hoạt động đào tạo và hỗ trợ cần thiết. Phương thức làm việc linh hoạt (agile) của Ngân hàng đảm bảo nhân viên sẽ mang lại kết quả làm việc và chất lượng dịch vụ vượt trội.

Hành trình số hóa của Techcombank đã cung cấp cho lực lượng nhân viên kinh doanh các công cụ mạnh mẽ giúp hoạch định và theo dõi danh mục một cách hiệu quả và kịp thời. Họ cũng nhận được sự hỗ trợ chặt chẽ và huấn luyện tích cực từ các quản lý trực tiếp đầy động lực như tất cả các nhân viên khác của Ngân hàng.

Hơn 90% nhân viên tham gia khảo sát về đánh giá hiệu quả công việc hàng năm của chúng tôi đã có phần hồi tích cực. Cụ thể, họ thấy thời gian tổ chức đánh giá phù hợp, các biểu mẫu và công cụ hỗ trợ đánh giá hữu ích, và các buổi thảo luận liên quan với quản lý trực tiếp mang tới cho họ sự hài lòng.

Trao thưởng và ghi nhận

Hệ thống kiến trúc công việc (Job Architecture) của chúng tôi được hoàn tất năm 2021, đã giúp đơn giản hóa và hệ thống hóa các quy trình về phát triển sự nghiệp, thu nhập và phúc lợi của nhân viên. Hệ thống này đảm bảo chúng tôi cung cấp định vị hấp dẫn đến các nhân viên Ngân hàng, bao gồm mức lương cạnh tranh và các phúc lợi độc đáo như:

- ♦ Gói chăm sóc sức khỏe gia đình
- ♦ Khen thưởng thành tích học tập cho con của các Techcomer, thông qua chương trình TechcomKids
- ♦ Hỗ trợ phương tiện vận chuyển cho các Techcomer về quê thăm gia đình dịp Tết Âm lịch (Techcom Bus).

Kế hoạch của khối Quản trị Nguồn nhân lực trong năm 2023

Năm 2023, Techcombank sẽ tiếp tục thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, hướng tới những bước tiến lớn trong tầm nhìn và mục tiêu chiến lược. Chúng tôi sẽ thực thi chiến lược này bằng các phương pháp đã được khẳng định hiệu quả, như các chương trình tuyển mộ nhân tài hải ngoại.

Chúng tôi sẽ thiết kế lại các chương trình nhân tài dành cho nhân viên có tiềm năng cao và/hoặc kỹ năng đặc thù, đồng thời mang những giá trị cốt lõi của Techcomer và có cam kết mạnh mẽ với Ngân hàng. Các chương trình mang tính cạnh tranh và được thiết kế riêng biệt sẽ giúp họ phát triển năng lực lãnh đạo cũng như chuyên môn, và khuyến khích họ tiếp tục làm việc và cống hiến cho Ngân hàng.

Ngân hàng cũng sẽ từng bước cải thiện hành trình cho toàn bộ nhân viên bằng cách đầu tư vào các tính năng nâng cao cho hệ thống quản trị nhân lực như phân hệ quản lý hiệu quả công việc, kế hoạch kế nhiệm và thu nhập. Nâng cao những chức năng này sẽ giúp Ngân hàng:

- ♦ Cùng cố sự nghiệp và phát triển nhân tài
- ♦ Hỗ trợ cải thiện liên tục về hiệu suất
- ♦ Giảm thời gian và công sức bỏ ra để hoàn thành công việc, bằng cách loại bỏ những quy trình và hoạt động thủ công.

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÙNG TECH

- ◆ Khối Quản trị Rủi ro
- ◆ Văn hoá doanh nghiệp
- ◆ Báo cáo bền vững Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG)



Chúng tôi tích cực củng cố công tác quản trị rủi ro và tuân thủ, bao gồm quản trị các loại hình rủi ro mới xuất hiện, nhằm xây dựng năng lực tổng thể trên toàn Ngân hàng.”

Siva R. Krishnan
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro



KHỐI QUẢN TRỊ RỦI RO (RMD)

Tổng quan

Khối Quản trị Rủi ro (RMD) hoạt động trên nguyên tắc cân bằng tối ưu giữa tính độc lập và hoạt động hỗ trợ kinh doanh nội bộ, qua đó giúp Techcombank đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra. Nhờ tăng tốc đầu tư, chúng tôi đã có thể:

Thích ứng với những biến động và bất định của thị trường

Đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn và bền vững

Hỗ trợ chuyển đổi kinh doanh

Duy trì vị thế dẫn đầu thị trường

Theo chiến lược tổng thể 2021-25 của Ngân hàng, trong năm 2022 chúng tôi đã tập trung chủ yếu vào xây dựng năng lực vận hành cho bộ phận quản trị rủi ro tài chính và phi tài chính. Chúng tôi cũng tiếp tục tích hợp năng lực quản trị rủi ro trên cả ba trụ cột chiến lược – Số hóa, Dữ liệu và Nhân tài.

Đối mặt với môi trường hoạt động nhiều thách thức, khung quản trị rủi ro của Ngân hàng đã được nâng cấp đáng kể, tập trung vào cơ sở hạ tầng và mô hình hoạt động vững chắc. Chúng tôi đã thực hiện những cải tiến lớn giúp tích hợp tốt hơn khung khẩu vị rủi ro vào các bộ phận quản trị, đánh giá, giám sát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của chúng tôi.

Với những quy định không ngừng thay đổi, chúng tôi phát triển năng lực quản trị rủi ro đa dạng lên tầm cao mới, bao gồm nhận diện và

quản trị những rủi ro mới phát sinh như rủi ro mô hình, rủi ro an ninh mạng, và rủi ro lan truyền (contagion risk). Cụ thể, chúng tôi đã:

- ◆ Tiếp tục thu hút nhân tài với năng lực phân tích vượt trội
- ◆ Ứng dụng các mô hình dữ liệu phức tạp để đẩy mạnh hơn nữa năng lực phát hiện, giúp ngăn ngừa và xử lý các cuộc tấn công an ninh mạng cũng như giảm thiểu rủi ro lan truyền
- ◆ Đạt các chuẩn mực quản trị rủi ro trong khu vực, cũng như quốc tế, bao gồm tuân thủ Basel III.

Song song với đó, chúng tôi cũng tiếp tục củng cố năng lực tuân thủ các quy định và quản lý của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các bên liên quan, hướng tới những chuẩn mực cao nhất về tuân thủ và minh bạch.

Các dấu ấn năm 2022

Quản trị rủi ro tín dụng

Năm 2022, chúng tôi đã thiết kế và số hóa mô hình hoạt động tín dụng mới, nhờ tận dụng hạ tầng của hệ thống hỗ trợ ra quyết định tín dụng doanh nghiệp (BCDE) từng được triển khai thành công trong giai đoạn 2020-2021. Trung thành với cam kết liên tục cải tiến, chúng tôi đã thiết kế lại các quy trình cơ bản và nâng cao kỹ năng cho nhân sự để phục vụ khách hàng doanh nghiệp hiệu quả hơn trong suốt vòng đời rủi ro tín dụng.

Sáng kiến mà chúng tôi triển khai bao gồm:

- ◆ Tinh chỉnh mô hình tín dụng
- ◆ Ứng dụng các tính năng tự động hóa mới, bao gồm tinh gọn quy trình tài liệu
- ◆ Lập hồ sơ dựa trên rủi ro để hoàn thiện danh sách tài liệu cần cung cấp
- ◆ Lựa chọn nguồn lực thẩm định
- ◆ Hỗ trợ ra quyết định tức thời cho mọi thành phần tham gia chuỗi giá trị tín dụng doanh nghiệp
- ◆ Thực hiện số hóa toàn bộ quy trình thẩm định và cảnh báo sớm
- ◆ Áp dụng quy trình kiểm soát sau vay mới trên hệ thống BCDE.

Tại những địa điểm kinh doanh chính chúng tôi đã triển khai những thay đổi trên, tính chính xác và tuân thủ trong quyết định tín dụng được cải thiện đáng kể. Thời gian xử lý hồ sơ đã giảm rõ rệt – trong 75% hạng mục xét duyệt và khối lượng tín dụng thời gian giảm khoảng 50%. Trải nghiệm khách hàng tốt hơn 2-3 lần so với trước đây. Nổi tiếp thành công này, chúng tôi sẽ áp dụng triển khai trên tất cả các chi nhánh trên toàn quốc trong năm 2023.

Chúng tôi cũng nỗ lực hoàn thành mục tiêu chiến lược về đa dạng hóa danh mục cho vay của Ngân hàng, thông qua triển khai nền tảng khởi

tạo khoản vay bán lẻ “Tín dụng thông minh” (Smart credit) trên toàn quốc cho tất cả các sản phẩm vay tín chấp và thế chấp. Sự kết hợp đa kênh giữa hành trình khách hàng được thiết kế mới, các mô hình tín dụng tốt hơn và các dữ liệu đa dạng đã giúp nâng cao đáng kể trải nghiệm cho khách hàng.

Quản trị rủi ro thanh khoản

Quản trị rủi ro thanh khoản tiên tiến theo chuẩn mực Basel III

Ngân hàng đã triển khai thành công nền tảng quản lý tài sản Nợ - Có (ALM) tiên tiến, cung cấp bởi một công ty dữ liệu và phần mềm quản trị rủi ro hàng đầu trên thế giới. Nền tảng này bao gồm các tính năng chuyên biệt được tùy chỉnh giúp chúng tôi thực thi chiến lược quản trị rủi ro thanh khoản và áp dụng các mô hình ngẫu nhiên cùng những chỉ tiêu đo lường mới. Hệ thống công cụ thanh khoản mới của chúng tôi được mở rộng, bao gồm các mô hình hành vi khách hàng, giúp Ngân hàng vận hành dựa trên các kịch bản và mô hình mô phỏng rủi ro thanh khoản chính xác hơn.

Chúng tôi có thể tuân thủ tốt hơn các quy định của Basel III về giám sát các chỉ tiêu NSFR (tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng) và LCR (tỷ lệ đảm bảo thanh khoản) với một chuỗi kịch bản đa dạng. Quan trọng hơn, năng lực quản trị rủi ro thanh khoản của chúng tôi đã tiến gần hơn tới các chuẩn mực quốc tế – đặc biệt là các chuẩn mực liên quan đến tối ưu hóa ALM.

Kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản và thực hiện “diễn tập” định kỳ

Trong năm 2022, Techcombank đã thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản định kỳ, tập trung vào tác động từ các biến động thị trường lên nguồn vốn của Ngân hàng. Các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng mà Ngân hàng sử dụng được thiết kế ở

các cấp độ và quy mô khác nhau, từ đó giúp các đơn vị kinh doanh xem xét lại những gì đã xảy ra trong các tình huống sát với thực tế. Các kịch bản được xét đến bao gồm:

- ◆ Các đợt tăng lãi suất
- ◆ Thắt chặt thanh khoản
- ◆ Rủi ro an ninh mạng
- ◆ Các biến động khác.

Các buổi “diễn tập” này giúp chúng tôi đưa ra khuyến nghị và kế hoạch hành động cho các tình huống tương tự trong tương lai. Nhờ đó, Ngân hàng có chiến lược phản ứng nhanh chóng và hiệu quả để duy trì hoạt động kinh doanh một khi vấn đề phát sinh.

Quản trị rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Phương pháp đo lường nâng cao đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB)

Năm 2022, Techcombank đã đạt tới năng lực quản trị rủi ro IRRBB toàn diện thông qua:

- ◆ Bắt đầu ứng dụng phương pháp đường cong lợi suất dành cho sổ ngân hàng giúp đo lường chính xác hơn giá trị thị trường/giá trị hợp lý của từng loại tài sản Nợ - Có.
- ◆ Thực hiện đo lường, thử nghiệm và theo dõi chỉ số Delta EVE (thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu) theo Basel III, cùng với mô hình hành vi tiền gửi không kỳ hạn CASA, giúp phản ánh chính xác hơn trạng thái rủi ro lãi suất của Ngân hàng
- ◆ Xây dựng bộ phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở.

Quản trị rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng cho khách hàng

Ngân hàng luôn đáp ứng các chuẩn mực Basel II về định lượng nhằm đảm bảo quy trình quản trị rủi ro thị trường vững mạnh. Cụ thể, Khối Quản trị Rủi ro đã áp dụng mô hình giá trị chịu rủi ro tổng hợp (aggregated VaR) trong đo lường và thiết lập khẩu vị rủi ro, chuẩn hóa quy trình xây dựng mô hình cho rủi ro thị trường, cũng như xây dựng mô hình VaR cho các sản phẩm mới của thị trường tài chính như sản phẩm hoán đổi lãi suất dòng tiền cộng dồn (Accrual Interest Rate Swap Cap & Floor).

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nỗ lực giảm thiểu rủi ro khách hàng đối với một số sản phẩm cụ thể. Bằng cách cải thiện các mô hình sẵn có, chúng tôi có thể đánh giá kỹ lưỡng hơn rủi ro tín dụng tiềm tàng (PFE) trước khi cấp hạn mức tín dụng dài hạn cho các khách hàng doanh nghiệp, trên nhiều quy mô khác nhau.



Quản trị rủi ro hoạt động

Techcombank luôn cam kết bảo vệ lợi ích của Ngân hàng, khách hàng và tập thể nhân viên, nhờ chủ động đối mặt với rủi ro trong chuyển đổi số cũng như vận hành thường nhật. Chúng tôi càng hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động này sau khi liên tục đối mặt với những hoạt động bất hợp pháp tại Việt Nam trong và sau giai đoạn phong tỏa do COVID-19, cũng như sự gia tăng nhanh chóng tỷ lệ tội phạm tài chính toàn cầu.

Trong năm 2022, chúng tôi đã tăng cường tập trung vào khung quản trị rủi ro và sửa đổi quy trình vận hành nhằm xử lý rủi ro phát sinh từ thay đổi hệ sinh thái. Động thái này cũng giúp mang lại độ an toàn cao hơn khi cải thiện các gói sản phẩm sẵn có và giới thiệu các sản phẩm dịch vụ mới.

Chúng tôi sở hữu hệ thống quy trình sử dụng trí tuệ nhân tạo để ngăn ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro gian lận, nhờ nâng cao năng lực nhân sự, phân tích và hạ tầng liên

quan đến khung rủi ro an ninh mạng và rủi ro kỹ thuật số. Những thay đổi này mang lại lợi ích rõ ràng, ví dụ như trong công tác ngăn chặn và kiểm soát các vụ lừa đảo cho vay và thanh toán mới xuất hiện.

Các chuyên gia tư vấn đã giúp chúng tôi giảm thiểu rủi ro công nghệ nhờ củng cố các quy trình quản lý thay đổi và quản trị rủi ro an ninh mạng, cũng như hỗ trợ chúng tôi triển khai các phương pháp và kỹ thuật bảo đảm hiện tại. Chúng tôi đã triển khai nhiều nền tảng mới dựa trên mô hình “ba tuyến phòng thủ” tinh vi hơn, nhằm hỗ trợ các hoạt động của các đơn vị kinh doanh, bộ phận quản trị rủi ro và kiểm toán của Ngân hàng trong năm tới.

Những cải tiến trong phương thức quản trị rủi ro hoạt động của Techcombank nói trên đã và đang giúp chúng tôi đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan về bảo mật.

Quản trị rủi ro mô hình

Techcombank đang trên hành trình chuyển đổi hướng tới áp dụng thông tin chuyên sâu cho các tương tác cả trong và ngoài Ngân hàng. Do đó, trong năm 2022 chúng tôi đã củng cố nền tảng khung quản trị rủi ro mô hình (MRM), bao gồm nhưng không giới hạn:

- ◆ Củng cố quy định về quản trị dữ liệu
- ◆ Thiết lập quy định về quản trị rủi ro mô hình vững chắc hơn
- ◆ Xây dựng quy định mới về chuẩn mực quản trị rủi ro mô hình
- ◆ Xây dựng kho mô hình và phân cấp mô hình
- ◆ Thường xuyên theo dõi chất lượng đầu ra của mô hình
- ◆ Đưa vào vận hành các cấp độ kiểm định mô hình độc lập khác nhau (kiểm định ban đầu, tái kiểm định, kiểm định thay đổi mô hình) cho hơn 30 mô hình trọng yếu tại ngân hàng.

Quy trình đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ (ICAAP)

Cải thiện năng lực đánh giá mức độ đầy đủ vốn nội bộ (ICAAP) đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá sức chịu đựng của Ngân hàng, qua đó đảm bảo Techcombank có đủ vốn trong mọi kịch bản, bao gồm cả kịch bản khủng hoảng nghiêm trọng.

Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm sức chịu đựng về vốn, Techcombank đã ứng dụng mô hình được đồng bộ hóa với các mô hình chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 9. Chúng tôi cũng thực hiện dự báo giai đoạn 3-5 năm cho mọi danh mục sản phẩm đối với cả kịch bản cơ sở và kịch bản căng thẳng, với sự tham gia của tất cả các đơn vị trong Ngân hàng, nhằm lượng hóa và giảm thiểu mọi rủi ro trọng yếu.

Một hệ thống công cụ đơn giản nhưng mạnh mẽ được triển khai nhằm giúp nhận diện các kịch bản liên quan, thiết lập phân tích độ nhạy, cũng như mô phỏng đánh giá và báo cáo về thử nghiệm sức chịu đựng về vốn của Ngân hàng. Những công cụ này củng cố tính đầy đủ và chính xác của cơ sở hạ tầng dựa trên dữ liệu trong và ngoài Ngân hàng, qua đó giúp thiết lập quy trình chặt chẽ hơn và cải thiện công tác báo cáo rủi ro theo quy định của NHNN.

Hạ tầng và khung ICAAP của Techcombank là một cấu phần quan trọng trong quy trình hoạch định chiến lược và quản lý vốn của Ngân hàng. Các kết quả thử nghiệm ICAAP được kết nối chặt chẽ từ việc thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro và quản lý hiệu suất, đến phân bổ vốn và tối ưu hóa nguồn vốn.

Techcombank sẽ tiếp tục hướng tới đảm bảo mức độ an toàn vốn của Ngân hàng, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế đang được áp dụng tại các ngân hàng ở Đông Nam Á cũng như khu vực Thái Bình Dương. Đây là mục tiêu mà chúng tôi sẽ kiên trì phấn đấu không thỏa hiệp.

Kế hoạch của Khối Quản trị Rủi ro trong năm 2023

Chúng tôi luôn trăn trở về những thách thức của môi trường kinh doanh và các ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng. Vì vậy, năm 2023 Khối Quản trị Rủi ro sẽ tiếp tục tập trung xây dựng sức mạnh tổng thể cho toàn hàng.

- ◆ Chúng tôi sẽ tiếp tục củng cố khung quản trị rủi ro, nâng cao năng lực cho các đơn vị, các ủy ban nội bộ và nhóm trọng tâm. Hoạt động này sẽ giúp đáp ứng nhu cầu về giám sát toàn diện của các bên liên quan và nâng cao năng lực ra quyết định dựa trên mô hình “ba tuyến phòng thủ”.
- ◆ Năng lực quản trị rủi ro Nợ – Có (ALM) sẽ được cải thiện, nhờ liên tục tinh chỉnh mô hình và các khung quản trị hiệu quả – như quy trình đánh giá an toàn thanh khoản nội bộ (ILAAP) – và cải thiện hệ thống quy trình nền tảng. Chúng tôi sẽ tối ưu hóa bằng cân đối dựa trên thử nghiệm sức chịu đựng thanh khoản theo chu kỳ, song song với các sáng kiến bảo đảm sức chịu đựng khác.
- ◆ Chúng tôi sẽ tuân thủ mọi quy định quản trị rủi ro của NHNN và đáp ứng kỳ vọng của các cơ quan quản lý và tổ chức xếp hạng quốc tế.
- ◆ Các mô hình hoạt động, hạ tầng và khung quản trị dành cho rủi ro tín dụng sẽ được cải tiến để đạt được các mục tiêu giảm thiểu và đa dạng hóa rủi ro.
- ◆ Chúng tôi sẽ tiếp tục cải tiến công nghệ, khung quản trị, mô hình hoạt động và năng lực phòng chống tội phạm tài chính nhằm hỗ trợ các sáng kiến nâng cao năng lực cho tất cả các khối kinh doanh dựa trên dữ liệu, số hóa và trí tuệ nhân tạo.
- ◆ Chúng tôi sẽ thực hiện một chuỗi diễn tập dự phòng và các đợt phản hồi liên tục nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì trong các giai đoạn khủng hoảng tài chính và phi tài chính.



Chúng tôi xây dựng bản sắc doanh nghiệp mạnh mẽ xoay quanh 5 giá trị cốt lõi của Ngân hàng thông qua nhiều sáng kiến mới mẻ, nhằm thực hiện phương châm thương hiệu “Vượt trội hơn mỗi ngày”.

Nikki Đặng Mỹ Quyên
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

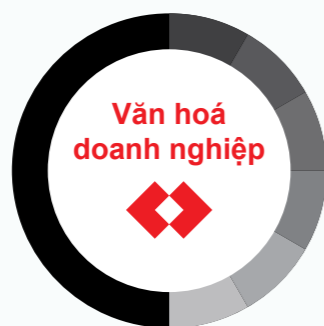


VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp tạo lập bản sắc Techcombank

Văn hóa doanh nghiệp tạo nên bản sắc của Ngân hàng, thể hiện chúng tôi là ai và những giá trị chúng tôi luôn hướng tới. 5 giá trị cốt lõi của Techcombank đóng vai trò nền tảng trong các quyết định kinh doanh, trong trải nghiệm dịch vụ cung cấp tới khách hàng và trong mối quan hệ tương tác với đồng nghiệp. Những giá trị cốt lõi dưới đây giúp Techcombank thực hiện đúng lời hứa “Vượt trội hơn mỗi ngày” của Ngân hàng:

- (1) Khách hàng là trọng tâm
- (2) Đổi mới và Sáng tạo
- (3) Hợp tác vì mục tiêu chung
- (4) Làm việc hiệu quả
- (5) Phát triển bản thân.



Khung Giá trị Cốt lõi điều chỉnh

Năm 2022, Techcombank giới thiệu Khung Giá trị Cốt lõi điều chỉnh để hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược 2021-25 của Ngân hàng. Các giá trị cốt lõi không thay đổi. Sự điều chỉnh về niềm tin và chuẩn hành vi nhằm tăng cường sự nhất quán và phù hợp để các CBNV hiểu đúng và thực hành hiệu quả các giá trị cốt lõi trong thực tế. Bộ Khung Giá trị cốt lõi điều chỉnh được truyền thông tới tất cả các khối trong Ngân hàng trong chuỗi hội thảo “Những hành vi Nên và Không Nên”. Hoạt động này giúp CBNV hiểu đúng, hiểu đủ và liên hệ thực tế để xác định các hành vi phù hợp với đặc thù chuyên môn từng khối.

Củng cố Định vị Giá trị Nhân viên (Employee Value Proposition - EVP)

Vinh danh các Đại sứ Văn hóa trên toàn Ngân hàng

Năm 2022 là lần đầu tiên chúng tôi triển khai CEO Culture Award, Giải thưởng do Tổng Giám đốc Techcombank trao tặng, nhằm vinh danh các Đại sứ Văn hóa tiêu biểu của Ngân hàng. Hạng mục giải thưởng dành cho 10 cá nhân, trong đó Top 5 Cá nhân và Top 5 Cán bộ quản lý. 60% nhân viên của Ngân hàng đã tham gia đề cử các “Đại sứ Văn hóa” yêu thích, từ đó xác định hơn 1.000 Đại sứ Văn hóa tiềm năng. Đây là những thành viên sẽ đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng và phát triển văn hóa tổ chức trong giai đoạn tới.

Lãnh đạo làm gương

Để “Vượt trội hơn mỗi ngày”, đội ngũ lãnh đạo Ngân hàng cần là đại diện điển hình cho Văn hóa Techcombank. Năm 2022, Techcombank đưa Chỉ số thực hành Văn hóa vào Thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard) của Ngân hàng và các công ty thành viên. Trong đó, hơn 120 lãnh đạo hàng đầu được giao chỉ số này trong KPI cá nhân của mình, chính thức hóa trách nhiệm của họ đối với việc dẫn dắt văn hóa tổ chức.

Về phương pháp đo lường, chúng tôi thực hiện hình thức khảo sát phản hồi 360 độ, vừa đạt tính toàn diện vừa đảm bảo tính bảo mật và độ tin cậy. Các quản lý, cấp báo cáo trực tiếp và đồng nghiệp đồng cấp đã tham gia thực hiện khảo sát. Kết quả cho thấy 96% người tham gia cho rằng các lãnh đạo Techcombank thường xuyên có các hành vi thể hiện các giá trị cốt lõi của Ngân hàng.

Trang tin Văn hóa tổ chức giúp dễ dàng truy cập mọi thông tin về văn hóa của Ngân hàng

Năm 2022, chúng tôi chính thức giới thiệu trang tin Văn hóa tổ chức - Culture Hub. Đây là một kênh tin tức tổng hợp về văn hóa doanh nghiệp của Ngân hàng với mục đích:

- ♦ Thể hiện tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp, đưa thông tin trên một nền tảng trực tuyến và tập trung
- ♦ Hỗ trợ các nhóm vận hành Văn hóa tổ chức trên toàn hàng để dễ dàng tìm kiếm thông tin và tài liệu cần thiết khi lập kế hoạch, triển khai, báo cáo đánh giá
- ♦ Giúp nhân viên mới gia nhập tổ chức hiểu và dễ dàng thực hành các giá trị cốt lõi.

Kiến thức văn hóa tổ chức là phần quan trọng trong cuộc thi toàn Ngân hàng

Nhân kỷ niệm 29 năm thành lập, 70% cán bộ nhân viên đã tham gia T-Pro, cuộc thi kiến thức trong đó văn hóa tổ chức là một trong những nội dung chính. Ngoài ra, trong cuộc thi tài năng T-Talent toàn hàng, đề bài của các tiết mục biểu diễn của tất cả 16 liên quân toàn hàng bao gồm nội dung về 5 Giá trị cốt lõi, phần thi này đã giúp cho các giá trị cốt lõi được thể hiện một cách sáng tạo, truyền cảm hứng.

60% nhân viên của Ngân hàng đã tham gia đề cử các “Đại sứ Văn hóa” yêu thích

>120 lãnh đạo hàng đầu được giao chỉ số này trong KPI cá nhân của mình

96% người tham gia cho rằng các lãnh đạo Techcombank thường xuyên có các hành vi thể hiện các giá trị cốt lõi của Ngân hàng

70% cán bộ nhân viên đã tham gia T-Pro, cuộc thi kiến thức trong đó văn hóa tổ chức là một trong những nội dung chính



Thiết kế Hành trình Văn hóa theo tiêu chí Tinh giản hóa và Tập trung

Năm 2022 là năm thứ 9 chương trình “Hành trình văn hóa” được triển khai trên toàn Ngân hàng. Tinh thần đồng đội luôn là yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy khả năng sáng tạo và tiềm năng của mỗi nhân viên. Chính vì vậy, hơn 12.300 nhân viên Techcombank tiếp tục được chia thành 16 “liên quân”, một cấu trúc thúc đẩy sự gắn kết giữa Đơn vị kinh doanh và hội sở, giữa Vùng và Khối, đặc biệt là trao quyền dẫn dắt chỉ đạo văn hóa tại liên quân cho Giám đốc Khối.

Chương trình được thiết kế với 3 hoạt động tính điểm liên quan đến Giá trị cốt lõi “Khách hàng là trọng tâm” và “Đổi mới & Sáng tạo”. Cuối năm, Ban tổ chức trao giải thưởng cho 3 liên quân xuất sắc nhất với mức giải thưởng tương ứng là 500 triệu, 300 triệu và 200 triệu đồng.



Hành Trình Văn Hoá 2022 - Định Hướng Chung

Tinh giản hoá

Tinh giản hoá số lượng hoạt động để tối ưu hoá sự tham gia của CBNV các cấp

Giảm từ 13 hoạt động tính điểm thi đua (2021) xuống 02 hoạt động khuyến khích, không tính điểm thi đua (2022).

Tập trung

2022 tập trung vào hai giá trị cốt lõi với mục tiêu tạo sự thay đổi mạnh mẽ hơn: **Khách hàng là trọng tâm và Đổi mới và Sáng tạo.**

Nâng cao sự hiểu biết

Dựa trên nền tảng về sự nhận biết tốt của CBNV, chương trình 2022 tập trung vào: **Nâng cao sự hiểu biết và thay đổi hành vi** thông qua hoạt động ghi nhận công khai và thường xuyên đối với các cá nhân và đội nhóm thực hiện tốt các giá trị cốt lõi.

Trong năm 2022, chúng tôi đặt trọng tâm giúp cán bộ nhân viên thực hành 2 giá trị cốt lõi – “Khách hàng là trọng tâm” và “Đổi mới và Sáng tạo”:

Khách hàng là trọng tâm

Hoạt động này thể hiện vai trò của văn hóa đối với một chỉ số quan trọng của Ngân hàng là chỉ số đo lường mức độ sẵn sàng giới thiệu thêm khách hàng NPS và chỉ số đo lường sự hài lòng của khách hàng (CSAT). Hoạt động này khuyến khích và vinh danh các hành động giúp không ngừng nâng cao các chỉ số quan trọng trên.

Đổi mới và Sáng tạo

Một trong những hành vi cần thiết cho các Techcomer là không ngừng cải tiến để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, trải nghiệm của nhân viên.

Từ 1.100 ý tưởng WeKaizen ban đầu, 16 ý tưởng đã được lựa chọn vào vòng chung kết và được Ban lãnh đạo đánh giá. Tại hội nghị tổng kết kinh doanh, 3 ý tưởng Kaizen tiêu biểu nhất đã được Tổng Giám đốc trang trọng trao giải.

Bên cạnh các hoạt động trọng tâm, Hành trình văn hóa có các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy các hành vi liên quan đến 3 giá trị cốt lõi còn lại:

Phát triển bản thân

Chương trình “Quán quân học tập” giúp không ngừng duy trì thói quen phát triển bản thân, giúp Techcombank trở một tổ chức học tập không ngừng. Định kỳ hàng quý chúng tôi vinh danh Top 10 Quán quân học tập toàn hàng. Năm 2022, thời lượng học trung bình của mỗi nhân viên là hơn 70 giờ.

Làm việc hiệu quả và Hợp tác vì mục tiêu chung

Chương trình “Techcomers Vượt trội hơn mỗi ngày” khuyến khích hành động ghi nhận các đồng nghiệp trong nỗ lực chung mang lại những kết quả tốt nhất. Ngoài cách ghi nhận bằng hình thức email, tính năng khen ngợi Yammer Praise trên nền tảng Microsoft 365 đã giúp các thành viên có thêm một cách thức ghi nhận hiệu quả. Tính năng tương tác, Gắn thẻ cán bộ quản lý hoặc lãnh đạo của nhân viên vào lời khen giúp sự ghi nhận lan tỏa hiệu quả và tác động mạnh hơn.

Chương trình Hành Trình Văn Hoá 2022





Prasenjit Chakravarti
Giám đốc Khối Chiến lược và
Chuyển đổi Ngân hàng

Thái Minh Diễm Tú
Giám đốc Khối Tiếp thị

Chu Hồng Ngọc
Giám đốc Khối Vận hành



Năm vừa qua
Ngân hàng đã cải thiện
mạnh mẽ khung ESG,
bao gồm đánh giá
mức độ trọng yếu cùng
nhiều sáng kiến chiến
lược khác, nhằm hỗ trợ
mục tiêu phát triển
bền vững.”



BÁO CÁO BỀN VỮNG **MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – QUẢN TRỊ (ESG)**



Cam kết phát triển bền vững là một phần trong sứ mệnh mà chúng tôi cam kết:

Dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Khung quản trị ESG tại Techcombank

Ngân hàng đặt mục tiêu giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường về nguồn vốn, thanh khoản và các tỷ lệ đòn bẩy thận trọng, dựa trên **tăng trưởng kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với xã hội**. Khung quản trị rủi ro toàn hàng tích hợp các biện pháp bảo vệ giúp chúng tôi đi đúng hướng trong việc thực thi các mục tiêu đã đề ra.

Quản trị ESG



Khung môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) bao gồm phát triển bền vững là một phần trong chiến lược kinh doanh dài hạn của Ngân hàng. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm giám sát, trong khi Ban Điều hành và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai trực tiếp chiến lược nói trên. ESG được tích hợp vào nhiều quy trình công việc khác nhau trong hoạt động của Ngân hàng.

Techcombank không ngừng nỗ lực cải thiện cơ cấu quản trị của mình, nhằm đảm bảo việc giám sát và trách nhiệm giải trình phù hợp. Chúng tôi sử dụng các công cụ quản trị như điều lệ ủy ban, các hướng dẫn và các quy trình, thủ tục nội bộ phù hợp với chiến lược kinh doanh dài hạn của Ngân hàng cũng như với các chuẩn mực quốc tế.

Đánh giá mức độ trọng yếu

Trong khuôn khổ ESG tổng thể, năm 2022 chúng tôi đã hoàn tất đánh giá mức độ trọng yếu của các chủ đề ESG, đảm bảo rằng Ngân hàng tập trung nguồn lực, ưu tiên thực thi các chủ đề ESG quan trọng nhất với các ưu tiên của Ngân hàng và các bên liên quan. Những chủ đề này được đánh giá nhằm xác định tầm quan trọng của từng vấn đề ESG cụ thể đối với Techcombank và các bên liên quan, đồng thời là cơ sở xây dựng chiến lược phát triển dài hạn cho Ngân hàng.

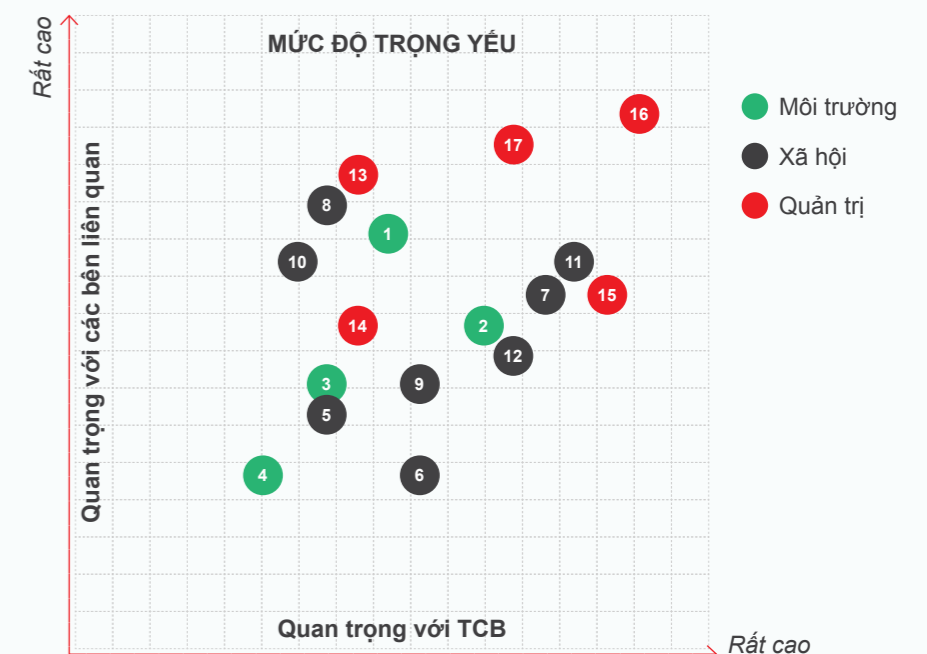
Quy trình đánh giá mức độ trọng yếu của chúng tôi bao gồm việc xem xét đến các yếu tố ưu tiên của các bên liên quan trong và ngoài Ngân hàng. Quy trình đánh giá này dựa trên thực hiện khảo sát nội bộ, đối chiếu với các nội dung công bố thông tin của các ngân hàng khác và của ngành, cũng như với các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan.

Cách tiếp cận này gồm 4 bước như sau:

- Xác định và phân loại các chủ đề tiềm năng liên quan đến ESG
- Sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các chủ đề trọng yếu dựa trên tầm quan trọng chiến lược của từng chủ đề đối với Ngân hàng cũng như với các bên liên quan, các yêu cầu quy định và các đơn vị thiết lập tiêu chuẩn ESG
- Sắp xếp để ban lãnh đạo cùng các nhân sự nội bộ quan trọng và các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan tham gia kiểm thử và xác nhận kết quả đánh giá mức độ trọng yếu
- Cân nhắc và xác định danh sách cuối cùng sau nhiều vòng thảo luận của ban lãnh đạo, kết hợp ý kiến đóng góp từ giám đốc các bộ phận trong Ngân hàng và các chuyên gia tư vấn bên ngoài.

Danh sách các chủ đề ESG trọng yếu dưới đây dựa trên các ưu tiên được xác định thông qua chiến lược của Techcombank, kỳ vọng của các bên liên quan và theo thông lệ tốt nhất

Trụ cột	#	Các chủ đề ESG trọng yếu	
	1	Phát thải khí nhà kính	
	2	Tài trợ tác động môi trường	
	3	Biến đổi khí hậu	
	4	Tiêu thụ điện nước và sản sinh rác thải	
	5	Quan hệ với cộng đồng địa phương	
	6	Tài chính toàn diện và tài trợ có trách nhiệm xã hội	
	7	Chuyển đổi số	
	8	Đa dạng và hòa hợp	
	9	Quản lý nhân lực và thu hút nhân tài	
	10	Sức khỏe và an toàn nơi làm việc	
	11	Bảo mật dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư	
	12	Bảo vệ khách hàng và trách nhiệm sản phẩm	
		13	Đạo đức và ứng xử
		14	Tham nhũng và hối lộ
15		Tuân thủ quy định	
16		Quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	
17		Minh bạch	



Các thành tựu ESG chính của năm 2022



Phát thải khí nhà kính

Chuyển đổi hướng tới Trung hoà phát thải ròng (Net Zero)

Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ hướng tới đạt mức phát thải ròng bằng 0 – Net Zero vào năm 2050 – tại Hội nghị Các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu năm 2021 (COP26). Đồng hành cùng chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ, Techcombank tiếp tục triển khai nhiều sáng kiến nhằm cắt giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới phát triển bền vững. Việc đưa vào vận hành hai công trình tòa nhà xanh đạt chứng nhận LEED* là một cột mốc đáng nhớ của ngân hàng trong năm 2022:

- ◆ Techcombank Tower, số 6 Quang Trung, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- ◆ Techcombank Tower, số 23 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các tòa nhà Techcombank nói trên có thể tiết kiệm tới lần lượt 26% và 28% năng lượng tiêu thụ (MWh/năm) so với mức cơ sở mà tiêu chuẩn Ashrae 90.1-2010 ban hành. Các giải pháp tiết kiệm năng lượng và cắt giảm khí nhà kính tại đây bao gồm:

- ◆ Kính hai lớp với độ phát xạ thấp giúp giảm hấp thụ ánh sáng mặt trời, qua đó giảm tải năng lượng tiêu thụ cho hệ thống điều hòa không khí
- ◆ Đèn LED hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng
- ◆ Hệ thống điều hòa trung tâm điều khiển bằng biến tần
- ◆ Quản lý và vận hành tòa nhà hiệu quả và tiết kiệm.

*LEED là một chương trình chứng nhận công trình xanh được công nhận trên toàn thế giới, được phát triển bởi tổ chức phi lợi nhuận Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ (USGBC). Mục đích của chứng nhận này là giúp các chủ sở hữu và bên vận hành tòa nhà có trách nhiệm với môi trường, cũng như sử dụng tài nguyên hiệu quả. Đây là một cách để đánh giá thiết kế, xây dựng, vận hành và bảo trì các tòa nhà, nhà ở và khu dân cư xanh.

Tài trợ dự án xét đến tác động môi trường

Ngay từ những ngày đầu thành lập Ngân hàng, ban lãnh đạo của chúng tôi đã hiểu rõ rằng thành công chỉ có thể được duy trì nếu được xây dựng trên nền tảng quản trị lành mạnh trong một môi trường xã hội tiến bộ, phát triển bền vững, bao gồm các yếu tố môi trường đã và đang biến đổi hàng ngày, hàng giờ. Chính vì vậy đánh giá tác động môi trường là một cấu phần quan trọng trong quy trình và quyết định tài trợ, đầu tư của Ngân hàng.

Cập nhật khung Quản trị rủi ro môi trường và xã hội (MT&XH)

Khung MT&XH tại Techcombank – dựa trên khung tiêu chuẩn của International Finance Corporation (IFC)

1. Các nguyên tắc chung về đánh giá, xếp hạng và phê duyệt các rủi ro Môi trường và Xã hội (MT&XH) (bao gồm cả giao dịch).
 2. Yêu cầu đối với xếp hạng rủi ro MT&XH: tiêu chí xếp hạng, yêu cầu đánh giá và xếp hạng (trong Báo cáo đánh giá khách hàng).
 3. Yêu cầu về thẩm định rủi ro MT&XH: bao gồm thẩm định tại các đơn vị kinh doanh và thẩm định độc lập tại Khối Quản trị Rủi ro.
 4. Yêu cầu đối với phê duyệt rủi ro MT&XH: tất cả các tài liệu có xếp hạng Nhóm A (rủi ro cao – tiềm ẩn rủi ro môi trường hoặc xã hội bất lợi đáng kể và/hoặc tác động đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa có tiền lệ) phải được phê duyệt bởi các chuyên gia rủi ro MT&XH tại Khối Quản trị Rủi ro.
 5. Yêu cầu đối với việc kiểm soát và giám sát sau giải ngân và báo cáo rủi ro MT&XH:
 - (I) Các đơn vị có liên quan phải có báo cáo gửi giám đốc khối kinh doanh, chuyên gia rủi ro MT&XH và cán bộ quản trị rủi ro MT&XH của Khối Quản trị Rủi ro để xử lý trong trường hợp phát hiện khách hàng vi phạm các quy định của pháp luật, các cam kết, quy định và điều kiện của Techcombank
 - (II) Các báo cáo được lập bởi Đơn vị thẩm định của Khối Quản trị Rủi ro và các cán bộ quản trị rủi ro MT&XH.
 6. Vai trò và trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận liên quan: chuyên viên quan hệ khách hàng; đơn vị, cá nhân có chức năng kiểm soát sau giải ngân; chuyên gia rủi ro MT&XH; phòng/đơn vị phụ trách rủi ro MT&XH thuộc Khối Quản trị Rủi ro
- Hướng dẫn xếp hạng rủi ro MT&XH
- ◆ Nhóm A được phân loại có rủi ro MT&XH cao – yêu cầu đánh giá rủi ro đầy đủ, trên phạm vi rộng
 - ◆ Nhóm B được đánh giá có rủi ro trung bình với các rủi ro và/hoặc tác động bất lợi hữu hạn về môi trường hoặc xã hội, ít về số lượng, nhìn chung đặc thù theo địa điểm, phần lớn có thể đảo ngược và dễ dàng giải quyết thông qua các biện pháp giảm thiểu
 - ◆ Nhóm C có rủi ro MT&XH thấp với các rủi ro và/hoặc tác động bất lợi đến môi trường hoặc xã hội ở mức tối thiểu hoặc không tồn tại.

Phân loại ngành nghề, dự án cho công tác đánh giá và thẩm định rủi ro MT&XH

Kể từ 2010, Techcombank luôn tuân thủ chính sách quản trị rủi ro môi trường và xã hội được xây dựng dựa theo khung tiêu chuẩn của IFC. Ngân hàng đã thực hiện hướng dẫn các đơn vị kinh doanh nhận diện, đánh giá, sàng lọc và phân loại rủi ro MT&XH theo các tiêu chuẩn tín dụng quốc tế.

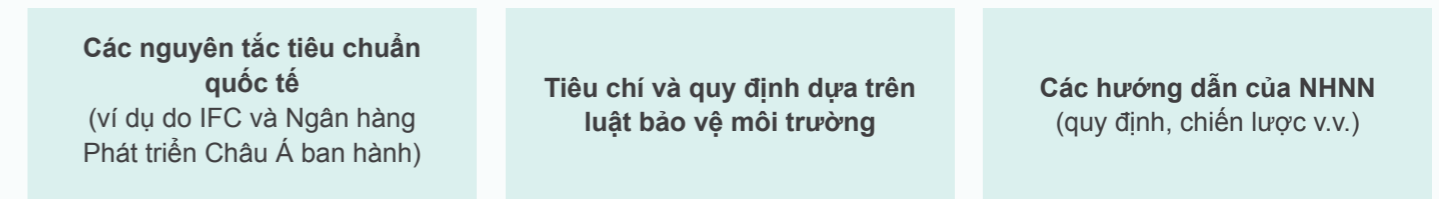
Danh sách loại trừ của Techcombank

Techcombank tuyệt đối tuân thủ không cung cấp tín dụng cho các dự án thuộc danh sách không cấp vốn của IFC, hoặc cho các hoạt động ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xã hội, cũng như các ngành nghề kinh doanh mà luật pháp Việt Nam không cho phép.

<ol style="list-style-type: none"> Sản xuất hoặc kinh doanh các sản phẩm hoặc hoạt động bất hợp pháp theo pháp luật Nhà nước hoặc quy định của các hiệp định, thỏa thuận quốc tế hoặc trong các lĩnh vực quốc tế cấm Sản xuất, buôn bán vũ khí, đạn dược Sản xuất, kinh doanh đồ uống có cồn (trừ bia, rượu) Sản xuất, kinh doanh thuốc lá Doanh nghiệp kinh doanh đánh bạc, sòng bạc hoặc tương tự Sản xuất, kinh doanh vật liệu phóng xạ Nghề lưới rê trong môi trường biển sử dụng lưới dài trên 2,5 km Sản xuất hoặc hoạt động liên quan đến các hình thức lao động cưỡng bức / lao động trẻ em có hại hoặc có tính bóc lột Phá rừng, khai thác gỗ vì mục đích thương mại Sản xuất, kinh doanh gỗ, lâm sản không đúng quy định Sản xuất, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hóa chất nguy hiểm Sản xuất hoặc hoạt động ảnh hưởng đến đất đai thuộc sở hữu (hoặc đang tranh chấp) của người bản địa mà không được sự đồng ý của họ. 	<p>Dự án xâm hại đến lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> Dự án xây dựng trong khuôn viên di tích lịch sử – văn hóa quốc gia hoặc dự án làm ảnh hưởng xấu đến kiến trúc, cảnh quan của di tích lịch sử – văn hóa quốc gia Sản xuất văn hóa phẩm đồi trụy, mê tín dị đoan Sản xuất đồ chơi nguy hiểm, có hại cho nhân cách, sức khoẻ hoặc giáo dục trẻ em; hoặc cho an ninh trật tự, an toàn xã hội Kinh doanh mại dâm; buôn bán phụ nữ và trẻ em Thử nghiệm nhân bản người. <p>Dự án gây tổn hại đến sức khỏe con người, hủy hoại tài nguyên, hủy hoại môi trường</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất hóa chất Bảng 1 (theo công ước quốc tế) Sản xuất thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hoặc chưa được phép lưu hành tại Việt Nam Sản xuất thuốc chữa bệnh cho người, vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm hoặc hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa được phép tại Việt Nam. <p>Dự án xử lý chất thải nguy hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất hóa chất độc hại hoặc sử dụng các tác nhân độc hại bị cấm theo điều ước quốc tế</p> <ol style="list-style-type: none"> Dự án xử lý chất thải nguy hại đưa từ bên ngoài vào Việt Nam; sản xuất hóa chất độc hại hoặc sử dụng chất độc hại bị cấm theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên Các dự án đầu tư khác thuộc diện cấm đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam.
<p>Dự án gây phương hại đến quốc phòng, an ninh và lợi ích công cộng</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất, tàng trữ chất ma túy Đầu tư kinh doanh dịch vụ bí mật điều tra xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân Đầu tư vào lĩnh vực thám tử tư, điều tra. 	

Techcombank hiện đang triển khai nhiều dự án nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro môi trường và xã hội của Ngân hàng.

Một đơn vị độc lập chuyên gia trong lĩnh vực ESG đã tài trợ cho Ngân hàng chương trình đào tạo về khung Quản trị rủi ro MT&XH liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, nhằm thúc đẩy phát triển bền vững tại Việt Nam. Khung quản trị rủi ro MT&XH của chúng tôi sẽ được cập nhật để phản ánh:



Tiêu thụ điện nước và sản sinh rác thải

Tiêu thụ điện nước

	119 Trần Duy Hưng	191 Bà Triệu
Tiêu thụ điện năm 2022	Điện năng tiêu thụ: 3.417.400 KWh	Điện năng tiêu thụ: 1.754.383 KWh
Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng	100% lượng nước sử dụng được lấy từ nguồn cung cấp nước của thành phố	100% lượng nước sử dụng được lấy từ nguồn cung cấp nước của thành phố
Tiêu thụ nước cho các hoạt động kinh doanh năm 2022	Tổng lượng nước tiêu thụ: 14.400 m ³	Tổng lượng nước tiêu thụ: 8.816 m ³

Trong năm 2022, Techcombank không gặp trường hợp nào vi phạm pháp luật và quy định về môi trường.

Rác thải và xử lý rác thải

Là một phần trong mục tiêu xây dựng môi trường làm việc xanh và văn minh hơn, chúng tôi đã triển khai nhiều sáng kiến phân loại rác thải khác nhau thông qua áp dụng các định nghĩa sau:

- Rác hữu cơ: rác hữu cơ phân hủy sinh học như thức ăn thừa, rau, củ, quả, bã chè, cà phê v.v.
- Rác không phân hủy sinh học: bao bì đựng thực phẩm, chai/hộp, túi ni lông, gốm sứ, nhựa cứng, cao su, gỗ, văn phòng phẩm đã qua sử dụng, ly nhựa, ly giấy khó phân hủy v.v.

- Rác có thể tái chế: chai nhựa, thủy tinh, giấy, thùng carton, hộp, thiết bị CNTT hư hỏng như điều khiển từ xa, RAM máy tính v.v.
- Rác thải nguy hại: pin đã qua sử dụng, điều khiển từ xa, màn hình LCD, hộp mực máy in/máy photocopy đã qua sử dụng v.v.
- Chúng tôi kỳ vọng cán bộ nhân viên Techcombank giảm thiểu và “nói không” với nhựa, đặc biệt là đồ nhựa dùng một lần. Những hành động sau đây được khuyến khích thực hiện:
 - Thay thế chai nước nhựa bằng bình hoặc cốc thủy tinh tại các cuộc họp, kể cả các cuộc họp của ban lãnh đạo
- Thay thế dụng cụ ăn uống bằng nhựa (đũa, thìa, ống hút...) bằng dụng cụ làm từ gỗ, inox hoặc các vật liệu thân thiện với môi trường
- Mang theo chai hoặc ly nước cá nhân để sử dụng tại văn phòng làm việc và mang theo túi vải hoặc túi giấy khi đi mua sắm
- Ưu tiên hộp đựng thức ăn thân thiện với môi trường hoặc có thể tái chế khi mua mang đi
- Tái sử dụng chai nhựa và hộp đựng thức ăn.

Quan hệ với cộng đồng địa phương (CSR)

Phương châm “Chuyển đổi ngành tài chính, Nâng tầm giá trị sống” của chúng tôi thúc đẩy cam kết sâu sắc của Techcombank trở thành một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội. Trong suốt năm 2022, chúng tôi một lần nữa triển khai các hoạt động và đầu tư vào các chương trình mang lại tác động tích cực cho người dân Việt Nam, cũng như góp phần phát triển đất nước.



Techcombank quyên góp

2 TỶ ĐỒNG

mỗi năm vào quỹ “Bước chạy vì một Việt Nam vượt trội”.



Giải chạy Marathon TP.HCM lần thứ năm và Giải chạy Marathon Hà Nội lần đầu tiên

Trong suốt 29 năm hoạt động, Techcombank luôn nỗ lực “Vượt trội hơn mỗi ngày”, cùng với đó khuyến khích tăng trưởng, kiến tạo thành tựu và phát triển mỗi cá nhân. Và trong 5 năm vừa qua, chúng tôi đã đồng hành cùng giải chạy marathon Thành phố Hồ Chí Minh nhằm nâng cao tinh thần “Vượt trội hơn mỗi ngày”, và truyền cảm hứng sống lành mạnh tới mọi người. Chúng tôi tin rằng chạy bộ là môn thể thao được ưa chuộng rộng rãi, bởi nó không phân biệt tuổi tác, giới tính, quốc tịch hay nghề nghiệp.

Hai giải chạy được tổ chức với mong muốn khuyến khích vận động thể chất, qua đó giúp mọi người phát triển bản thân và đạt được ước mơ của mình. Chúng tôi cũng muốn trao lại giá trị bền vững cho cộng đồng, kết nối mọi người trong một mục tiêu chung và trao giá trị “Tôi Vượt Trội, Bạn Vượt Trội, vì một Việt Nam Vượt Trội”.

Năm 2022, chúng tôi mở rộng hơn nữa hoạt động ý nghĩa này, với giải chạy marathon đầu tiên tại Hà Nội. Vào ngày 25 tháng 9, gần 7.000 vận động viên từ 38 quốc gia – bao gồm các vận động viên chuyên nghiệp, người nổi tiếng, nhóm từ thiện, các câu lạc bộ chạy, các doanh nghiệp và hàng ngàn người mới tham gia chạy bộ lần đầu – đã tham gia cuộc thi Hà Nội Marathon đầu tiên của chúng tôi. Được sự hỗ trợ rất lớn từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và các tổ chức khác tại thủ đô, chúng tôi tổ chức giải chạy này nhằm khuyến khích lối sống lành mạnh và lan tỏa những giá trị sống tích cực. Những người tham gia thể hiện sự hài lòng nhờ đạt được các mục tiêu cá nhân và hướng tới một tương lai tươi sáng hơn, qua đó chứng tỏ tinh thần “Vượt trội hơn mỗi ngày”.

Trong 5 năm vừa qua, Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh của chúng tôi đã truyền cảm hứng “Vượt trội hơn mỗi ngày” cho nhiều người. Sự kiện chạy bộ chuyên nghiệp hàng đầu này quy tụ hơn 12.000 vận động viên chinh phục các cung đường 5 – 42 km, và nhận được sự ủng hộ, cổ vũ của lãnh đạo thành phố, ban tổ chức cũng như đông đảo khán giả. Sự kiện này nằm trong mục tiêu dài hạn của Ngân hàng giúp thúc đẩy một mạng lưới rộng lớn các cơ sở thể thao, qua đó quảng bá hơn nữa lối sống lành mạnh và trao lại giá trị bền vững cho cộng đồng. Techcombank đã quyên góp 2 tỷ đồng mỗi năm vào quỹ “Bước chạy vì một Việt Nam vượt trội”.



Techcombank ủng hộ

GẦN 80 TỶ ĐỒNG

cho các hoạt động cộng đồng và xã hội

Phát triển cộng đồng và xã hội

Năm 2022, Techcombank đã ủng hộ gần 80 tỷ đồng cho nhiều tỉnh, thành phố và đơn vị khác nhau, bao gồm:

- ♦ Quỹ vì người nghèo – quỹ từ thiện do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khởi xướng nhằm giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn về kinh tế cải thiện chất lượng cuộc sống
- ♦ Quỹ khuyến học Hồng Lam – tài trợ học phí cho học sinh giỏi tỉnh Hà Tĩnh
- ♦ Quỹ học bổng ngân hàng – học bổng dành cho sinh viên theo học ngành ngân hàng tại các cơ sở giáo dục, với mục đích phát triển nguồn nhân tài tương lai cho lĩnh vực ngân hàng.

Như vậy, sự hỗ trợ của chúng tôi đang tiếp tục mang lại lợi ích lâu dài cho các cộng đồng đa dạng trên toàn quốc.

Tài chính toàn diện và tài trợ có trách nhiệm xã hội

Việt Nam có dân số đông với cơ cấu trẻ, là thế hệ sẵn sàng thử nghiệm và tiếp nhận các sản phẩm tiêu dùng công nghệ mới. Thấu hiểu điều này, tháng 8/2022 Techcombank cho ra mắt *Inspire*, thương hiệu tài chính đầu tiên dành riêng cho thế hệ khách hàng “Why not?” – những người trẻ tuổi, hoài bão và tin tưởng vào một tương lai tươi sáng hơn.

Techcombank Inspire là một định vị giá trị hoàn toàn mới được thiết kế dựa trên lấy khách hàng làm trọng tâm. Định vị này giúp các giao dịch ngân hàng liền mạch và dễ dàng nhờ được thiết kế theo nhu cầu và sở thích riêng của khách hàng, qua đó mang lại cho họ trải nghiệm ngân hàng mới mẻ hơn.

Với sản phẩm này, chúng tôi mong muốn cung cấp các giải pháp tài chính vượt trội cho cộng đồng đồng đẳng những người trẻ Việt Nam, giúp họ tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc sống hàng ngày của họ và đồng hành cùng họ trong mọi kế hoạch, từ mục tiêu dài hạn cho đến những tình huống khẩn cấp bất ngờ.

Chuyển đổi số

Như chúng tôi đã nhấn mạnh trong tầm nhìn của Ngân hàng, Techcombank đã và đang tiếp tục thúc đẩy quá trình số hóa các sản phẩm dịch vụ, cho phép khách hàng dễ dàng thực hiện các giao dịch ngân hàng trên điện thoại di động hoặc máy tính. Nhờ vậy, khách hàng của chúng tôi không còn phải đến trực tiếp chi nhánh để giao dịch, qua đó giúp giảm lượng phát thải từ các phương tiện giao thông. Song song với đó, việc áp dụng kỹ thuật số trong các hoạt động nội bộ của Techcombank cũng tạo ra ảnh hưởng tích cực tương tự. Giờ đây cán bộ nhân viên của chúng tôi có thể làm việc và họp trực tuyến, giúp Ngân hàng giảm lượng điện năng tiêu thụ dành cho kiểm soát ánh sáng và nhiệt độ trong các tòa nhà văn phòng của chúng tôi.

Một lợi thế bền vững ESG khác của quá trình số hóa là việc chúng tôi sử dụng giấy ít hơn. Chúng tôi không còn cần đến các ngăn tủ đầy hồ sơ tài liệu nội bộ, phiếu lương... nhờ các chức năng của nhân viên có thể thực hiện trực tuyến, đồng thời cũng loại bỏ sổ tiết kiệm, sao kê bản giấy cho khách hàng.

Những nội dung nói trên đều là những bước phát triển rất tích cực đối với môi trường.

Bảo mật dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

Chúng tôi cam kết bảo vệ dữ liệu mà Ngân hàng nắm giữ và xử lý, tuân thủ luật pháp và các quy định. Các chính sách và quy trình của chúng tôi về bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư đảm bảo việc chúng tôi quản lý rủi ro liên quan một cách thích hợp.

Số nhân viên nữ
8.464
tương đương
68,6% tổng số nhân viên

Số nhân viên nữ cấp lãnh đạo
643
tương đương 54,6%

Số lượng chuyên gia nước ngoài tuyển dụng
60



Đa dạng và hòa hợp

Sự đa dạng và hòa hợp tại nơi làm việc có thể mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, bao gồm giải quyết vấn đề nhanh hơn, ra quyết định tốt hơn, tăng cường đổi mới, gắn kết nhân viên, và tạo ra hiệu quả tài chính cao hơn. Techcombank luôn chào đón và mở rộng cơ hội cho lực lượng lao động đa thế hệ, đa quốc gia, cũng như khuyến khích và thúc đẩy các tiêu chuẩn bình đẳng giới. Nền văn hóa doanh nghiệp mang tính hòa nhập đã giúp chúng tôi thu hút và giữ chân nhân tài thuộc mọi thành phần cộng đồng.

Quản lý nhân lực và thu hút nhân tài

Hoạt động quản lý nguồn nhân lực của chúng tôi đã được cải thiện mạnh mẽ: từ khâu tuyển dụng và gia nhập, đào tạo và phát triển, đến quản lý hiệu quả công việc, trao thưởng và ghi nhận. Mục tiêu của chúng tôi là gặt hái được những kết quả tốt nhất từ nguồn nhân lực của mình.

Techcombank đã tiếp tục thực hiện các hoạt động để thu hút những nhân tài xuất sắc nhất trong nước cũng như trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Năm 2022, chúng tôi trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên tổ chức hành trình tuyển dụng nhân tài quốc tế, với các điểm đến như Singapore, London và San Francisco.

Techcombank tiếp tục thúc đẩy văn hóa làm việc hòa nhập và hợp tác, nơi các nhân viên được trao quyền để phát huy hết tiềm năng của mình. Năm 2022, Ngân hàng đã giới thiệu các sáng kiến mới nhằm đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp, bao gồm triển khai Trung tâm Thông tin Văn hóa và Chương trình Tìm hiểu Văn hóa.

Sức khỏe và an toàn nơi làm việc

Đối với Ngân hàng, cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh và an toàn là điều rất quan trọng. Để cải thiện môi trường làm việc, chúng tôi đã thực thi một chuỗi các sáng kiến đổi mới và hành động, bao gồm:

- ◆ Phòng y tế cho tất cả các nhân viên và phòng chức năng cho các bà mẹ đang nuôi con nhỏ
- ◆ Chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho nhân viên
- ◆ Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho nhân viên tại các bệnh viện lớn, uy tín và tại các cơ sở y tế khác
- ◆ Thường xuyên kiểm tra an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp tại nơi làm việc
- ◆ Vệ sinh tòa nhà định kỳ như giặt thảm, phun thuốc diệt côn trùng v.v.
- ◆ Nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy và diễn tập phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Bảo vệ khách hàng và trách nhiệm sản phẩm

Các chính sách và thủ tục của chúng tôi giúp đặt ra các chuẩn mực đảm bảo chúng tôi đã thực hiện xem xét và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng. Theo báo cáo của công ty nghiên cứu thị trường YouGov năm 2022, Techcombank nhận được điểm số quảng cáo ròng NPS – một chỉ tiêu đo lường mức độ hài lòng của khách hàng – cao nhất trong ngành ngân hàng. Tạp chí uy tín Asian Banking and Finance cũng đã xếp hạng Techcombank là “Ngân hàng Bán lẻ Việt Nam tốt nhất 2022”. Những thành tích nói trên đã chứng tỏ sự tin tưởng của người tiêu dùng đối với các dịch vụ tài chính của Ngân hàng chúng tôi.

Đạo đức ứng xử, tham nhũng và hối lộ, tuân thủ quy định

Hành vi tham nhũng và hối lộ gây ra nhiều rủi ro và tác hại trong xã hội cũng như đối với hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Tại

Techcombank chúng tôi nói không với các hành vi này, đồng thời xây dựng các giải pháp giảm thiểu những hành vi tiêu cực này với khung hình phạt cao nhất.

Đội ngũ cán bộ nhân viên của Techcombank phải tuyệt đối tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hướng dẫn hành vi của mình, bao gồm:

- ◆ Hướng dẫn ngăn ngừa gian lận và tham nhũng trong đơn vị kinh doanh
- ◆ Quy định về quản lý rủi ro danh tiếng, rủi ro hoạt động và rủi ro chiến lược
- ◆ Các chỉ thị kèm với hướng dẫn chi tiết khác đã bao gồm cập nhật chính sách từ chính quyền.

Chúng tôi cũng áp dụng các biện pháp phát hiện và ngăn ngừa tham nhũng, ví dụ như:

- ◆ Thủ tục thẩm định chặt chẽ
- ◆ Giám sát liên tục các giao dịch rủi ro cao
- ◆ Đào tạo thường xuyên và toàn diện cho toàn bộ nhân viên

- ◆ Hộp thư và đường dây nóng được Khối Quản trị Ngân hàng duy trì để kịp thời tiếp nhận báo cáo về các hoạt động đáng ngờ.

Chúng tôi tuân thủ đầy đủ các quy định của cơ quan nhà nước có liên quan để ngăn ngừa tham nhũng, đặc biệt là các yêu cầu báo cáo của NHNN.

Chúng tôi cũng khuyến khích nhân viên chủ động thực hiện hành vi tuân thủ. Năm 2022 chúng tôi đã triển khai trên toàn Ngân hàng sáng kiến “Làm đúng điều đúng – Hãy lên tiếng”, theo đó yêu cầu nhân viên Techcombank lên tiếng nếu họ chứng kiến hành vi vi phạm tuân thủ hoặc thấy trước những rủi ro tuân thủ tiềm ẩn. Qua sáng kiến này, thông điệp chúng tôi muốn đưa ra là “*Mỗi Techcomer là một đại sứ tuân thủ*”.

Quản trị Doanh nghiệp, Kiểm soát Nội bộ và Quản trị Rủi ro

Về Quản trị - Điều hành

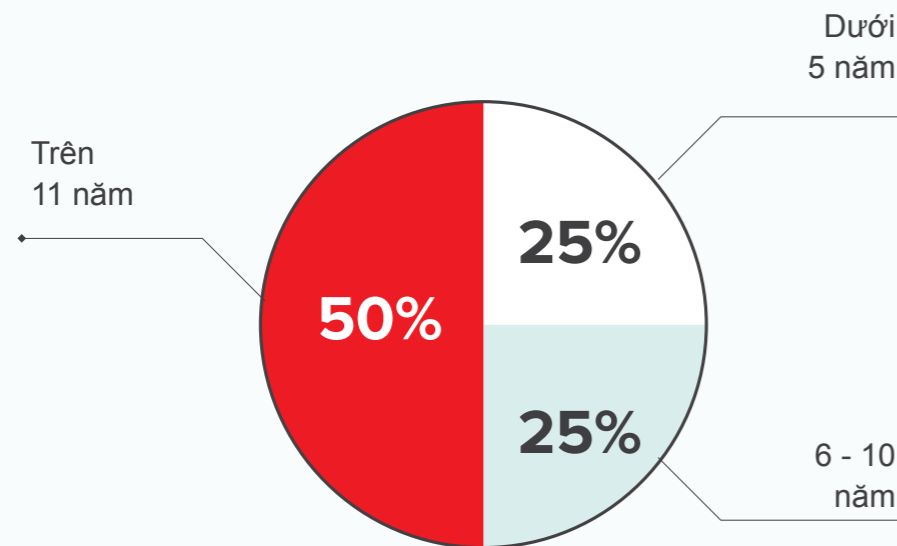
Techcombank đang áp dụng cơ cấu Quản trị - Điều hành minh bạch và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông và nhà đầu tư, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững và giá trị của tổ chức.

Cơ cấu Quản trị - Điều hành của Techcombank tuân thủ các điểm trọng yếu của các quy định pháp luật và hướng dẫn về quản trị công ty ban hành bởi Cơ quan Quản lý Nhà nước, một số kể đến như:

- I. Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các Tổ chức Tín dụng số 17/2017/QH14
- II. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- III. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các văn bản sửa đổi, bổ sung
- IV. Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất ban hành tháng 8/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

Thâm niên của thành viên HĐQT



Giới thiệu về Hội đồng quản trị - Techcombank (nhiệm kỳ 2019 - 2024)



Ông HỒ HÙNG ANH
Chủ tịch HĐQT

Tuổi	53
Tham gia HĐQT Techcombank từ	03/2004

Kinh nghiệm

Ông Hồ Hùng Anh là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 đến nay. Ông bắt đầu tham gia quản trị Ngân hàng từ năm 2004 và trước đó đã có kinh nghiệm quản trị nhiều năm tại các tổ chức lớn, trong đó có tập đoàn Masan.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Điện kỹ thuật tại trường Đại học Bách khoa Kiev, Ucraina và Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực tại Trường Đại học Giao thông Đường bộ Mátxcova (MADI).



Ông NGUYỄN ĐĂNG QUANG
Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất

Tuổi	60
Tham gia HĐQT Techcombank từ	01/2000

Kinh nghiệm

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang là Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 4/2016 đến nay. Trước đó, ông đóng vai trò thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2016 và Phó Chủ tịch thứ nhất từ tháng 5/2008 đến tháng 4/2014. Trước khi tham gia HĐQT, Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị ở nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Techcombank từ năm 1995, cũng như với tư cách thành viên HĐQT tại Tập đoàn Masan.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.



Ông NGUYỄN CẢNH SƠN
Phó Chủ tịch HĐQT

Tuổi	56
Tham gia HĐQT Techcombank từ	05/2008



Ông NGUYỄN THIỀU QUANG
Phó Chủ tịch HĐQT

Tuổi	64
Tham gia HĐQT Techcombank từ	06/2000



Ông ÔNG HỒ ANH NGỌC
Phó Chủ tịch HĐQT

Tuổi	41
Tham gia HĐQT Techcombank từ	04/2021



Ông LEE BOON HUAT
Thành viên HĐQT

Tuổi	66
Tham gia HĐQT Techcombank từ	12/2012

Kinh nghiệm

Ông Nguyễn Cảnh Sơn tham gia HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 4/2009 tới nay. Ông Nguyễn Cảnh Sơn có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các vị trí thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT tại các tổ chức lớn như Công ty Cổ phần Eurowindow Holding và Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Xây dựng tại trường Đại học Kỹ sư Xây dựng thành phố Mátxcova (nay là Đại học Tổng hợp Xây dựng Quốc gia - Liên bang Nga).

Kinh nghiệm

Ông Nguyễn Thiều Quang tham gia HĐQT từ năm 2000 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 tới nay. Ông Nguyễn Thiều Quang có nhiều năm kinh nghiệm điều hành và từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như tập đoàn Masan, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex và Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Kiến trúc sư - Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donhetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk).

Kinh nghiệm

Ông Hồ Anh Ngọc là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 4/2021 đến nay. Trước khi tham gia HĐQT Techcombank, ông Hồ Anh Ngọc đã có hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Techcombank và Công ty con của Techcombank. Đồng thời, có kinh nghiệm tham gia quản lý, quản trị tại một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần One Mount Group, Công ty Cổ phần One Mount Real Estate, Công ty Cổ phần One Mount Distribution và Công ty cổ phần One Mount Consumer.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Cử nhân, chuyên ngành Thương mại - Kế toán; và Thạc sĩ Kinh tế của Trường Đại học Macquarie Sydney, Úc.

Là Thành viên CPA được cấp bởi Hiệp hội Kiểm toán Úc.

Kinh nghiệm

Ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank tháng 12/2012 đến tháng 4/2014 và là Thành viên HĐQT từ tháng 5/2014 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn: Ủy ban tiền tệ Singapore, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia Canada, Ngân hàng Hóa học và Ngân hàng Standard Chartered.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin).

Giới thiệu Người Phụ Trách Quản Trị Ngân Hàng và Thư Ký Công ty - Techcombank



Ông SAURABH NARAYAN AGARWAL
Thành viên HĐQT

Tuổi	42
Tham gia HĐQT Techcombank từ	04/2019

Kinh nghiệm

Ông Saurabh Narayan Agarwal là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 4/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn như: Chuyên gia phân tích cao cấp, Giám đốc Công ty McKinsey, New Delhi, Ấn Độ và New Jersey, Hoa Kỳ và Giám đốc Warburg Pincus New York, Hoa Kỳ và Singapore.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Công nghệ, Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ ngành Công nghệ, Vi Điện tử Học viện Công nghệ Ấn Độ Bombay, Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh (MBA) trường Quản trị Kinh doanh Harvard.



Ông NGUYỄN NHÂN NGHĨA
Thành viên HĐQT độc lập

Tuổi	54
Tham gia HĐQT Techcombank từ	04/2019

Kinh nghiệm

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa là thành viên HĐQT độc lập Techcombank từ tháng 4/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính và ngân hàng như: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Dự án Tài chính Nông thôn thuộc Ban Quản lý Dự án Tín dụng Quốc tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phó Giám đốc - Sở giao dịch 3, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV (Vietnam Partners).

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Kỹ sư Thiết kế công trình trên sông trường Đại học Thủy Lợi và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Kinh tế Tài chính trường Đại học Tổng hợp London, Vương Quốc Anh. Chứng chỉ CFA, chương trình phân tích Tài chính chuyên nghiệp quốc tế.



Ông NGUYỄN TUẤN MINH
Người Phụ Trách Quản trị Ngân hàng
Thư ký Công ty
Chánh VP HĐQT

Tuổi	56
Được bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Ngân hàng từ	11/2019

Kinh nghiệm

Ông Nguyễn Tuấn Minh gia nhập Techcombank từ tháng 5/2013 và có hơn 9 năm làm việc tại Techcombank với nhiều vị trí khác nhau như: Giám đốc Pháp chế, Giám đốc Khối Tuân thủ, Kiểm soát Rủi ro Hoạt động và Pháp chế, Giám đốc Cố vấn Pháp lý thuộc Khối Quản trị Ngân hàng. Trước đó, ông đã có hơn 20 năm làm chuyên gia tư vấn luật, luật sư hành nghề, luật sư nội bộ và làm quản lý cấp cao tại các công ty tư vấn của Việt Nam, các chi nhánh hãng luật quốc tế ở Việt Nam, ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán ở Việt Nam. Ông Nguyễn Tuấn Minh được bổ nhiệm và đảm nhận vị trí người Phụ trách Quản trị Ngân hàng từ ngày 11/2019.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Cử nhân Quan hệ quốc tế - Học viện Ngoại giao và Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội.

Luật sư, Thành viên Đoàn Luật sư Hà Nội.

Giới thiệu về Hội đồng quản trị - Techcombank
Chức danh tại các công ty khác của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Họ & Tên	Chức danh	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	• Không có
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San • Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mobicast • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM • Chủ tịch HĐQT HĐQT Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Eurowindow Holding • Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch T&M Vân Phong • Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Hà Nội - Mátxcova (Incentra) • Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Eurowindow
5	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần One Mount Group • Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần One Mount Distribution • Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần One Mount Consumer • Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Du thuyền Việt Nam
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT độc lập - Alliance Bank Bhd • Thành viên HĐQT- Công ty British Malayan Holdings • Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (TCC)

STT	Họ & Tên	Chức danh	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Dịch vụ Di Động Trực tuyến • Giám đốc không điều hành – Công ty Converge Information and Communications Technology Solutions • Giám đốc không điều hành – Công ty Circles Asia Cayman Limited • Giám đốc - Công ty Converge ICT Singapore Pte. TNHH • Thành viên điều hành - Công ty Nanhe Kadam-non-profit Society • Giám đốc - Công ty Advance Intelligence Group Limited
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	• Không có

Giới thiệu về Hội đồng quản trị - Techcombank
Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022

HĐQT giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc/Hội đồng điều hành thông qua quy định phân cấp và các quy định nội bộ của Techcombank do HĐQT ban hành. Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo và trình HĐQT xem xét. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ đưa ra các quyết định kịp thời cho Tổng Giám đốc/Ban điều hành triển khai thực hiện.

Trong năm 2022, HĐQT của Techcombank tổ chức 04 buổi họp. Nội dung chi tiết về số và ngày ban hành nghị quyết được nêu chi tiết dưới đây.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ 2019-2024	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	13/04/2019	04	100%
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	13/04/2019	04	100%
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	04	100%
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	04	100%
5	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	24/04/2021	04	100%
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	13/04/2019	04	100%
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	13/04/2019	04	100%
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	13/04/2019	04	100%

Hoạt động của Hội đồng Quản trị Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2022

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	Số 0188/2022/NQ-HĐQT	18/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 2/2022 Xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 Xem xét và thông qua báo cáo về cập nhật chiến lược của Techcombank Xem xét thông qua báo cáo Quý 1/2022 của Ban Kiểm soát Xem xét và thông qua chương trình, nội dung họp trình ĐHCĐ thường niên năm 2022
2	Số 0541/2022/NQ-HĐQT	24/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 5/2022 Xem xét lại Kế hoạch kinh doanh năm 2022 Xem xét và thông qua báo cáo về cập nhật chiến lược của Techcombank Xem xét thông qua báo cáo Quý 2/2022 của Ban Kiểm soát
3	Số 0760/2022/NQ-HĐQT	23/09/2022	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 8/2022 của Techcombank Hội đồng quản trị thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc về cập nhật chiến lược của Techcombank Hội đồng quản trị thông qua báo cáo Quý 03/2022 và kiến nghị của Ban Kiểm soát
4	Số 1066/2022/NQ-HĐQT	22/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 11/2022 của Techcombank Hội đồng quản trị thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc về cập nhật chiến lược của Techcombank Hội đồng quản trị thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo báo cáo, đề xuất của Tổng Giám đốc. Giao Chủ tịch HĐQT xem xét, rà soát, quyết định điều chỉnh (nếu thấy cần thiết) và báo cáo HĐQT thông qua tại kỳ họp tiếp theo để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Hội đồng quản trị thông qua báo cáo Quý 04/2022 và kiến nghị của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên HĐQT độc lập theo đúng quy chế/quy định nội bộ của Techcombank và theo Quyết định phân công của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng, trung thực góp phần thành công cho kết quả kinh doanh năm 2022 của Techcombank.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ủy ban Quản lý rủi ro (BRC), Ủy ban Nhân sự (NORCO) và đã đưa ra đầy đủ các ý kiến đối với các vấn đề được thông qua tại cuộc họp và các vấn đề được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản tại các Hội đồng/ Ủy ban mình tham gia.
- Thực hiện triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và theo Quyết định phân công nhiệm vụ của HĐQT.
- Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành khi thực hiện giao dịch cổ phiếu (mua cổ phần ESOP) đối với Người có liên quan của mình tại Techcombank.
- Đã hoàn thành các nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong vai trò, các vị trí được đảm nhiệm theo phân công của HĐQT, hỗ trợ Hội đồng quản trị một cách hiệu quả trong việc kịp thời đưa ra các quyết định cho quá trình quản trị hoạt động kinh doanh ngân hàng.
- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực và rất hiệu quả; theo đó, chủ động, kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, trong đó nổi bật là việc hoàn thành các nhiệm vụ sau:
 - Cùng các Thành viên HĐQT chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Tổng Giám đốc/Hội đồng điều hành triển khai hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông 2022 phê duyệt;
 - Thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Thành viên HĐQT độc lập trong việc giám sát Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao, phân công;
 - Thực hiện xem xét và phê duyệt việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động nghiệp vụ của Techcombank thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - Giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin, duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Techcombank, giám sát việc xử lý các hành vi vi phạm nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
 - Đưa ra ý kiến góp ý, trao đổi về việc triển khai chiến lược hàng năm, kế hoạch phát triển chung của Techcombank;
 - Đưa ra những quyết định về các vấn đề liên quan đến giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Đưa ra các quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro tại Techcombank; và
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và Chủ tịch HĐQT.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về Quản trị Công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về Quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng điều hành và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về Quản trị Công ty: đa số thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Thư ký Công ty đã hoàn thành chương trình đào tạo về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán nhà nước tổ chức. Ngoài ra, các cán bộ quản lý cũng được cập nhật các quy định được ban hành liên quan đến quản trị doanh nghiệp áp dụng đối với công ty đại chúng.

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị năm 2022

Hội đồng Quản trị thành lập 02 Ủy ban theo quy định pháp luật gồm Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan. Hoạt động của các Ủy ban trong năm 2022 như sau:

Ủy ban quản lý rủi ro (BRC)

Ủy ban QLRR là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do HĐQT phân công thực hiện liên quan đến kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro (QTRR) của hoạt động ngân hàng. Trong năm 2022, Ủy ban QLRR đã xem xét, thông qua, từ đó tham mưu cho HĐQT ra quyết định đối với việc cập nhật, hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro, bao gồm rà soát định kỳ, ban hành sửa đổi Chính sách QTRR của Techcombank; ban hành Khẩu vị rủi ro năm 2023 “*nhằm duy trì khung quản trị rủi ro toàn diện với mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, hướng tới cộng đồng, đồng thời duy trì vị thế dẫn đầu thị trường về tỷ lệ vốn, thanh khoản và các tỷ lệ an toàn ...*” (trích Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2023 của Techcombank).

Ủy ban QLRR đã tích cực chỉ đạo, giám sát công tác quản trị rủi ro toàn hàng trên cơ sở giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN, giám sát việc thực thi, tuân thủ Chính sách Quản trị rủi ro, Khẩu vị rủi ro cũng như các ngưỡng, giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Cụ thể:

Về quản trị danh mục tín dụng và rủi ro tín dụng:

- (i) Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam, Ủy ban QLRR đã chỉ đạo việc thực hiện xây dựng các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng trên cơ sở phân tích, đánh giá các tác động của biến động kinh tế vĩ mô đến các phân khúc khách hàng/ sản phẩm/ hạn mức kinh doanh. Từ đó, nâng cao các cơ chế theo dõi, cảnh báo và ứng phó sớm với các biến động bất lợi của thị trường.
- (ii) Yêu cầu các đơn vị tăng cường theo dõi, giám sát các khách hàng, thực hiện báo cáo quản trị chất lượng định kỳ để phân tích, đánh giá trạng thái khách hàng/ danh mục, kịp thời đưa ra các chỉ đạo nhằm giảm thiểu, ngăn chặn các rủi ro có thể phát sinh.
- (iii) Đề xuất, tham mưu cho cấp có thẩm quyền trong việc chỉ đạo việc hoàn thiện định hướng kinh doanh và định hướng tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, chuyển đổi số và phát triển các quy trình tự động hóa trên cơ sở thận trọng, QTRR hiệu quả.

Về quản trị rủi ro hoạt động: Công tác quản trị rủi ro hoạt động luôn được Ủy ban QLRR chú trọng và dành thời gian để thảo luận trong các cuộc họp định kỳ, nhấn mạnh đến khả năng thực thi và hiện thực hóa khung QTRR hoạt động trên thực tế, đảm bảo tính chủ động, nhanh chóng, quyết liệt và hướng tới hiệu quả không chỉ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào công tác QTRR hoạt động mà còn là định hướng chung cho toàn thể cán bộ nhân viên Techcombank. Ủy ban QLRR đặc biệt chú trọng tăng cường các cơ chế nhận diện, theo dõi, đánh giá và xử lý rủi ro hoạt động một cách nhanh chóng và kịp thời; đặc biệt yêu cầu: (i) tính chủ động của đơn vị QTRR hoạt động khi tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng các sản phẩm/ chương trình kinh doanh/ đề xuất cho khách hàng (offerings), thiết lập các ngưỡng/ giới hạn rủi ro hoạt động, yêu cầu thời gian thử nghiệm, kiểm định các sản phẩm/ offerings đối với một nhóm khách hàng nhằm kịp thời phát hiện các rủi ro có thể phát sinh trước khi sẵn sàng triển khai trên diện rộng; (ii) hoàn thiện cơ chế ra quyết định trong xử lý rủi ro hoạt động; trong đó có cơ chế dừng các sản phẩm/ offerings kịp thời khi phát sinh rủi ro.

Về quản trị rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường: (i) Ủy ban QLRR duy trì việc định kỳ theo dõi trạng thái rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB) hàng quý; đồng thời rà soát và thông qua báo cáo về kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản (stress test) định kỳ; (ii) Bên cạnh đó, Ủy ban QLRR tiếp tục tham mưu đề xuất cho cấp có thẩm quyền trong việc chỉ đạo các đơn vị liên quan nhanh chóng xây dựng khung quản trị rủi ro cho các loại rủi ro mới nổi, đặc biệt phải kể đến khung quản trị rủi ro mô hình trong bối cảnh Techcombank đang phát triển nhanh chóng số hóa, tự động hóa; các mô hình ngày càng đóng vai trò quan trọng hỗ trợ quá trình ra quyết định của cấp có thẩm quyền.

Về các loại rủi ro trọng yếu khác: Ủy ban QLRR giám sát việc thực thi thông qua việc giám sát định kỳ các chỉ số Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro cho các loại rủi ro trọng yếu và ngưỡng, giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ông Hồ Hùng Anh
– Chủ tịch HĐQT

Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ông Nguyễn Đăng Quang
– Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất

Ông Nguyễn Thiều Quang
– Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Cảnh Sơn
– Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lee Boon Huat
– Thành viên HĐQT

Ông Saurabh Narayan Agarwal – Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
– Thành viên HĐQT độc lập

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT - Ủy ban quản lý rủi ro (BRC)

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	0187/NQ-BRC	18/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua báo cáo cập nhật và rà soát định kỳ Q1/2022, bao gồm: Cập nhật tình hình thực hiện các yêu cầu của Ủy ban QLRR tại kì họp Q4/2021. Tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro: Giám sát khẩu vị rủi ro, cập nhật hạn mức rủi ro định kì, quản lý, rà soát trạng thái, chiến lược đối với các loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đánh giá tác động của thay đổi các văn bản pháp luật đến Techcombank ♦ Thông qua báo cáo về chất lượng tín dụng toàn hàng và chi tiết cho từng phân khúc khách hàng ♦ Về công tác quản trị rủi ro hoạt động: Ủy ban QLRR yêu cầu các đơn vị có liên quan: (i) thúc đẩy việc triển khai khung QTRR hoạt động trong các hoạt động kinh doanh/ vận hành của TCB; đặc biệt là trong việc thiết kế, cung cấp các sản phẩm dịch vụ; (ii) rà soát và hoàn thiện cơ chế ra quyết định, cơ chế theo dõi và xử lý kịp thời các sự kiện rủi ro hoạt động; (iii) tăng cường đánh giá RRHĐ trong bối cảnh căng thẳng, cấm vận trên thế giới leo thang ♦ Về công tác tuân thủ: Nâng cao nhận thức, ý thức về quản trị rủi ro hoạt động và tuân thủ của cán bộ nhân viên, trong đó chú trọng đến việc phát hiện và ngăn ngừa gian lận nội bộ.
2	0542/NQ-BRC	24/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua báo cáo cập nhật và rà soát định kỳ Q2/2022, bao gồm: Cập nhật tình hình thực hiện các yêu cầu của Ủy ban QLRR tại kì họp Q1/2022. Tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro: Giám sát khẩu vị rủi ro, cập nhật hạn mức rủi ro định kì, quản lý, rà soát trạng thái, chiến lược đối với các loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đánh giá tác động của thay đổi các văn bản pháp luật đến Techcombank ♦ Về quản trị rủi ro tín dụng: Yêu cầu nhận diện các biến động tình hình kinh tế xã hội từ đó (i) phân tích tác động của các kịch bản theo phân khúc khách hàng/ sản phẩm/ hạn mức kinh doanh bị ảnh hưởng, (ii) xây dựng phương thức theo dõi, rà soát và cảnh báo sớm nhằm giúp Techcombank nâng cao khả năng ứng phó sớm (chuẩn bị sẵn các kịch bản) đối với các biến động bất lợi trên thị trường ♦ Về quản trị rủi ro hoạt động và tuân thủ: Yêu cầu (i) Tăng cường đánh giá rủi ro trong các hoạt động kinh doanh hằng ngày của Techcombank; thông qua đó thiết lập các kịch bản, phát hiện sớm các rủi ro có thể phát sinh nhằm giúp Techcombank sẵn sàng ứng phó với các thách thức, các rủi ro trong hoạt động; (ii) đánh giá một cách cẩn trọng, nghiêm túc về rủi ro thất thoát dữ liệu nội bộ của Techcombank từ gian lận nội bộ trong bối cảnh TCB phát triển mạnh về số hóa, tự động hóa.
3	0761/NQ-BRC	23/09/2022	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Thông qua báo cáo cập nhật và rà soát định kỳ Q3/2022, bao gồm: Cập nhật tình hình thực hiện các yêu cầu của Ủy ban QLRR tại kì họp Q2/2022. Tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro: giám sát khẩu vị rủi ro, cập nhật hạn mức rủi ro định kì, quản lý, rà soát trạng thái, chiến lược đối với các loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đánh giá tác động của thay đổi các văn bản pháp luật đến Techcombank ♦ Về việc xây dựng Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro, Định hướng kinh doanh và Định hướng tín dụng của TCB 2023: Cần được xây dựng song hành với chiến lược kinh doanh ♦ Về Kiểm tra sức chịu đựng về vốn: Đánh giá, phân tích sâu về tác động của biến động kinh tế vĩ mô đến phân khúc khách hàng, sản phẩm, chỉ số kinh doanh của TCB ♦ Về quản trị rủi ro hoạt động: yêu cầu thiết lập các ngưỡng/ giới hạn RRHĐ trong các sản phẩm/ offerings, xây dựng, phân tích các kịch bản RRHĐ có thể phát sinh từ đó có các phương án xử lý rủi ro kịp thời.

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT - Ủy ban nhân sự (NORCO)

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
4	1067/NQ-BRC	22/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo cập nhật và rà soát định kì Q4/2022, bao gồm: Cập nhật tình hình thực hiện các yêu cầu của Ủy ban QLRR tại kì họp Q3/2022. Tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro: giám sát khẩu vị rủi ro, cập nhật hạn mức rủi ro định kì, quản lý, rà soát trạng thái, chiến lược đối với các loại rủi ro trọng yếu của ngân hàng. Đánh giá tác động của thay đổi các văn bản pháp luật đến Techcombank Về Kiểm tra sức chịu đựng về vốn: yêu cầu hoàn thiện; trong đó tập trung vào việc rà soát tác động đến các chỉ số của TCB và kế hoạch hành động Về công tác quản trị rủi ro hoạt động: yêu cầu tiếp tục nâng cao công tác quản trị rủi ro hoạt động và chủ động đẩy mạnh triển khai khung QTRR hoạt động trong các công việc kinh doanh hằng ngày; đặc biệt là trong việc thiết kế, cung cấp các sản phẩm dịch vụ hoặc ứng dụng các hệ thống công nghệ.

Ủy ban nhân sự (NORCO)

Nhằm thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, Ủy ban Nhân sự đã chủ động nghiên cứu, tham mưu tư vấn và đề xuất cho Hội đồng Quản trị về kế hoạch hành động nhân sự năm 2022-2023 nhất quán với lộ trình thực hiện chiến lược chung của ngân hàng 2021-25, đồng thời cũng hướng tới thực hiện thành công chiến lược Nhân sự.

Về Chiến lược Nhân sự 2022-2025

NORCO đã tổ chức ba (03) phiên họp để trao đổi về Chiến lược Nhân sự và Kế hoạch hành động nhân sự năm 2022-2025.

Chiến lược Nhân sự khẳng định (1) Thu hút nhân tài hàng đầu (2) Xây dựng năng lực thực thi thành công vượt trội chiến lược của Ngân hàng (3) Giữ chân nhân tài tốt có năng lực và hiệu quả công việc cũng như phù hợp với văn hóa tổ chức của Ngân hàng.

NORCO cũng đã tư vấn và tham gia xây dựng Khung quản trị Nguồn Nhân lực, với cơ chế giám sát quản trị điều hành cấp cao của HĐQT, Chủ tịch HĐQT tới cấp quản lý điều hành là Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối trong các hoạt động nhân sự, góp phần mang lại sự thành công vượt trội trong việc thực thi chiến lược của Ngân hàng.

Về Kế hoạch hành động Nhân sự 2022-2025

Kế hoạch hành động nhân sự tổng thể 2022-2025 và kế hoạch nhân sự năm 2022 là nội dung luôn được chú trọng và được theo dõi định kỳ để có thể tham vấn Hội đồng Quản trị ra quyết sách kịp thời, nhằm thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài. Cụ thể, các hoạt động nâng cao thương hiệu tuyển dụng được tăng cường tổ chức nhằm thu hút những nhân tài hàng đầu trong nước và nước ngoài (Singapore, London, California) ở các lĩnh vực dữ liệu, công nghệ, số hóa và lực lượng tư vấn khách hàng ưu tiên; xây dựng các chương trình phát triển lãnh đạo tổng thể; tái thiết kế lại các phân khúc nhân tài; rà soát và làm mới lại các chương trình lương thưởng & đãi ngộ ngắn hạn, dài hạn... hướng tới nâng cao và mang lại trải nghiệm gắn bó và tự hào với Ngân hàng - Ngôi nhà của những Nhân tài hàng đầu trên thị trường.

Chủ tịch Ủy ban Nhân sự

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
– Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên Ủy ban Nhân sự

Ông Hồ Hùng Anh
– Chủ tịch HĐQT

Ông Jens Lottner
– Tổng Giám đốc

Bà Nikki Đặng Mỹ Quyên
– Giám đốc Khối QTNNL

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	01/2022/BB&N Q-NORCO	21/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất Chiến lược nhân sự và Master plan thực hiện trong lộ trình từ năm 2022 - 2025 và đề xuất của Khối quản trị nguồn nhân lực về các kế hoạch trọng tâm năm 2022 đủ điều kiện để đi vào triển khai Khối quản trị nguồn nhân lực thực hiện Chuẩn hóa, Hệ thống hóa để sẵn sàng Tự động hóa trên nền tảng vững chắc đảm bảo thực thi chiến lược nhân sự thành công Tổng Giám đốc và Giám đốc các Khối chú trọng vào việc truyền thông tới CBNV, tạo niềm tin và động lực để CBNV tin tưởng tiếp tục phát triển bản thân, làm việc hiệu quả và gắn bó với tổ chức.
2	02/2022/NORC O-TCB	14/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực thực hiện các hoạt động đã được đặt ra trong kế hoạch 2022, Khối quản trị nguồn nhân lực tiếp tục đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ, chú trọng việc nâng cao năng lực của HRBP* và các EVP* cho các phân khúc nhân tài chủ chốt Bổ sung phản hồi của CBNV về các hoạt động/ tính năng mới của HR đã góp phần củng cố EVP* của CBNV chưa trong các báo cáo định kỳ của Khối quản trị nguồn nhân lực đảm bảo ghi nhận phản hồi và chỉnh sửa phù hợp với nhu cầu từ CBNV Thông qua Khung Quản trị nguồn năng lực và các cấu phần, thực hiện việc giám sát và quản trị các hoạt động nhân sự thông qua 5 lĩnh vực Nhân sự trọng yếu (Thu hút và Tuyển dụng, Quản lý Hiệu quả, Đào tạo phát triển, Ghi nhận Trao thưởng và Dịch vụ nhân sự) và 3 trụ cột nền tảng (Nhân tài và phát triển tổ chức, Văn hóa tổ chức và Trải nghiệm nhân viên, Công nghệ và dữ liệu). Thành lập tổ dự án thực hiện trong 6 tháng tới để: Xây dựng bộ chỉ số đo lường các mục tiêu chiến lược Nhân sự; Hệ thống hóa Vai trò trách nhiệm (RACI) của các bên liên quan; Quy hoạch hệ thống thẩm quyền, ủy quyền; Chuẩn hóa, đơn giản hóa hệ thống văn bản hiện tại và tài liệu truyền thông đào tạo nội bộ.
3	03/2022/NORC O-TCB	22/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung trình bày về cập nhật chiến lược Nhân sự và bộ chỉ số đo lường trong phạm vi dự án Khung Quản trị nguồn năng lực. Khối quản trị nguồn nhân lực thực hiện triển khai đo lường và báo cáo định kỳ các chỉ số chiến lược Nhân sự Thông qua Kế hoạch Nhân sự tổng thể 2023. Khối quản trị nguồn nhân lực xây dựng hệ thống báo cáo tương ứng để theo dõi việc triển khai, ghi nhận phản hồi trải nghiệm từ CBNV và Báo cáo định kỳ với các EVP Offering; phối hợp với Công đoàn rà soát & đánh giá các chính sách cũ, nhỏ lẻ, không còn phù hợp với điều kiện hiện tại để loại bỏ nếu cần thiết; triển khai hoạt động nâng cao trải nghiệm CBNV tại các Văn phòng hiện đại mới, cân bằng giữa tạo trải nghiệm tốt cho CBNV và đảm bảo tính kỷ luật Bắt đầu dự án mô hình trường Đại học Techcombank trong năm 2023 để chủ động nâng cấp khả năng tự đào tạo của Techcombank.

(*) EVP: Định vị giá trị cán bộ nhân viên // HRBP: Bộ phận tư vấn hoạt động nhân sự

Thông tin về Ban Kiểm soát



Ông HOÀNG HUY TRUNG

Trưởng Ban Kiểm soát
kiêm thành viên chuyên trách

Tuổi	50
Được bổ nhiệm là thành viên BKS từ	12/2012

Kinh nghiệm

Ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank. Từ tháng 12/2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tại Học Viện Tài chính.



Ông MAG RER SOC OEC ROMAUCH HANNES

Thành viên

Tuổi	48
Được bổ nhiệm là thành viên BKS từ	04/2012

Kinh nghiệm

Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2012 đến nay, Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban kiểm soát Techcombank.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng và Tiếp thị tại Đại học Klagenfurt, Cộng Hòa Áo.



Bà BÙI THỊ HỒNG MAI

Thành viên chuyên trách

Tuổi	51
Được bổ nhiệm là thành viên BKS từ	03/2010

Kinh nghiệm

Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ 03/2010 đến nay, bà là thành viên Ban kiểm soát và thành viên chuyên trách Ban kiểm soát Techcombank.

Bằng cấp

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Tài Chính Kế toán.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát:

- ♦ Giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành Ngân hàng
- ♦ Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với hệ thống ngân hàng và các công ty con, bao gồm xem xét hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ
- ♦ Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ngân hàng
- ♦ Thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định pháp luật, Điều lệ ngân hàng khi có đề nghị của Cơ quan có thẩm quyền và/hoặc của cổ đông/nhóm cổ đông lớn
- ♦ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Nguyên tắc hoạt động, phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Ban Lãnh đạo ngân hàng

- ♦ Ban Kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý dứt điểm các tồn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- ♦ Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo ngân hàng ghi nhận và chủ động tổ chức, chỉ đạo khắc phục các tồn tại được Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ nhận diện/phát hiện và kiến nghị xử lý; đồng thời tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Ban Kiểm soát Techcombank nhiệm kỳ 2019 – 2024, gồm 03 thành viên; trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2022 như sau:

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2024	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	13/04/2019	04	100%
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	13/04/2019	04	100%
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	13/04/2019	04	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022
Kết quả của các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	01/2022/NQBKS	15/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý I/2022, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng Xem xét kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT Xem xét và thông qua nội dung báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan.
2	02/2022/NQBKS	21/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý II/2022, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng Xem xét kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT.
3	03/2022/NQBKS	20/9/2022	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý III/2022, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng Xem xét kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT Xem xét đề xuất sửa đổi, ban hành văn bản liên quan tới hoạt động của KTNB.
4	04/2022/NQBKS	20/12/2022	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý IV/2022, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng Xem xét kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT Xem xét và thông qua báo cáo kết quả hoạt động của KTNB năm 2022 và kế hoạch KTNB năm 2023.

Giới thiệu Ban Lãnh đạo



Ban Lãnh đạo Techcombank quy tụ các lãnh đạo có kinh nghiệm dày dặn và năng lực vượt trội để dẫn dắt việc thực thi hiệu quả các mục tiêu chiến lược trên hành trình chuyển đổi mạnh mẽ của ngân hàng trong giai đoạn 2021-25.”



Ông JENS LOTTNER
Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Lottner được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Techcombank vào ngày 18 tháng 8 năm 2020.

Trước khi gia nhập Techcombank, Tiến sĩ Lottner là Phó Chủ tịch điều hành Cấp cao tại Ngân hàng Thương mại Siam (Thái Lan) trong 5 năm. Trong nhiệm kỳ của mình tại Siam, ông đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt như Giám đốc Chiến lược, Giám đốc Chuyển đổi và Giám đốc Dữ liệu - thiết kế và điều phối chương trình chuyển đổi kỹ thuật số của ngân hàng hướng tới khách hàng là trọng tâm. Cương vị gần nhất mà ông nắm giữ tại Ngân hàng Thương mại Siam là Giám đốc Tài chính.

Tiến sĩ Lottner bắt đầu sự nghiệp của mình với Công ty McKinsey & Company vào năm 1992 tại Đức, nơi ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Hợp danh (Partner) năm 2000. Ông chuyển đến làm việc tại Malaysia vào năm 2001 và Singapore vào năm 2005, nơi ông là Giám đốc Hợp danh Cấp cao (Senior Partner) dẫn dắt hoạt động dịch vụ tài chính của McKinsey tại khu vực ASEAN cho đến năm 2012. Ông đồng thời lãnh đạo Hiệp hội Quản lý Rủi ro Châu Á Thái Bình Dương và là thành viên của Ủy ban Quản lý Châu Á Thái Bình Dương. Từ năm 2012 đến năm 2015, Tiến sĩ Lottner là Giám đốc Hợp danh cấp cao và Giám đốc Điều hành của Tập đoàn Boston Consulting Group tại Singapore, lãnh đạo các hoạt động dịch vụ tài chính trên toàn bộ khu vực ASEAN.

Tiến sĩ Lottner có bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Công nghệ Dresden, Đức, và có bằng Kinh tế của Đại học Bonn, Đức.



Ông PHÙNG QUANG HƯNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Ông Phùng Quang Hưng có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo trong ngành tài chính - ngân hàng, ông từng giữ nhiều vị trí khác nhau ở nhiều ngân hàng quốc tế như Giám đốc Vận Hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam và Đối tác kinh doanh tại Ngân hàng National Australia London. Ông Phùng Quang Hưng gia nhập Techcombank từ tháng 1/2010 ở vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ, sau đó được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối (S&D), Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng (CSA), Giám đốc Điều hành và Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sĩ Kinh tế quốc tế của Đại học Bang Washington State (Hoa Kỳ) và bằng Cử nhân ngành CNTT tại Đại học Bách Khoa, Việt Nam.



Ông SIVA R. KRISHNAN

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Siva có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng khu vực và quốc tế cũng như các công ty giải pháp công nghệ thanh toán. Kinh nghiệm của ông đa dạng và trải dài trong các lĩnh vực gồm chiến lược kinh doanh, chuyển đổi, quản trị rủi ro, khoa học dữ liệu và phát triển sản phẩm.

Trước khi gia nhập Techcombank, Ông là Phó Chủ tịch Điều hành (mảng Quản trị rủi ro ngân hàng bán lẻ & doanh nghiệp) kiêm Giám đốc Phân tích rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Siam, Thái Lan.

Trước đó, ông Siva là Phó Tổng Giám đốc và Phó Giám đốc điều hành (Quản lý rủi ro & Cơ sở hạ tầng kinh doanh, Bán lẻ & SME) của Scotia Bank và đóng vai trò chủ chốt trong việc sát nhập và tích hợp các ngân hàng liên kết như Thanachart Bank, Siam City Bank. Ông Siva được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 10/1/2021.

Ông Siva tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Thương mại tại Đại học Madras, Ấn Độ. Ông còn là Thành viên tích cực của Hiệp hội Kế toán quản trị & chi phí, Ấn Độ và thành viên liên kết của Học viện Ngân hàng Ấn Độ. Ngoài ra, ông còn có chứng chỉ tài chính của học viện Chartered Financial Analysts CFA, Ấn Độ.



Ông PHAN THANH SƠN

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu

Ông Phan Thanh Sơn được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu kể từ tháng 8/2019. Trước đó, ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1/2021. Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong thị trường tài chính và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển thị trường ngoại hối và trái phiếu trong nước. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong, giữ nhiều chức vụ về Quản lý Thị trường Toàn cầu tại các ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd. Hongkong.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sĩ Kinh tế tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.



Ông PHẠM QUANG THẮNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng

Ông Phạm Quang Thắng tham gia Techcombank từ năm 1994 và có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, mà tại đó Ông đã đảm nhận các vị trí lãnh đạo chủ chốt bao gồm Kế toán trưởng Ngân hàng, Giám đốc Trung tâm Nguồn vốn.

Từ tháng 10/2007 ông chính thức được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Techcombank, kiêm nhiệm các vị trí Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Pháp chế và Tuân thủ và Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng.

Ông Phạm Quang Thắng Tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học Công nghệ Swinburne (Úc), Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.



Bà PHAN THỊ THANH BÌNH
Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Bà Phan Thị Thanh Bình được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn từ tháng 4/2018. Trước đó bà gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Chuyển đổi Ngân hàng Bán buôn vào tháng 7/2017. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng ANZ, trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính của ANZ và Quyền Tổng Giám đốc của ANZ (Việt Nam), thành viên HĐQT của ANZ (Việt Nam, Campuchia, và Lào) và Chủ tịch HĐQT của ANZ (Lào).

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ tại Trường Đại học Libre de Bruxelles, Bỉ.



Ông DARREN BUCKLEY
Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ

Ông Darren Buckley có hơn 35 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng toàn cầu và đã đảm nhận các vị trí lãnh đạo cấp cao tại London, New York, Tokyo, Thượng Hải, Singapore, và Bangkok.

Trước khi gia nhập Techcombank, Ông Buckley đã có 29 năm làm việc tại Citibank và đảm nhận các chức vụ bao gồm Tổng Giám Đốc Citibank tại Nhật Bản (quốc gia có thị phần lớn thứ 3 của Citibank trên toàn cầu), Giám đốc Kinh doanh Quốc gia thuộc tập đoàn Citibank tại Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Myanmar, và Lào. Với vai trò ở cả hai mảng khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, Ông Buckley có bề dày thành tích trong việc phát triển các mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng doanh nghiệp và chính phủ, đồng thời chuyển đổi hoạt động Ngân hàng Bán lẻ thông qua quan hệ đối tác bên ngoài và các mô hình kinh doanh kỹ thuật số, lấy khách hàng làm trọng tâm.

Ông Buckley tốt nghiệp Tài chính Kinh doanh và Kinh tế tại Vương quốc Anh, và có chứng chỉ Chuyên gia Kế toán viên Công chứng Vương quốc Anh (FCA), đồng thời là Giáo sư danh dự của hai trường đại học Trung Quốc, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Thương mại Thái Lan, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Quốc tế Thái Lan (Amcham), Giám đốc Hiệp hội Ngân hàng quốc tế Nhật Bản, và Giám đốc Nippon Keizaidantai Rengoukai.



Ông NGUYỄN XUÂN MINH
Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư

Ông được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc Ngân hàng Đầu tư – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và quản lý quỹ. Ông từng là Tổng Giám đốc của Vietnam Asset Management Ltd. và Phó Chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investments tại Singapore.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính ứng dụng và đầu tư (Úc) và Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Cơ khí dầu khí (Liên Bang Nga) và có chứng chỉ phân tích tài chính (CFA).



Ông PRASENJIT CHAKRAVARTI
Giám đốc Khối Chiến lược và Chuyển đổi Ngân hàng

Trước khi gia nhập Techcombank, ông Prasenjit Chakravarti đã có bề dày kinh nghiệm hơn 20 năm tại các tổ chức hàng đầu thế giới như Công ty tư vấn Accenture PLC, Công ty tư vấn McKinsey & Company và Ngân hàng Standard Chartered. Tại Ngân hàng Standard Chartered, ông là thành viên của Ủy ban Điều hành Ngân hàng Bán lẻ, ông nắm giữ vai trò lãnh đạo cao cấp toàn cầu tại các lĩnh vực quan trọng liên quan đến xây dựng chiến lược và thực thi chuyển đổi tổ chức. Trước đó, với vai trò của mình tại Accenture PLC (công ty tư vấn hàng đầu thế giới về tư vấn Chuyển đổi số và Dịch vụ Công nghệ) với tư cách là người đứng đầu mảng Tư vấn giải pháp Ngân hàng tài chính bền vững khu vực Đông Nam Á, ông đã dẫn dắt các khách hàng là các Ngân hàng lớn tại Đông Nam Á thúc đẩy các sáng kiến chuyển đổi kỹ thuật số trên các lĩnh vực Doanh nghiệp, Bán lẻ và Thanh toán. Trước đó tại Công ty McKinsey & Company, ông Chakravarti – với tư cách là Phó giám đốc hợp danh, ông đã tư vấn chuyên sâu và góp phần giải quyết vấn đề ở tầng quản trị cấp cao về Chiến lược, Công nghệ, Vận Hành của top 10 Ngân hàng, Công ty Bảo hiểm và Quản lý tài sản ở Bắc Mỹ.

Ông Prasenjit Chakravarti tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Công nghệ tại Học viện Công nghệ Ấn Độ tại Bombay, và Thạc sĩ chuyên ngành về Quản trị và Chiến lược tại Trường Kinh doanh Harvard (Harvard Business School), Hoa Kỳ.



Ông ALEXANDRE MACAIRE

Giám đốc Tài chính tập đoàn

Trước khi gia nhập Techcombank, Ông Alexandre Macaire đảm nhiệm nhiều vị trí cao cấp tại HSBC trong suốt 15 năm, phụ trách các mảng Ngân hàng Đầu tư, Quản lý vốn và Tài chính. Gần đây nhất, ông giữ vai trò Giám đốc Tài chính của Khối Wealth and Personal Banking Asia Pacific, một trong những lĩnh vực kinh doanh ưu tiên của HSBC. Ông chịu trách nhiệm phát triển kinh doanh toàn khu vực, mở rộng các sản phẩm và các kênh phân phối mới, góp phần đưa HSBC hướng tới mục tiêu vị trí số 1 tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương về Quản lý Tài sản.

Ông Alexandre Macaire tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Toán học, Vật lý và Chính trị tại Đại học Bách khoa và Học viện Chính trị và tốt nghiệp trường Đại học Thống kê và Quản lý Kinh tế quốc gia, Pháp.



Bà NIKKI ĐẶNG

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Bà Nikki Đặng là chuyên gia cấp cao có nhiều kinh nghiệm về quản trị Nguồn nhân lực cho ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính, từng làm việc cho Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC) – cơ quan quản lý ngân hàng chính của Hoa Kỳ. Bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí cấp cao, bao gồm Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Nhân sự tại Ngân hàng California; Giám đốc Nhân sự tại National Credit Exchange; Chuyên gia Giải quyết & Tiếp nhận tại Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC); Giám đốc Vận hành tại Bank of America.

Trước khi làm việc tại Techcombank, bà là Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Nhân sự tại Hanmi Bank, Ngân hàng Hàn Quốc lớn thứ 2 tại Hoa Kỳ, nơi bà lãnh đạo quá trình chuyển đổi các giải pháp công nghệ nhân sự, thiết kế chương trình phát triển Lãnh đạo Điều hành và triển khai các chương trình thường cổ phiếu dài hạn cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao. Ngoài ra, bà còn đảm nhiệm vai trò Cán bộ Đa dạng chịu trách nhiệm phát triển các chương trình Đa dạng và Hòa nhập.

Bà Nikki Đặng tốt nghiệp với Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế tại Đại học bang California, Fullerton, Hoa Kỳ.



Bà THÁI MINH DIỄM TÚ

Giám đốc Khối Tiếp thị

Bà Thái Minh Diễm Tú là một nhà lãnh đạo kinh doanh và quản lý tiếp thị dày dặn kinh nghiệm với hơn 20 năm kinh nghiệm trong vai trò quản lý kinh doanh và tiếp thị tiêu dùng cấp cao tại các công ty đa quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh tại Việt Nam.

Trước khi gia nhập Techcombank, bà đã đảm nhận nhiều vị trí điều hành cấp cao, trong đó có 10 năm làm việc tại Friesland Campina và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Việt Nam, nhóm Dinh dưỡng Chuyên biệt và nhóm Quản lý Kinh doanh Dinh dưỡng Chuyên biệt Toàn cầu. Dưới sự lãnh đạo của bà, doanh nghiệp đã đạt được thành công đáng kể, bao gồm tăng trưởng lợi nhuận bền vững, và đạt được những cột mốc chuyển đổi số quan trọng trong việc củng cố sức khỏe thương hiệu. Trước đó, bà Thái Minh Diễm Tú đã có 8 năm làm việc tại Unilever, với cương vị cao nhất là Giám đốc khối Kinh doanh Unilever Việt Nam của nhiều ngành hàng thuộc tập đoàn.

Bà Thái Minh Diễm Tú có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học California Irvine (UCI), và tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý Kinh doanh tại Đại học Ngoại ngữ và Công nghệ Thông tin TP.HCM.



Ông CHU HỒNG NGỌC

Giám đốc Khối Vận hành

Ông Ngọc đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Quản lý dự án. Ông lãnh đạo đơn vị của mình để đảm bảo Ngân hàng có những Kiểm soát vận hành phù hợp, thủ tục hành chính và các báo cáo hiệu quả từ đó cung cấp dịch vụ vận hành chất lượng và hiệu quả.

Trước khi gia nhập Techcombank, Ông từng đảm nhiệm các vị trí Kỹ sư giám sát kỹ thuật tại Văn phòng đại diện của Công ty Oconnor's Singapore, Giám đốc dự án và quyền Giám đốc Kỹ thuật ở Công ty Millicom, Giám đốc dự án tại VP Bank thuộc Văn phòng HĐQT và Giám đốc vận hành tại VP Bank.

Ông Ngọc tốt nghiệp bằng danh dự chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông tại Đại học South Australia, Úc.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Giám đốc Khối Công nghệ

Ông Tuấn có hơn 27 năm kinh nghiệm về Công nghệ Thông tin và Quản lý. Ông Tuấn đã đảm nhận nhiều vị trí điều hành cấp cao tại Citibank N.A. Trước đó, ông là Giám đốc Công nghệ Thông tin của Bộ phận Bồi Thường Bảo hiểm của Công ty Traversers Insurance, Giám đốc Công nghệ Thông tin tại Finastra, Las Vegas Sands, Wolters Kluwer và General Electric.

Ông Tuấn là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Khoa học Máy tính, Cử nhân Khoa học Máy tính, đều tại Đại học Virginia Commonwealth, Hoa Kỳ. Ông đã hoàn thành chứng chỉ Thạc sĩ nâng cao tại Đại học George Washington, Hoa Kỳ. Ông đồng thời là một chuyên gia Quản Lý Dự án (PMP) được chứng nhận từ PMI.



Ông SANTHOSH MAHENDIRAN

Giám đốc Khối Dữ liệu & Phân tích

Ông Santhosh có hơn 20 năm kinh nghiệm tầm cỡ quốc tế với lĩnh vực trọng tâm về dữ liệu và số hóa. Ông gia nhập Techcombank với kinh nghiệm lãnh đạo sâu sắc trong lĩnh vực Công nghệ, Quản lý dữ liệu, Phân tích, Kỹ thuật số và Quản trị. Trước khi gia nhập Techcombank, ông làm việc tại Ngân hàng Standard Chartered, Singapore, vị trí Giám đốc Điều hành và Giám đốc Toàn cầu, Nền tảng công nghệ số. Trước đó, ông từng là Giám đốc toàn cầu Dữ liệu, Phân tích và AI, kiêm Quản lý dữ liệu doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về chiến lược, thiết kế, phát triển và triển khai nền tảng EDM (Quản lý dữ liệu doanh nghiệp). Trước khi gia nhập Standard Chartered Bank, Ông Santhosh cũng giữ nhiều vai trò lãnh đạo cao cấp ở Citibank Singapore. Ông đã đảm nhận vị trí Phó chủ tịch, chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai kho dữ liệu tại Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi - khu vực bao gồm 15 quốc gia. Ông cũng từng dẫn dắt nhóm phát triển tiên phong về hệ thống onboarding khách hàng bằng màn hình cảm ứng đầu tiên trên thế giới cho Citibank, Nhật Bản.

Ông Santhosh có hai bằng Thạc sĩ về Ứng dụng máy tính và Kỹ thuật phần mềm tại Đại học Madurai Kamaraj, Ấn Độ và Đại học Quốc gia Singapore. Ông đã hoàn thành chương trình lãnh đạo tại Học viện European trong trường chinh Quảng trị kinh doanh (INSEAD) năm 2015. Ông đã làm việc ở nhiều quốc gia tại Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ.



Ông PRANAV SETH

Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi số

Ông Pranav Seth được bổ nhiệm vai trò vị trí Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi số kể từ ngày 13/01/2021. Ông Pranav đã có hơn 18 năm kinh nghiệm là nhà lãnh đạo tài chính và chuyển đổi doanh nghiệp với thành tích đã được chứng minh trong việc xây dựng doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi tổ chức và kinh doanh trên quy mô lớn.

Trước đó, Ông Pranav làm việc tại Ngân hàng OCBC Singapore với vị trí Phó Chủ tịch cấp cao kiêm Giám đốc Kỹ thuật số và Đổi mới, chịu trách nhiệm cho các thách thức đổi mới của OCBC, "FRANK by OCBC", lãnh đạo nhóm đổi mới của OCBC, "The Open Vault" thúc đẩy công nghệ Fintech và hệ sinh thái các đối tác, dẫn dắt đơn vị Kinh doanh Kỹ thuật số và Chuyển đổi của Ngân hàng tiêu dùng OCBC. Ông đóng vai trò quan trọng trong ban lãnh đạo ngân hàng tiêu dùng và là thành viên chính của Hội đồng chuyển đổi kỹ thuật số của OCBC. Trước khi gia nhập Ngân hàng OCBC, Ông Pranav đảm nhiệm vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh nơi ông giúp các khách hàng là các tổ chức dịch vụ tài chính và ngân hàng trong xây dựng và triển khai chiến lược, chuyển đổi kinh doanh trên quy mô lớn.

Ông Pranav tốt nghiệp Thạc sĩ về chuyên ngành Tài Chính và Chiến Lược từ Trường Quản lý UCLAAnderson (Los Angeles), bằng Kỹ sư tại Đại học Delhi và hoàn thành chương trình Đào Tạo Cấp Cao về Chiến Lược và Tổ Chức tại trường Kinh Doanh Stanford, Hoa Kỳ.

Mô hình Quản trị – Điều hành

Mô hình Quản trị – Điều hành mục tiêu của Techcombank đến năm 2023

HĐQT Ngân hàng Techcombank đã thông qua định hướng về mô hình Quản trị Điều hành mục tiêu của Ngân hàng, hoạch định cụ thể lộ trình triển khai tới năm 2023. Trong năm 2022, các hoạt động cụ thể đã được Ngân hàng tiếp tục triển khai để thúc đẩy việc chuyển dịch từ mô hình hiện tại tới mô hình mục tiêu.



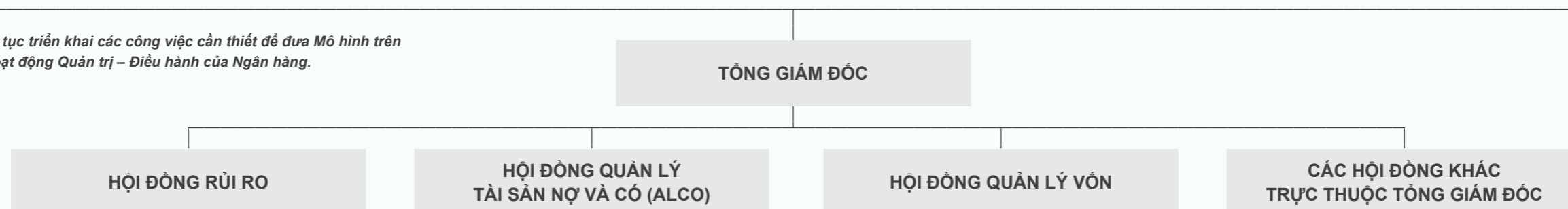
Chú thích

 Ủy ban trực thuộc cấp Quản trị do HĐQT thành lập để đáp ứng yêu cầu quy định pháp lý

 Ủy ban trực thuộc cấp Quản trị do HĐQT thành lập

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO	ỦY BAN XỬ LÝ RỦI RO	ỦY BAN NHÂN SỰ	ỦY BAN KIỂM TOÁN	ỦY BAN LƯƠNG THƯỜNG	ỦY BAN CHIẾN LƯỢC
<p>Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; giám sát công tác QTRR toàn hệ thống thông qua chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của ngân hàng; xử lý, khắc phục tồn tại hạn chế về quản lý rủi ro theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác. Phân tích, đánh giá và báo cáo HĐQT về (i) mức độ rủi ro, hiệu quả quản lý rủi ro và cảnh báo về các nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của ngân hàng, đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro trong ngắn hạn và dài hạn và (ii) tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy định về QTRR của ngân hàng, đề xuất yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động. Tham mưu cho HĐQT trong các quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng. 	<p>Ủy ban Xử lý rủi ro có chức năng hỗ trợ HĐQT trong các vấn đề liên quan tới việc phân loại nợ, trích lập dự phòng, các biện pháp, phương án sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.</p>	<p>Ủy ban Nhân sự có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho HĐQT về (i) quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng; (ii) các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ TCB; (iii) các quy định nội bộ liên quan đến vấn đề nhân sự của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT và (iv) tiêu chuẩn, điều kiện cho các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; (v) ứng viên cho vị trí đại diện chủ sở hữu và/hoặc phần vốn góp của Techcombank tại các công ty con, công ty có vốn góp của Techcombank. Tham mưu cho HĐQT trong việc xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục tuyển dụng, điều động, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Techcombank. 	<p>Ủy ban Kiểm toán có chức năng tham mưu HĐQT và định hướng, giám sát Tổng Giám đốc/Ban Lãnh đạo trong các vấn đề liên quan tới lập và kiểm soát báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và các chính sách về kế toán, kiểm toán độc lập.</p>	<p>Ủy ban Lương thưởng có chức năng tham mưu HĐQT về các vấn đề liên quan đến chính sách lương thưởng, thù lao, đãi ngộ cho thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý cao cấp khác, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống thù lao, lương thưởng và các chương trình đãi ngộ cho Cán bộ nhân viên.</p>	<p>Ủy ban Chiến lược có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng, giám sát việc triển khai thực thi chiến lược, định hướng phát triển của Techcombank, các vấn đề liên quan đến Chương trình Chuyển đổi của Ngân hàng. Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt mục tiêu kinh doanh, ngân sách thường niên và các hoạt động đầu tư lớn của Techcombank.

Hiện tại Techcombank đang tiếp tục triển khai các công việc cần thiết để đưa Mô hình trên vào ứng dụng thực tiễn trong hoạt động Quản trị – Điều hành của Ngân hàng.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát & Người Điều hành

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Techcombank của các cổ đông là người nội bộ tại ngày 31/12/2022

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Techcombank	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	39,309,579	1.1176%
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	9,403,176	0.2673%
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	30,256,431	0.8602%
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	17,954,979	0.5105%
5	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0.0000%
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	0	0.0000%
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	0	0.0000%
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	259,963	0.0074%
9	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Người Phụ Trách Quản trị Ngân hàng kiêm Thư ký Công ty và Chánh Văn phòng HĐQT		
BAN KIỂM SOÁT				
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	57,504	0.001634%
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	48	0.0000137%
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	0	0.0000%
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH ¹				
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc	439,000	0.012481%
2	Ông Phùng Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp	1,777,867	0.050547%
3	Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng	1,365,517	0.038823%
4	Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng giao dịch toàn cầu	2,347,010	0.066728%
5	Ông Kalyanaraman Sivaramakrishnan	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro	42,118	0.001197%
6	Ông Alexandre Macaire	Giám đốc Tài chính tập đoàn	0	0.0000%
7	Bà Thái Hà Linh	Người được ủy quyền công bố thông tin	1,118,508	0.0318%
8	Bà Nguyễn Thị Trà My	Kế toán trưởng	8,340	0.000237%

¹ Danh sách Người điều hành căn cứ theo định nghĩa quy định tại Luật các TCTD năm 2010 và bản sửa đổi năm 2017

Thông tin về giao dịch cổ phiếu TCB của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2022, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	7	938,001
Bán	2	300,000
Tổng	9	1,238,001

Trong năm 2022, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người liên quan của người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	1	100,021
Bán	3	1,039,996
Tổng	4	1,140,017

Thông tin chi tiết về từng giao dịch được công bố đầy đủ trên trang website của Techcombank: www.techcombank.com/investors/financial-information

Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 – Phần thuyết minh số 42 “Giao dịch với các bên liên quan”
5	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của BKS nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên BKS chuyên trách	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 – Phần thuyết minh số 42 “Giao dịch với các bên liên quan”
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 – Phần thuyết minh số 42 “Giao dịch với các bên liên quan”

Hợp đồng hoặc các giao dịch với cổ đông là người nội bộ

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 – Phần thuyết minh số 42 “Giao dịch với các bên liên quan”

Báo cáo về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2022, Techcombank giữ vững việc tuân thủ thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về quản trị công ty của các cơ quan quản lý Nhà nước, trong đó có thể kể đến:

- ♦ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
- ♦ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
- ♦ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật các Tổ chức Tín dụng số 17/2017/QH14
- ♦ Nghị định 71/2017/NĐ-CP về Hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
- ♦ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán sửa đổi
- ♦ Thông tư 95/2017/TT-BTC Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP
- ♦ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các quy định liên quan khác
- ♦ Thông tư 22/2019/TT-NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- ♦ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- ♦ Thông tư 11/2021/TT-NHNN Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- ♦ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất ban hành tháng 8/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC.



Trong cơ cấu Quản trị – Điều hành của ngân hàng Techcombank, các Ủy ban và Hội đồng ở cả cấp Quản trị và cấp Điều hành tiếp tục thực hiện tốt vai trò trách nhiệm được quy định, giúp Hội đồng quản trị cũng như Tổng Giám đốc trong việc giám sát, điều hành ngân hàng hoạt động hàng ngày và tham mưu những vấn đề quan trọng và dài hạn của tổ chức. Cơ chế hoạt động của các Ủy ban và Hội đồng ngày càng phù hợp hơn với nội tại và sự chuyển đổi của ngân hàng Techcombank, điều này đã giúp các cấp lãnh đạo ngân hàng tăng cường tính hiệu quả trong cơ chế ra quyết định và thận trọng xem xét, rà soát các yếu tố rủi ro trong quá trình hoạt động và kinh doanh.

Techcombank đã triển khai thực hiện các công việc cụ thể nhằm thiết lập cơ chế phân cấp, ủy quyền minh bạch, rõ ràng để xác định trách nhiệm và tránh xung đột lợi ích. Theo Điều 4 của Quy chế quản trị nội bộ, ngân hàng xây dựng bảng phân quyền để quy định thẩm quyền phê duyệt của từng cấp, từng chức danh trong ngân hàng. Thẩm quyền phê duyệt căn cứ theo cơ cấu quản trị của Techcombank, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và đầy đủ theo hệ thống phân cấp của ngân hàng.

- ♦ HĐQT quy định về thẩm quyền đối với các (i) Ủy ban thuộc HĐQT và (i) TGĐ
- ♦ TGĐ quy định về thẩm quyền đối với các Hội đồng thuộc TGĐ, các chức danh từ Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối và các chức danh tương đương trở xuống.



Minh bạch

Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt chính sách công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Techcombank đã liên tục nâng tầm hoạt động quan hệ nhà đầu tư, cung cấp thông tin rõ ràng, có trách nhiệm và theo cách dễ tiếp cận nhất về quản trị, vận hành và kết quả kinh doanh của Ngân hàng tới công chúng.

Năm 2022, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư của Techcombank đã có những bước tiến vượt bậc trong việc thu hút nhà đầu tư, giúp đảm bảo các tiêu chuẩn minh bạch cao nhất:

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 23 tháng 4 năm 2022

Công bố kết quả kinh doanh hàng quý dành cho các nhà đầu tư/ chuyên viên phân tích tổ chức, cùng 4 buổi thuyết trình dành cho các nhà đầu tư cá nhân

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư đã tổ chức hơn 100 cuộc họp với các nhà đầu tư, và tham gia 11 hội nghị với các chuyên gia phân tích trên toàn thế giới

Chúng tôi đã trao đổi trực tuyến với 61 nhà đầu tư, và chào đón 49 nhà đầu tư tới thăm Hội sở Ngân hàng.



Ngoài việc tương tác với các nhà đầu tư và chuyên viên phân tích đến từ các tổ chức, chúng tôi cũng đã thiết kế và tổ chức các cuộc họp dành riêng cho các nhà đầu tư cá nhân. Các cuộc họp này ngoài việc công bố kết quả kinh doanh như thường lệ còn tạo cơ hội để Ngân hàng cập nhật cho nhà đầu tư về chiến lược và hoạt động kinh doanh tổng thể của chúng tôi, cũng như giải quyết mọi câu hỏi hoặc thắc mắc liên quan.

Quý nhà đầu tư có thể đăng ký tham gia các buổi công bố kết quả kinh doanh hàng quý và các cuộc họp dành cho nhà đầu tư cá nhân của chúng tôi tại:

<https://techcombank.com/nha-dau-tu/su-kien-khac>

Định vị Giá trị Nhà đầu tư

Tiếp nối đà thành công của chương trình Định vị Giá trị Khách hàng, Techcombank đã thiết kế và triển khai sáng kiến Định vị Giá trị Nhà đầu tư (IVP). Sáng kiến này được dành riêng cho việc nâng cao mức độ thấu hiểu nhà đầu tư cá nhân, qua đó tương tác tốt hơn với nhóm nhà đầu tư quan trọng này.

Chúng tôi đã thực hiện một số cuộc khảo sát và tiến hành “lắng nghe dư luận xã hội” để thu thập ý kiến thị trường về Techcombank cũng như cổ phiếu của chúng tôi. Phân tích chuyên sâu về dữ liệu đã giúp chúng tôi xác định các chủ đề mà nhà đầu tư cá nhân quan tâm, cùng với sở thích và yêu cầu của họ. Nhờ những thông tin có được, các buổi công bố kết quả kinh doanh hàng quý của chúng tôi với nhóm nhà đầu tư này trở nên hiệu quả hơn, giúp nội dung cuộc họp và phần Hỏi và Đáp tập trung chính xác vào những gì họ thực sự muốn biết về Ngân hàng.

Kiến tạo trang website cho Nhà đầu tư

Một dấu mốc quan trọng khác của chúng tôi năm vừa qua là việc thay đổi hoàn toàn diện mạo trang web của bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư. Sau nhiều tháng lên ý tưởng, thiết kế, phát triển và thử nghiệm, năm 2022 đã chứng kiến chúng tôi hoàn thành giai đoạn phát triển các cấu phần hỗ trợ, qua đó đảm bảo trang web hoạt động ổn định.

Trang web mới được sửa đổi dựa trên các thông lệ tốt nhất trong ngành, giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng cũng như phản ánh quá trình nghiên cứu sâu rộng của chúng tôi đối với mong muốn và nhu cầu của nhà đầu tư. Qua đó, nhà đầu tư sẽ được cung cấp những thông tin chính xác về kết quả tài chính, hoạt động kinh doanh và cổ phiếu của Techcombank.

Các ưu tiên cho năm 2023

Năm 2023, Techcombank sẽ tăng cường hơn nữa quản trị rủi ro Môi trường – Xã hội – Quản trị, với ưu tiên thực hiện các 17 chủ đề ESG trọng tâm. Một số luồng công việc chính dự kiến trong năm bao gồm:

- ◆ Cung cấp các khóa đào tạo MT&XH cho toàn bộ nhân viên phù hợp với chuyên môn và vị trí quản lý, nhằm nâng cao nhận thức và năng lực của đội ngũ nhân viên trong lĩnh vực này
- ◆ Phối hợp với các đối tác tư vấn thực hiện quản trị rủi ro MT&XH toàn diện, nhằm giải quyết các thách thức và thay đổi trong tiêu chuẩn quốc tế
- ◆ Nỗ lực hơn nữa tìm kiếm các cơ hội trong thị trường vốn xanh, bao gồm huy động nguồn vốn xanh và cung cấp trái phiếu/khoản vay xanh cho các dự án đủ điều kiện như dự án năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả, giao thông sạch và công trình xanh
- ◆ Tiếp tục cam kết đồng hành vì sự phát triển cộng đồng, khuyến khích mọi cá nhân rèn luyện sức khỏe, phát triển bản thân và bền bỉ theo đuổi khát vọng
- ◆ Bổ sung nguồn lực vào đội ngũ Quan hệ Nhà đầu tư, tiếp tục nâng cao chuẩn mực hoạt động này, đặc biệt hướng tới nhà đầu tư cá nhân, bên cạnh các cổ đông, nhà đầu tư tổ chức.

Kế hoạch cho năm 2023

Năm 2023, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư của Techcombank sẽ tập trung vào các hoạt động như:

- ◆ Duy trì liên lạc với nhà đầu tư một cách minh bạch và kịp thời
- ◆ Nâng cao hơn nữa chức năng cho trang web của chúng tôi, đảm bảo đầy đủ thông tin cũng như thân thiện với người dùng
- ◆ Tiếp tục phát triển sáng kiến IVP để thấu hiểu hơn các khách hàng cá nhân.



06

THÀNH CÔNG NỐI TIẾP CỦA TECH

- ◆ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 3 năm 2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 21 tháng 10 năm 2022. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 6 tháng 8 năm 1993.

Ngày 30 tháng 1 năm 2023, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 của Ngân hàng được thay đổi lần thứ 56.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác; đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch (đến ngày 22 tháng 4 năm 2022)
6	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch
7	Ông Lee Boon Huat	Thành viên
8	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên
9	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên độc lập

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Thành viên chuyên trách
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên

Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban Lãnh đạo của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc
2	Ông Phùng Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp (từ ngày 11 tháng 1 năm 2022)
3	Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng
4	Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu kiêm Giám đốc Chuyển đổi (đến ngày 21 tháng 1 năm 2022)
5	Ông Kalyanaraman Sivaramakrishnan	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro
6	Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Giám đốc Tài chính Tập đoàn (từ ngày 11 tháng 1 năm 2022)
7	Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn (đến ngày 10 tháng 1 năm 2022) kiêm Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng (đến ngày 21 tháng 1 năm 2022)
8	Bà Phan Thị Thanh Bình	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn
9	Ông Darren Neale Buckley	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ
10	Bà Nikki Đặng Mỹ Quyên	Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực
11	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Công nghệ
12	Ông Chu Hồng Ngọc	Giám đốc Khối Vận hành
13	Bà Thái Minh Diễm Tú	Giám đốc Khối Tiếp thị
14	Ông Santhosh Mahendiran	Giám đốc Khối Dữ liệu và Phân tích
15	Ông Kyle Timothy Justin	Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi (đến ngày 30 tháng 10 năm 2022)
16	Ông Pranav Seth	Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số
17	Ông Prasenjit Chakravarti	Giám đốc Khối Chiến lược kiêm Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi (từ ngày 31 tháng 8 năm 2022 đến ngày 19 tháng 10 năm 2022) Giám đốc Khối Chiến lược và Chuyển đổi Ngân hàng (từ ngày 20 tháng 10 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Hồ Hùng Anh, chức danh Chủ tịch HĐQT.

Ông Jens Lottner được ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Ngân hàng, trong đó có báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định số 0058/2020/UQ-CT HĐQT ngày 6 tháng 2 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Trách nhiệm của ban lãnh đạo đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Ngân hàng cần phải:

- ◆ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ◆ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ◆ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ◆ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Lãnh đạo Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của ban lãnh đạo

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Lãnh đạo:

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 145 đến trang 211, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Ngân hàng

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B02/TCTD-HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng	5	4.215.721	3.578.643
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	11.475.590	4.908.529
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	82.873.754	70.515.258
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	69.925.143	39.450.727
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.2	13.049.711	31.064.531
Dự phòng rủi ro cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.4	(101.100)	-
Chứng khoán kinh doanh	8	961.034	5.070.812
Chứng khoán kinh doanh		961.034	5.074.479
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(3.667)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	20	-	293.768
Cho vay khách hàng		415.752.256	343.605.581
Cho vay khách hàng	9	420.523.705	347.341.244
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(4.771.449)	(3.735.663)
Hoạt động mua nợ	11	107.725	133.418
Mua nợ		110.221	136.108
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(2.496)	(2.690)
Chứng khoán đầu tư	12	103.651.920	97.586.088
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	104.031.921	98.092.062
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	-	200.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.4	(380.001)	(705.974)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	12.813	12.813
Đầu tư dài hạn khác	13.1	13.962	13.962
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	13.2	(1.149)	(1.149)
Tài sản cố định	14	8.411.382	7.224.481
Tài sản cố định hữu hình	14.1	3.696.812	3.628.732
Nguyên giá tài sản cố định		5.156.346	4.824.092
Khấu hao tài sản cố định		(1.459.534)	(1.195.360)
Tài sản cố định vô hình	14.2	4.714.570	3.595.749
Nguyên giá tài sản cố định		5.913.538	4.541.141
Hao mòn tài sản cố định		(1.198.968)	(945.392)
Bất động sản đầu tư	15	1.053.124	1.088.924
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.435.699	1.435.699
Khấu hao bất động sản đầu tư		(382.575)	(346.775)

	Thuyết minh	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tài sản Có khác	16	70.517.225	34.710.635
Các khoản phải thu		61.609.133	28.117.180
Các khoản lãi, phí phải thu		8.028.730	5.807.801
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		61.050	17.460
Tài sản Có khác		1.616.735	1.448.617
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(798.423)	(680.423)
TỔNG TÀI SẢN		699.032.544	568.728.950
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	7.826	842
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		7.826	842
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	18	167.562.969	112.458.691
Tiền gửi các tổ chức tài chính, các TCTD khác	18.1	61.293.738	45.606.142
Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	18.2	106.269.231	66.852.549
Tiền gửi của khách hàng	19	358.403.785	314.752.525
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	20	1.851.213	-
Phát hành giấy tờ có giá	21	34.006.619	33.679.824
Các khoản nợ khác	22	23.775.166	14.795.596
Các khoản lãi, phí phải trả		6.144.022	3.121.881
Các khoản phải trả và công nợ khác		17.631.144	11.673.715
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		585.607.578	475.687.478
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		36.204.797	35.585.622
Vốn điều lệ		35.172.385	35.109.148
Thặng dư vốn cổ phần		476.415	476.474
Vốn khác		555.997	-
Các quỹ		11.608.569	9.155.896
Lợi nhuận chưa phân phối		64.482.685	47.453.056
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.128.915	846.898
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	113.424.966	93.041.472
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		699.032.544	568.728.950

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Thuyết minh	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn		13.253.457	56.682
Cam kết giao dịch hối đoái		360.120.743	279.342.444
<i>Cam kết mua ngoại tệ giao ngay</i>		2.450.745	1.147.456
<i>Cam kết bán ngoại tệ giao ngay</i>		1.361.969	3.155.974
<i>Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ</i>		178.699.591	137.419.741
<i>Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ</i>		177.608.438	137.619.273
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C)		64.666.942	47.054.297
Bảo lãnh khác		44.870.251	30.068.017
Các cam kết khác		449.697.675	358.478.746
<i>Cam kết hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ</i>		42.535.867	43.139.850
<i>Cam kết hoán đổi tiền tệ chéo bằng VND</i>		42.343.196	43.642.094
<i>Cam kết hoán đổi lãi suất bằng ngoại tệ</i>		25.100.370	12.424.688
<i>Cam kết hoán đổi lãi suất bằng VND</i>		15.173	781.540
<i>Cam kết kỳ hạn giấy tờ có giá</i>		13.357.717	13.359.572
<i>Hạn mức tín dụng chưa sử dụng</i>		326.345.352	244.944.122
<i>Cam kết khác</i>		-	186.880
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	39	1.858.878	1.634.636
Nợ khó đòi đã xử lý	40	46.946.553	44.636.762
Tài sản và chứng từ khác	41	172.003.576	165.905.108
		1.153.418.075	927.176.692

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thảo
Kế toán

Bà Nguyễn Thị Trà My
Kế toán trưởng

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

B03/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	44.752.636	35.503.251
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(14.462.861)	(8.804.638)
Thu nhập lãi thuần		30.289.775	26.698.613
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		10.840.337	8.239.494
Chi phí hoạt động dịch vụ		(2.312.843)	(1.857.254)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	8.527.494	6.382.240
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	(275.063)	231.416
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	(241.845)	152.305
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	425.553	1.804.408
Thu nhập từ hoạt động khác		4.499.949	4.343.731
Chi phí hoạt động khác		(2.332.574)	(2.540.485)
Lãi thuần từ hoạt động khác	31	2.167.375	1.803.246
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	8.791	4.063
Tổng thu nhập hoạt động		40.902.080	37.076.291
Chi phí hoạt động	33	(13.398.018)	(11.173.395)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		27.504.062	25.902.896
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(1.936.294)	(2.664.603)
Tổng lợi nhuận trước thuế		25.567.768	23.238.293
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.1	(5.174.932)	(4.840.371)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	23.3	43.590	17.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.131.342)	(4.822.911)
Lợi nhuận sau thuế		20.436.426	18.415.382
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(286.049)	(363.132)
Lợi nhuận thuần của cổ đông của Ngân hàng		20.150.377	18.052.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	35	5.725	5.137
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	35	(*)	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

Người lập: _____ Người phê duyệt: _____ Người phê duyệt: _____

Bà Nguyễn Thị Thảo
Kế toán

Bà Nguyễn Thị Trà My
Kế toán trưởng

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B04/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Thuyết minh	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		43.558.389	35.224.259
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(12.185.090)	(9.042.851)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		8.451.733	5.958.416
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ và chứng khoán)		(420.995)	2.502.188
Thu nhập khác		605.946	816.228
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	31	1.311.053	1.121.235
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(10.006.073)	(8.687.948)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	23.1	(2.301.394)	(4.829.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		29.013.569	23.061.616
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác		18.490.986	(23.454.273)
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		13.920.515	(10.804.075)
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		293.768	(293.768)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(73.182.461)	(69.816.629)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, bù đắp tổn thất các khoản	10	(683.006)	(626.647)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(36.029.613)	(15.607.626)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		55.104.278	64.973.879
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác		43.658.244	37.294.716
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		1.026.795	5.780.184
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		1.851.213	(266.926)
Tăng khác về công nợ hoạt động		2.009.069	2.598.519
Chi từ các quỹ	24.1	(4.856)	(10.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		55.468.501	12.828.221
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(1.110.111)	(939.995)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		44.111	57.506
Tiền chi thanh lý tài sản cố định		(51)	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	(1.497)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		8.776	4.043
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.057.275)	(879.943)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	125/GP-UBCK cấp ngày 30/5/2018 và giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/7/2022 (*)	Các hoạt động chứng khoán	88,79884%
2	Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008 và GCN ĐKKD số 0102786255 thay đổi lần thứ 23 ngày 19/10/2021 (**)	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	57/GP-UBCK cấp ngày 30/1/2019 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/11/2022	Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.	88,99956%

(*) Tại ngày 21 tháng 2 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương là 1.126.994.200.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 18/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023.

(**) Ngày 18 tháng 1 năm 2023, Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102786255 lần thứ 25.

Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là **12.339 người** (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 12.506 người).

2. Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”) và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

3.1. Tuyên bố tuân thủ

Ban Lãnh đạo Ngân hàng cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số

479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm:

- ◆ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ◆ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ◆ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ◆ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ◆ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

3.3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Ngân hàng thoái vốn đầu tư vào công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, Ngân hàng chỉ hợp nhất kết quả kinh doanh từ đầu năm đến thời điểm thoái vốn mà không hợp nhất toàn bộ tài sản thuần của công ty con. Ngoài ra, trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Ngân hàng điều chỉnh ảnh hưởng gián tiếp của các giao dịch bán công ty con đến các luồng tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty con và Ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3.4. Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và

kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 27/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN (“Thông tư 27”)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, NHNN ban hành Thông tư 27 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN.

Các thay đổi chính của Thông tư 27 bao gồm:

- ◆ Sửa đổi, bổ sung một số tài khoản của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- ◆ Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- ◆ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng;

Thông tư 27 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2022.

Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp (“Thông tư 24”)

Ngày 7 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 24 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (“Thông tư 48”) hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và

bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư 24 sửa đổi và bổ sung Điều (a), Khoản 1 Điều 5, đối với việc trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư. Theo đó, Thông tư 24 không quy định trích lập dự phòng đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

Thông tư 24 có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

4.3. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác

Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 của NHNN (“Thông tư 11”). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.6.

4.4. Chứng khoán kinh doanh

4.4.1. Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- ◆ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- ◆ Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

4.4.2. Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập dựa trên quy định tại Thông tư 48 và Thông tư 24 được mô tả trong Thuyết minh 4.7.3.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom tuân thủ theo Thông tư 11 được mô tả tại Thuyết minh 4.6.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.4.3. Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.5. Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

4.6. Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành

Ngân hàng áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 11 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao

dịch trên hệ thống giao dịch Upcom; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”).

Theo Thông tư 11, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn, các khoản tiền gửi tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tiền gửi tại các TCTD ở nước ngoài; các khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 11.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

STT	Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> ◆ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ◆ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ◆ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%

STT	Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là TCTD đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn trong các trường hợp sau đây:

- ◆ Đối với khoản nợ quá hạn, Ngân hàng phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:
 - Khách hàng đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc và lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo trong thời gian tối thiểu ba (3) tháng đối với nợ trung hạn, dài hạn; một (1) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn;
 - Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ;
 - Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
- ◆ Đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Ngân hàng phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:
 - Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời gian tối thiểu ba (3) tháng đối với nợ trung hạn, dài hạn; một (1) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại;

- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ;
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu để đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn đã được cơ cấu lại.

Khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau đây:

- ◆ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục qua ba (3) lần đánh giá, phân loại nợ liên tục;
- ◆ Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng;
- ◆ Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ một (1) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn;
- ◆ Khoản nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (“CIC”) cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch COVID-19 và các

khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19 thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này và vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng áp dụng Thông tư số 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ngân hàng đánh giá các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, cụ thể như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến trước 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành. Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

Thông tư 03 yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) phân loại nợ giữ nguyên như trước khi thực hiện cơ cấu, miễn giảm lãi; (2) phân loại nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến 31/12/2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến 31/12/2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến 31/12/2023

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng căn cứ quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, để trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ dư nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 03.

Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“TCBS”) – Công ty con của Ngân hàng

Dự phòng phải thu từ hoạt động ký quỹ và ứng trước cho nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương được trình bày tại Thuyết minh 4.14 theo quy định của Thông tư 48, nhằm xem xét bản chất cụ thể của các khoản phải thu này và đảm bảo thống nhất với báo cáo của TCBS. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.7. Chứng khoán đầu tư

4.7.1. Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc và phân loại chứng khoán đầu tư thành các loại phù hợp tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

4.7.2. Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7.3. Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì mức trích dự phòng được xác định cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo trình bày tại Thuyết minh 4.9.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được xác định như trình bày tại Thuyết minh 4.9.

Đối với các chứng khoán vốn còn lại, giá chứng khoán được xác định mức trích dự phòng như trình bày trong Thuyết minh 4.9.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua chứng khoán nợ sẽ được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu khi nhận được.

Chứng khoán nợ được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48 và Thông tư 24. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*”.

Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Số dư dự phòng các khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương mà Ngân hàng đã trích lập đến trước thời điểm Thông tư 24 có hiệu lực thi hành được hoàn nhập trong năm 2022.

Đối với phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán (bao gồm cả chứng khoán do TCTD khác phát hành) hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, dự phòng rủi ro tín dụng được xác định theo Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết kể trên) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc giá thị trường không thể xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá trị sổ sách kế toán.

Dự phòng chứng khoán đầu tư sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

4.7.4. Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.8. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4.9. Các khoản đầu tư dài hạn

4.9.1. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

4.9.2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư niêm yết hoặc đăng ký trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại Thông tư 48.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ

lệ sở hữu của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư 48. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.10. Tài sản cố định hữu hình

4.10.1. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

4.10.2. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 10 năm

4.11. Tài sản cố định vô hình

4.11.1. Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Hao mòn phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 8 năm.

4.11.2. Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá toàn bộ các khoản

chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Hao mòn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được sử dụng đất của Ngân hàng.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với chi phí bao gồm đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

4.11.3. Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

4.12. Bất động sản đầu tư

4.12.1. Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bắt động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

4.12.2. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Bất động sản đầu tư	Thời gian khấu hao
Nhà cửa	10 - 40 năm

4.13. Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

4.14. Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, trong thời gian tiếp theo, được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong

trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được ghi nhận trên khoản mục “*Chi phí hoạt động*” của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm mua. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm.

4.16. Dự phòng rủi ro khác

Một khoản dự phòng rủi ro ngoại trừ các khoản dự phòng rủi ro đề cập tại Thuyết minh 4.3, 4.4, 4.5, 4.7, 4.9 và 4.14 được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Ngân hàng có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương

lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng rủi ro được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.17. Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

4.18. Vốn cổ phần

4.18.1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi nhận khi các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Ngân hàng liên quan tới vốn điều lệ được xác lập. Vốn điều lệ được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

4.18.2. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn mệnh giá (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ), cũng như các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.

4.18.3. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.18.4. Các quỹ dự trữ và quỹ khác

Các quỹ dự trữ và quỹ khác của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây trước khi phân phối lợi nhuận theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ và quỹ khác của công ty con

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam:

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán trong đó nêu:

- ♦ Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ♦ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương kết chuyển quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Thông tư 114.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4.19. Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.19.1. Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể. Đối với các khoản nợ còn lại (bao gồm nợ được cơ cấu lại được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14), lãi của các khoản nợ này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

4.19.2. Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19.3. Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

4.19.4. Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí mua bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN (“Thông tư 09”) quy định về hoạt động mua, bán nợ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Thông tư 09, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- ◆ Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí khác của Ngân hàng trong năm.
- ◆ Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Đối với khoản nợ được mua, Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Sau đó, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng theo Thông tư 11.

Đối với các khoản nợ đã bán (trừ khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro) nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ thì Ngân hàng thực hiện phân loại số tiền chưa thu được như là khoản nợ chưa bán theo Thông tư 11.

4.19.5. Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

4.20. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển hết vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được

ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.22. Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.23. Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay hoặc thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết khác có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng.

4.24. Các công cụ tài chính phái sinh

4.24.1. Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết mua, bán một lượng đồng tiền này với một đồng tiền khác với tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán tối thiểu là 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết, bao gồm một cam kết mua và một cam kết bán cùng số lượng một đồng tiền này với một đồng tiền khác với tỷ giá của hai cam kết xác định tại thời điểm giao dịch và ngày thanh toán của hai cam kết là khác nhau. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng.

4.24.2. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.24.3. Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.25. Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

4.26. Cấn trừ/(bù trừ)

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.27. Lợi ích của nhân viên

4.27.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.27.2. Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Theo đó, thời gian làm việc tại Ngân hàng để tính hưởng trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc thực tế tại Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

4.27.3. Trợ cấp thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, Ngân hàng được giảm mức đóng Bảo hiểm thất nghiệp 1% nói trên xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.28. Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

4.28.1. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ◆ Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - *Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn; hoặc*

- *Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc*
- *Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).*

- ◆ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ◆ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động; hoặc
- ◆ Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- ◆ Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ◆ Các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động; hoặc
- ◆ Các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ◆ Các khoản mà có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ◆ Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động; hoặc
- ◆ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ◆ Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

4.28.2. Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ◆ Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - *Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn; hoặc*
 - *Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc*
 - *Là công cụ tài chính phái sinh (trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).*
- ◆ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục

đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.29. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

4.30. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN, các TCTD có chứng khoán trao đổi công khai và đang phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán phải lập và trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng được lập dựa trên bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

5. Tiền mặt, vàng

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	3.705.655	3.220.911
Tiền mặt bằng ngoại tệ	510.066	352.297
Vàng	-	5.435
	4.215.721	3.578.643

6. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước Việt Nam

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
Bằng VND	11.349.296	4.551.663
Bằng ngoại tệ	126.294	356.866
	11.475.590	4.908.529

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,50%	0,50%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%

7. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác

7.1. Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	11.770.473	8.127.786
<i>Bảng VND</i>	486.136	224.066
<i>Bảng ngoại tệ</i>	11.284.337	7.903.720
Tiền gửi có kỳ hạn	58.154.670	31.322.941
<i>Bảng VND</i>	42.981.000	23.748.166
<i>Bảng ngoại tệ</i>	15.173.670	7.574.775
	69.925.143	39.450.727

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi không kỳ hạn		
<i>Bảng VND</i>	0,00%	0,00%
<i>Bảng ngoại tệ</i>	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn		
<i>Bảng VND</i>	3,50% - 9,50%	0,00% - 5,25%
<i>Bảng ngoại tệ</i>	4,20% - 4,30%	0,01% - 0,20%

7.2. Cấp tín dụng cho các TCTD khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	13.049.711	31.064.531
<i>Bảng VND</i>	13.036.790	30.604.703
<i>Bảng ngoại tệ</i>	12.921	459.828
Dự phòng rủi ro cấp tín dụng cho các TCTD khác	(101.100)	-
	12.948.611	31.064.531

Lãi suất năm của các khoản cấp tín dụng cho các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Bảng VND	0,00% - 12,00%	0,80% - 3,45%
Bảng ngoại tệ	4,64%	1,15% - 1,46%

7.3. Chất lượng dư nợ tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) và cấp tín dụng cho các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	71.103.281	99,86	62.387.472	100,00
Nợ có khả năng mất vốn	101.100	0,14	-	-
	71.204.381	100,00	62.387.472	100,00

7.4. Dự phòng rủi ro cấp tín dụng cho các TCTD khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Dự phòng cụ thể	101.100	-
	101.100	-

Biến động dự phòng rủi ro cấp tín dụng cho các TCTD khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	-	-	-
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (<i>Thuyết minh 34</i>)	-	101.100	101.100
Số dư cuối năm	-	101.100	101.100

8. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Chứng khoán nợ	961.034	5.074.479
Trái phiếu Chính phủ	961.034	2.841.047
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	2.233.432
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	(3.667)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(3.667)
	961.034	5.070.812

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	-	2.233.432

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2022	-	3.667	3.667
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong năm (<i>Thuyết minh 29</i>)	-	(3.667)	(3.667)
Tại ngày 31/12/2022	-	-	-

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	-	9.871	9.871
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (<i>Thuyết minh 29</i>)	-	1.896	1.896
Sử dụng dự phòng rủi ro trong năm	-	(8.100)	(8.100)
Tại ngày 31/12/2021	-	3.667	3.667

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	961.034	2.841.047
Chưa niêm yết	-	2.233.432
	961.034	5.074.479

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	403.202.460	324.750.868
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	7.930.134	6.696.171
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	8.042	41.257
Các khoản trả thay khách hàng	19.625	1.416
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	8.840	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.354.604	15.851.532
	420.523.705	347.341.244

Lãi suất năm của các khoản cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Cho vay bằng VND	0,00% - 15,70%	0,00% - 12,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,50% - 8,61%	1,50% - 5,92%

9.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	399.403.381	94,98	327.051.002	94,16
Nợ cần chú ý	8.733.115	2,08	2.144.836	0,62
Nợ dưới tiêu chuẩn	901.592	0,21	678.516	0,19
Nợ nghi ngờ	1.131.087	0,27	860.243	0,25
Nợ có khả năng mất vốn	999.926	0,24	755.115	0,22
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.354.604	2,22	15.851.532	4,56
	420.523.705	100,00	347.341.244	100,00

9.2. Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ ngắn hạn	132.857.217	31,59	98.786.451	28,44
Nợ trung hạn	79.300.508	18,86	93.573.522	26,94
Nợ dài hạn	199.011.376	47,33	139.129.739	40,06
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.354.604	2,22	15.851.532	4,56
	420.523.705	100,00	347.341.244	100,00

9.3. Phân tích dư nợ theo ngành nghề kinh doanh

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	193.716.757	46,07	184.907.782	53,24
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.095.342	0,50	911.643	0,26
Khai khoáng	1.451.843	0,34	1.719.047	0,50
Công nghiệp chế biến, chế tạo	28.006.736	6,66	28.699.541	8,26
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.951.228	0,94	4.489.294	1,29
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	28.872	0,01	69.892	0,02
Xây dựng	12.093.130	2,88	12.949.773	3,73
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ôtô, ôtô, xe máy và xe có động cơ khác	34.129.848	8,12	34.708.861	9,99
Vận tải kho bãi	1.516.639	0,36	2.369.405	0,68
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	245.674	0,06	180.356	0,05
Thông tin và truyền thông	362.959	0,09	680.877	0,20
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	45.852	0,01	1.241.371	0,36
Hoạt động kinh doanh bất động sản	108.805.146	25,87	95.612.780	27,53
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	259.405	0,06	350.679	0,10
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	448.661	0,11	293.411	0,09
Giáo dục và đào tạo	104.111	0,02	181.274	0,05
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	48.332	0,01	250.411	0,07
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	8.984	0,00	21.075	0,01
Hoạt động dịch vụ khác	113.995	0,03	178.092	0,05
Cho vay cá nhân	217.452.344	51,71	146.581.930	42,20
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.354.604	2,22	15.851.532	4,56
	420.523.705	100,00	347.341.244	100,00

9.4. Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	193.716.757	46,07	184.907.782	53,24
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	4.522.732	1,08	4.464.934	1,29
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	102.451.642	24,36	73.427.678	21,14
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	44.232	0,01	403.611	0,12
Công ty cổ phần khác	85.272.750	20,28	104.296.153	30,03
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	158.070	0,04	347.689	0,10
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.208.940	0,29	1.949.719	0,56
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	13.423	0,00	14.475	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	44.968	0,01	3.523	0,00
Cho vay cá nhân	217.452.344	51,71	146.581.930	42,20
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng	9.354.604	2,22	15.851.532	4,56
	420.523.705	100,00	347.341.244	100,00

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Dự phòng chung	3.146.428	2.599.397
Dự phòng cụ thể	1.625.021	1.136.266
	4.771.449	3.735.663

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2022	2.599.397	1.136.266	3.735.663
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (*) (Thuyết minh 34)	547.031	1.171.761	1.718.792
Sử dụng dự phòng rủi ro trong năm	-	(683.006)	(683.006)
Tại ngày 31/12/2022	3.146.428	1.625.021	4.771.449

(*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng đã trích 100% số dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	1.879.473	334.775	2.214.248
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 34)	719.924	1.428.138	2.148.062
Sử dụng dự phòng rủi ro trong năm	-	(626.647)	(626.647)
Tại ngày 31/12/2021	2.599.397	1.136.266	3.735.663

11. Hoạt động mua nợ

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	110.221	136.108
Dự phòng rủi ro mua nợ	(2.496)	(2.690)
	107.725	133.418

Chi tiết giá trị của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Nợ gốc đã mua	108.539	134.426
Lãi của khoản nợ đã mua	1.682	1.682
	110.221	136.108

Phân tích chất lượng của hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	108.539	98,47	134.426	98,76
Nợ có khả năng mất vốn	1.682	1,53	1.682	1,24
	110.221	100,00	136.108	100,00

Biến động dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm như sau:

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Số dư đầu năm	2.690	1.682
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 34)	(194)	1.008
Số dư cuối năm	2.496	2.690

12. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	104.031.921	98.092.062
Chứng khoán nợ	102.946.394	97.435.523
Chứng khoán vốn	1.085.527	656.539
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	200.000
Chứng khoán nợ	-	200.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(380.001)	(705.974)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(380.001)	(514.601)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	(191.373)
	103.651.920	97.586.088

12.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Chứng khoán nợ	102.946.394	97.435.523
Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương	37.868.964	14.437.924
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	24.062.608	20.388.806
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	3.881.081	4.583.639
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	41.014.822	62.608.793
Chứng khoán vốn	1.085.527	656.539
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.080.016	651.028
Chứng chỉ Quỹ	5.511	5.511
	104.031.921	98.092.062
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(380.001)	(514.601)
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(291.944)	(456.507)
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(44.344)	(36.519)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(43.713)	(21.575)
	103.651.920	97.577.461

12.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Chứng khoán nợ	-	200.000
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	200.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	(191.373)
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	(191.373)
	-	8.627

12.3. Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	56.772.648	97,18	76.749.546	99,74
Nợ cần chú ý	1.650.000	2,82	-	0,00
Nợ có khả năng mất vốn	-	0,00	200.000	0,26
	58.422.648	100,00	76.949.546	100,00

12.4. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	336.288	684.399
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	43.713	21.575
	380.001	705.974

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2022	456.507	227.892	21.575	705.974
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(164.563)	(183.548)	22.138	(325.973)
Tại ngày 31/12/2022	291.944	44.344	43.713	380.001

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	373.566	-	12.145	385.711
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 30)	82.941	227.892	11.730	322.563
Sử dụng dự phòng rủi ro trong năm	-	-	(2.300)	(2.300)
Tại ngày 31/12/2021	456.507	227.892	21.575	705.974

13. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác – giá gốc	13.962	13.962
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	(1.149)	(1.149)
	12.813	12.813

13.1. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2022		31/12/2021	
	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc triệu đồng	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc triệu đồng
Công ty Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	10,93	1.040	10,93	1.040
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	0,42	1.000	0,42	1.000
Công ty Cổ phần Thông tin Tín dụng Việt Nam	6,64	7.962	6,64	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới	0,00	3.300	0,00	3.300
Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động sản Việt Nam	11,00	660	11,00	660
		13.962		13.962

13.2. Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Số dư đầu năm	1.149	660
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	-	489
Số dư cuối năm	1.149	1.149

14. Tài sản cố định

14.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2022	1.915.434	2.597.138	310.089	1.431	4.824.092
Mua trong năm	13	475.992	18.198	4.118	498.321
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	32.880	86.776	-	9.058	128.714
Thanh lý	-	(240.818)	(50.156)	(728)	(291.702)
Biến động khác	-	(3.079)	-	-	(3.079)
Tại ngày 31/12/2022	1.948.327	2.916.009	278.131	13.879	5.156.346
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2022	113.148	958.560	122.657	995	1.195.360
Khấu hao trong năm	42.004	383.721	27.932	1.478	455.135
Thanh lý	-	(140.205)	(50.028)	(728)	(190.961)
Tại ngày 31/12/2022	155.152	1.202.076	100.561	1.745	1.459.534
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2022	1.802.286	1.638.578	187.432	436	3.628.732
Tại ngày 31/12/2022	1.793.175	1.713.933	177.570	12.134	3.696.812

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2021	261.028	1.886.204	267.759	1.358	2.416.349
Mua trong năm	221.394	441.594	34.558	184	697.730
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.438.664	411.378	18.667	-	1.868.709
Thanh lý	(5.652)	(143.800)	(10.895)	(111)	(160.458)
Biến động khác	-	1.762	-	-	1.762
Tại ngày 31/12/2021	1.915.434	2.597.138	310.089	1.431	4.824.092
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2021	36.436	803.902	104.078	991	945.407
Khấu hao trong năm	79.510	298.431	29.283	37	407.261
Thanh lý	(2.798)	(143.773)	(10.704)	(33)	(157.308)
Tại ngày 31/12/2021	113.148	958.560	122.657	995	1.195.360
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2021	224.592	1.082.302	163.681	367	1.470.942
Tại ngày 31/12/2021	1.802.286	1.638.578	187.432	436	3.628.732

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	306.246	382.466

14.2. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 1/1/2022	2.622.527	1.906.692	11.922	4.541.141
Mua trong năm	1.626	610.164	-	611.790
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.545	764.278	-	775.823
Thanh lý	-	(12.529)	-	(12.529)
Biến động khác	-	(2.687)	-	(2.687)
Tại ngày 31/12/2022	2.635.698	3.265.918	11.922	5.913.538
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 1/1/2022	232	942.856	2.304	945.392
Hao mòn trong năm	8	265.169	1.055	266.232
Thanh lý	-	(12.245)	-	(12.245)
Biến động khác	-	(411)	-	(411)
Tại ngày 31/12/2022	240	1.195.369	3.359	1.198.968
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1/1/2022	2.622.295	963.836	9.618	3.595.749
Tại ngày 31/12/2022	2.635.458	2.070.549	8.563	4.714.570

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 1/1/2021	2.622.454	1.296.198	4.551	3.923.203
Mua trong năm	958	241.042	265	242.265
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	372.409	7.106	379.515
Thanh lý	(885)	(160)	-	(1.045)
Biến động khác	-	(2.797)	-	(2.797)
Tại ngày 31/12/2021	2.622.527	1.906.692	11.922	4.541.141
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 1/1/2021	476	778.003	2.243	780.722
Hao mòn trong năm	14	165.013	61	165.088
Thanh lý	(258)	(160)	-	(418)
Tại ngày 31/12/2021	232	942.856	2.304	945.392
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1/1/2021	2.621.978	518.195	2.308	3.142.481
Tại ngày 31/12/2021	2.622.295	963.836	9.618	3.595.749

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	346.759	492.485

15. Bất động sản đầu tư

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Nhà cửa triệu đồng
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2022	1.435.699
Tại ngày 31/12/2022	1.435.699
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2022	346.775
Khấu hao trong năm	35.800
Tại ngày 31/12/2022	382.575
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2022	1.088.924
Tại ngày 31/12/2022	1.053.124

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Nhà cửa triệu đồng
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2021	1.435.699
Tại ngày 31/12/2021	1.435.699
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2021	310.975
Khấu hao trong năm	35.800
Tại ngày 31/12/2021	346.775
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2021	1.124.724
Tại ngày 31/12/2021	1.088.924

Bất động sản đầu tư bao gồm Tòa nhà Techcombank với nguyên giá là 1.435.699 triệu đồng và khấu hao lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 382.575 triệu đồng.

16. Tài sản Có khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Các khoản phải thu	61.609.133	28.117.180
Các khoản phải thu nội bộ	115.626	79.016
Các khoản phải thu bên ngoài	61.493.507	28.038.164
Đặt cọc thuê văn phòng (i)	1.396.662	898.432
Đặt cọc mua văn phòng (i)	9.703.207	-
Phải thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	29.366	20.006
Tạm ứng hợp đồng	921.272	428.541
Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	52.251	50.747
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định (ii)	520.020	814.603
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (ii)	2.449.111	1.247.158
Phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) (iii)	42.342.081	23.915.577
Phải thu từ hợp đồng bán nợ (iv)	330.311	449.939
Phải thu từ hoạt động chứng khoán	3.449.677	-
Các khoản thuế phải thu (Thuyết minh 23)	3.612	-
Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	295.937	213.161
Các khoản lãi, phí phải thu	8.028.730	5.807.801
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 23.3)	61.050	17.460
Tài sản Có khác	1.616.735	1.448.617
Vật liệu	17.489	22.107
Chi phí trả trước	1.598.624	1.424.814
Tài sản Có khác	622	1.696
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (v)	(798.423)	(680.423)
	70.517.225	34.710.635

- (i) Đây là các khoản đặt cọc của Ngân hàng cho việc thực hiện thuê, mua văn phòng làm trụ sở, chi nhánh.
- (ii) Đây là các khoản tạm ứng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng trụ sở văn phòng làm việc của Ngân hàng.
- (iii) Các khoản phải thu từ dịch vụ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) bao gồm thư tín dụng nhập khẩu trả chậm và thư tín dụng nhập hàng trả chậm nội địa là các khoản phải thu khách hàng của Ngân hàng từ dịch vụ thanh toán trước bộ chứng từ trả chậm theo thư tín dụng do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng tài trợ thanh toán cho người thụ hưởng trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.
- (iv) Phân tích chất lượng khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Nợ có khả năng mất vốn	330.311	449.939

v. Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn, phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay), và phải thu từ hợp đồng bán nợ như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Dự phòng rủi ro khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ	330.311	449.939
<i>Dự phòng cụ thể</i>	330.311	449.939
Dự phòng rủi ro khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	415.591	179.367
<i>Dự phòng chung</i>	316.231	179.367
<i>Dự phòng cụ thể</i>	99.360	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	52.521	51.117
	798.423	680.423

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Số dư đầu năm	680.423	189.892
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ trong năm (<i>Thuyết minh 34</i>)	(119.628)	425.500
<i>Dự phòng cụ thể</i>	(119.628)	425.500
Trích lập dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) trong năm (<i>Thuyết minh 34</i>)	236.224	90.033
<i>Dự phòng chung</i>	136.864	90.033
<i>Dự phòng cụ thể</i>	99.360	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm (<i>Thuyết minh 33</i>)	1.404	(25.002)
Số dư cuối năm	798.423	680.423

17. Các khoản nợ Chính phủ và NHNN

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước Việt Nam		
Bằng VND	7.826	842
	7.826	842

18. Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác

18.1. Tiền gửi của các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	776.778	518.192
<i>Bằng VND</i>	771.246	375.303
<i>Bằng ngoại tệ</i>	5.532	142.889
Tiền gửi có kỳ hạn	60.516.960	45.087.950
<i>Bằng VND</i>	39.340.000	35.788.000
<i>Bằng ngoại tệ</i>	21.176.960	9.299.950
	61.293.738	45.606.142

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi của các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,50% - 10,50%	0,80% - 3,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,15% - 4,50%	0,19% - 0,40%

18.2. Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Bằng VND	21.603.024	12.004.051
Bằng ngoại tệ	84.666.207	54.848.498
	106.269.231	66.852.549

Lãi suất năm của các khoản vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Bằng VND	3,57% - 12,90%	1,50% - 8,00%
Bằng ngoại tệ	0,75% - 12,25%	0,70% - 4,38%

19. Tiền gửi của khách hàng

19.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	123.079.324	147.861.145
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	113.445.822	140.018.181
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	9.633.502	7.842.964
Tiền gửi có kỳ hạn	225.941.947	155.894.254
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	222.345.948	151.837.741
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.595.999	4.056.513
Tiền gửi ký quỹ	9.382.514	10.997.126
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	9.308.312	10.940.538
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	74.202	56.588
	358.403.785	314.752.525

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 1,20%	0,00% - 0,20%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 9,60%	0,20% - 7,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,60%	0,00% - 0,60%

19.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2022		31/12/2021	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tiền gửi của các tổ chức kinh tế	114.409.809	31,92	94.673.691	30,08
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	15.402.482	4,30	3.986.470	1,27
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	44.480.777	12,42	36.478.425	11,59
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	84.681	0,02	92.415	0,03
Công ty cổ phần khác	47.740.094	13,32	46.191.977	14,68
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	144.372	0,04	147.299	0,05
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.414.566	1,23	4.779.856	1,52
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	14.906	0,00	11.933	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.984.725	0,55	1.937.124	0,61
Khác	143.206	0,04	1.048.192	0,33
Tiền gửi của cá nhân	243.993.976	68,08	220.078.834	69,92
	358.403.785	100,00	314.752.525	100,00

20. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(các khoản nợ) tài chính khác

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2022		31/12/2021	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán thuần của tài sản/(công nợ)	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán thuần của tài sản/(công nợ)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	104.596.820	(485.237)	117.920.007	(28.828)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	179.859.303	(1.169.554)	138.102.399	197.924
Giao dịch hoán đổi lãi suất	41.164.196	(196.422)	43.642.094	124.672
	325.620.319	(1.851.213)	299.664.500	293.768

Tổng giá trị của hợp đồng là giá trị được quy đổi theo tỷ giá hợp đồng.

Tổng giá trị ghi sổ kế toán là giá trị thuần được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

21. Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Từ 12 tháng đến 5 năm (i)	34.006.619	32.979.824
Trên 5 năm	-	700.000
	34.006.619	33.679.824

(i) Bao gồm các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 3,50% đến 14,51% (2021: 3,50% đến 8,40%).

22. Các khoản nợ khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải trả	6.144.022	3.121.881
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.631.144	11.673.715
Các khoản phải trả nội bộ	8.335	12.937
Các khoản phải trả bên ngoài	17.622.809	11.660.778
<i>Chuyển tiền phải trả</i>	<i>1.272.730</i>	<i>1.911.365</i>
<i>Phải trả nhân viên</i>	<i>2.366.253</i>	<i>2.263.619</i>
<i>Các khoản thuế phải nộp (Thuyết minh 23)</i>	<i>4.255.802</i>	<i>1.373.333</i>
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	<i>544.330</i>	<i>633.051</i>
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>24.529</i>	<i>21.481</i>
<i>Tiền thu từ việc bán tài sản đảm bảo chờ xử lý</i>	<i>11.380</i>	<i>44.386</i>
<i>Chi phí trích trước</i>	<i>1.352.075</i>	<i>873.783</i>
<i>Tiền và các khoản tiền gửi giữ hộ khách đang chờ thanh toán</i>	<i>44.707</i>	<i>32.370</i>
<i>Thu chi hệ giữa các TCTD</i>	<i>1.703.887</i>	<i>1.538.616</i>
<i>Các khoản chờ thanh toán khác</i>	<i>52.737</i>	<i>79.323</i>
<i>Phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>	<i>5.272.870</i>	<i>2.361.816</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>721.509</i>	<i>527.635</i>
	23.775.166	14.795.596

23. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu năm		Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng	42.436	446.036	(452.032)	-	36.440	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)	1.190.015	5.174.951	(2.301.394)	(3.612)	4.067.184	
Các loại thuế khác	140.882	2.103.878	(2.092.582)	-	152.178	
Thuế phải trả	1.373.333	7.724.865	(4.846.008)	(3.612)	4.255.802	

23.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 được ước tính như sau:

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế	25.567.768	23.238.293
<i>Điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(8.776)	(4.063)
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(1.379.228)	(730.790)
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	69.810	117.305
Điều chỉnh tăng chi phí không được khấu trừ	1.684.498	1.207.065
Thu nhập chịu thuế TNDN	25.934.072	23.827.810
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	5.186.814	4.765.562
Điều chỉnh (giảm)/tăng chi phí thuế TNDN của các năm trước vào năm này	(11.882)	74.809
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	5.174.932	4.840.371
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.190.015	1.179.555
Thuế TNDN thực nộp trong năm	(2.301.394)	(4.829.911)
Điều chỉnh phải trả thuế TNDN của các năm trước vào năm nay	19	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	4.063.572	1.190.015

23.2. Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng hiện tại là 20% (2021: 20%).

23.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Số dư đầu năm	17.460	-
Thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ thuế	43.590	17.460
Số dư cuối năm	61.050	17.460

24. Vốn và quỹ

24.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Đơn vị: triệu đồng									
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Vốn chủ sở hữu khác	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2022	35.109.148	476.474	2.664.436	6.490.986	474	9.155.896	47.453.056	846.898	-	93.041.472
Tăng vốn trong năm	63.237	(59)	-	-	-	-	-	1.894	-	65.072
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	20.150.377	286.049	-	20.436.426
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm	-	-	897.122	1.794.245	-	2.691.367	(2.691.367)	-	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	-	(38.500)	-	-	(38.500)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(4.856)	-	(4.856)	-	-	-	(4.856)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(74.648)	-	(74.648)
Công ty con kết chuyển các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(116.919)	(116.919)	-	(233.838)	(390.881)	68.722	555.997	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	35.172.385	476.415	3.444.639	8.163.456	474	11.608.569	64.482.685	1.128.915	555.997	113.424.966

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Đơn vị: triệu đồng									
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Vốn chủ sở hữu khác	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2021	35.049.062	476.507	1.872.102	4.917.067	474	6.789.643	31.815.808	483.766	-	74.614.786
Tăng vốn trong năm	60.086	(33)	-	-	-	-	-	-	60.053	60.053
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	18.052.250	363.132	-	18.415.382
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm	-	-	792.334	1.584.668	-	2.377.002	(2.377.002)	-	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	-	(38.000)	-	-	(38.000)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(10.749)	-	(10.749)	-	-	-	(10.749)
Số dư tại ngày 31/12/2021	35.109.148	476.474	2.664.436	6.490.986	474	9.155.896	47.453.056	846.898	-	93.041.472

24.2. Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Vốn điều lệ	35.172.385	35.109.148
Thặng dư vốn cổ phần	476.415	476.474
	35.648.800	35.585.622

Số lượng cổ phiếu tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
Vốn cổ phần đăng ký phát hành	3.517.238.514	3.510.914.798
Vốn cổ phần đã phát hành	3.517.238.514	3.510.914.798
Cổ phiếu phổ thông	3.517.238.514	3.510.914.798

Biến động số lượng cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2022	2021
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông tại ngày 1/1	3.510.914.798	3.504.906.230
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	6.323.716	6.008.568
Cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12	3.517.238.514	3.510.914.798

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc Họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

24.3. Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

25. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.409.942	266.751
Thu nhập lãi cho vay	34.247.955	27.259.759
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	7.885.156	7.068.841
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	577.420	360.644
Thu từ hoạt động mua nợ	10.176	7.400
Thu khác từ hoạt động tín dụng	621.987	539.856
	44.752.636	35.503.251

26. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	9.212.164	6.256.038
Trả lãi tiền vay	3.156.518	829.396
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.897.675	1.635.280
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	196.504	83.924
	14.462.861	8.804.638

27. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10.840.337	8.239.494
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	6.566.746	3.739.055
Dịch vụ ngân quỹ	287	3.055
Dịch vụ ủy thác và đại lý	710.835	662.083
Dịch vụ tư vấn	141.699	221.285
Dịch vụ hợp tác bảo hiểm	1.750.638	1.558.318
Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	598.252	860.488
Dịch vụ môi giới chứng khoán	753.760	746.828
Dịch vụ quản lý Quỹ	307.706	428.685
Dịch vụ khác	10.414	19.697
Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.312.843)	(1.857.254)
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(2.028.053)	(1.532.395)
Dịch vụ ngân quỹ	(74.639)	(71.398)
Dịch vụ môi giới chứng khoán	(154.916)	(166.005)
Dịch vụ tư vấn	(274)	(136)
Dịch vụ khác	(54.961)	(87.320)
	8.527.494	6.382.240

28. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.819.491	1.543.299
Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	1.329.040	339.506
Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	2.490.451	1.203.793
Lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(4.094.554)	(1.311.883)
Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(477.916)	(209.406)
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.616.638)	(1.102.477)
	(275.063)	231.416

29. (Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	108.741	567.239
Chi phí cho mua bán chứng khoán kinh doanh	(354.253)	(413.038)
Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (<i>Thuyết minh 8</i>)	3.667	(1.896)
	(241.845)	152.305

30. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	927.729	2.639.664
Chi phí cho mua bán chứng khoán đầu tư	(828.149)	(512.693)
Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng rủi ro cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (<i>Thuyết minh 12.4</i>)	348.111	(310.833)
Trích lập chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (<i>Thuyết minh 12.4</i>)	(22.138)	(11.730)
	425.553	1.804.408

31. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	4.499.949	4.343.731
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	2.550.299	2.814.928
Thu hồi nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	1.311.053	1.121.235
Thu nhập khác	638.597	407.568
Chi phí hoạt động khác	(2.332.574)	(2.540.485)
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(2.087.707)	(2.081.690)
Chi phí công tác xã hội	(57.156)	(316.337)
Chi phí khác	(187.711)	(142.458)
	2.167.375	1.803.246

32. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Thu nhập cổ tức từ các khoản đầu tư dài hạn khác	8.791	4.063

33. Chi phí hoạt động

Thuyết minh	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng	
Lương và các chi phí liên quan	37	6.515.485	6.356.228
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại		2.013.312	1.234.037
Chi phí thuê văn phòng và tài sản		554.689	533.743
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		757.167	608.149
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản		331.183	331.295
Chi phí công nghệ thông tin (*)		635.927	264.951
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí		187.371	146.640
Chi phí dụng cụ và thiết bị		136.933	141.227
Chi phí thông tin liên lạc		63.899	90.494
Chi phí điện nước, vệ sinh văn phòng		91.961	87.629
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng		347.127	313.727
Công tác phí		56.869	45.542
Trích lập chi phí dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	13.2	-	489
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng các tài sản Có khác	16	1.404	(25.002)
Chi phí dịch vụ tư vấn		407.121	370.963
Chi phí đào tạo huấn luyện nghiệp vụ		105.329	47.545
Chi phí hoạt động khác		1.192.241	625.738
		13.398.018	11.173.395

(*) Chi phí công nghệ thông tin không bao gồm chi phí khấu hao tài sản công nghệ thông tin và chi phí bảo trì công nghệ thông tin.

34. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

Thuyết minh	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng	
Chi phí dự phòng cụ thể cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.4	101.100	-
Chi phí dự phòng chung cho vay khách hàng	10	547.031	719.924
Chi phí dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	1.171.761	1.428.138
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng chung cho hoạt động mua nợ	11	(194)	1.008
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng cụ thể cho khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ	16	(119.628)	425.500
Chi phí dự phòng rủi ro cho khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	16	236.224	90.033
		1.936.294	2.664.603

35. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ

phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	20.150.377	18.052.250
Điều chỉnh cho quỹ phúc lợi	(38.500)	(38.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	20.111.877	18.014.250
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	20.111.877	18.014.250
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.513.028.478	3.506.552.413
Ảnh hưởng suy giảm do phát hành thêm cổ phiếu (*)	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	3.513.028.478	3.506.552.413
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.725	5.137
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(*)	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

36. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền mặt, vàng	4.215.721	3.578.643
Tiền gửi tại NHNN	11.475.590	4.908.529
Chứng khoán có thời hạn đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	15.690.426	143.497
Tiền gửi tại các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	69.924.143	38.973.561
	101.305.880	47.604.230

37. Tình hình thu nhập của cán bộ, nhân viên

	2022 triệu đồng	2021 triệu đồng
Số cán bộ, nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	12.339	12.506
I. Bình quân số cán bộ, nhân viên (người)	12.423	12.154
II. Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	5.554.552	5.300.287
2. Phụ cấp và thu nhập khác	960.933	1.055.941
3. Tổng thu nhập (1+2)	6.515.485	6.356.228
4. Tiền lương bình quân/tháng	37	36
5. Thu nhập bình quân/tháng	44	44

38. Tài sản, giấy tờ có giá (“GTCTG”) thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

38.1. Tài sản, GTCTG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu cho Ngân hàng

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Của khách hàng	901.336.716	814.694.006
Bất động sản	577.190.951	522.747.005
Động sản	19.939.896	20.954.840
Giấy tờ có giá	80.226.207	123.966.832
Các tài sản đảm bảo khác	223.979.662	147.025.329
Của các tổ chức tín dụng khác	24.128.504	25.544.268
Giấy tờ có giá	24.119.900	25.535.950
Các tài sản đảm bảo khác	8.604	8.318
	925.465.220	840.238.274

38.2. Tài sản, GTCTG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu bởi Ngân hàng

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Tiền gửi	2.000.000	1.828.000
Chứng khoán đầu tư	1.593.200	-
	3.593.200	1.828.000

39. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	1.505.147	1.358.573
Lãi chứng khoán chưa thu được	235.789	272.266
Phí phải thu chưa thu được	117.942	3.797
	1.858.878	1.634.636

40. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	12.528.024	12.862.931
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	34.417.396	31.772.698
Các khoản nợ khác đã xử lý	1.133	1.133
	46.946.553	44.636.762

41. Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	33	31
Tài sản khác giữ hộ	161.378.019	86.600.095
Tài sản thuê ngoài (*)	-	-
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	623	5.244
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	10.624.901	79.299.738
	172.003.576	165.905.108

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị của khoản mục này do chưa có đủ thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD Việt Nam.

42. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Ngân hàng (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- (b) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);
- (c) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với Ngân hàng như quan hệ: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(d) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(e) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở đoạn (c) hoặc (d) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 và trong năm như sau:
Giao dịch trái phiếu

Bên liên quan	Quan hệ	Năm 2022			Đơn vị: triệu đồng
		Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)				
Mệnh giá trái phiếu		384.997	5.999.879	(5.862.996)	521.880
Lãi phải thu trái phiếu		2.626	55.366	(44.836)	13.156
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)				
Mệnh giá trái phiếu		269.578	6.126.574	(6.380.802)	15.350
Lãi phải thu trái phiếu		3.033	9.544	(12.497)	80
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	(iii)				
Mệnh giá trái phiếu		281.498	1.176.505	(1.302.529)	155.474
Lãi phải thu trái phiếu		2.315	11.558	(12.302)	1.571

Giao dịch cho vay khách hàng

Bên liên quan	Quan hệ	Năm 2022			Đơn vị: triệu đồng
		Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii), (iii)				
Số dư cho vay khách hàng		483.891	443.295	(555.054)	372.132
Lãi phải thu cho vay khách hàng		1.835	36.433	(37.278)	990
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)				
Số dư cho vay khách hàng		1.257.375	1.388.390	(1.751.265)	894.500
Lãi phải thu cho vay khách hàng		701	91.848	(91.336)	1.213
Công ty TNHH Vonfram Masan	(iii)				
Số dư cho vay khách hàng		98.858	282.302	(196.731)	184.429
Lãi phải thu cho vay khách hàng		53	5.376	(5.154)	275
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco	(iii)				
Số dư cho vay khách hàng		127.097	257.673	(279.308)	105.462
Lãi phải thu cho vay khách hàng		86	7.613	(7.699)	-
Công ty Cổ phần One Mount Distribution	(ii)				
Số dư cho vay khách hàng		-	1.011.485	(349.010)	662.475
Lãi phải thu cho vay khách hàng		-	14.326	(13.264)	1.062

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Công ty Cổ phần One Mount Group Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(ii)	40.000 78	- 31	(40.000) (109)	- -
Công ty Cổ phần One Mount Distribution Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(ii)	100.000 195	395.000 734	(495.000) (929)	- -
Công ty Cổ phần Mobicast Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(ii)	10.000 60	- -	(10.000) (60)	- -
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(ii)	950.000 758	320.000 4.180	(1.220.000) (2.796)	50.000 2.142
Công ty Cổ phần TC Advisors Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(iii)	31.208 823	17.056 1.181	(27.000) (1.415)	21.264 589
Công ty TNHH Hợp tác kinh doanh và phát triển ISADO Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(iii)	2.000 3	1.500 102	(1.000) (101)	2.500 4
Công ty Cổ phần Bột giặt NET Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(iii)	- -	158.500 862	(114.000) (708)	44.500 154
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(i)	- -	5.395.029 352	(5.155.029) (340)	240.000 12
Nhóm các công ty liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng	(iv)	4.209.700 2.235	19.901.773 33.808	(22.195.338) (29.691)	1.916.135 6.352
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Lãnh đạo và các cá nhân liên quan khác Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		1.033.486 13.614	505.554 31.431	(689.105) (33.045)	849.935 12.000

Giá trị hợp đồng bảo lãnh, phát hành thư tín dụng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2022	31/12/2021
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii), (iii)	263.864	96.959
Công ty Cổ phần Mobicast	(ii)	230.175	450.175
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)	221.844	50.929
Công ty TNHH Vonfram Masan	(iii)	23.168	-
Công ty Cổ phần One Mount Distribution	(ii)	228.390	-

Số dư tiền gửi không kỳ hạn từ khách hàng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2022	31/12/2021
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii), (iii)	3.815	10.688
Công ty Cổ phần One Mount Group	(ii)	546	26.841
Công ty Cổ phần One Mount Distribution	(ii)	104.341	13.479
Công ty Cổ phần One Mount Consumer	(ii)	41.353	17.013
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến	(ii)	42.477	78.142
Công ty TNHH Việt Thành – Sài Đồng	(iii)	575	457
Công ty Cổ phần TC Advisors	(iii)	3.982	8.487
Công ty TNHH Hợp tác kinh doanh và phát triển ISADO	(iii)	995	2.832
Công ty Cổ phần Mobicast	(ii)	3.783	133.032
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	9.925	1.233.572
Công ty TNHH Vonfram Masan	(iii)	2.052	1.804
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco	(iii)	553	3.737
Nhóm các công ty liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(iv)	330.535	68.993
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Lãnh đạo và các cá nhân liên quan khác		264.914	194.580

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	2022	2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	47.477	188.478
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)	30.815	22.963
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	(iii)	1.550	19.011

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Lãnh đạo

Đơn vị: triệu đồng

	2022	2021
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Lãnh đạo	378.710	318.386
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	36.903	36.435
Thu nhập của Ban Lãnh đạo	341.807	281.951

- (i) Cổ đông có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- (ii) Bên liên quan có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- (iii) Bên liên quan có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát hoặc cổ đông lớn là người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- (iv) Nhóm các công ty liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng; hoặc thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của những công ty này là người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.

43. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Mức độ tập trung các tài sản, nợ phải trả và các khoản mục ngoại bảng theo khu vực địa lý của các đối tác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay triệu đồng	Tổng tiền gửi triệu đồng	Các cam kết tín dụng triệu đồng	Công cụ tài chính phái sinh (*) triệu đồng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng
Trong nước	433.564.576	417.563.624	440.303.894	321.301.821	104.992.955
Nước ngoài	8.840	2.141.725	8.832.108	4.318.498	-
	433.573.416	419.705.349	449.136.002	325.620.319	104.992.955

(*) Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng

44. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải liên quan đến các công cụ tài chính và mô tả chi tiết các chính sách và phương pháp mà Ban Lãnh đạo Ngân hàng sử dụng để kiểm soát các rủi ro này. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc thiết lập và giám sát khung quản trị rủi ro tài chính của Ngân hàng nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng trong từng thời kỳ và quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý rủi ro (“BRC”) là cơ quan được Hội đồng quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Hội đồng quản trị phân công thực hiện liên quan đến kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động Ngân hàng.

BRC có nhiệm vụ đề xuất, tham mưu Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; giám sát công tác quản trị rủi ro toàn hệ thống; phân tích, đưa ra cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa; tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng.

45. Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ hoặc thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Ngân hàng. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá triệu đồng	Chưa quá hạn nhưng đã bị giảm giá triệu đồng	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá triệu đồng	Đã quá hạn và bị giảm giá triệu đồng	Tổng triệu đồng
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác – gộp	82.873.754	93.367	-	7.733	82.974.854
Chứng khoán kinh doanh – gộp	961.034	-	-	-	961.034
Cho vay khách hàng – gộp	407.779.647	11.990.784	89.114	664.160	420.523.705
Mua nợ – gộp	108.539	-	-	1.682	110.221
Chứng khoán đầu tư – gộp (*)	101.296.394	-	-	1.650.000	102.946.394
Tài sản tài chính khác – gộp	54.109.885	-	4.028	385.074	54.498.987
	647.129.253	12.084.151	93.142	2.708.649	662.015.195

(*) Không bao gồm chứng khoán vốn

Ngân hàng phân loại tài sản chưa quá hạn hoặc đã quá hạn dựa vào ngày đáo hạn theo phân kỳ trả nợ của tài sản.

Các tài sản chưa giảm giá của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 4.6; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 48 và Thông tư 24. Các tài sản đã giảm giá là những tài sản chưa được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 4.6; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác phải trích lập dự phòng theo Thông tư 48 và Thông tư 24.

46. Rủi ro thị trường

46.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định lại lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động tín dụng, huy động, đầu tư của Ngân hàng đều tạo ra rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của bảng “khe hở lãi suất” của toàn Ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ định lại lãi suất gần nhất.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “khe hở lãi suất”:

- Tiền mặt và vàng; góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các tài sản Có khác, các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- Tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác không kỳ hạn được xếp vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định lại lãi suất nếu chứng khoán đó có lãi suất thả nổi;
- Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(các khoản nợ) tài chính khác; các khoản cho vay khách hàng; hoạt động mua nợ; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời gian định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời gian định lại lãi suất của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá nếu giấy tờ có giá có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định lại lãi suất nếu là lãi suất thả nổi.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản mục có lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con như sau:

	Ảnh hưởng đến		
	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Vốn chủ sở hữu triệu đồng
Tại ngày 31/12/2022			
USD	1,50%	(354.188)	(283.350)
VND	3,00%	5.856.021	4.684.817

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo mô hình “khe hở lãi suất” tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian							Tổng	
	Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm		Trên 5 năm
Tài sản									
Tiền mặt, vàng	-	4.215.721	-	-	-	-	-	-	4.215.721
Tiền gửi tại NHNN	-	11.475.590	-	-	-	-	-	-	11.475.590
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	7.733	14.107.038	53.324.215	9.855.171	5.587.330	-	93.367	-	82.974.854
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	-	-	961.034	961.034
Trong đó:									
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	-	-	961.034	961.034
Cho vay khách hàng (*)	753.781	-	149.615.679	86.331.302	46.287.996	58.561.766	78.210.131	763.050	420.523.705
Mua nợ (*)	1.682	-	24.960	83.579	-	-	-	-	110.221
Chứng khoán đầu tư (*)	-	2.401.057	23.422.522	24.515.000	4.972.504	11.326.587	18.050.461	19.343.790	104.031.921
Trong đó:									
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	1.400.948	14.000.000	100.000	100.000	330.199	6.555.307	19.343.790	41.830.244
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	13.962	-	-	-	-	-	-	13.962
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	9.464.506	-	-	-	-	-	-	9.464.506
Tài sản Có khác (*)	386.316	70.929.332	-	-	-	-	-	-	71.315.648
Tổng tài sản	1.149.512	112.607.206	226.387.376	120.785.052	56.847.830	69.888.353	96.353.959	21.067.874	705.087.162
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	7.826	-	-	-	-	-	-	7.826
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	776.778	98.683.163	31.978.191	23.612.065	12.498.355	14.417	-	167.562.969
Tiền gửi của khách hàng	-	8.682.567	107.753.378	37.739.154	95.746.479	36.380.398	72.049.194	52.615	358.403.785
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(1.759)	12.677.336	9.778.538	(8.574.033)	(5.680.637)	(6.348.232)	-	1.851.213
Phát hành giấy tờ có giá	-	4.173	3.859.507	12.550.800	3.139.500	20.002	14.432.637	-	34.006.619
Các khoản nợ khác	-	23.775.166	-	-	-	-	-	-	23.775.166
Tổng nợ phải trả	-	33.244.751	222.973.384	92.046.683	113.924.011	43.218.118	80.148.016	52.615	585.607.578
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	1.149.512	79.362.455	3.413.992	28.738.369	(57.076.181)	26.670.235	16.205.943	21.015.259	119.479.584

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng

46.2. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá hối đoái. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Cấu trúc tài sản – nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau (như USD, EUR, AUD...) là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến	
		Lợi nhuận trước thuế triệu đồng	Vốn chủ sở hữu triệu đồng
Tại ngày 31/12/2022			
USD	1,00%	(15.600)	(12.480)
EUR	1,00%	82	66
Vàng	3,00%	-	-

Bảng ở trang tiếp theo trình bày phân tích tài sản và công nợ của Ngân hàng theo nhóm tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đơn vị: triệu đồng

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	397.702	59.726	-	52.638	510.066
Tiền gửi tại NHNN	126.294	-	-	-	126.294
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	25.089.234	740.643	-	641.051	26.470.928
Cho vay khách hàng (*)	15.196.078	-	-	-	15.196.078
Tài sản Có khác (*)	20.725.406	1.644.900	-	965.711	23.336.017
Tổng tài sản	61.534.714	2.445.269	-	1.659.400	65.639.383
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	103.261.094	1.644.905	-	942.700	105.848.699
Tiền gửi của khách hàng	11.906.168	727.546	-	669.989	13.303.703
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(52.210.482)	46.224	-	(29.820)	(52.194.078)
Các khoản nợ khác	1.249.575	13.443	-	42.939	1.305.957
Tổng nợ phải trả	64.206.355	2.432.118	-	1.625.808	68.264.281
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(2.671.641)	13.151	-	33.592	(2.624.898)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	1.111.596	(4.968)	-	(17.852)	1.088.776
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(1.560.045)	8.183	-	15.740	(1.536.122)

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng

46.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Ngân hàng huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ◆ Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- ◆ Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán. Trong đó, các khoản chứng khoán do Chính phủ phát hành/bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoảng thời gian ngắn mà chịu ít rủi ro về thay đổi giá trị. Thời gian đáo hạn của chứng khoán vốn – chứng khoán đầu tư của công ty con được xác định theo kế hoạch kinh doanh;
- ◆ Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày tới hạn thanh toán theo kỳ hạn trả nợ của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- ◆ Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ◆ Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác, các khoản tiền gửi của khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tài sản Có khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và được phân loại là tiền gửi không kỳ hạn, tuy nhiên, tỷ trọng lớn loại tiền gửi này của khách hàng được duy trì ổn định tại Ngân hàng với thời gian trên một (1) năm. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ◆ Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- ◆ Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- ◆ Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					Trong hạn					Tổng	
	Đến 3 tháng		Trên 3 tháng		Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng		Từ 3 - 12 tháng		Từ 1 - 5 năm		Trên 5 năm
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng		Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm				
Tài sản												
Tiền mặt, vàng	-	-	-	4.215.721	-	-	-	-	-	-	-	4.215.721
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	11.475.590	-	-	-	-	-	-	-	11.475.590
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	-	7.733	-	67.332.869	9.953.555	5.587.330	93.367	-	-	-	-	82.974.854
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trong đó:												
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	961.034	961.034	961.034
Cho vay khách hàng (*)	115.343	638.438	-	32.122.462	34.202.212	98.304.353	67.759.760	187.381.137	420.523.705	961.034	961.034	420.523.705
Mua nợ (*)	-	1.682	-	2.496	2.496	23.391	82.652	-	110.221	-	-	110.221
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	17.965.044	3.069.083	29.963.393	29.090.359	23.944.042	104.031.921	-	-	104.031.921
Trong đó:												
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	-	14.000.000	100.400	432.075	6.770.607	20.527.162	41.830.244	-	-	41.830.244
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	13.962	-	-	13.962
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	274.377	532	23.579	2.449.727	6.716.291	9.464.506	-	-	9.464.506
Tài sản Có khác (*)	649	385.667	-	25.304.340	18.676.579	25.883.514	577.658	487.241	71.315.648	-	-	71.315.648
Tổng tài sản	115.992	1.033.520	158.690.403	65.904.457	100.053.523	219.503.707	705.087.162	585.607.578	119.479.584	115.992	1.033.520	158.690.403
Nợ phải trả												
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	7.826	-	-	-	-	-	-	-	7.826
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	-	61.277.982	27.262.625	36.464.945	42.557.417	167.562.969	-	-	-	167.562.969
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	198.352.781	36.588.224	117.695.611	5.711.072	358.403.785	-	-	-	358.403.785
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	321.311	939.596	564.312	25.994	1.851.213	-	-	-	1.851.213
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	6.033.184	27.973.435	34.006.619	-	-	-	34.006.619
Các khoản nợ khác	-	-	-	18.227.580	1.284.455	3.655.713	602.933	23.775.166	-	-	-	23.775.166
Tổng nợ phải trả	-	-	278.187.480	66.074.900	76.870.851	60.582	585.607.578	119.479.584	115.992	1.033.520	158.690.403	65.904.457
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	115.992	1.033.520	(119.497.077)	(170.443)	23.182.672	(4.628.205)	219.443.125	585.607.578	119.479.584	115.992	1.033.520	(119.497.077)

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng

46.4. Rủi ro giá cả thị trường khác

Chứng khoán do Ngân hàng nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Thông tin về chứng khoán giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022 triệu đồng	31/12/2021 triệu đồng
Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	725.351
Chứng khoán đầu tư – gộp	1.910.511	1.588.608
	1.910.511	2.313.959

47. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

	Giá trị ghi sổ					Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản/ (Công nợ) khác hạch toán theo giá trị phân bổ		
Các tài sản tài chính							
Tiền mặt, vàng	-	-	4.215.721	-	-	4.215.721	4.215.721
Tiền gửi tại NHNN	-	-	11.475.590	-	-	11.475.590	(*)
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác	-	-	82.974.854	-	-	82.974.854	(*)
Chứng khoán kinh doanh	961.034	-	-	-	-	961.034	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	420.523.705	-	-	420.523.705	(*)
Mua nợ	-	-	110.221	-	-	110.221	(*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	104.031.921	-	104.031.921	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	13.962	-	13.962	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	54.498.987	-	-	54.498.987	(*)
	961.034	-	573.799.078	104.045.883	-	678.805.995	
Các công nợ tài chính							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	7.826	7.826	(*)
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	-	-	167.562.969	167.562.969	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	358.403.785	358.403.785	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.851.213	-	-	-	-	1.851.213	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	34.006.619	34.006.619	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	15.212.462	15.212.462	(*)
	1.851.213	-	-	-	575.193.661	577.044.874	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có đủ thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD Việt Nam.

48. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Ngân hàng	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý nợ và khai thác tài sản	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
I. Doanh thu	59.834.204	5.213.305	264.678	377.462	(731.975)	64.957.674
1. Doanh thu lãi	42.469.917	2.249.985	4.386	69.756	(41.408)	44.752.636
2. Doanh thu hoạt động dịch vụ	8.324.245	2.356.895	-	307.706	(148.509)	10.840.337
3. Doanh thu liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	9.040.042	606.425	260.292	-	(542.058)	9.364.701
II. Chi phí	(35.597.273)	(2.161.484)	(222.536)	(200.059)	727.740	(37.453.612)
1. Chi phí lãi	(13.844.923)	(667.974)	(23.213)	-	73.249	(14.462.861)
2. Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	(697.633)	(22.803)	(36.731)	-	-	(757.167)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(21.054.717)	(1.470.707)	(162.592)	(200.059)	654.491	(22.233.584)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	24.236.931	3.051.821	42.142	177.403	(4.235)	27.504.062
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.869.118)	-	(1.598)	-	(65.578)	(1.936.294)
Lợi nhuận trước thuế	22.367.813	3.051.821	40.544	177.403	(69.813)	25.567.768
III. Tài sản	675.372.111	26.080.918	1.264.691	836.201	(4.521.377)	699.032.544
1. Tiền mặt, vàng	4.215.721	-	-	-	-	4.215.721
2. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.326.864	84.569	1.054.934	-	(1.861)	9.464.506
3. Tài sản khác	662.829.526	25.996.349	209.757	836.201	(4.519.516)	685.352.317
IV. Nợ phải trả	572.910.700	15.096.329	425.510	24.399	(2.849.360)	585.607.578
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	572.902.245	15.096.329	425.510	24.399	(2.849.360)	585.599.123

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ

49. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 tăng 2.021.044 triệu đồng tương đương tăng 10,97% so với lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 do các nguyên nhân sau:

	Lợi nhuận sau thuế triệu đồng
Tăng lợi nhuận sau thuế do:	
Tăng thu nhập lãi thuần	3.591.162
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.145.254
(Giảm) lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(506.479)
(Giảm) lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(394.150)
(Giảm) lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(1.378.855)
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	364.129
Tăng thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	4.728
(Tăng) chi phí hoạt động	(2.224.623)
Giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	728.309
(Tăng) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(334.561)
Tăng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.130
Tăng lợi nhuận sau thuế	2.021.044

50. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

51. Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND vào thời điểm kết thúc năm tài chính

	31/12/2022 đồng	31/12/2021 đồng
AUD	16.352	16.615
CAD	17.442	17.909
CHF	25.922	25.052
CNY	3.426	3.599
DKK	3.402	3.483
EUR	25.299	25.901
GBP	28.593	30.879
HKD	3.027	2.931
JPY	180	199
NOK	2.412	2.594
SEK	2.267	2.526
SGD	17.637	16.610
THB	683	689
USD	23.635	22.850
XAU	6.630.000	6.127.500

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thảo
Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Bà Nguyễn Thị Trà My
Kế toán trưởng

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO BỘ PHẬN

tỷ đồng	2021	2022	Thay đổi N/N
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	37.076	40.902	10,3%
Khối Ngân hàng Bán lẻ	14.422	19.160	32,9%
Khối Ngân hàng doanh nghiệp	3.821	5.003	31,0%
Khối Ngân hàng Bán buôn	13.351	11.515	-13,8%
Nguồn vốn	4.589	3.639	-20,7%
Khác	(228)	273	-219,9%
Thu từ nợ đã xử lý bằng nguồn DPRR	1.121	1.311	16,9%
Thu nhập từ lãi	26.699	30.290	13,5%
Khối Ngân hàng Bán lẻ	11.782	14.549	23,5%
Khối Ngân hàng doanh nghiệp	2.571	3.053	18,8%
Khối Ngân hàng Bán buôn	9.137	7.684	-15,9%
Nguồn vốn	3.169	4.477	41,3%
Khác	40	526	1214,5%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.754	9.674	24,8%
Khối Ngân hàng Bán lẻ	2.943	4.481	52,3%
Khối Ngân hàng doanh nghiệp	1.236	1.897	53,5%
Khối Ngân hàng Bán buôn	3.648	3.313	-9,2%
Nguồn vốn	(0)	(3)	n/a
Khác	(73)	(14)	n/a
Thu từ nợ đã xử lý bằng nguồn DPRR	1.121	1.311	16,9%


DANH SÁCH CHÚ THÍCH VIẾT TẮT

Thuật ngữ	Định nghĩa
Khách hàng thu nhập cao (affluent)	Khách hàng có thu nhập hộ gia đình hàng năm trên 1,3 tỷ đồng
ALM	Quản lý tài sản Nợ - Có
APE	Phí bảo hiểm quy năm
API	Giao diện lập trình ứng dụng
ATM/CDM	Máy rút tiền tự động/Máy nộp tiền tự động
Banca	Bảo hiểm Bancassurance
BCDE	Nền tảng ra quyết định tín dụng doanh nghiệp
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CDE	Phần tử dữ liệu trọng yếu
CIR	Tỷ lệ chi phí trên thu nhập
CMS	Hệ thống quản lý thẻ
CRM	Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng

Thuật ngữ	Định nghĩa
DDoS	Tấn công từ chối dịch vụ phân tán
DevSecOps	Phát triển – Bảo mật – Vận hành
DPRR	Dự phòng rủi ro
EBS	Hệ thống dịch vụ doanh nghiệp
EVE	Giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu
FEB	F@st EBank Electronic Bank, dịch vụ ngân hàng điện tử dành cho khách hàng doanh nghiệp của Techcombank
FMCG	Hàng tiêu dùng nhanh
FX	Ngoại hối
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HoSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
ICAAP	Quy trình đánh giá tính đầy đủ vốn nội bộ
ILAAP	Quy trình đánh giá an toàn thanh khoản nội bộ
IPS	Hệ thống phòng chống xâm nhập
IRRBB	Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng
LC	Thư tín dụng
LCR	Tỷ lệ đảm bảo thanh khoản
LDR	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi
Khách hàng thu nhập khá hoặc trung bình (mass affluent)	Khách hàng có thu nhập hộ gia đình hàng năm từ 0,3 - 1,3 tỷ đồng
Khách hàng đại chúng (mass)	Khách hàng có thu nhập hộ gia đình hàng năm dưới 0,3 tỷ đồng
Doanh nghiệp vi mô (MSME)	Khách hàng có tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng và dịch vụ của năm tài chính gần nhất dưới 20 tỷ đồng
NII	Thu nhập lãi thuần
NPS	Điểm số quảng cáo rỗng
NSFR	Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng
PAM	Quản lý truy cập đặc quyền
PFE	Rủi ro tín dụng tiềm tàng
PII	Thông tin định danh cá nhân
ReCoM	Bất động sản, xây dựng và vật liệu xây dựng
RM	Chuyên viên quan hệ khách hàng
SDWAN	Hệ thống mạng diện rộng điều khiển bằng phần mềm
SIEM	Hệ thống bảo mật thông tin và quản lý sự kiện
Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)	Khách hàng có tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng và dịch vụ của năm tài chính gần nhất từ 20 - 200 tỷ đồng
UPAS LC	Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay
VaR	Giá trị chịu rủi ro
WAF	Tường lửa ứng dụng Web



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

 Tòa nhà Techcombank –
06 Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

 +84 (24) 3944 6368

 +84 (24) 3944 6395

 www.techcombank.com